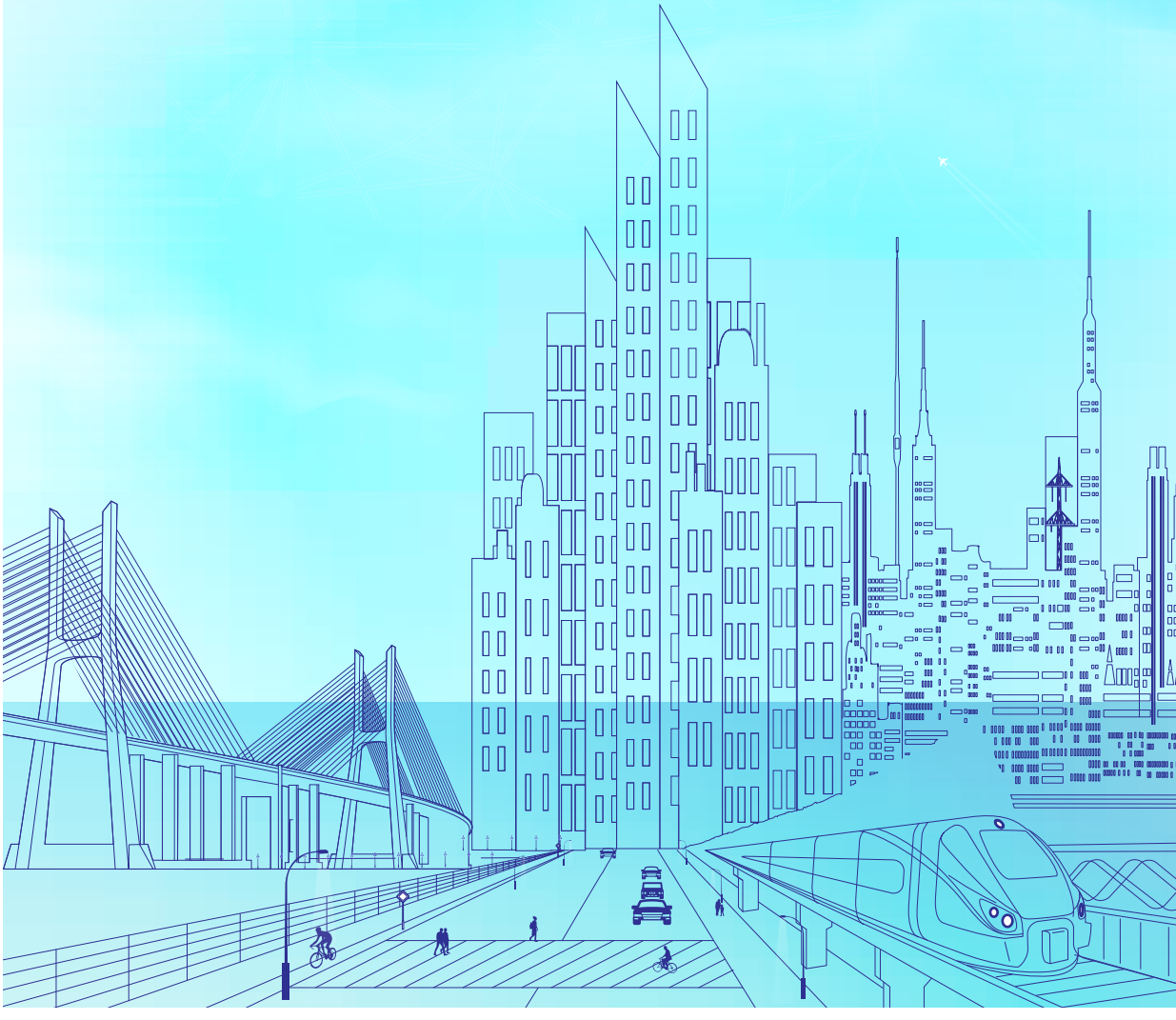
SỔ TAY HƯỚNG NGHIỆP Những thông tin cần biết về tuyển sinh Đại học, Cao đẳng năm 2023

Sổ Tay Hướng Nghiệp 2023

Những thông tin cần biết về tuyển sinh
ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG



SSC Student Assistance Center
VHV Corp KẾT NỐI VĂN HÓA VIỆT
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM

Sổ tay tặng học sinh lớp 12

HỌC BỔNG DU HỌC THỤY SỸ NĂM 2023 - 2024



Các ngành:

* Quan hệ Quốc tế
* Quản trị Du lịch và Khách Sạn
* Quản lý Thể thao và Sự kiện
* Quản Trị Kinh Doanh
* Tài chính
* Kế Toán
* Kinh doanh Quốc tế
* Marketing & Truyền thông

Học bổng bao gồm:
Học phí, chi phí ăn, chỗ ở, giáo trình học tập và giám hộ theo kèm để hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập tại trường. Học bổng cũng bao gồm trong chương trình là sinh viên được học 01 học kỳ hè tại một quốc gia Châu Âu trong năm học thứ 2.

HỌC BỔNG 50% TRONG 3 NĂM HỌC



STUDY IN GENEVA

Học tại **Geneva - Thụy Sỹ**

Thời gian học **3 năm**

Học bằng **Tiếng Anh**

Thực tập có **lương tại Châu Âu** hoặc **Hoa Kỳ**

Đại diện tuyển sinh tại Việt Nam
CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT NỐI VĂN HOÁ VIỆT
Trụ sở: Tầng 8, Tòa nhà Loyal,151 Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM
TRUNG TÂM TƯ VẤN GIÁO DỤC QUỐC TẾ
VP1: Phòng 16, Số 3 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM
VP2: 144 Nam Hòa, Phường Phước Long A, TP. Thủ Đức, TP.HCM
Hotline: **0907 898 317**
Email: **hocbong.aedp@gmail.com**
(Đăng ký qua email: Họ và Tên, Địa chỉ, Học trường, Điện thoại)
Website: ketnoivanhoaviet.com/
Fanpage: facebook.com/CongTyCoPhanKetNoiVanHoaViet/
facebook.com/Duhoc.VHV/

THE FUTURE IS UNFOLDING

Tier 1

Global #3

CEO Magazine MBA rankings 2016

Quét mã QR Zalo để được tư vấn.

EDUQUA IACBE EFMD ecis



THÔNG TIN VHV DU HỌC TOÀN CẦU

VHV Corp
KẾT NỐI VĂN HÓA VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT NỐI VĂN HÓA VIỆT (VHV)

VHV có kinh nghiệm hơn 10 năm tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, tuyển sinh, trao đổi Văn Hóa, tư vấn Giáo dục trong nước và Quốc tế cho học sinh tại TP.HCM và các tỉnh phía Nam. VHV mang lại những "Thông Tin Du Học Toàn Cầu" thiết thực, hiệu quả và tiết kiệm chi phí để giúp học sinh tìm trường, ngành phù hợp với bản thân và tài chính gia đình. Các chương trình học bổng du học từ 20% - 100% của nhiều nước.

VHV đã thực hiện hóa giấc mơ du học cho hàng ngàn học sinh, sinh viên Việt Nam du học tại các nước: Anh, Pháp, Đức, Thụy Sĩ, Ba Lan, Mỹ, Canada, Australia, New Zealand, Singapore, Nhật Bản,...

Tất cả các chương trình VHV giới thiệu đến học sinh đều có chính sách hỗ trợ giới thiệu việc làm và thực tập cho sinh viên trong quá trình học.

ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN:

DU HỌC TỰ TÚC:

+ Học sinh đang học lớp 12, tốt nghiệp THPT hoặc đang là Sinh viên. Điểm GPA (điểm trung bình) 3 năm từ 7.0 trở lên.
+ Hoặc sinh viên đang theo học các trường Cao đẳng, Đại học tại Việt Nam.
+ IELTS 5.5 (không có kỹ năng nào dưới 5.0) cho chương trình Cao đẳng.
+ IELTS 6.5 (không có kỹ năng nào dưới 6.0) cho chương trình Đại học.
+ Tối thiểu từ N5 trở lên (Tiếng Nhật cơ bản).

DIỆN HỌC BỔNG:

+ GPA 3 năm học gần nhất đạt từ 8.0 trở lên cho từng năm.
+ IELTS đạt từ 6.5 trở lên (không có kỹ năng nào dưới 6.0).
+ N3 (Tiếng Nhật) trở lên cho chương trình Cao đẳng/Đại học.

Thời gian nhập học: Tháng 1, 4, 7, 10 hàng năm (tùy theo Quốc gia).

MỘT SỐ TRƯỜNG TIÊU BIỂU:

- **Thụy Sĩ:** UBIS
- **Mỹ:** Lander University
- **Canada:** King's University and College, University Canada West, Bishop's University, Durham College, Centennial College, Fanshawe College
- **Australia:** Deakin University, Macquarie University, Latrobe University, Griffith University
- **Trường Anh ngữ** ICEAP TORONTO
- **Singapore:** Curtin University, MDIS, Kaplan Institute, James Cook University, Dimension College
- **Nhật Bản:** Tokyo University, Osaka University, Hokkaido University, Tsukuba University

HỌC BỔNG CHÂU ÂU:

- **Ý: 100% học phí.**
- **Balan: 100% học phí.**
- **Nga: 80% học phí, ký túc xá.**
- **Thụy Sĩ: 50% gồm học phí, ăn ở.**

CHƯƠNG TRÌNH DU HỌC HÈ 2021

Ngoài chương trình Du học dài hạn VHV có chương trình SUMMER CAMP: "1 Tuần làm sinh viên Quốc tế" tại các nước: Thụy Sĩ, Pháp, Đức, Balan, Ý, Canada, Australia. Được tổ chức vào tháng 6 hàng năm.

Thông tin tư vấn
CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT NỐI VĂN HOÁ VIỆT
Trụ Sở: Tầng 8, Toà nhà Loyal, 151 Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM
TRUNG TÂM TƯ VẤN GIÁO DỤC QUỐC TẾ
VP1: Phòng 16, Số 3 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM
VP2: 144 Nam Hòa, Phường Phước Long A, TP.Thủ Đức, TP.HCM
Hotline: **0907 898 317**
Email: **hocbong.aedp@gmail.com**
(Đăng ký qua email: Họ và Tên, Địa chỉ, Học trường, Điện thoại)

Mã QR zalo tư vấn

Học sinh chưa đủ điều kiện Ngoại ngữ vẫn có thể đăng ký và sẽ được hỗ trợ.

www.ketnoivanhoaviet.com/

Fanpage:
facebook.com/CongTyCoPhanKetNoiVanHoaViet/
facebook.com/Duhoc.VHV/



NHẬN NGAY 15 TRIỆU
Khi xét tuyển trước 30/4/2023

THỜI GIAN RÚT NGẮN
(3,5 năm)

HỌC NGAY TRUNG TÂM
(Q.1, Q.3, Q.10)

HỌC PHÍ TIẾT KIỆM

- Cơ hội nhận học bổng tài năng
- **TÀI TRỢ KHỞI NGHIỆP 30 triệu CHO NHỮNG SINH VIÊN TỐT NGHIỆP TRONG THỜI HẠN 3.5 NĂM**
- Trọn gói bao gồm Anh văn giao tiếp đạt kiểm định NEAS - Úc (duy nhất tại Việt Nam)
- Thẻ photo tài liệu học tập X|N XÒ

TRẢ GÓP HỌC PHÍ LÃI SUẤT 0%

MSB

THÔNG TIN TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN

8 Nguyễn Văn Tráng, Q.1, TP.HCM
tuyensinh@hoasen.edu.vn

https://hoasen.edu.vn/tuyensinh
(+84) 28 7300 7272

NGÀNH/CHƯƠNG TRÌNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
Chương trình Quản lý Khách sạn - Nhà hàng Quốc tế Vatel *(Chương trình 100% tiếng Anh, nhận bằng từ Trường Quản lý khách sạn - Nhà hàng Quốc tế Vatel (Pháp) - Top 11 trường đào tạo Quản lý khách sạn tốt nhất thế giới và Top 1 tại Pháp)*		
Cử nhân Kế toán *(Nhận bằng từ ĐH De Montfort - Top 30 trường hàng đầu thế giới, top 15 trường ĐH Anh Quốc)*		
Cử nhân Marketing *(Nhận bằng từ ĐH De Montfort - Top 30 trường hàng đầu thế giới, top 15 trường ĐH Anh Quốc)*		
Cử nhân Kinh doanh Quốc tế *(Nhận bằng từ ĐH De Montfort - Top 30 trường hàng đầu thế giới, top 15 trường ĐH Anh Quốc)*		
Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01/D03, D09
Marketing	7340115	A00, A01, D01/D03, D09
Digital Marketing	7340114	A00, A01, D01/D03, D09
Quản trị nhân lực	7340404	A00, A01, D01/D03, D09
Kinh tế thể thao	7310113	A00, A01, D01/D03, D09
Kinh doanh quốc tế	7340120	A00, A01, D01/D03, D09
Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00, A01, D01/D03, D09
Thương mại điện tử	7340122	A00, A01, D01/D03, D09
Tài chính - Ngân hàng	7340201	A00, A01, D01/D03, D09
Kế toán	7340301	A00, A01, D01/D03, D09
Công nghệ tài chính	7340202	A00, A01, D01/D03, D09
Quản trị khách sạn	7810201	A00, A01, D01/D03, D09
Quản trị sự kiện	7340412	A00, A01, D01/D03, D09
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	A00, A01, D01/D03, D09
Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	A00, A01, D01/D03, D09
Quản trị công nghệ truyền thông	7340410	A00, A01, D01/D03, D09
Quan hệ công chúng	7320108	A00, A01, D01/D03, D09
Thiết kế đồ họa	7210403	A00, A01, D01/D03, D09
Thiết kế nội thất	7580108	A00, A01, D01/D03, D09
Thiết kế thời trang	7210404	A00, A01, D01/D03, D09
Nghệ thuật số	7210408	A00, A01, D01/D03, D09
Kỹ thuật phần mềm	7480103	A00, A01, D01/D03, D07
Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, D01/D03, D07
Trí tuệ nhân tạo	7480107	A00, A01, D01/D03, D07
Tâm lý học	7310401	A01, D01, D08, D09
Luật kinh tế	7380107	A00, A01, D01/D03, D09
Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, D09, D14, D15

THÔNG TIN TUYỂN SINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN
8 Nguyễn Văn Tráng, Q.1, TP.HCM
tuyensinh@hoasen.edu.vn
https://hoasen.edu.vn/tuyensinh
(+84) 28 7300 7272

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI
(TRƯỜNG CÔNG LẬP - TRƯỜNG ĐẠT TIÊU CHUẨN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2020)

TUYỂN SINH CAO ĐẲNG 2023



MÃ TRƯỜNG CDT0209

028 38 446 320 - 091 818 2270
287 Phan Đình Phùng, P.15, Q. Phú Nhuận, TP.HCM
WWW.COFER.EDU.VN

Quyét mã QR để đăng ký xét tuyển Online

ĐIỂM NHẬN HỒ SƠ XÉT TUYỂN: 15 ĐIỂM

Thí sinh xem thêm thông tin hướng dẫn và giải đáp thắc mắc tuyển sinh tại Fanpage: www.facebook.com/tuyensinhcofer

1

TÊN NGÀNH NGHỀ

1. Kinh doanh Xuất nhập khẩu
2. Logistics: có 2 chuyên ngành
   - Logistics
   - Thu mua
3. Quản trị kinh doanh
4. Marketing thương mại
5. Quản trị khách sạn
6. Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành
7. Thương mại điện tử
8. Quản trị kinh doanh bất động sản
9. Tài chính Doanh nghiệp
10. Kế toán Doanh nghiệp: có 2 chuyên ngành
    - Kế toán Doanh nghiệp
    - Kế toán số
11. Tiếng Anh thương mại: có 2 chuyên ngành
    - Tiếng Anh thương mại
    - Tiếng Anh du lịch

TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN

A00: Toán, Vật lý, Hóa học
D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
Đối với ngành Tiếng Anh thương mại xét tuyển theo tổ hợp môn sau:
D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh

THỜI GIAN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN:

- Đăng ký online trên Website: WWW.COFER.EDU.VN từ ngày 01/3/2023 - 30/6/2023
- Phương thức xét tuyển học bạ: Nhận hồ sơ đăng ký từ ngày 01/3/2023 - 30/6/2023
- Phương thức xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT: Sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT.

Lưu ý: Thí sinh gửi hồ sơ theo đường bưu điện sẽ tính thời gian đăng ký xét tuyển theo dấu bưu điện.

2

VÙNG TUYỂN SINH: Xét tuyển thí sinh trong cả nước

PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN: Xét tuyển theo 2 phương thức

- Phương thức 1: Xét học bạ THPT gồm 3 học kỳ (Học kỳ 1 và học kỳ 2 lớp 11; Học kỳ 1 lớp 12);
- Phương thức 2: Xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT.

VĂN BẰNG: Cử nhân thực hành (sau khi tốt nghiệp được liên thông ngay lên Đại học trong và ngoài nước).

HỌC PHÍ: Theo quy định của Nhà nước về mức học phí đối với các Trường Cao đẳng công lập.

3

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN GỒM:

1. Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu), thí sinh tải mẫu từ website của Trường.
2. Bản photo bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời.
3. Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển theo hình thức sau:
   - Đối với đăng ký xét tuyển theo học bạ: Nộp bản photo học bạ THPT hoặc phiếu điểm có xác nhận của Trường trong 3 học kỳ (HK 1 và HK 2 lớp 11; HK 1 lớp 12);
   - Đối với đăng ký xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT: Nộp bản photo giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT.
4. Bản photo giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).
5. Lệ phí xét tuyển: 30.000đ/nguyện vọng + 15.000đ phí phát giấy báo (nộp trực tiếp tại Trường hoặc qua hình thức chuyển khoản).

*Lưu ý:
- Thí sinh trúng tuyển tại cơ sở Cần Thơ sẽ học năm 1 tại Cs. Cần Thơ, năm 2 và 3 tại cơ sở TP. HCM.
- Có ký túc xá cho thí sinh đăng ký học tại cơ sở Cần Thơ.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CAO THẮNG

THÀNH LẬP NĂM 1906

TRƯỜNG CÔNG LẬP - TRỰC THUỘC BỘ CÔNG THƯƠNG

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2023

CAO ĐẲNG CHÍNH QUY các ngành, nghề

SINH VIÊN TỐT NGHIỆP:

- Được cấp bằng Cao đẳng (danh hiệu Kỹ sư thực hành hoặc Cử nhân thực hành)
- Được liên thông đại học:
  + ĐH Bách Khoa TP. HCM; ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM; ĐH Jeonju - Hàn Quốc; ...
  + Các chương trình đạt chuẩn kiểm định ABET có thể học liên thông tại Mỹ, Úc, Canada hoặc các nước phát triển khác.

Ngành đào tạo

Chương trình đào tạo lý thuyết gắn liền với thực hành, chú trọng về kỹ năng nghề, khả năng tính toán, thiết kế và giải quyết các vấn đề trong thực tế sản xuất	Mã ngành, nghề
1. Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	6510303
- Chuyên ngành CNKT Điện công nghiệp	
- Chuyên ngành CNKT Điện tử công nghiệp	
2. Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông (Điện tử, Truyền thông)	6510312
- Chuyên ngành CNKT Điện tử viễn thông	
- Chuyên ngành CNKT Viễn thông và Mạng máy tính	
3. Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	6510201
4. Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	6510202
5. Công nghệ Thông tin	6480201
- Chuyên ngành Công nghệ lập trình ứng dụng web	
- Chuyên ngành Công nghệ lập trình ứng dụng di động	
- Chuyên ngành Mạng máy tính	
6. Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt (Cơ điện lạnh)	6510211
7. Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	6510304
8. Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	6510305
9. Kế toán doanh nghiệp (Kế toán tin học - 2,5 năm)	6340302

Nghề đào tạo

Chương trình đào tạo lý thuyết gắn liền với thực hành, chú trọng về kỹ năng nghề và khả năng giải quyết các vấn đề trong thực tế sản xuất	Mã ngành, nghề
10. Cơ khí chế tạo (Cắt gọt kim loại)	6520121
11. Sửa chữa cơ khí (Nguội sửa chữa máy công cụ)	6520126
12. Hàn (Công nghệ cao - 2,5 năm)	6520123
13. Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205
14. Bảo trì, sửa chữa Ô tô (Công nghệ Ô tô)	6510216
15. Điện công nghiệp	6520227
16. Điện tử công nghiệp	6520225
17. Quản trị mạng máy tính	6480209
18. Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102

Ký hiệu trường: CKC
Thời gian đào tạo: 3 năm
Chỉ tiêu: 4.500 (dự kiến)
Vùng tuyển sinh: Cả nước

Phương thức xét tuyển tất cả ngành, nghề:

1. Học bạ THPT - 3 học kỳ (HK 1, 2 lớp 11; HK 1 lớp 12)
2. Kết quả tốt nghiệp của kỳ thi THPT Quốc gia năm 2023
3. Kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2023 của Đại học Quốc gia TP. HCM

Tổ hợp xét tuyển:

+ A00 (Toán - Lý - Hóa)
+ A01 (Toán - Lý - Anh)
+ D01 (Toán - Văn - Anh)

Tất cả các tổ hợp: môn Toán hệ số 2

Điểm trúng tuyển: Theo ngành, nghề

Đăng ký xét tuyển (ĐKXT):

Từ 01/01/2023, theo một trong các hình thức:

+ Đăng ký online trên website trường
+ Nộp phiếu ĐKXT trực tiếp tại trường
+ Nộp phiếu ĐKXT qua đường bưu điện

Hạn cuối đăng ký xét tuyển (dự kiến):

+ Học bạ THPT: 10/7/2023
+ Kết quả thi THPT QG: 30/7/2023
+ Kết quả thi ĐGNL ĐHQG-HCM: 20/7/2023

Thông tin chi tiết tại: **www.caothang.edu.vn**
Phòng Đào tạo (lầu 1, nhà E) - Địa chỉ: 65 Huỳnh Thúc Kháng, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM
Điện thoại: (028) 38.212.868; 0813.813.222 - Email: tuyensinh@caothang.edu.vn
Facebook tư vấn tuyển sinh: **www.facebook.com/caothang.edu.vn**

Trường Cao đẳng đầu tiên tại Việt Nam
được tổ chức ABET (Hoa Kỳ) công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng đào tạo

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

LỰA CHỌN ĐÚNG - TƯƠNG LAI SÁNG

RIGHT CHOICE - BRIGHT FUTURE

UNITY **E**XCELLENCE **L**EADERSHIP

Chất lượng trong ĐÀO TẠO

- Chương trình tiếng Việt: ***60 sinh viên/lớp***
  Chương trình tiếng Anh: ***40 sinh viên/lớp***
- Chương trình: ***Song ngành, Song bằng, Cử nhân tài năng***
- Chương trình Liên kết quốc tế với các trường đại học
  - ***Đại học Gloucestershire (Anh)***
  - ***Đại học Birmingham City (Anh)***
- Đa dạng các ***chương trình 2+2, 3+1,... và trao đổi sinh viên*** tại các trường đối tác ở Anh, Pháp, Mỹ, Úc, Nhật, Hàn, Singapore
- Chương trình đào tạo ***liên thông từ trình độ đại học lên trình độ Thạc sĩ (BS-MS)***
- Tuyển sinh: ***Đại học chính quy, Sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ), Đại học Văn bằng 2, Vừa làm vừa học, Liên kết quốc tế (Cử nhân, Thạc sĩ)***

Hiệu quả trong NGHIÊN CỨU

- ***Phòng Mô phỏng thị trường tài chính*** đầu tiên tại Việt Nam
- ***Phòng Nghiên cứu và kinh doanh thông minh*** (BI Lab)
- Phòng Dạy học số, các phòng thực hành,...
- Các viện, trung tâm nghiên cứu: ***Viện Nghiên cứu Phát triển Công nghệ Ngân hàng ĐHQG-HCM, Viện Nghiên cứu phát triển chính sách, Viện Pháp luật Quốc tế và So sánh***
- Các cuộc thi về Nghiên cứu khoa học ***"Nhà nghiên cứu khoa học trẻ UEL"***, các cuộc thi học thuật về kinh tế - luật - kinh doanh,...

Uy tín với NHÀ TUYỂN DỤNG

- ***98%*** sinh viên có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp
- ***Các đối tác, nhà tuyển dụng*** tham gia góp ý xây dựng khung chương trình đào tạo
- ***Đa dạng*** các sân chơi về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, công tác xã hội, ngoại ngữ,...
- ***Đa dạng*** lĩnh vực tuyển dụng từ các đối tác của UEL
- ***Đa dạng*** các hoạt động thực tế doanh nghiệp như: tham quan, talkshow, workshop, kiến tập, thực tập
- ***Đa dạng*** các nguồn học bổng, hỗ trợ tài chính từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước

KINH TẾ

Kinh tế học (*)
Kinh tế đối ngoại (*)
Kinh tế và Quản lý công (*)
Toán Kinh tế

KINH DOANH

Tài chính - Ngân hàng (*), Công nghệ tài chính,
Kế toán (*), Kiểm toán (*)

Kinh doanh quốc tế, Marketing,
Marketing số, Quản trị kinh doanh (*),
Quản trị du lịch và lữ hành

Hệ thống thông tin quản lý (*),
Thương mại điện tử,
Kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo

LUẬT

Luật Kinh doanh
Luật Thương mại quốc tế (*)
Luật Dân sự (*)
Luật Tài chính - Ngân hàng
Luật và Chính sách công

(*): Các chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định AUN-QA

(Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á)

https://www.tuyensinh.uel.edu.vn
tuvantuyensinh@uel.edu.vn
(028) 37244 550
0888 247 669

QUÉT MÃ QR
để tra cứu thông tin tuyển sinh năm 2023

THÔNG TIN TUYỂN SINH VĂN BẰNG HAI, VỪA LÀM VỪA HỌC

- Thời gian tuyển sinh:
  Đợt 1 tháng 2/2023 và Đợt 2 tháng 6/2023
- Hình thức tuyển sinh:
  xét tuyển (không thi tuyển)
- Chuyên ngành tuyển sinh:
  Quản trị kinh doanh, Kế toán,
  Luật Kinh tế, Luật Dân sự, Luật Kinh doanh
- Địa điểm tuyển sinh:
  TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Thuận, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu
- Chi tiết xem thông tin tại:
  http://dkxt.uel.edu.vn
- Hotline: **0708.247.669**

Số 669, Quốc lộ 1, Khu phố 3, phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA - ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023
CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUỐC TẾ (Dự kiến)

TỔNG CHỈ TIÊU: 1.610
MÃ TRƯỜNG: QSB

Yếu tố tiên quyết để dự tuyển Bách khoa

- Thi Đánh giá năng lực (ĐGNL)
- Đạt chuẩn tiếng Anh sơ tuyển

→→→→→→→→→→→→

QR Code

Điểm sàn 2022 phương thức xét tuyển kết hợp nhiều tiêu chí

- Điểm thi ĐGNL ≥ 650/1.200
- Điểm thi TN THPT* ≥ 18/30
- Điểm học THPT* ≥ 18/30

Thí sinh phải thỏa 3 tiêu chí cùng lúc

** Tổ hợp môn xét tuyển*

PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

1. **Xét tuyển thẳng**, ưu tiên xét tuyển theo quy chế của Bộ GD&ĐT: **1-5%** tổng chỉ tiêu
2. **Ưu tiên xét tuyển**, ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của ĐHQG-HCM: **10-15%** tổng chỉ tiêu
3. Xét tuyển thí sinh có **chứng chỉ tuyển sinh quốc tế** hoặc thí sinh **người nước ngoài** (chỉ áp dụng cho chương trình Giảng dạy bằng tiếng Anh, Tiên tiến): **1-5%** tổng chỉ tiêu
4. Xét tuyển thí sinh dự tính **du học nước ngoài** vào chương trình Chuyển tiếp Quốc tế (Úc, New Zealand): **1-5%** tổng chỉ tiêu
5. Xét tuyển **kết hợp nhiều tiêu chí**: điểm thi ĐGNL, điểm thi Tốt nghiệp THPT, điểm học THPT, năng lực khác (thành tích cá nhân, hoạt động văn – thể – mỹ): **60-90%** tổng chỉ tiêu

Thí sinh có thể tham gia xét tuyển bằng một hay nhiều phương thức khác nhau.

ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN

Tiếng Anh sơ tuyển

Thí sinh dự tuyển chương trình Giảng dạy bằng tiếng Anh, Tiên tiến, Chuyển tiếp Quốc tế (sang Úc/ New Zealand) phải đạt IELTS ≥ 4.5/ DET ≥ 65/ TOEFL iBT ≥ 34/ TOEIC nghe - đọc ≥ 400 & nói - viết ≥ 200

Tiếng Anh chính thức

Thí sinh trúng tuyển chương trình Giảng dạy bằng tiếng Anh, Tiên tiến, Chuyển tiếp Quốc tế (sang Úc/ New Zealand) cần đạt IELTS ≥ 6.0/ TOEFL iBT ≥ 79/ TOEIC nghe - đọc ≥ 730 & nói - viết ≥ 280 để vào học chương trình chính khóa. Nếu chưa có, thí sinh sau khi xác nhận nhập học sẽ được xếp lớp học tiếng Anh trong học kỳ Pre-University để đạt chuẩn.

Quy đổi tiếng Anh

Thí sinh dự tuyển đạt IELTS ≥ 6.0/ TOEFL iBT ≥ 79/ TOEIC nghe - đọc ≥ 730 & nói - viết ≥ 280 sẽ được quy đổi thành điểm 10 môn Tiếng Anh trong tổ hợp môn xét tuyển A01, B08, D01, D07

TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN

- A00: Toán - Lý - Hóa
- A01: Toán - Lý - Anh
- B00: Toán - Hóa - Sinh
- B08: Toán - Sinh - Anh
- C01: Toán - Lý - Văn
- D00: Toán - Văn - Anh
- D07: Toán - Hóa - Anh

MÃ NGÀNH	NGÀNH ĐÀO TẠO | CHỈ TIÊU	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN	ĐIỂM CHUẨN		
			PT5 2022	PT2 2022	TH THPT 2021*
CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY BẰNG TIẾNG ANH, TIÊN TIẾN (4 năm tại Trường ĐHBK, cơ sở Q.10, giảng dạy 100% bằng tiếng Anh, bằng chính quy do Trường ĐHBK cấp)					
206	Khoa học Máy tính | 100 SV	A00, A01	67,24	86,60	28,00
207	Kỹ thuật Máy tính | 55 SV	A00, A01	65,00	85,40	27,35
208	Kỹ thuật Điện - Điện tử | 150 SV	A00, A01	60,00	73,80	24,75
209	Kỹ thuật Cơ khí | 50 SV	A00, A01	60,02	71,10	24,50
210	Kỹ thuật Cơ Điện tử | 50 SV	A00, A01	64,99	83,50	26,60
211	Kỹ thuật Cơ Điện tử - chuyên ngành Kỹ thuật Robot | 50 SV	A00, A01	64,33	82,40	26,00
228	Logistics & Quản lý Chuỗi Cung ứng; Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp (nhóm ngành) | 60 SV	A00, A01	64,80	86,00	26,25
242	Kỹ thuật Ô tô | 50 SV	A00, A01	60,13	78,20	26,00
245	Kỹ thuật Hàng không | 40 SV	A00, A01	67,14	83,50	25,50
215	Kỹ thuật Xây dựng; Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông | 40 SV; chuyên ngành Quản lý Xây dựng | 80 SV (nhóm ngành)	A00, A01	60,01	73,90	22,30
217	Kiến trúc - chuyên ngành Kiến trúc Cảnh quan | 45 SV	A01, C01	60,01	73,50	22,00
220	Kỹ thuật Dầu khí | 50 SV	A00, A01	60,01	77,10	22,00
214	Kỹ thuật Hóa học | 200 SV	A00, B00, D07	60,01	81,70	25,40
218	Công nghệ Sinh học | 40 SV	A00, B00, B08, D07	63,99	85,70	-
219	Công nghệ Thực phẩm | 40 SV	A00, B00, D07	63,22	83,00	25,70
229	Kỹ thuật Vật liệu | 40 SV	A00, A01, D07	62,01	78,80	-
237	Vật lý Kỹ thuật - chuyên ngành Kỹ thuật Y sinh | 45 SV	A00, A01	60,26	73,80	24,50
225	Kỹ thuật Môi trường; Quản lý Tài nguyên & Môi trường (nhóm ngành) | 60 SV	A00, A01, B00, D07	60,01	76,70	73,50
223	Quản lý Công nghiệp | 90 SV	A00, A01, D01, D07	60,01	74,60	24,50
CHƯƠNG TRÌNH ĐỊNH HƯỚNG NHẬT BẢN (4 năm tại Trường ĐHBK, cơ sở Q.10, giảng dạy bằng tiếng Việt, kết hợp đào tạo 1.200 giờ tiếng Nhật, một số môn chuyên ngành ở năm thứ Ba và Tư được giảng dạy 100% tiếng Nhật, bằng chính quy do Trường ĐHBK cấp)					
266	Khoa học Máy tính | 40 SV	A00, A01	61,92	84,30	26,75
268	Cơ Kỹ thuật | 45 SV	A00, A01	62,37	79,10	22,80
CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP QUỐC TẾ SANG ÚC/NEW ZEALAND (2 năm đầu tại Trường ĐHBK, cơ sở Q.10, giảng dạy 100% tiếng Anh; 2 năm cuối chuyển tiếp sang ĐH đối tác ở Úc/ New Zealand, bằng do ĐH đối tác cấp)					
Khoa học Máy tính, Kỹ thuật Máy tính, Kỹ thuật Điện - Điện tử, Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Cơ Điện tử, Kỹ thuật Ô tô, Kỹ thuật Hàng không, Kỹ thuật Xây dựng, Kỹ thuật Dầu khí, Kỹ thuật Hóa học, Kỹ thuật Hóa Dược, Công nghệ Thực phẩm, Kỹ thuật Môi trường, Quản lý Tài nguyên & Môi trường, Quản lý Công nghiệp		A00, A01, B00, D01, D07 (tùy ngành)	Xét tuyển theo kết quả THPT kết hợp phỏng vấn		
CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP QUỐC TẾ SANG NHẬT (2,5 năm đầu tại Trường ĐHBK, cơ sở Q.10, giảng dạy theo chương trình Tiêu chuẩn, tối học tiếng Nhật; 2 năm cuối sang Nhật, giảng dạy 100% bằng tiếng Nhật, bằng do ĐH nước ngoài cấp)					
108	Kỹ thuật Điện - Điện tử | 20 SV	A00, A01	60,00	80,00	26,75

** Điểm thi TN THPT không còn được áp dụng như một phương thức riêng lẻ kể từ 2022.*

THE NUMBER TALKS

- Thủ khoa toàn quốc kỳ thi ĐGNL là sinh viên chương trình Giảng dạy bằng tiếng Anh: **1.108** (2019), **1.118** (2020), **1.103** (2021)
- THỦ KHOA TIẾNG ANH ĐẦU VÀO 2022: **8.5** (IELTS)
- Tỷ lệ thí sinh trúng tuyển đạt chuẩn tiếng Anh chính thức năm 2022: **76%**
- Thủ khoa tốt nghiệp toàn trường tháng 4/2022 là sinh viên chương trình Giảng dạy bằng tiếng Anh: **9.62** Huy chương vàng

LIÊN HỆ TƯ VẤN

VĂN PHÒNG ĐÀO TẠO QUỐC TẾ (OISP) - TRƯỜNG ĐH BÁCH KHOA (ĐHQG-HCM)

Kiosk OISP, Trường ĐHBK, 268 Lý Thường Kiệt, Q.10
028 7300.4183 - 03.9798.9798
tuvan@oisp.edu.vn
oisp.hcmut.edu.vn
/bkquocte
/bkoisp
/quoctebachkhoa
/@bachkhoaquocte

Thông tin Tuyển sinh 2023

DANH SÁCH CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM

Mã ngành	Ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu 2023	Tổ hợp môn xét tuyển	Điểm chuẩn kỳ thi ĐGNL 2022	Điểm chuẩn kỳ thi TN THPT 2022
LĨNH VỰC KHOA HỌC TỰ NHIÊN					
7440102_NN	Nhóm ngành Vật lý học*, Công nghệ Vật lý điện tử và tin học	220	A00; A01; A02; D90	670	20.00
7440228	Hải dương học*	50	A00; A01; B00; D07	610	17.00
7440112	Hóa học	220	A00; B00; D07; D90	820	24.20
7440112_CLC	Hóa học (CT Chất lượng cao)	120	A00; B00; D07; D90	770	23.60
7440122	Khoa học Vật liệu	150	A00; B00; D07; D90	620	17.00
7440201	Địa chất học*	40	A00; A01; B00; D07	610	17.00
7440301	Khoa học Môi trường*	140	A00; B00; B08; D07	610	17.00
7440301_CLC	Khoa học Môi trường (CT Chất lượng cao)	40	A00; B00; B08; D07	610	17.00
LĨNH VỰC KHOA HỌC SỰ SỐNG, QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG					
7420101	Sinh học	180	A02; B00; B08	630	17.00
7420101_CLC	Sinh học (CT Chất lượng cao)	80	A02; B00; B08	630	17.00
7420201	Công nghệ Sinh học	200	A02; B00; B08; D90	815	23.75
7420201_CLC	Công nghệ Sinh học (CT Chất lượng cao)	120	A02; B00; B08; D90	815	24.00
7850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	80	A00; B00; B08; D07	620	17.00
LĨNH VỰC TOÁN, MÁY TÍNH VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN					
7460101_NN	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng	210	A00; A01; B00; D01	780	24.75
7460108	Khoa học Dữ liệu	90	A00; A01; B08; D07	912	26.70
7480201_NN	Nhóm ngành Máy tính và Công nghệ Thông tin	400	A00; A01; B08; D07	935	27.20
7480201_CLC	Công nghệ Thông tin (CT Chất lượng cao)	450	A00; A01; B08; D07	880	27.20
7480101_TT	Khoa học Máy tính (CT Tiên tiến)	80	A00; A01; B08; D07	1001	28.20
7480107	Trí tuệ nhân tạo**	50	A00; A01; B08; D07		
LĨNH VỰC KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT					
7520402	Kỹ thuật Hạt nhân*	50	A00; A01; A02; D90	620	17.00
7520403	Vật lý Y khoa	40	A00; A01; A02; D90	806	24.00
7510401_CLC	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học (CT Chất lượng cao)	120	A00; B00; D07; D90	770	24.65
7510402	Công nghệ Vật liệu	60	A00; A01; B00; D07	650	23.00
7520501	Kỹ thuật Địa chất*	30	A00; A01; B00; D07	610	17.00
7510406	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường*	120	A00; B00; B08; D07	620	17.00
7520207	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	150	A00; A01; D07; D90	750	24.25
7520207_CLC	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông (CT Chất lượng cao)	100	A00; A01; D07; D90	680	24.25

*Các ngành học có học bổng trong gói hỗ trợ 2 tỷ đồng của Nhà trường, các sinh viên tốt nghiệp những ngành này có cơ hội nhận học bổng sau đại học tại các quốc gia phát triển trên thế giới, ngoài ra có thể tham gia thị trường lao động đang thiếu hụt nhân lực chất lượng cao như các Cơ sở nghiên cứu về môi trường, hải dương, khí tượng thủy văn; các Sở Tài nguyên & Môi trường, Sở Khoa học & Công nghệ; các tổ chức phi chính phủ, dự án quốc tế hướng đến các mục phát triển bền vững của Liên hợp quốc và Việt Nam; các doanh nghiệp trong lĩnh vực năng lượng mới, năng lượng tái tạo, đánh giá tác động môi trường, khai thác và quản lý bền vững tài nguyên, khoáng sản; các tổ chức, cơ sở giáo dục trong và ngoài nước,...

**Năm 2021, 2022 tuyển sinh chung theo mức điểm của Nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
UIT TOÀN DIỆN • SÁNG TẠO • PHỤNG SỰ



Mã trường
QSC

Chỉ tiêu 2023
1800 (Dự kiến)

100% sinh viên có việc làm

"Sinh viên ra trường có VIỆC LÀM TỐT, THU NHẬP CAO và THÀNH ĐẠT chính là thương hiệu của Trường Đại học Công nghệ Thông tin ĐHQG-HCM".

Môi trường đại học đáng mơ ước

Trường Đại học danh tiếng ↘

UIT là trường Đại học công lập đầu tiên và uy tín của Việt Nam chuyên đào tạo nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông.
Là thành viên của Đại học Quốc gia TP.HCM - đứng vị trí thứ 801-1000, thuộc Top 68% các đại học tốt nhất thế giới theo Bảng xếp hạng QS World 2020.

Trường Đại học hiện đại ↘

UIT đầu tư trang thiết bị hiện đại, đồng bộ đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và học tập của sinh viên.

Chương trình đào tạo tiên tiến chuẩn quốc tế ↘

Chương trình đào tạo luôn cập nhật, bám sát thực tiễn, lấy người làm trung tâm hướng tới các tiêu chuẩn của quốc tế.

Bề dày thành tích dạy và học ↘

UIT đã có thể tự tin khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực đào tạo công nghệ thông tin và truyền thông với bề dày thành tích đạt được của giảng viên và sinh viên trong cuộc thi trong nước và quốc tế.

Đội ngũ chuyên gia đầu ngành ↘

UIT có đội ngũ giảng viên với trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học, có khả năng giảng dạy chuyên môn bằng ngoại ngữ trong các chương trình liên kết đào tạo quốc tế.

Môi trường học tập lý tưởng ↘

Phát huy tính sáng tạo, chủ động xây dựng tinh thần tự học và luôn học hỏi để đáp ứng nhu cầu thay đổi ngày càng nhanh của xã hội hiện đại.

Đại Học Quốc Gia
Thành Phố Hồ Chí Minh

Trường Đại Học Công Nghệ Thông Tin

Khu phố 6, phường Linh Trung,
TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Hotline tuyển sinh:
0908 831 246
0971 203 246

tuyensinh.uit.edu.vn
tuyensinh@uit.edu.vn
Fb.com/tuyensinh.UIT

Quét mã QR nhật cập nhật
thông tin tuyển sinh mới nhất

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG ĐẠT CHUẨN QS STARS ★★★★

QS - Quacquarelli Symonds (Anh Quốc) là tổ chức xếp hạng giáo dục uy tín hàng đầu thế giới. Bên cạnh xếp hạng, QS còn cung cấp hệ thống xếp loại gắn sao (QS Stars) cho các đại học trên thế giới, với quá trình đánh giá khách quan, nghiêm ngặt và chặt chẽ theo 8 tiêu chuẩn, đánh giá tổng thể các mặt hoạt động của một trường đại học.

HƠN 100 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRONG NƯỚC

Chương trình đối sánh với các đại học top 100-200 của thế giới

10 Chương trình đào tạo đạt chuẩn chất lượng quốc gia

Kế toán; Tài chính Ngân hàng; Ngôn ngữ Anh; Kỹ thuật Xây dựng; Quản trị Khách sạn; Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành; Kiến trúc; Quản trị Kinh doanh; Công nghệ sinh học; Kinh doanh Thương mại.

04 Chương trình đào tạo đạt chuẩn đánh giá chất lượng AUN-QA

(Tổ chức bảo đảm chất lượng của mạng lưới các Trường đại học Đông Nam Á)

Kế toán; Công nghệ Kỹ thuật Môi trường; Thiết kế Đồ hoạ; Quản trị Khách sạn.

HƠN 30 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN KẾT QUỐC TẾ

Chương trình liên kết đào tạo, giúp sinh viên học và nhận bằng từ các Đại học quốc tế danh tiếng

VLU đào tạo sinh viên đáp ứng sự chuyển mình của thị trường lao động toàn cầu. 95% sinh viên có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp. 81% sinh viên có việc từ khi chưa tốt nghiệp cho đến 3 tháng sau tốt nghiệp.

CƠ SỞ CHÍNH
69/68 Đặng Thùy Trâm, P.13, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

CƠ SỞ 1
45 Nguyễn Khắc Nhu, P. Cô Giang, Q.1, TP.HCM

CƠ SỞ 2
233A Phan Văn Trị, P.11, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

Van Lang University
Tuyển sinh - Trường Đại học Văn Lang
vlu.edu.vn
028 7105 9999
0904 214 254

VANLANG UNIVERSITY

CHỌN LỰA ĐẠI HỌC KIẾN TẠO TƯƠNG LAI

Sứ mệnh của Trường Đại học Văn Lang là đào tạo những con người mang lại tác động tích cực, truyền cảm hứng cho xã hội.

Bằng cách xây dựng một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo cho người học, nhà khoa học và doanh nghiệp, Trường Đại học Văn Lang tạo điều kiện để tất cả các thành viên kết nối, học tập và phát triển những giải pháp đột phá cho một tương lai tốt đẹp hơn.

Tương lai không dễ dự đoán nhưng vai trò của một tổ chức giáo dục đại học là đóng góp vào nghiên cứu, dự báo, tham vấn và định hướng cho tương lai. Để học sinh, sinh viên Việt Nam sẵn sàng với những biến đổi và tự tin gia nhập thị trường lao động thế giới, Trường Đại học Văn Lang chuyển mình để góp phần kiến tạo những thế hệ sinh viên mới - làm như thợ giỏi, nghĩ như triết gia, xóa khoảng cách giữa nhân lực Việt Nam và thế giới, mở ra cơ hội cho lực lượng lao động tương lai.



DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC NĂM 2023

Mã ngành	Tên ngành đăng ký xét tuyển	Mã tổ hợp	Chương trình Tiêu chuẩn	Chương trình Đặc biệt	Tham khảo điểm chuẩn trúng tuyển năm 2022		
					Xét kết quả học tập THPT (Học bạ)	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Xét điểm thi Đánh giá năng lực Đại học Quốc gia
7210205	Thanh nhạc (*)	N00	x		24.0	18.0	650
7210208	Piano (*)	N00	x		24.0	18.0	650
7210302	Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình (*)	H01, H03, H04, V00	x		18.0	16.0	650
7210402	Thiết kế Công nghiệp (*)	H03, H04, H05, H06	x		24.0	16.0	650
7210403	Thiết kế Đồ họa (*)	H03, H04, H05, H06	x	x	24.0	18.0	650
7210404	Thiết kế Thời trang (*)	H03, H04, H05, H06	x		24.0	17.0	650
7210409	Thiết kế Mỹ thuật số (*)	H03, H04, H05, H06	x		24.0	17.0	650
7210234	Diễn viên Kịch, Điện ảnh - Truyền hình (*)	S00	x		24.0	18.0	650
7210235	Đạo diễn Điện ảnh, Truyền hình (*)	S00	x		24.0	18.0	650
7220201	Ngôn ngữ Anh (*)	D01, D08, D10	x	x	24.0	16.0	650
7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	A01, D01, D04, D14	x		18.0	16.0	650
7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	D01, D10, D14, D66	x		18.0	16.0	650
7229030	Văn học Ứng dụng	C00, D01, D14, D66	x		18.0	16.0	650
7310401	Tâm lý học	B00, B03, C00, D01	x	x	18.0	17.0	650
7310608	Đông phương học	A01, C00, D01, D04	x		18.0	16.0	650
7310630	Việt Nam học	C00, D01, D14, D15	x		18.0	16.0	650
7320104	Truyền thông Đa phương tiện	A00, A01, C00, D01	x		22.0	18.0	650
7320106	Công nghệ Truyền thông	A00, A01, C01, D01	x	x	18.0	16.0	650
7320108	Quan hệ Công chúng	A00, A01, C00, D01	x	x	22.0	18.0	650
7340101	Quản trị Kinh doanh	A00, A01, C01, D01	x		18.0	17.0	650
7310106	Kinh tế Quốc tế	A00, A01, D01, D07	x	x	18.0	16.0	650
7340115	Marketing	A00, A01, C01, D01	x		20.0	18.0	650
7340116	Bất động sản	A00, A01, C04, D01	x		18.0	16.0	650
7340120	Kinh doanh Quốc tế	A00, A01, C01, D01	x		18.0	17.0	650
7340121	Kinh doanh Thương mại	A00, A01, C01, D01	x		18.0	16.0	650
7340122	Thương mại Điện tử	A00, A01, C01, D01	x		18.0	16.0	650
7340405	Hệ thống Thông tin Quản lý	A00, A01, C01, D01	x		18.0	16.0	650
7340201	Tài chính - Ngân hàng	A00, A01, C04, D01	x	x	18.0	16.0	650
7340301	Kế toán	A00, A01, D01, D10	x	x	18.0	16.0	650
7380101	Luật	A00, A01, C00, D01	x		18.0	16.0	650
7380107	Luật Kinh tế	A00, A01, C00, D01	x		18.0	16.0	650
7420201	Công nghệ Sinh học	A00, A02, B00, D08	x		18.0	16.0	650
7420205	Công nghệ Sinh học Y dược	A00, B00, D07, D08	x		18.0	16.0	650
7420207	Công nghệ Thẩm mỹ	A00, B00, D07, D08	x		18.0	16.0	650
7480103	Kỹ thuật Phần mềm	A00, A01, D01, D10	x		18.0	16.0	650
7460108	Khoa học Dữ liệu	A00, A01, C01, D01	x		18.0	16.0	650
7480102	Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu	A00, A01, D07, D10	x		18.0	16.0	650
7480104	Hệ thống Thông tin	A00, A01, D07, D10	x		18.0	16.0	650
7480201	Công nghệ Thông tin	A00, A01, D01, D10	x	x	18.0	17.0	650
7510205	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	A00, A01, C01, D01	x	x	18.0	16.0	650
7510301	Công nghệ Kỹ thuật điện, Điện tử	A00, A01, C01, D01	x		18.0	16.0	650
7510406	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	A00, B00, D07, D08	x		18.0	16.0	650
7510601	Quản lý Công nghiệp	A00, A01, A02, B00	x		18.0	16.0	650
7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	A00, A01, C01, D01	x	x	18.0	16.0	650
7510606	Quản trị Môi trường Doanh nghiệp	A00, B00, D07, D08	x		18.0	16.0	650
7520114	Kỹ thuật Cơ điện tử	A00, A01, C01, D01	x		18.0	16.0	650
7520115	Kỹ thuật Nhiệt	A00, A01, D07	x		18.0	16.0	650
7540101	Công nghệ Thực phẩm	A00, B00, C08, D08	x		18.0	16.0	650
7580101	Kiến trúc (*)	V00, V01, H02	x	x	24.0	16.0	650
7580108	Thiết kế Nội thất (*)	H03, H04, H05, H06	x		24.0	16.0	650
7580201	Kỹ thuật Xây dựng	A00, A01, D01, D07	x		18.0	16.0	650
7580205	Kỹ thuật Xây dựng Công trình giao thông	A00, A01, D01, D07	x		18.0	16.0	650
7580302	Quản lý Xây dựng	A00, A01, D01, D07	x		18.0	16.0	650
7620118	Nông nghiệp Công nghệ cao	A00, B00, D07, D08	x		18.0	16.0	650
7720101	Y Khoa	A00, B00, D08, D12	x		24.0	22.0	750
7720201	Dược học	A00, B00, D07	x		24.0	21.0	750
7720301	Điều dưỡng	B00, C08, D07, D08	x		19.5	19.0	700
7720501	Răng - Hàm - Mặt	A00, B00, D07, D08	x		24.0	23.0	750
7720601	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	A00, B00, D07, D08	x		19.5	19.0	700
7760101	Công tác Xã hội	C00, C14, C20, D01	x		18.0	16.0	650
7810101	Du lịch	A00, A01, C00, D01	x		18.0	16.0	650
7810103	Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành	A00, A01, D01, D03	x	x	18.0	16.0	650
7810201	Quản trị Khách sạn	A00, A01, D01, D03	x	x	18.0	16.0	650
7810202	Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ Ăn uống	A00, A01, D01, D03	x		18.0	16.0	650
7850201	Bảo hộ Lao động	A00, A01, A02, B00	x		18.0	16,0	650

(*) Các ngành có môn thi chính nhân hệ số 2

(**) Kiến trúc: 5 năm; Kỹ thuật Xây dựng: 4,5 năm; Dược học: 5 năm; Răng Hàm Mặt và Ngành Y khoa: 6 năm;
Kinh doanh Thương mại, Marketing, Logictics và Quản lý chuỗi cung ứng: 3,5 năm

H01 (Toán, Văn, Vẽ)
H02 (Toán, Anh, Vẽ Mỹ thuật)
H03 (Toán, Khoa học Tự nhiên, Vẽ)
H04 (Toán, Anh, Vẽ)
H05 (Văn, Khoa học Xã hội, Vẽ)
H06 (Văn, Anh, Vẽ)
N00 (Văn, Năng khiếu 1, Năng khiếu 2)
S00 (Văn, NK SKĐA 1, NK SKĐA 2)

V00 (Toán, Lý, Vẽ Mỹ thuật)
V01 (Toán, Văn, Vẽ Mỹ thuật)
A00 (Toán, Lý, Hóa)
A01 (Toán, Lý, Anh)
A02 (Toán, Lý, Sinh)
B00 (Toán, Hóa, Sinh)
B03 (Toán, Sinh, Văn)

C00 (Văn, Sử, Địa)
C01 (Toán, Văn, Lý)
C02 (Toán, Văn, Hóa)
C04 (Toán, Văn, Địa)
C08 (Văn, Hóa, Sinh)
C12 (Văn, Toán, GDCD)
C20 (Văn, Địa, GDCD)

D01 (Toán, Văn, Anh)
D03 (Toán, Văn, Pháp)
D04 (Toán, Văn, Trung)
D07 (Toán, Hóa, Anh)
D08 (Toán, Sinh, Anh)
D10 (Toán, Địa, Anh)
D14 (Văn, Sử, Anh)
D66 (Văn, GDCD, Anh)
D12 (Văn, Hóa, Anh)
D15 (Văn, Địa, Anh)

Để cập nhật thông tin về các ngành đào tạo và tuyển sinh năm 2023 của Trường Đại học Văn Lang, truy cập website: **https://vlu.edu.vn/**

Raffles
Success by *Design*

Học Chương Trình Cử Nhân 3 Năm Và Thạc Sĩ 1 Năm Tại Các Chi Nhánh Trường Raffles Ở Singapore, Milan Và Các Quốc Gia Khác

Cao Đẳng • Cao Đẳng Nâng Cao • Cử Nhân • Thạc Sĩ

Cambodia | China | India | Indonesia | Italy | Malaysia | Saudi Arabia | Singapore | Thailand

NGÀNH THIẾT KẾ

Coventry University

- Games
- Đồ Họa
- Sản Phẩm
- Thời Trang
- Trang Sức
- Phim Hoạt Hình
- Kiến Trúc Nội Thất
- Truyền Thông Kỹ Thuật Số
- Quản Lý Thiết Kế





NGÀNH KINH DOANH THỜI TRANG

- Kinh Doanh Thời Trang
- Truyền Thông và Báo Chí Thời Trang
- Quản Lý Bán Lẻ

Bằng Cử Nhân Và Thạc Sĩ Được Cấp Bởi Đại Học Coventry (Anh Quốc)

Raffles University

Bằng Cử Nhân về Kinh Doanh và Cử Nhân Tâm Lý Học được cấp bởi Đại Học Raffles (Malaysia)



NGÀNH KINH DOANH

- Quản Trị Kinh Doanh
- Quản Lý Chuỗi Cung Ứng
- Kế Toán

NGÀNH TÂM LÝ HỌC

- Tâm Lý Học Ứng Dụng

Kỳ Nhập Học: Tháng Giêng • Tháng Tư • Tháng Bảy • Tháng Mười

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Phòng Tuyển Sinh Quốc Tế Của Raffles (Trụ Sở Chính Tại Singapore)

#15-22, 111 Somerset Road, Singapore 238164

+65 94310949 (Zalo/Viber/Whatsapp) +65 6338 5288 (ext: 221/905) https:/Raffles-IAO.com

Info@raffles-education-network.com @REN Singapore @RafflesEducationNetwork

LỜI NÓI ĐẦU!

Các em học sinh thân mến!

Năm 2023, là năm thứ 13 ***"Sổ tay hướng nghiệp, những thông tin cần biết về tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2023"*** được phát hành. Sổ tay do Công ty Cổ phần Kết Nối Văn Hóa Việt phối hợp với Trung tâm hỗ trợ Học sinh, Sinh viên TP. HCM cùng các trường ĐH, CĐ tại TP.HCM và các tỉnh khu vực phía nam biên soạn và phát hành. Sổ tay dành tặng trực tiếp cho các em học sinh lớp 12 trên địa bàn TP. HCM và các tỉnh từ Đà Nẵng đến Cà Mau và phát hành trên trang điện tử: **www.huongnghiep.online**; Facebook: **huongnghiep.online**. Đây là món quà ý nghĩa mà chúng tôi đã thực hiện và trao tặng cho hàng triệu học sinh trong những năm qua.

Năm 2023, Kỳ thi tốt nghiệp THPT và Xét tuyển ĐH, CĐ giống như năm 2022. Các trường ĐH, CĐ đã chủ động đưa ra nhiều phương thức xét tuyển để phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với kiến thức đã học của các em trong năm nay.

Nội dung Sổ tay năm nay cung cấp thông tin về Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, thông tin tuyển sinh ĐH, CĐ, ngành nghề hot trong thời gian tới, chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam trong những năm tới, thị trường lao động và nguồn nhân lực, giáo dục quốc tế, sức khỏe dinh dưỡng mùa thi, danh bạ ĐH, CĐ…

"Sổ tay hướng nghiệp, những thông tin cần biết về tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2023" là kênh tham khảo quan trọng để giúp các em có nhiều thông tin liên quan đến việc Xét tuyển ĐH, CĐ năm 2023. Hy vọng Sổ tay sẽ giúp các em đưa ra quyết định đúng đắn để chọn một ngành học, một trường phù hợp với bản thân và điều kiện tài chính gia đình.

Chúc các em thành công!

BAN BIÊN SOẠN.

MỤC LỤC

Lời nói đầu và Mục lục	15
Thông tin kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023	16
Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035	22
Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2035	25
Ngành nghề "HOT" năm 2023	34
Thông tin tuyển sinh năm 2023 của một số trường ĐH, CĐ từ Đà Nẵng trở vào	39
Tâm lý mùa thi	156
Sức khỏe mùa thi	158
Danh bạ các Học viện, Trường ĐH, CĐ từ Đà Nẵng đến Cà Mau	162

(Thông tin tuyển sinh được các trường cung cấp và từ cổng thông tin điện tử của trường)

Hãy đăng ký và truy cập: www.huongnghiep.online; Facebook: huongnghiep.online để xem thông tin mới nhất về tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2023 của các Trường ĐH, CĐ

THÔNG TIN KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023

(Trích một số nội dung của Thông tư số: 15/2020/TT-BGDĐT *và sửa đổi bổ sung một số điều theo Thông tư số: 05/2021/TT-BGDĐT)*



I. KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023

1. Mục đích, yêu cầu:

1.1. Thi tốt nghiệp THPT nhằm mục đích:

- Đánh giá kết quả học tập của người học theo mục tiêu giáo dục của chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT, chương trình GDTX cấp THPT (gọi chung là chương trình THPT).
- Lấy kết quả thi để xét công nhận tốt nghiệp THPT làm cơ sở đánh giá chất lượng dạy, học của trường phổ thông và công tác chỉ đạo của các cơ quan quản lý giáo dục.
- Các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp có thể sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT để tuyển sinh.

1.2. Yêu cầu: Kỳ thi tốt nghiệp THPT (gọi tắt là kỳ thi) phải bảo đảm yêu cầu nghiêm túc, trung thực, khách quan, công bằng.

2. Nơi đăng ký dự thi, Thời gian đăng ký dự thi:

2.1. Nơi đăng ký dự thi: Thí sinh đang học lớp 12 năm học 2022 - 2023 thực hiện ĐKDT trực tuyến hoặc trực tiếp

2.2. Thời gian đăng ký dự thi: Từ ngày 04/5/2023 đến 17 giờ 00 ngày 13/5/2023

3. Lịch thi tốt nghiệp THPT năm 2023:

Ngày thi	Buổi thi	Bài thi		Thời gian làm bài	Thời gian phát đề	Thời gian bắt đầu làm bài
27/6	Sáng	8h00: Họp cán bộ làm công tác coi thi tại Điểm thi				
	Chiều	14h00: Phổ biến Quy chế thi, lịch thi. Thí sinh đến phòng thi, làm thủ tục dự thi, đính chính sai sót (nếu có)				
28/6	Sáng	Ngữ văn		120 phút	7h30	7h35
	Chiều	Toán		90 phút	14h20	14h30
29/6	Sáng	Bài thi KHTN/ KHXH	Vật lý/ Lịch sử	50 phút	7h30	7h35
			Hoá học/ Địa lý	50 phút	8h30	8h35
			Sinh học/ GDCD	50 phút	9h30	9h35
	Chiều	Ngoại ngữ		60 phút	14h20	14h30
30/6		Dự phòng				

4. Đối tượng, Điều kiện dự thi, Đăng ký bài thi:

4.1. Đối tượng dự thi gồm:

a) Người đã học xong chương trình THPT trong năm tổ chức kỳ thi;

b) Người đã học xong chương trình THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước;

c) Người đã có Bằng tốt nghiệp THPT, người đã có Bằng tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh;

d) Một số trường hợp đặc biệt khác do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định.

4.2. Điều kiện dự thi:

a) Người đã học xong chương trình THPT trong năm tổ chức kỳ thi phải bảo đảm được đánh giá ở lớp 12 đạt hạnh kiểm xếp loại từ trung bình trở lên và học lực không bị xếp loại kém; riêng đối với người học thuộc diện không phải xếp loại hạnh kiểm và người học theo hình thức tự học có hướng dẫn thuộc chương trình GDTX thì không yêu cầu xếp loại hạnh kiểm;

b) Người đã học xong chương trình THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước phải có Bằng tốt nghiệp THCS và không xếp loại học lực kém ở lớp 12; trường hợp không đủ điều kiện dự thi trong các năm trước do xếp loại học lực kém ở lớp 12, phải đăng ký và dự kỳ kiểm tra cuối năm học đối với một số môn học có điểm trung bình dưới 5,0 (năm) điểm (tại trường phổ thông nơi học lớp 12 hoặc trường phổ thông nơi ĐKDT), bảo đảm khi lấy điểm bài kiểm tra thay cho điểm trung bình môn học để tính lại điểm trung bình cả năm thì đủ điều kiện dự thi về xếp loại học lực theo quy định;

c) Đối tượng đã tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh phải bảo đảm học và thi đạt yêu cầu đủ số lượng các môn văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ GDĐT;

d) Các đối tượng dự thi phải ĐKDT và nộp đầy đủ các giấy tờ đúng thời hạn.

4.3. Đăng ký bài thi:

a) Để xét công nhận tốt nghiệp THPT: thí sinh giáo dục THPT trong năm tổ chức kỳ thi và đã học xong chương trình THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước phải dự thi 04 bài thi, gồm 03 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ và 01 bài thi tổ hợp do thí sinh tự chọn;

b) Thí sinh GDTX đã học xong chương trình THPT trong năm tổ chức kỳ thi hoặc đã học xong chương trình THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước phải dự thi 03 bài thi, gồm 02 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn và 01 bài thi tổ hợp do thí sinh tự chọn, có thể ĐKDT thêm bài thi Ngoại ngữ để lấy kết quả xét tuyển sinh;

c) Thí sinh đã có Bằng tốt nghiệp THPT, người đã có Bằng tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh được ĐKDT các bài thi độc lập, bài thi tổ hợp hoặc các môn thi thành phần của bài thi tổ hợp theo nguyện vọng.

4.4. Bài thi:

Tổ chức thi 05 bài thi, gồm: 03 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ; 01 bài thi tổ hợp Khoa học Tự nhiên (viết tắt là KHTN) gồm các môn thi thành phần Vật lí, Hóa học, Sinh học; 01 bài thi tổ hợp Khoa học Xã hội (viết tắt là KHXH) gồm các môn thi thành phần Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân đối với thí sinh học chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT hoặc các môn thi thành phần Lịch sử, Địa lí đối với thí sinh học chương trình GDTX cấp THPT.

5. Nội dung thi, hình thức thi và thời gian làm bài thi/môn thi:

5.1. Nội dung thi: Nội dung thi nằm trong chương trình THPT, chủ yếu là chương trình lớp 12.

5.2. Hình thức thi: Các bài thi Toán, Ngoại ngữ, KHTN và KHXH thi theo hình thức trắc nghiệm khách quan (gọi chung là bài thi trắc nghiệm); bài thi Ngữ văn thi theo hình thức tự luận (gọi chung là bài thi tự luận).

II. XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

1. Miễn thi bài thi Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT

1.1. ***Đối tượng miễn thi:***

a) Là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ GDĐT;

b) Có một trong các chứng chỉ được quy định trong hướng dẫn tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT hằng năm của Bộ GDĐT.

1.2. Thí sinh được miễn thi bài thi Ngoại ngữ được tính 10 điểm cho bài thi này để xét công nhận tốt nghiệp THPT.

1.3. Thí sinh không đăng ký sử dụng quyền được miễn thi bài thi Ngoại ngữ thì phải dự thi và xét công nhận tốt nghiệp THPT như thí sinh không được miễn thi.

2. Miễn thi tất cả các bài thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT

2.1. Người được triệu tập tham gia kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế hoặc Olympic khu vực các môn văn hóa được miễn thi tất cả các bài thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT nếu đáp ứng các điều kiện sau:

a) Được triệu tập vào học kỳ 2 lớp 12;

b) Xếp loại cả năm lớp 12 đạt hạnh kiểm loại tốt và học lực từ loại khá trở lên;

c) Có tên trong danh sách miễn thi của Bộ GDĐT.

2.2. Người trong đội tuyển tham gia các cuộc thi Olympic quốc tế hoặc Olympic khu vực về khoa học kỹ thuật, văn hóa - văn nghệ được miễn thi tất cả các bài thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT nếu đáp ứng các điều kiện sau:

a) Được triệu tập vào học kỳ 2 lớp 12;

b) Xếp loại cả năm lớp 12 đạt hạnh kiểm và học lực từ loại trung bình trở lên;

c) Có tên trong công văn đề nghị miễn thi và xác nhận tham dự tập huấn và dự thi đúng quy định của cơ quan tuyển chọn gửi đến Sở GDĐT trước ngày thi tốt nghiệp THPT.

2.3. Người khuyết tật đặc biệt nặng và người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên; con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, bản thân bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên, phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đối với người khuyết tật học theo chương trình giáo dục chung: Học hết chương trình THPT; đủ điều kiện dự thi theo quy định tại khoản 4.2 điều kiện dự thi phần I; có giấy xác nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Đối với người khuyết tật không đáp ứng được chương trình giáo dục chung: Được Hiệu trưởng trường phổ thông nơi đăng ký học tập xác nhận kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân từng năm ở cấp THPT; có giấy xác nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp;

c) Đối với người hoạt động kháng chiến, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: Học hết chương trình THPT; đủ điều kiện dự thi theo quy định tại khoản 4.2 điều kiện dự thi phần I; có giấy xác nhận bị nhiễm chất độc hóa học và bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Đặc cách tốt nghiệp THPT

3.1. Người học thuộc các đối tượng quy định tại khoản 4.1 và 4.2 của phần I nếu đủ điều kiện dự thi được xét đặc cách tốt nghiệp THPT trong trường hợp bị tai

nạn, bị ốm hoặc có việc đột xuất đặc biệt trước ngày thi không quá 10 ngày hoặc ngay trong buổi thi đầu tiên, không thể dự thi.

a) Điều kiện: Xếp loại về học lực và hạnh kiểm cả năm ở lớp 12 đều từ khá trở lên;

b) Hồ sơ gồm: Hồ sơ nhập viện, ra viện do bệnh viện từ cấp huyện trở lên cấp (nếu bị tai nạn, bị ốm) hoặc xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú (nếu có việc đột xuất đặc biệt); biên bản đề nghị xét đặc cách tốt nghiệp THPT của trường phổ thông nơi ĐKDT và hồ sơ minh chứng về xếp loại học lực, hạnh kiểm ở lớp 12.

3.2. Người học thuộc các đối tượng quy định tại khoản 4.1 và 4.2 của phần I nếu đủ điều kiện dự thi được xét đặc cách tốt nghiệp THPT trong trường hợp bị tai nạn, bị ốm hay có việc đột xuất đặc biệt sau khi đã thi ít nhất một bài thi và không thể tiếp tục dự thi hoặc sau khi bị tai nạn, bị ốm hay có việc đột xuất đặc biệt tự nguyện dự thi số bài thi còn lại.

a) Điều kiện: Điểm của những bài đã thi để xét công nhận tốt nghiệp THPT đều đạt từ 5,0 (năm) điểm trở lên; xếp loại ở lớp 12 có học lực từ trung bình trở lên, hạnh kiểm từ khá trở lên;

b) Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị xét đặc cách của thí sinh; hồ sơ nhập viện, ra viện của bệnh viện từ cấp huyện trở lên (nếu bị tai nạn, bị ốm) hoặc xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú (nếu có việc đột xuất đặc biệt) và hồ sơ minh chứng về xếp loại học lực, hạnh kiểm ở lớp 12.

3.3. Các đối tượng là vận động viên đủ điều kiện được xét đặc cách tốt nghiệp THPT theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

3.4. Thủ tục:

a) Chậm nhất 07 ngày sau buổi thi cuối cùng của kỳ thi, thí sinh phải nộp hồ sơ đặc cách cho Thủ trưởng đơn vị nơi thí sinh ĐKDT. Thủ trưởng đơn vị nơi thí sinh ĐKDT chịu trách nhiệm thu nhận và chuyển giao hồ sơ đặc cách cho Sở GDĐT;

b) Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp THPT xem xét, quyết định đặc cách cho thí sinh căn cứ hồ sơ và các quy định tại khoản 1 và 2 phần II này.

4. Miễn thi bài thi Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT

4.1. Đối tượng miễn thi:

a) Là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ GDĐT;

b) Có một trong các chứng chỉ được quy định trong hướng dẫn tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT hằng năm của Bộ GDĐT.

4.2. Thí sinh được miễn thi bài thi Ngoại ngữ được tính 10 điểm cho bài thi này để xét công nhận tốt nghiệp THPT.

4.3. Thí sinh không đăng ký sử dụng quyền được miễn thi bài thi Ngoại ngữ thì phải dự thi và xét công nhận tốt nghiệp THPT như thí sinh không được miễn thi.

5. Điểm xét tốt nghiệp THPT

5.1. Điểm xét tốt nghiệp THPT(ĐXTN):

a) Thí sinh đã học xong chương trình THPT trong năm tổ chức kỳ thi; đã học xong chương trình THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước phải dự thi 04 bài thi, gồm 03 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ và 01 bài thi tổ hợp do thí sinh tự chọn;

b) Thí sinh GDTX đã học xong chương trình THPT trong năm tổ chức kỳ thi; đã học xong chương trình THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước phải dự thi 03 bài thi, gồm 02 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn và 01 bài thi tổ hợp do thí sinh tự chọn, có thể ĐKDT thêm bài thi Ngoại ngữ để lấy kết quả xét tuyển sinh;

c) Điểm xét công nhận tốt nghiệp THPT gồm điểm các bài thi thí sinh dự thi để xét công nhận tốt nghiệp THPT theo quy định tại điểm a, b khoản 5.1 này, điểm ưu tiên, khuyến khích (nếu có) và điểm trung bình cả năm lớp 12; điểm của từng bài thi được quy về thang điểm 10 để tính ĐXTN.

d) Điểm xét tốt nghiệp đối với học sinh giáo dục THPT được tính theo công thức sau:

$$ĐXTN = \frac{\left(\frac{\text{Tổng điểm 4 bài thi + Tổng điểm khuyến khích (nếu có)}}{4}\right) \times 7 + \text{(Điểm trung bình cả năm lớp 12)} \times 3}{10} + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

đ) Điểm xét tốt nghiệp đối với học viên GDTX được tính theo công thức sau:

$$ĐXTN = \frac{\left(\frac{\text{Tổng điểm 3 bài thi}}{3} + \frac{\text{Tổng điểm khuyến khích (nếu có)}}{4}\right) \times 7 + \text{(Điểm trung bình cả năm lớp 12)} \times 3}{10} + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

5.2. ĐXTN được lấy đến hai chữ số thập phân, do phần mềm máy tính tự động thực hiện.

6. Công nhận tốt nghiệp THPT

6.1. Những thí sinh đủ điều kiện dự thi, không bị kỷ luật hủy kết quả thi, tất cả các bài thi và các môn thi thành phần của bài thi tổ hợp ĐKDT để xét công nhận tốt nghiệp đều đạt trên 1,0 điểm theo thang điểm 10 và có ĐXTN từ 5,0 (năm) điểm trở lên được công nhận tốt nghiệp THPT.

6.2. Những thí sinh đủ điều kiện dự thi, được miễn thi tất cả các bài thi trong xét tốt nghiệp THPT theo quy định tại khoản 2 phần II này được công nhận tốt nghiệp THPT.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

(Trích một phần nội dung Quyết định Số: 879/QĐ-TTg, ngày 09 tháng 06 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)



1. Chiến lược phát triển công nghiệp

Huy động hiệu quả mọi nguồn lực từ các thành phần kinh tế trong nước và từ bên ngoài để phát triển, tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng hiện đại; Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp có kỹ năng, có kỷ luật, có năng lực sáng tạo; Ưu tiên phát triển và chuyển giao công nghệ đối với các ngành, các lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh và công nghệ hiện đại, tiên tiến ở một số lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy sản, điện tử, viễn thông, năng lượng mới và tái tạo, cơ khí chế tạo và hóa dược; Điều chỉnh phân bố không gian công nghiệp hợp lý nhằm phát huy sức mạnh liên kết giữa các ngành, vùng, địa phương để tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

2. Các nhóm ngành công nghiệp lựa chọn ưu tiên phát triển

a) Ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo

- Nhóm ngành Cơ khí và Luyện kim

Giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên các nhóm ngành, sản phẩm: máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp, ôtô và phụ tùng cơ khí, thép chế tạo. Sau năm 2025, ưu tiên các nhóm ngành, sản phẩm: đóng tàu, kim loại màu và vật liệu mới.



- Nhóm ngành Hóa chất

Giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên hóa chất cơ bản, hóa dầu và sản xuất linh kiện nhựa - cao su kỹ thuật; Giai đoạn sau năm 2025, ưu tiên phát triển nhóm ngành hóa dược.

- Nhóm ngành Chế biến nông, lâm, thủy sản

Giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên nâng cao tỷ lệ chế biến các sản phẩm nông sản, thủy hải sản chủ lực và chế biến gỗ phù hợp với quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong quá trình sản xuất, chế biến nông sản, xây dựng thương hiệu và sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam.

- Nhóm ngành Dệt may, Da giày

Giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên sản xuất nguyên, phụ liệu phục vụ sản xuất trong nước và xuất khẩu; Giai đoạn sau năm 2025, ưu tiên sản xuất sản phẩm quần áo thời trang, giày cao cấp.

b) Ngành Điện tử và Viễn thông

Giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên phát triển sản phẩm thiết bị máy tính, điện thoại và linh kiện.

Giai đoạn sau năm 2025, ưu tiên phát triển phần mềm, nội dung số, dịch vụ công nghệ thông tin và điện tử y tế.



c) Ngành Năng lượng mới và năng lượng tái tạo

Giai đoạn đến năm 2025 thúc đẩy phát triển các dạng năng lượng mới và tái tạo như gió, mặt trời, biomass; Giai đoạn sau năm 2025 phát triển năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình, ưu tiên phát triển các dạng năng lượng tái tạo như địa nhiệt, sóng biển...



3. Giải pháp phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên

a) Ngành Chế biến, chế tạo

- Nhóm ngành Cơ khí và Luyện kim

+ Lựa chọn và tập trung đầu tư có trọng điểm cho một số đơn vị nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực thiết kế đáp ứng yêu cầu phát triển.

+ Đầu tư phát triển sản xuất thép chế tạo cho ngành cơ khí: thép tấm, thép hình, thép hợp kim.

- Nhóm ngành Hóa chất

+ Đầu tư tập trung cho những công trình trọng điểm, ưu tiên nhóm sản phẩm hóa dầu.

+ Đối với lĩnh vực hóa dược tập trung nghiên cứu các loại dược liệu từ thiên nhiên để sản xuất các loại tá dược và vitamin phục vụ nhu cầu chữa bệnh trong nước, tiến tới xuất khẩu ở giai đoạn sau.



- Nhóm ngành Chế biến nông, lâm thủy sản.



+ Khuyến khích đầu tư phát triển vùng nguyên liệu nuôi trồng quy mô lớn, bảo đảm nguồn nguyên liệu đầu vào đủ tiêu chuẩn cho công nghiệp chế biến.

+ Ưu tiên sản phẩm chế biến xuất khẩu có tính cạnh tranh cao, kết hợp với xây dựng và phát triển thương hiệu đặc trưng cho nông, lâm, thủy sản Việt Nam.

- Nhóm ngành Dệt may, Da giày

+ Thực hiện đa dạng hóa sản xuất sản phẩm và chủ động phát triển nguồn nguyên phụ liệu.

+ Đẩy mạnh khai thác các thị trường xuất khẩu truyền thống; phát huy tối đa các lợi thế của Việt Nam khi tham gia các hiệp định thương mại song phương và đa phương; thúc đẩy các thị trường tiềm năng như Nga, Trung Đông, Đông Âu, châu Phi; xây dựng hệ thống phân phối bán lẻ mang thương hiệu Việt Nam.



b) Ngành Điện tử và Viễn thông

+ Khuyến khích phát triển các phần mềm, đặc biệt là phần mềm nhúng trong các thiết bị phần cứng, điện tử, viễn thông, đáp ứng nhu cầu nội địa.

+ Phát triển các lĩnh vực mang tính lưỡng dụng phục vụ quốc phòng như điện tử điều khiển tên lửa hành trình, điện tử viễn thông do thám, tìm kiếm; điện tử trong các thiết bị bay không người lái...



c) Ngành Năng lượng mới và năng lượng tái tạo

+ Tăng cường phối hợp với các quốc gia và các tổ chức quốc tế để phát triển và sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình, từng bước làm chủ công nghệ.

+ Tập trung ứng dụng công nghệ cao cho nguồn phát điện năng lượng mặt trời, gió, biogas, biomass, địa nhiệt..., đối với năng lượng vì mục đích hòa bình tiếp tục nghiên cứu về an toàn hạt nhân và các công nghệ điện nguyên tử phổ biến hiện nay.





QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

(Trích một phần nội dung Quyết định số 880/QĐ-TTg "Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-TTg", ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Nội dung

a) Ngành cơ khí - luyện kim



- Đầu tư phát triển một số chuyên ngành và sản phẩm cơ khí trọng điểm để đáp ứng về cơ bản nhu cầu của nền kinh tế như: Máy động lực, cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, máy công cụ, cơ khí xây dựng, cơ khí đóng tàu, thiết bị điện - điện tử, cơ khí ôtô - cơ khí giao thông vận tải. Hình thành một số Tập đoàn cơ khí chế tạo chủ đạo đi đầu để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa trong điều kiện nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và khu vực.

- Phát triển ngành luyện kim theo hướng sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, thiết bị đồng bộ có tính liên hợp cao và suất tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng thấp; từng bước đáp ứng nhu cầu về các chủng loại thép chế tạo, thép hợp kim, một số kim loại màu; tập trung giải quyết những khâu cơ bản như đúc, rèn phôi, nhiệt luyện, kiểm tra chất lượng sản phẩm.

- Kết hợp với công nghiệp quốc phòng, xây dựng các chương trình dự án sản phẩm có tính lưỡng dụng cao để phát huy hiệu quả các nguồn lực và nâng cao khả năng sẵn sàng đáp ứng nhu cầu an ninh quốc gia khi cần thiết.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành cơ khí - luyện kim giai đoạn đến năm 2020 đạt 15 - 16%; giai đoạn đến năm 2030 đạt 14 - 15%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành cơ khí - luyện kim chiếm 20 - 21% và năm 2030 chiếm 22 - 24% trong cơ cấu ngành công nghiệp.

- Năm 2020 ngành cơ khí - luyện kim đáp ứng 45 - 50% nhu cầu thị trường trong nước và năm 2030 đáp ứng đến 60%.

- Đến năm 2020 tập trung phát triển các nhóm sản phẩm sau:

+ Nhóm máy móc, thiết bị kỹ thuật điện: Sản xuất, lắp ráp máy phát điện đến 600MW; máy phát điện gió, pin mặt trời; nghiên cứu chế tạo máy biến áp 500KV; chế tạo động cơ điện mini.

+ Nhóm máy công cụ và dụng cụ: Sản xuất khuôn mẫu; chế tạo thiết bị tiêu chuẩn; Phát triển hệ thống điều khiển tự động công nghệ cao, cơ khí chính xác.

+ Nhóm máy móc, thiết bị nâng hạ: Sản xuất xe nâng hàng, thiết bị áp lực lớn dành cho tàu thủy.

+ Nhóm máy móc chuyên dùng: Sản xuất thiết bị chế biến nông - lâm sản, thực phẩm, thiết bị bao gói, tạo nhãn sản phẩm; thiết bị dầu khí; thiết bị y tế.

+ Nhóm chế tạo xe có động cơ: Chế tạo động cơ xăng, hộp số xe ô tô con; lắp ráp các loại xe du lịch, xe khách, xe tải nhẹ và xe nông vụ phục vụ nông thôn; sản xuất động cơ diesel.

+ Nhóm thiết bị thủy: Chế tạo động cơ thủy; đóng mới các tàu có tải trọng lớn.

+ Nhóm máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp: Sản xuất các loại động cơ diesel cỡ trung, cỡ nhỏ động cơ xăng công suất nhỏ, máy canh tác, thiết bị bảo quản, chế biến thực phẩm, đồ uống.

+ Nhóm thiết bị siêu trường, siêu trọng và giàn khoan dầu khí.

+ Nhóm công nghiệp thép: Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đẩy mạnh sản xuất thép tấm, thép hình khổ lớn và thép ống không hàn với công nghệ tiên tiến; thép đặc biệt phục vụ ngành chế tạo máy và công nghiệp quốc phòng.

- Đến năm 2030: Tiếp tục nghiên cứu đầu tư một số dự án với công nghệ cao, hiện đại để sản xuất các thiết bị đáp ứng yêu cầu sản xuất xanh, sạch, tiêu tốn ít vật tư, năng lượng, có giá trị gia tăng cao, sử dụng vật liệu nhẹ; sản xuất thiết bị gia dụng chất lượng cao bằng vật liệu mới; sản xuất và lắp ráp thiết bị, phương tiện bay, thiết bị định vị kiểm soát không lưu, hải lưu; chế tạo các thiết bị đo kiểm, thiết bị y tế.

b) Ngành hóa chất

- Phát triển công nghiệp hóa chất theo hướng sử dụng công nghệ cao, hiện đại, tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt, giá thành cạnh tranh, giảm thiểu và hạn chế thải các hóa chất độc hại ra môi trường.

- Phát triển công nghiệp hóa dầu, hóa chất cơ bản, hóa chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành hóa chất

giai đoạn đến năm 2020 đạt 14 - 16%; giai đoạn đến năm 2030 đạt 11 - 13%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành hóa chất chiếm 13 - 14% và năm 2030 chiếm 14 - 15% trong cơ cấu ngành công nghiệp.

- Năm 2020 ngành hóa chất đáp ứng 75 - 80% nhu cầu thị trường trong nước và năm 2030 đáp ứng 85 - 90%.

- Đến năm 2020.

+ Tiếp tục triển khai đầu tư các dự án sản xuất phân bón như DAP, đạm ure; sản xuất lốp ô tô radian; sản xuất các sản phẩm hóa chất cơ bản như H2SO4 và H3PO4; sản xuất thuốc kháng sinh loại Cephalosporin, sản xuất Sorbitol; tá dược, vitamin các loại.

+ Phát triển ngành hóa dầu làm nguyên liệu cho ngành nhựa (đáp ứng 40 - 50% nhu cầu nội địa cho các ngành công nghiệp).

+ Tiếp tục triển khai các dự án mở rộng giai đoạn 2 và một số dự án mới theo Quy hoạch của ngành Hóa chất đã được phê duyệt.

- Đến năm 2030

Căn cứ vào nhu cầu thị trường và khả năng đầu tư tại thời điểm năm 2020, xem xét mở rộng một số dự án trên cơ sở áp dụng công nghệ mới, đảm bảo yêu cầu cao hơn về hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường. Các dự án định hướng là: Sản xuất mỹ phẩm cao cấp; sản xuất ắc quy cho ô tô lai điện và ô tô điện. Tiếp tục phát triển ngành hóa dược (sản xuất vắc-xin).

c) Ngành điện tử, công nghệ thông tin

- Xây dựng ngành điện tử, công nghệ thông tin trở thành ngành công nghiệp chủ lực để tạo cơ sở hỗ trợ cho các ngành khác phát triển.

- Tiếp tục phát triển phương thức lắp ráp các thiết bị điện tử, tin học để đáp ứng nhu cầu sản phẩm điện tử trong nước và tham gia xuất khẩu; tăng cường liên kết với các tập đoàn điện tử, tin học lớn trên thế giới để tiếp nhận công nghệ hiện đại và tăng năng lực sản xuất linh kiện trong nước.

- Khuyến khích phát triển sản xuất các sản phẩm phần mềm tin học phục vụ cho các ngành công nghiệp và tham gia vào thị trường xuất khẩu.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành điện tử, công nghệ thông tin giai đoạn đến năm 2020 đạt 17 - 18%; giai đoạn đến năm 2030 đạt 19 - 21%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành điện tử, công nghệ thông tin chiếm 9 - 10% trong cơ cấu ngành công nghiệp và đáp ứng 65 - 70% nhu cầu thị trường; năm 2030 chiếm tỷ trọng 12 - 13% và đáp ứng 75 - 80% nhu cầu.

- Đến năm 2020

Nghiên cứu thiết kế, sản xuất, lắp ráp các thiết bị điện tử chuyên dụng, sản xuất robot công nghiệp, sản xuất một số linh kiện, phụ kiện điện tử, cơ điện tử thông dụng. Tập trung vào các nhóm dự án và chương trình sau:

+ Nhóm máy tính và thiết bị văn phòng: Nghiên cứu công nghệ phát triển mạng tích hợp giữa các thiết bị công nghệ thông tin với công nghệ truyền thông (hữu tuyến và vô tuyến), tích hợp tính đa năng giữa chuyên dụng và dân dụng;

+ Nhóm thiết bị điện tử chuyên dụng: Từng bước làm chủ công nghệ sản xuất các thiết bị truyền dẫn, kết nối, chuyển mạch; sản xuất, lắp ráp thiết bị, bộ điều khiển công nghệ cao; sản xuất thiết bị đo lường, giám sát, cảnh báo điện tử; sản xuất màn hình chuyên dụng; sản xuất các thiết bị điện tử y tế thông dụng; sản xuất, lắp ráp thiết bị thu phát đa tần; sản xuất lắp ráp các thiết bị dò tìm, viễn thám, định vị qua vệ tinh.

+ Nhóm thiết bị điện tử dân dụng: Đẩy mạnh sản xuất trên cơ sở liên doanh, hoặc sản xuất theo đơn hàng của các nhà cung cấp linh kiện với các dự án: Sản xuất lắp ráp các thiết bị truyền hình số đa năng; sản xuất lắp ráp máy ảnh số các loại; sản xuất, lắp ráp tivi internet; sản xuất thiết bị điện tử nghe nhìn phục vụ đào tạo.

+ Công nghiệp phần mềm: Bên cạnh việc phát triển một số chương trình, hệ điều hành dùng riêng, tập trung phát triển phần mềm ứng dụng và dịch vụ trên nền các hệ điều hành đã phổ biến. Phát triển phần mềm nhúng và phần mềm thiết kế mẫu.

+ Tiếp nhận và làm chủ các công nghệ mới trong sản xuất các lĩnh vực: Máy tính chủ và thiết bị ngoại vi phù hợp với internet thế hệ mới; các loại thiết bị công nghệ thông tin không dây; thiết bị điện tử gia dụng chất lượng tiêu chuẩn cao; linh kiện lắp ráp đồng bộ, trong đó có flash RAM (bộ nhớ nhanh); một số thiết bị cơ điện tử, tự động hóa điều khiển; công nghệ hỗ trợ sản xuất mạch in nhiều lớp, khuôn mẫu có độ chính xác cao; công nghiệp điện tử y tế.

- Đến năm 2030

+ Phấn đấu tự cung cấp 80% nhu cầu phần mềm cho cả nước.

+ Đa dạng hóa chủng loại, mẫu mã các thiết bị phần cứng đáp ứng trên 70% nhu cầu trong nước, tăng tỷ trọng thiết bị không dây theo nhu cầu.

+ Thiết bị, công nghệ hoàn toàn chuyển sang kỹ thuật số.

d) Ngành dệt may - da giày

- Phát triển ngành dệt may - da giày theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại hóa, nhằm tạo ra bước nhảy vọt về chất và lượng sản phẩm.

- Lấy xuất khẩu làm mục tiêu cho phát triển của ngành, đồng thời đáp ứng tối đa nhu cầu thị trường nội địa. Tập trung phát triển mạnh các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản xuất nguyên phụ liệu, nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm trong ngành.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành dệt may - da giày giai đoạn đến năm 2020 đạt 10 - 12%; giai đoạn đến năm 2030 đạt 8 - 9%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành dệt may - da giày chiếm 10 - 12% trong cơ cấu ngành công nghiệp và đáp ứng 90 - 95% nhu cầu thị trường; năm 2030 chiếm tỷ trọng 7 - 8% và đáp ứng 100% nhu cầu.

- Đến năm 2020

+ Tiếp tục phát triển sản xuất các sản phẩm ngành dệt may, da giày theo hướng phục vụ xuất khẩu, kết hợp đáp ứng nhu cầu trong nước với mẫu mã, chất lượng, giá cả phù hợp sức mua của người tiêu dùng các vùng miền, chú trọng các vùng nông thôn, miền núi;

+ Đầu tư nâng cấp kết hợp đầu tư mới các dây chuyền sản xuất sản phẩm thời trang cao cấp; xây dựng các trung tâm thiết kế mẫu mốt có quy mô hiện đại; tiếp tục triển khai chương trình 5 tỷ mét vải. Hợp tác với ngành dầu khí trong đầu tư một số dự án xơ sợi tổng hợp.

+ Nghiên cứu xây dựng trung tâm xúc tiến thương mại chuyên ngành. Tập trung đáp ứng nhu cầu các phụ liệu ngành may và da giày; khai thác có hiệu quả các dự án xơ sợi tổng hợp.

- Đến năm 2030

+ Tập trung phát triển vùng nguyên liệu bông, vùng chăn nuôi gia súc để chủ động một phần nguyên liệu bông, da cho ngành.

+ Tiếp tục nghiên cứu phát triển các loại quần áo thời trang, giày cao cấp phục vụ các thị trường đòi hỏi chất lượng cao

đ) Ngành chế biến nông lâm thủy sản, thực phẩm, đồ uống



- Phát triển ngành theo hướng hiện đại, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh để chủ động hội nhập với khu vực và thế giới. Chú trọng xây dựng và phát triển thương hiệu trên các thị trường trong nước và xuất khẩu;



- Tập trung phát triển vùng nguyên liệu quy mô lớn phục vụ cho chế biến, trên cơ sở áp dụng rộng rãi các loại giống mới có năng suất và chất lượng cao, áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong gieo trồng và bảo quản, chế biến sau thu hoạch.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành chế biến nông lâm thủy sản, thực phẩm, đồ uống giai đoạn đến năm 2020 đạt 9 - 10%; giai đoạn đến năm 2030 đạt 8 - 9%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành chế biến nông lâm thủy sản, thực phẩm, đồ uống chiếm 25 - 27% trong cơ cấu ngành công nghiệp và đáp ứng 80 - 85% nhu cầu thị trường; năm 2030 chiếm tỷ trọng 21 - 23% và đáp ứng 90 - 95% nhu cầu.

- Đến năm 2020.

+ Đối với ngành bia rượu nước giải khát và dầu thực vật: Thực hiện theo Quy hoạch phát triển ngành đã được phê duyệt.

+ Xây dựng các nhà máy chế biến thực phẩm, thủy hải sản với công nghệ tiên tiến tại các vùng thuận lợi về nguyên liệu; đầu tư nâng cấp các nhà máy chế biến thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi.

+ Sản xuất thực phẩm chức năng và chế biến thủy, hải sản ứng dụng phương pháp công nghệ sinh học.

+ Phát triển công nghiệp sản xuất đồ gỗ nội thất xuất khẩu.

- Đến năm 2030

Tiếp tục phát huy lợi thế về tiềm năng, hiện đại hóa các công nghệ nuôi trồng vùng nguyên

liệu, chế biến sản phẩm để phát triển các vùng sản xuất tập trung từ nguyên liệu tới chế biến, chế biến sâu các sản phẩm ngành thực phẩm, đồ uống bảo đảm đáp ứng các yêu cầu vệ sinh thực phẩm, các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế.

e) Ngành sản xuất vật liệu xây dựng



- Phát triển khoa học công nghệ, đưa công nghệ mới và thiết bị hiện đại vào sản xuất vật liệu xây dựng nhằm nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

- Lựa chọn quy mô đầu tư hợp lý, tiếp tục phát triển sản xuất các sản phẩm có khả năng cạnh tranh ở thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành sản xuất vật liệu xây dựng giai đoạn đến năm 2020 đạt 8 - 9% và giai đoạn đến năm 2030 đạt 6 - 7%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành sản xuất vật liệu xây dựng chiếm 5 - 6% và năm 2030 chiếm 4 - 5% trong cơ cấu ngành công nghiệp; đáp ứng khoảng 90% nhu cầu thị trường trong nước về các sản phẩm xây dựng thông thường; năm 2030 đáp ứng 95 - 100%.

- Đến năm 2020

+ Đẩy mạnh phát triển các nhà máy sản xuất vật liệu không nung.

+ Hoàn thành việc chuyển đổi công nghệ các nhà máy sản xuất xi măng lò đứng sang lò quay trước năm 2016. Cân đối năng lực đồng bộ giữa nghiền xi măng với sản xuất clinker, giữa các vùng với mức cao nhất.

+ Nâng công suất sản xuất gạch ốp lát, sứ vệ sinh đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và một phần cho xuất khẩu.

+ Tạm dừng đầu tư xây dựng mới các nhà máy sản xuất kính xây dựng thông thường, tập trung vào nghiên cứu sản xuất các sản phẩm kính đặc biệt, có giá trị sử dụng cao, đáp ứng nhu cầu cho các công trình kiến trúc hiện đại.

+ Tiếp tục triển khai các dự án mở rộng giai đoạn 2 và một số dự án mới theo Quy hoạch của ngành sản xuất vật liệu xây dựng đã được phê duyệt.

- Đến năm 2030.

Căn cứ vào nhu cầu thị trường và khả năng đầu tư tại thời điểm năm 2020, khuyến khích đầu tư và mở rộng các dự án trên cơ sở áp dụng công nghệ mới, đảm bảo yêu cầu cao hơn về hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường: Sản xuất các loại kính tiết kiệm năng lượng, vật liệu ốp lát nội thất có khả năng ngăn ngừa sự ngưng tụ hơi nước, ngăn ngừa sự bám bẩn, có khả năng hút mùi hôi; sản xuất các loại vật liệu ốp lát ngoại thất có bề mặt chống thấm cao, chống bám dính, có khả năng tự làm sạch, ngăn ngừa sự phát triển của rêu mốc.

g) Ngành khai thác và chế biến khoáng sản

- Phát triển ngành khai thác và chế biến khoáng sản trên cơ sở sử dụng có hiệu quả tiềm năng trong nước, kết hợp với nhập khẩu; đầu tư khai thác với quy mô kinh tế, tăng cường chế biến sâu, bảo đảm tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng khoáng sản; làm tốt công tác phục hồi, tái tạo môi trường;

- Tăng cường công tác điều tra, đánh giá trữ lượng, chuẩn bị tài nguyên cho khai thác, chế biến theo quy hoạch chuyên ngành được phê duyệt.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành khai thác và chế biến khoáng sản giai đoạn đến năm 2020 đạt 7 - 8%; giai đoạn đến năm 2030 đạt 6 - 7%.



- Năm 2020 tỷ trọng ngành khai thác và chế biến khoáng sản chiếm 1 - 2% trong cơ cấu ngành công nghiệp và đáp ứng 65 - 70% nhu cầu thị trường; năm 2030 chiếm tỷ trọng 0,5 - 1,0% và đáp ứng 75 - 80% nhu cầu.

- Đến năm 2020.

Tiếp tục đầu tư thăm dò các mỏ boxit, quặng sắt, titan, chì, kẽm, quặng thiếc, vàng, đồng, niken, molipden, serpentin, barit, grafit, fluorit, bentonit talc, diatomit,... ở các nơi có triển vọng làm cơ sở cho công tác khai thác và chế biến phục vụ cho các ngành công nghiệp trong nước và một phần xuất khẩu.

+ Nhóm công nghiệp alumin - nhôm: Triển khai các dự án sản xuất alumin đã được phê duyệt; nghiên cứu xây dựng nhà máy điện phân nhôm.

+ Các kim loại khác: Căn cứ vào khả năng nguồn nguyên liệu và thị trường, lựa chọn đầu tư một số nhà máy luyện thiếc, chế biến quặng vonfram đa kim; hợp kim vonfram xuất khẩu; luyện antimon; sản xuất niken kim loại và các sản phẩm đi kèm.

- Đến năm 2030.

Tùy thuộc vào nhu cầu thị trường và khả năng đầu tư tại thời điểm năm 2020, có thể xem xét mở rộng một số dự án khai thác trên cơ sở áp dụng công nghệ mới, đảm bảo yêu cầu cao hơn về hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường.

h) Ngành điện



- Sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trong nước cho phát triển điện, kết hợp với việc nhập khẩu điện, nhập khẩu nhiên liệu hợp lý, đa dạng hóa các nguồn năng lượng sơ cấp cho sản xuất điện, bảo tồn nhiên liệu và bảo đảm an ninh năng lượng cho tương lai.

- Từng bước hình thành, phát triển thị trường điện cạnh tranh, đa dạng hóa phương thức đầu tư và kinh doanh điện. Nhà nước chỉ giữ độc quyền lưới điện truyền tải để đảm bảo an ninh hệ thống năng lượng quốc gia.

- Phát triển ngành điện dựa trên cơ sở sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng sơ cấp của mỗi miền; đảm bảo cung cấp đầy đủ, liên tục, an toàn cho nhu cầu điện tất cả các vùng trong toàn quốc.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành điện giai đoạn đến năm 2020 đạt 13 - 14% và giai đoạn đến năm 2030 đạt 10 - 12%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành điện chiếm 4 - 5% trong cơ cấu ngành công nghiệp và đáp ứng 85 - 90% nhu cầu thị trường; năm 2030 chiếm tỷ trọng 5 - 6% và đáp ứng 95 - 100% nhu cầu.

- Đến năm 2020

+ Hoàn thành các dự án nguồn điện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.



+ Phát triển các dạng năng lượng mới và tái tạo theo Quy hoạch phát triển được cấp có thẩm quyền phê duyệt để đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa các nguồn năng lượng (gió, mặt trời, biomass,...). Sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn nhiên liệu cho sản xuất điện, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Tăng cường trao đổi, mua bán điện với các nước láng giềng, nhằm tăng cường khả năng cấp điện mùa khô cho khu vực miền Bắc.

+ Phát triển lưới điện ở các cấp điện áp, đảm bảo đồng bộ với các dự án nguồn điện.

- Đến năm 2030

Tổng công suất lắp đặt các nhà máy điện khoảng 146.800MW, trong đó thủy điện chiếm 11,8%; thủy điện tích năng 3,9%; nhiệt điện than 51,6%; nhiệt điện khí đốt 11,8% (bao gồm 4,1% sử dụng LNG); nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo 9,4%; điện hạt nhân 6,6% và điện nhập khẩu 4,9%.

Điện năng sản xuất năm 2030 là 695 tỷ kWh,

trong đó thủy điện chiếm 9,3%; nhiệt điện than 56,4%; nhiệt điện khí đốt 14,4% (bao gồm 3,9% sử dụng LNG); nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo 6,0%; điện hạt nhân 10,1% và điện nhập khẩu 3,8%.

i) Ngành than

- Phát triển ngành than trên cơ sở khai thác, chế biến, sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên than của đất nước, nhằm phục vụ nhu cầu trong nước là chủ yếu; đóng góp tích cực, hiệuquả vào việc bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và đáp ứng tối đa nhu cầu than phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; bảo đảm việc xuất, nhập khẩu hợp lý theo hướng giảm dần xuất khẩu và chỉ xuất khẩu các chủng loại than trong nước chưa có nhu cầu sử dụng thông qua biện pháp quản lý bằng kế hoạch và các biện pháp điều tiết khác phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước và các cam kết quốc tế đối với Việt Nam.



- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành than giai đoạn đến năm 2020 đạt 9 - 10% và giai đoạn đến năm 2030 đạt 7 - 9%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành than trong cơ cấu ngành công nghiệp từ 1 - 2%, đáp ứng 80 - 85% nhu cầu thị trường; năm 2030 chiếm tỷ trọng từ 0,5 - 1,5% trong cơ cấu ngành công nghiệp, đáp ứng 75 - 80% thị trường.

- Đến năm 2020:

+ Triển khai thăm dò, khai thác tại các vùng mỏ theo Quy hoạch ngành than đã được phê duyệt.

+ Thăm dò đánh giá xong phần tài nguyên dưới mức -300 m đến đáy tầng than ở bể than Quảng Ninh, đồng thời thăm dò tỉ mỉ một phần bể than Đồng bằng sông Hồng.

+ Phát triển ngành than kết hợp với phát triển các dự án nhiệt điện than phù hợp Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia.

+ Đầu tư chế biến than theo hướng đa dạng hóa sản phẩm (nhiên liệu đốt trực tiếp, than dùng cho luyện kim, khí hóa than, nhiên liệu lỏng từ than, nhiên liệu cho công nghiệp hóa chất).

+ Từng bước đầu tư ra nước ngoài thông qua các hoạt động hợp tác thăm dò, khai thác, chế biến than.

- Đến năm 2030

Tranh thủ các nguồn vốn để thăm dò nâng cấp và gia tăng trữ lượng than; xác minh nghiên cứu công nghệ khai thác than hầm lò dưới mức -300 m ở bể than Quảng Ninh; triển khai khai thác than vùng Đồng bằng sông Hồng ở mức độ phù hợp; ứng dụng một số công nghệ mới để sản xuất than cho các nhu cầu đặc biệt.

k) Ngành dầu khí

- Phát triển ngành dầu khí đồng bộ, đa ngành và liên ngành để trở thành một ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng của đất nước; sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên dầu khí trong nước, đồng thời đẩy mạnh đầu tư tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí ở nước ngoài, kết hợp xuất, nhập khẩu làm cơ sở để phát triển ngành Dầu khí bền vững, đóng vai trò chủ đạo trong việc đảm bảo an ninh năng lượng cho sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa của đất nước.

- Phát huy nội lực, kết hợp với mở rộng hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài trong hoạt động tìm kiếm, thăm dò, gia tăng nhanh trữ lượng xác minh góp phần ổn định và gia tăng sản lượng khai thác; ưu tiên tìm kiếm, thăm dò, khai thác những vùng nước sâu, xa bờ, chồng lấn và nhạy cảm. Khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước thuộc các lĩnh vực chế biến, phân phối sản phẩm, dịch vụ,...



- Phát triển ngành dầu khí đi đôi với bảo vệ tài nguyên, môi trường, sinh thái, đảm bảo an ninh, quốc phòng, tăng cường sức mạnh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển, hải đảo và trên đất liền.

- Giai đoạn đến năm 2015, phấn đấu doanh thu dịch vụ kỹ thuật dầu khí đạt tốc độ tăng trưởng 15 - 20%/năm; giai đoạn 2016 - 2025 đạt tốc độ tăng trưởng 20 - 25%/năm.

- Năm 2020 tỷ trọng khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên chiếm 4 - 5% trong cơ cấu ngành công nghiệp và đáp ứng 70 - 80% nhu cầu thị trường; năm 2030 chiếm tỷ trọng 5 - 6% và đáp ứng 80 - 90% nhu cầu. Đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 phát triển ngành dầu khí đồng bộ, bao gồm các hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, phân phối, dịch vụ và xuất, nhập khẩu, cụ thể:

Về tìm kiếm, thăm dò dầu khí: đẩy mạnh công tác tìm kiếm, thăm dò, gia tăng trữ lượng dầu khí xác minh; ưu tiên triển khai ở những vùng nước sâu, xa bờ, chồng lấn và nhạy cảm; tích cực triển khai đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động tìm kiếm, thăm dò dầu khí. Phấn đấu gia tăng trữ lượng dầu khí xác minh đạt 35 - 45 triệu tấn dầu/năm.

Về khai thác dầu khí: Nghiên cứu các giải pháp nâng cao hệ số thu hồi dầu và duy trì mức sản lượng khai thác dầu khí tối ưu, đảm bảo an toàn và hạn chế nguy cơ bị ngập nước của các mỏ đang khai thác; tích cực mở rộng hoạt động đầu tư khai thác dầu khí ra nước ngoài.



Phấn đấu khai thác 25 - 38 triệu tấn quy dầu/năm, trong đó: khai thác dầu thô giữ ổn định ở mức 18 - 20 triệu tấn/năm và khai thác khí 8 - 19 tỷ m3/năm.

Về phát triển công nghiệp khí: Tích cực phát triển theo hướng đa dạng hóa thị trường tiêu thụ, khí sẽ được cung cấp cho các ngành: sản xuất điện, phân bón, hóa chất, các ngành công nghiệp, giao thông vận tải và dân dụng với quy mô sản lượng khoảng 19 tỷ m3/năm vào năm 2025. Nghiên cứu kết nối hệ thống đường ống Đông - Tây Nam Bộ, đường ống dẫn khí xuyên quốc gia làm cơ sở kết nối với đường ống dẫn khí khu vực Đông Nam Á. Nghiên cứu các giải pháp công nghệ phù hợp để thu gom và sử dụng có hiệu quả nguồn khí từ các mỏ nhỏ, mỏ biên phục vụ các nhu cầu phát triển kinh tế của đất nước.



Về công nghiệp chế biến dầu khí: dự kiến đến năm 2020 hoàn thành xây dựng 3 - 5 nhà máy lọc hóa dầu với tổng công suất khoảng 26 - 32 triệu tấn/năm, xây dựng và đưa vào vận hành từ 1 - 2 tổ hợp hóa dầu. Đến năm 2025 tiếp tục mở rộng và xây dựng 6 - 7 nhà máy lọc hóa dầu nâng tổng công suất lọc dầu 45 - 60 triệu tấn/năm, đáp ứng khoảng 50% nhu cầu sản phẩm hóa dầu cơ bản. Về phát triển dịch vụ dầu khí: Tăng cường đầu tư chiều sâu chiếm lĩnh thị trường dịch vụ công nghệ cao như thu nổ địa chấn; khoan thăm dò, khai thác tại các vùng nước sâu, xa bờ, có điều kiện địa chất phức tạp; tư vấn, quản lý dự án; thiết kế, chế tạo thiết bị dầu khí; vận chuyển dầu thô; khí thiên nhiên, khí hóa lỏng, khí nén, v.v.

I) Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ

- Ngành cơ khí - luyện kim



+ Tập trung sản xuất các chi tiết, cụm chi tiết để lắp ráp thiết bị toàn bộ như: Sản xuất thiết bị tiêu chuẩn, các loại dây dẫn, bu lông, đai ốc, hệ thống điều khiển, máy tính công nghiệp dùng chung; sản xuất máy động lực, các máy điện quay và tĩnh, động cơ diesel, động cơ xăng các loại và các phụ kiện truyền động, dẫn động; sản xuất thiết bị, phụ tùng cho phương tiện vận tải đường bộ; đường thủy; thiết bị, phụ tùng cho ngành chế biến nông lâm, thủy sản.

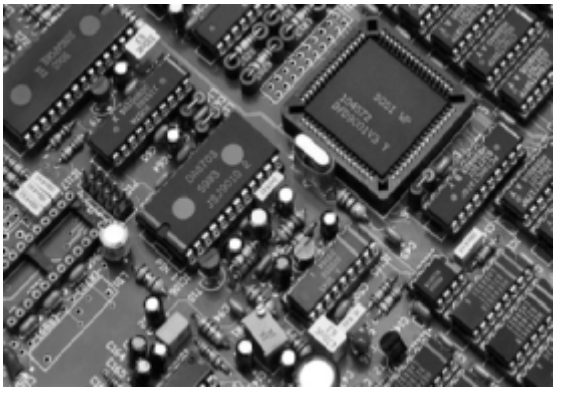
+ Tăng cường đầu tư chiều sâu tại các cơ sở cơ khí chế tạo hiện có để nâng cao năng lực đúc, rèn, tạo phôi lớn, nhiệt luyện, xử lý bề mặt, cung cấp nguyên liệu, bán thành phẩm tiêu chuẩn để chế tạo chi tiết, phụ tùng cho sản xuất 3 nhóm sản phẩm cơ khí chính là thiết bị đồng bộ, máy công cụ, máy móc xây dựng, tích cực thu hút đầu tư nước ngoài vào các quá trình sản xuất công nghệ cao và những khâu cơ bản mà Việt Nam còn yếu kém.

+ Đối với ngành công nghiệp ô tô: tập trung phát triển sản xuất theo cụm công nghệ gồm cabin, khung, vỏ, hệ thống treo, động cơ, hộp số, các đăng, hệ thống lái cho các loại xe tải, xe khách và xe chuyên dụng. Phát triển có chọn lựa một số loại động cơ, hộp số, bộ truyền động và phụ tùng với số lượng lớn phục vụ lắp ráp ô tô trong nước và xuất khẩu.



+ Xây dựng các khu, cụm công nghiệp hỗ trợ cơ khí tại Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Phòng, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Tây Ninh và Đà Nẵng.

- Ngành điện tử - tin học.



Tập trung vào các dịch vụ cung ứng giải pháp, thiết kế, trong đó đầu tư vào các dịch vụ cao cấp để hỗ trợ cho sản xuất phần mềm, phần cứng chuyên dụng; nghiên cứu thiết kế, phát triển sản phẩm mới, trong đó tập trung xây dựng các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, giải mã công nghệ; đẩy mạnh nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp cho công nghiệp điện tử: cung ứng linh phụ kiện, logistics, cung ứng hạ tầng, bảo hành và bảo trì thiết bị công nghệ có chất lượng cao.



- Ngành dệt may - da giày

Đến năm 2020 đạt khoảng 40% nhu cầu vải dệt thoi; sản xuất trong nước từ 40 - 100% phụ tùng cơ khí dệt may; đáp ứng 80% nhu cầu nội địa về các sản phẩm xơ, sợi tổng hợp và tiến tới xuất khẩu từ sau năm 2020. Ngành công nghiệp hỗ trợ da giày phối hợp với ngành dệt may, đẩy nhanh khả năng cung ứng các loại vải dệt để sản xuất giày dép, đặc biệt là giày dép vải xuất khẩu.



2. Quy hoạch phân bố không gian theo các vùng lãnh thổ

a) Vùng Trung du miền núi phía Bắc.

- Tập trung phát triển các ngành khai thác và chế biến khoáng sản, chế biến nông, lâm sản, công nghiệp thủy điện, một số dự án luyện kim.

- Tại các tỉnh dọc tuyến hành lang Lào Cai - Hà Nội sẽ phát triển công nghiệp lắp ráp linh kiện, công nghiệp hỗ trợ theo hướng hợp tác và khai thác thị trường Trung Quốc (thông qua cửa khẩu Lào Cai), thúc đẩy phát triển toàn tuyến hành lang.

- Xem xét tình hình phát triển một số dự án có quy mô lớn trong Vùng, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển công nghiệp cả Vùng.

b) Vùng Đồng bằng sông Hồng (trong đó có vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ)

- Phát triển các ngành công nghiệp cơ khí, luyện kim, hóa chất, nhiệt điện, công nghiệp công nghệ cao.

- Phát triển có chọn lọc công nghiệp hỗ trợ sản xuất linh kiện cơ khí, ô tô, xe máy, linh kiện điện tử xung quanh thành phố Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Quảng Ninh.

c) Vùng Duyên hải miền Trung (trong đó có vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung)

- Phát triển các ngành sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến hải sản, cơ khí đóng tàu, luyện kim và các ngành công nghiệp gắn với lợi thế vận tải biển.

- Kêu gọi đầu tư các ngành công nghiệp gắn với phát triển của hệ thống cảng biển; với trục hành lang Đông - Tây; Nghiên cứu phát triển các ngành công nghiệp phục vụ nhu cầu tuyến đường Hồ Chí Minh.

d) Vùng Tây Nguyên

- Phát triển công nghiệp chế biến cây công nghiệp, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng.

- Phát triển công nghiệp tại các khu vực có điều kiện thuận lợi về hạ tầng và gắn kết với hệ thống giao thông.

đ) Vùng Đông Nam Bộ (trong đó có vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam)

- Phát triển các ngành công nghiệp cơ khí, dầu khí và các chế phẩm hóa dầu, hóa chất, công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ cao; nghiên cứu phát triển công nghiệp phụ trợ.

- Căn cứ tình hình phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng thuộc tuyến hành lang Đông - Tây, nghiên cứu hình thành một số ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ nhu cầu của các tỉnh trong Vùng.

- Đầu tư phát triển đồng bộ các ngành công nghiệp gắn với tổ hợp khí - điện - đạm trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tỉnh Đồng Nai; phát triển công nghiệp công nghệ cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

e) Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (trong đó có vùng Kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long)

Tập trung phát triển các ngành chế biến nông sản, thủy hải sản xuất khẩu, công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp, đóng và sửa chữa các loại phương tiện đánh bắt xa bờ.

- Đầu tư hoàn chỉnh cụm khí - điện - đạm Cà Mau theo hướng hình thành một khu liên hợp công nghiệp lớn của Vùng.

- Xem xét bố trí một số dự án công nghiệp cơ khí, đóng và sửa chữa tàu thuyền gắn với mạng lưới cảng biển và cảng sông.



NGÀNH NGHỀ "HOT" NĂM 2023

1. LĨNH VỰC TÂM LÝ



Với những áp lực của cuộc sống hiện đại, theo khảo sát thì trung bình thế giới cứ 4 người thì có 1 người gặp vấn đề về tâm lý. Xã hội dần có cái nhìn thoáng hơn và khuyến khích tìm kiếm sự giúp đỡ về sức khỏe tâm lý khi cần, đặc biệt là cuộc sống trở nên ảm đạm bởi đại dịch. Vì thế, dịch vụ sức khỏe tâm lý đang dần trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

Hơn nữa, đây không phải là ngành nghề có thể tự động hóa. Tưởng tượng xem, bạn sẽ thấy khó tìm được sự đồng cảm thật sự từ robot. Đó là lý do theo dự đoán từ năm 2018 đến năm 2028, tỷ lệ tăng trưởng dự kiến của ngành này là 22%, tập trung vào các mảng lạm dụng chất kích thích, rối loạn hành vi lo âu và tư vấn sức khỏe tâm thần.

Tâm lý học là ngành khoa học nghiên cứu về hành vi con người. Nó bao gồm hiểu biết về cách chúng ta suy nghĩ, cảm nhận và hành động trong bối cảnh của mỗi cá nhân, xã hội hay các nền văn hóa qua thời gian, thông qua các nghiên cứu khoa học về quá trình tư duy và các quá trình sinh lý. Trong thực tế, tâm lý học hỗ trợ cho giáo dục, chữa các bệnh thần kinh, nâng cao khả năng làm việc, bán hàng...



2. NGÔN NGỮ

Trong thời kỳ hội nhập hiện nay, ngôn ngữ là ngành không thể không nhắc tới. Để mở cửa kinh tế, thu hút vốn đầu tư ngoài nước, có thể nói, ngôn ngữ là một vũ khí lợi hợi. Thành thạo nhiều ngôn ngữ sẽ giúp các quốc gia phá bỏ mọi rào cản, mang đến nhiều cơ hội hợp tác hơn.

Ngoài tiếng Anh, hiện nay, các ngôn ngữ có sức hút không kém đó là: tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Hàn, Đức,… Bạn có thể trở thành phiên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch cho người nước ngoài, dịch tài liệu cho các doanh nghiệp.

3. KHOA HỌC DỮ LIỆU



Khoa học Dữ liệu "Nghề nghiệp hấp dẫn nhất thế kỷ 21". Thuật ngữ "Khoa học Dữ liệu" đã trở thành một từ khóa phổ biến trên các phương tiện truyền thông, nhất là trên các diễn đàn về việc làm. Tại Hoa Kỳ, Khoa học Dữ liệu đứng đầu trong số 25 nghề tốt nhất, đứng thứ 16 về mức lương và đứng đầu trong số 10 ngành nghề được tuyển dụng nhiều nhất hiện nay. Các vị trí nghề nghiệp đòi hỏi các năng lực về phân tích dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu lớn đang gia tăng nhanh chóng ở rất nhiều các quốc gia trên thế giới.

Ở Việt Nam, nhu cầu tuyển dụng các chức danh nghề nghiệp liên quan đến khoa học dữ liệu trong các doanh nghiệp đang tăng lên nhanh chóng và dự báo sẽ trở nên cấp thiết trong các năm sắp tới. Trong xu hướng của cách mạng công nghiệp 4.0, đặc biệt là giai đoạn chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ ở Việt Nam hiện nay, các doanh nghiệp ngày càng nhận thức rõ tầm quan trọng của dữ liệu trong hoạt động tác nghiệp và điều hành, nhất là đối với việc ra quyết định kinh doanh thông minh. Việc này đòi hỏi cần có đội ngũ nhân lực có khả năng phân tích và khai thác được sức mạnh của dữ liệu, giúp nâng cao hiệu quả của hoạt động tác nghiệp và hỗ trợ ra quyết định trong doanh nghiệp, cũng như các tổ chức kinh tế - xã hội.



4. NGÀNH AN NINH MẠNG

Xã hội ngày càng phát triển, thông tin công nghệ ngày càng trở nên phổ biến, và là thành phần không thể thiếu trong cuộc sống của con người. Tuy nhiên, điều đó cũng khiến thông tin trên internet trở nên tràn lan, dễ dàng đánh cắp, thậm chí có thể đưa ra các thông tin sai lệch để làm những nhiễu xã hội.

Theo nghiên cứu, số liệu thực tế cho thấy, ngành An ninh mạng đang thực sự khan hiếm nguồn nhân lực đảm bảo đủ trình độ, kỹ năng. Nếu bạn lựa chọn phát triển bản thân theo ngành này, hoàn toàn có thể sẽ được làm việc trong các tổ chức chính phủ, hoặc các tập đoàn lớn, đòi hỏi tính bảo mật thông tin cao.

5. KINH DOANH QUỐC TẾ



Trong giai đoạn đang hội nhập quốc tế mạnh mẽ, Việt Nam đã ký kết hợp tác với nhiều nước trên thế giới thông qua các hiệp định như: Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc, Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Ấn Độ, Hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản,… việc gặp gỡ, giao thương giữa các nền kinh tế của các quốc gia sẽ diễn ra ngày càng sâu rộng. Học ngành này các bạn có rất nhiều sự lựa chọn về việc làm, đảm nhận rất nhiều vị trí khác nhau như: Chuyên gia nghiên cứu thị trường; Chuyên gia marketing quốc tế; Chuyên gia quản trị chuỗi cung ứng; Nhân viên xuất nhập khẩu; Chuyên gia hoạch định tài chính quốc tế; Chuyên gia tư vấn đầu tư quốc tế; Chuyên gia xúc tiến thương mại; Nhà tư vấn quản trị kinh doanh quốc tế; Chuyên gia nghiên cứu và giảng dạy về kinh doanh quốc tế… ở các công ty hay tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước. Một yếu tố quan trọng của ngành này là phải giỏi ngoại ngữ thì cơ hội việc làm sẽ rộng mở hơn.



6. THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Thương mại điện tử là một lĩnh vực mới, dựa trên sự giao thoa và tương tác của nhiều ngành khoa học khác nhau, đó là: kinh tế, kinh doanh, quản trị, marketing, công nghệ thông tin, hệ thống thông tin, luật... Do vậy, nguồn nhân lực ngành thương mại điện tử thường đòi hỏi kiến thức tổng hợp cần có kiến thức rộng trong nhiều lĩnh vực như kinh tế, công nghệ thông tin, quản trị và ngoại ngữ.... Bên cạnh đó, thương mại điện tử là lĩnh vực có hàm lượng ứng dụng công nghệ cao, tốc độ phát triển nhanh. Vì thế hiện đang cần nguồn lao động có trình độ về thương mại điện tử, bởi kinh doanh trên mạng xã hội và sàn giao dịch thương mại điện tử đang đem lại hiệu quả kinh tế cao.

7. DIGITAL MARKETING



Trong thời kỳ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, ngành Digital Marketing đang chuyển biến mạnh mẽ với các nền tảng kỹ thuật số được ứng dụng các công nghệ mới nhất. Chính vì vậy, lĩnh vực này đang được săn đón hơn bao giờ hết. Cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên chuyên ngành Digital Marketing sau khi tốt nghiệp rất đa dạng.

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Digital Marketing có thể tìm kiếm cơ hội việc làm ở rất nhiều lĩnh vực và vị trí khác nhau. Các vị trí có thể kể đến như quản lý, tiếp thị hoặc quan hệ công chúng, copywriter, marketing online, trợ lý truyền thông, quản lý thương hiệu, quan hệ khách hàng, kế toán, phân tích kinh doanh, luật thương mại, quản lý sự kiện, khởi nghiệp, tài chính, nhân sự và kinh doanh quốc tế…



8. THIẾT KẾ ĐỒ HỌA – DỰNG PHIM

Ngành thiết kế đồ họa là một trong những ngành có nhiều cơ hội việc làm nhất hiện nay. Nhân viên thiết kế đồ họa luôn được nhiều nhà tuyển dụng săn đón tại rất nhiều lĩnh vực ngay khi mới tốt nghiệp.

Đây là ngành dễ xin việc trong tương lai. Thiết bị truyền thông, điện thoại thông minh ngày càng phát triển, Nhu cầu xem hình ảnh và video của người dùng ngày càng nhiều, thế nên tất cả ngành nghề hay kinh doanh đều cần đến thiết kế và dựng video, thế nên đây là ngành "Hot" và rất dễ tìm kiếm được việc làm trong tương lai.

9. KỸ THUẬT VẬT LIỆU



Ngày nay, cùng với sự phát triển của rất nhiều các ngành kỹ thuật như công nghệ cơ khí, công nghệ hóa học, điện tử, công nghệ giao thông vận tải, kỹ thuật hàng không,… ngày càng đòi hỏi ngành công nghệ vật liệu cũng phải phát triển nhằm đáp ứng phù hợp với sự phát triển chung của ngành công nghiệp. Ngành Kỹ thuật Vật liệu là ngành nghiên cứu và triển khai các phương pháp chế tạo, xử lý vật liệu nhằm mục đích thu được vật liệu mới có đặc tính ưu việt hơn, thân thiện môi trường và kinh tế, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của con người. Kỹ thuật vật liệu đang là một trong bốn mũi nhọn khoa học công nghệ của thế giới.

10. CÔNG NGHỆ MỚI, VẬT LIỆU MỚI, NĂNG LƯỢNG MỚI

Kinh tế thế giới phát triển, môi trường sống của con người ngày càng ô nhiễm và bị tàn phá nặng nề, dẫn đến nhu cầu tìm kiếm các nguồn vật liệu mới thân thiện với môi trường ngày càng cao. Chính vì vậy, ngành này có xu hướng phát triển cao không chỉ tại Việt Nam mà trên toàn thế giới.



11. DU LỊCH, NHÀ HÀNG, KHÁCH SẠN

"Công nghiệp không khói" (tên gọi không chính thức của ngành du lịch) đang nắm giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam cũng nằm trong quỹ đạo đó. Là điểm đến mới với nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa khá phong phú cùng nhiều khách sạn, resort… do các tập đoàn nước ngoài đầu tư, ngành du lịch Việt Nam phát triển khá nhanh trong thập niên qua và có tiềm năng tiến xa hơn trong thời gian tới. Cùng với sự tăng trưởng của ngành công nghiệp du lịch, các nhà doanh nghiệp trong nhóm ngành dịch vụ, bao gồm các ngành du lịch lữ hành, nhà hàng khách sạn, dịch vụ ăn uống đang ráo riết tuyển dụng nguồn nhân lực trẻ và chất lượng.

12. NGÀNH DỊCH VỤ LÀM ĐẸP, THẨM MỸ, SỨC KHỎE



Bên cạnh việc du lịch và nghỉ dưỡng, các ngành liên quan đến làm đẹp, thẩm mỹ, sức khỏe cũng trở thành nhu cầu thiết yếu của hầu hết người dân của Việt Nam và thế giới. Ngành này sẽ yêu cầu bạn thực sự yêu thích và có một chút tố chất để phát huy hết năng lực bản thân để phát triển sự nghiệp.

Sức khỏe luôn được con người quan tâm hàng đầu, Việt Nam với sự gia tăng dân số mạnh mẽ trong những năm qua đã kéo theo sự phát triển của hệ thống chăm sóc sức khỏe con người. Vì vậy, những ngành nghề này được nhiều học sinh lựa chọn.



13. BẤT ĐỘNG SẢN

Bất động sản là một ngành mới ra đời và đang phát triển mạnh, đang có nhu cầu thu hút rất lớn nguồn nhân lực, đặc biệt là lực lượng lao động đã qua đào tạo đáp ứng các yêu cầu hoạt động kinh doanh bất động sản. Để vận hành thị trường bất động sản phát triển, cần có một đội ngũ những chuyên gia được đào tạo và trang bị kiến thức, và có phương tiện chuyên nghiệp để giúp các chủ thể tham gia thị trường và phát triển các hoạt động kinh doanh bất động sản.

Nguồn nhân lực cần được đào tạo bao gồm: Các chuyên gia kỹ thuật thiết kế, thi công... phục vụ quá trình sản xuất bất động sản, các chuyên gia kinh tế những người đầu tư kinh doanh, định giá, môi giới, các chuyên gia quản lý vận hành bất động sản quản lý, khai thác kinh doanh và duy trì trạng thái kỹ thuật của công trình bất động sản. Trong nền kinh tế thị trường, để đáp ứng yêu cầu về tính đặc thù của hoạt động kinh doanh bất động sản, những người hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản phải có kiến thức đa ngành: kinh tế, kỹ thuật, tâm lý xã hội.

14. KIẾN TRÚC

Đây là nghề chuyên thiết kế các công trình đô thị nhà cửa… Kiến trúc sư là nghề liên quan đến cả nghệ thuật và kỹ thuật nên nó đòi hỏi bạn cần có lòng đam mê, một chuyên môn giỏi và một chút năng khiếu bẩm sinh thì mới mong trụ lại được với nghề. Vì thế, kiến trúc sư vẫn luôn là nghề được trọng dụng và có tiềm năng phát triển lớn. Mức thu nhập của ngành này khá cao, tuy nhiên cũng phụ thuộc vào năng lực mỗi người.



15. XÂY DỰNG

Việt Nam là nước đang phát triển, đời sống người dân ngày càng phát triển đồng nghĩa với việc các công trình xây dựng ngày càng "mọc" lên nhiều hơn. Đây là một nghề khá triển vọng và có tiềm năng phát triển trong những năm tới.

Kinh tế đất nước đi lên, đồng nghĩa với đó là hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ nền kinh tế ngày càng phát triển. Dự báo tương lai ngành xây dựng sẽ là một ngành HOT, số lượng nguồn nhân lực phục vụ ngành này sẽ thiếu nhiều. Đặc biệt là thiếu đội ngũ kỹ sư chuyên môn, lực lượng phục vụ xây dựng và phát triển xây dựng có thể đáp ứng nhu cầu tuyển dụng nhân lực của ngành này.



16. TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI)

Trí tuệ nhân tạo là một phần của Khoa học máy tính tập trung vào việc tạo ra những cỗ máy thông minh hoạt động như con người. Chúng có thể thực hiện bất cứ hành động nào nếu được cung cấp đầy đủ những kiến thức cho chúng… Ngành này hiện nay có rất nhiều trường đào tạo và có nhiều học sinh quan tâm vì vậy tỉ lệ chọi của ngành này cũng khá cao.

17. CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM



Việt Nam với số dân trên 96 triệu người nên nhu cầu về sử dụng thực phẩm chế biến ngày càng lớn và nhất là nhu cầu về thực phẩm sạch an toàn cho sức khỏe. Cùng với quá trình hội nhập nên nhóm ngành này càng được chú trọng và phát triển để đáp ứng đầy đủ nhu cầu người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài. Đây là một mảnh đất màu mỡ cho những bạn đã, đang và sẽ theo ngành công nghệ thực phẩm.

Ngành này có tính ứng dụng cao trong cuộc sống con người và nó vô cùng quan trọng khi nhu cầu tiêu dùng thực phẩm sạch và an toàn được ưu tiên hàng đầu. Hiện nay có rất nhiều công ty, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thực phẩm đang thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao. Do đó, ngành công nghệ thực phẩm là một ngành Hot cho các bạn trẻ nên đăng ký lựa chọn.



18. LOGISTICS

Logistics đang trở thành một trong những ngành nghề thu hút nguồn nhân lực rất lớn hiện nay. Ngành Logistics sẽ đào tạo ra một đội ngũ nhân lực có tay nghề cao, được cung cấp các kiến thức chuyên sâu về logistics/Quản lý chuỗi cung ứng như: kinh tế logistics, luật vận tải, quản trị logistics, quản trị chuỗi cung ứng. Học ngành này sẽ giúp người học có khả năng lên kế hoạch, có khả năng điều phối, biết tính toán và nhạy bén. Hiện tại, ngành này đang có mức thu nhập cao và thiếu nguồn nhân lực.

19. CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ÔTÔ

Trong giai đoạn phát triển kinh tế mạnh mẽ như hiện nay ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô sẽ rất cần thiết để đáp ứng nhu cầu nhân lực trong tương lai, ngành học này tích hợp kiến thức của nhiều lĩnh vực: cơ khí, tự động hóa, điện - điện tử và công nghệ chế tạo máy, chuyên về khai thác, sử dụng và quản lý dịch vụ kỹ thuật ô tô như điều hành sản xuất phụ tùng, lắp ráp, cải tiến, nâng cao hiệu quả sử dụng.





20. KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA

Trong giai đoạn công nghiệp 4.0 bất cứ ngành nghề kỹ thuật nào cũng cần đến tự động hóa. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa là ngành thuộc nhóm ngành điện – điện tử, chuyên nghiên cứu các thuật toán để điều khiển, sử dụng các thiết bị chấp hành nhằm mục đích tự động các quá trình công nghệ sản xuất, nơi các thao tác của con người được thay thế hoàn toàn bằng máy móc, robot và các thiết bị tự động khác. Đây là ngành học đòi hỏi người học phải năng động, đam mê, sáng tạo, kiên trì, ham học hỏi, có kỹ năng nghề nghiệp cao.

THÔNG TIN TUYỂN SINH 2023 CỦA MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TỪ ĐÀ NẴNG TRỞ VÀO ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 41 Lê Duẩn, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng

Thông tin hỗ trợ tư vấn tuyển sinh của các cơ sở thành viên thuộc Đại học Đà Nẵng

STT	TRƯỜNG THÀNH VIÊN	THÔNG TIN HỖ TRỢ TUYỂN SINH
1	**TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA** **Mã trường: DDK**	- Địa chỉ: 54 Nguyễn Lương Bằng, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên chiểu, TP. Đà Nẵng - Địa chỉ trang thông tin chung: http://www.dut.udn.vn - Địa chỉ trang tuyển sinh: http://dut.udn.vn/TuyenSinh2023 - Facebook tuyển sinh: https://www.facebook.com/DUTpage - Zalo tuyển sinh: https://zalo.me/dhbkdn2022 - Email tuyển sinh: tuyensinhbkdn@dut.udn.vn - Số điện thoại tuyển sinh (hotline): (0888) 377 177; (0888) 477 377; (0888) 577 277;
2	**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ** **Mã trường: DDQ**	- Địa chỉ: 71 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng - Địa chỉ trang thông tin chung: https://due.udn.vn/ - Địa chỉ trang tuyển sinh: http://due.udn.vn/tuvantuyensinh - Facebook tuyển sinh: https://www.facebook.com/FaceDue/ - Zalo tuyển sinh: 0911 223 777 - Email tuyển sinh: tuyensinh@due.edu.vn - Số điện thoại tuyển sinh (hotline): 0911 223 777; (0236) 352 2345
3	**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM** **Mã trường: DDS**	- Địa chỉ: 459 Tôn Đức Thắng, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng - Địa chỉ trang thông tin chung: http://ued.udn.vn - Địa chỉ trang tuyển sinh: https://tuyensinh.ued.udn.vn/ - Facebook tuyển sinh: https://www.facebook.com/ueddn - Email tuyển sinh: tuyensinh@ued.udn.vn - Số điện thoại tuyển sinh (hotline): (0898) 204 204
4	**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ** **Mã trường: DDF**	- Địa chỉ: 131 Lương Nhữ Hộc, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng - Địa chỉ trang thông tin chung: www.ufl.udn.vn - Địa chỉ trang tuyển sinh: https://tuyensinh.ufl.udn.vn - Facebook tuyển sinh: https://vi-vn.facebook.com/fanpage.ud.ufls/ - Email tuyển sinh: tuyensinh@ufl.udn.vn - Số điện thoại tuyển sinh (hotline): (0236) 369 9335
5	**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT** **Mã trường: DSK**	- Địa chỉ: 48 Cao Thắng, Phường Thanh Bình, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng - Địa chỉ trang thông tin chung: https://ute.udn.vn - Địa chỉ trang tuyển sinh: https://tuyensinh.ute.udn.vn - Facebook tuyển sinh: https://www.facebook.com/tuyensinhdhspkt - Zalo tuyển sinh: https://zalo.me/g/lpussm884 - Email tuyển sinh: tuyensinh@ute.udn.vn
6	**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN** **Mã trường: VKU**	Địa chỉ: 470 Trần Đại Nghĩa, Phường Hoà Quý, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng - Địa chỉ trang thông tin chung: https://vku.udn.vn - Địa chỉ trang tuyển sinh: http://tuyensinh.vku.udn.vn - Facebook tuyển sinh: https://facebook.com/vku.udn.vn - Zalo tuyển sinh: https://vku.udn.vn/zalo - Email tuyển sinh: tuyensinh@vku.udn.vn - Số điện thoại tuyển sinh (hotline): (0236) 3 667 113
7	**PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TẠI KON TUM** **Mã trường: DDP**	- Địa chỉ: 704 Phan Đình Phùng, Phường Quang Trung, TP. Kon Tum - Địa chỉ trang thông tin chung: http://kontum.udn.vn - Địa chỉ trang tuyển sinh: http://ts.kontum.udn.vn - Facebook tuyển sinh: https://www.facebook.com/kontum.udn.vn - Zalo tuyển sinh: https://zalo.me/2950488430114856478 - Email tuyển sinh: tuyensinhudck@kontum.udn.vn - Số điện thoại tuyển sinh (hotline): (0260) 650 9559; 0934 876 005; 0931 642 456
8	**VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO VIỆT - ANH** **Mã trường: DDV**	- Địa chỉ: 158A Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng - Địa chỉ trang thông tin chung: https://vnuk.udn.vn/ - Địa chỉ trang tuyển sinh: https://tuyensinhvnuk.edu.vn/ - Facebook tuyển sinh: https://www.facebook.com/vnukadmission - Zalo tuyển sinh: 0905 556 654 - Số điện thoại tuyển sinh (hotline): 0905 556 654 - Instagram tuyển sinh: https://www.instagram.com/vnuk.edu.vn/ - Email tuyển sinh: admission@vnuk.edu.vn
9	**KHOA Y DƯỢC** **Mã trường: DDY**	- Địa chỉ: Đô thị Đại học Đà Nẵng, Phường Hoà Quý, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng - Địa chỉ trang thông tin chung: https://smp.udn.vn/ - Địa chỉ trang tuyển sinh: http://smp.udn.vn/tuyen-sinh - Facebook tuyển sinh: https://www.facebook.com/tuyensinhkyd/ - Email tuyển sinh: tuyensinhkyd@smp.udn.vn - Số điện thoại tuyển sinh (hotline): (0236) 710 9357 (Bấm số 2); 0979 552 214

Thông tin đăng ký xét tuyển vào các cơ sở đào tạo thành viên của Đại học Đà Nẵng năm 2023

Link thông tin chi tiết: http://ts.udn.vn/DHCD/Chinhquy/DHTbao/9429

Trích Nguồn: http://ts.udn.vn/DHCD/Chinhquy/DHTbao/9429 - http://ts.udn.vn/DHCD/Chinhquy/DHCTDTao/987

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

Mã Trường: TTD

1. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến
1	Giáo dục thể chất	7140206	Giáo viên Giáo dục thể chất	100
2	Quản lý thể dục thể thao	7810301	Thể thao giải trí	35
			Truyền thông và Tổ chức sự kiện Thể thao	
			Golf	
3	Huấn luyện thể thao	7810302	Khoa học vận động	300
			Huấn luyện viên: *Điền kinh; Thể dục; Thể thao dưới nước; Bóng đá; Bóng chuyền; Bóng rổ; Bóng ném; Bóng bàn; Cầu lông; Quần vợt; Cờ vua; Võ thuật*	

2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

- Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp TDTT đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành (không mắc các bệnh tim mạch, hô hấp, thần kinh…; không bị dị hình dị tật,….)

3. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

TT	Phương thức	Mã Phương thức
1	Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo	301
2	Ưu tiên xét tuyển, miễn thi năng khiếu cho thí sinh đạt huy chương (hoặc giải nhất, nhì, ba) tại các giải, bao gồm: Hội khỏe Phù Đổng, Đại hội TDTT cấp tỉnh, Thành Phố; VĐV đạt huy chương các giải thể thao học sinh toàn quốc, giải vô địch quốc gia, giải trẻ quốc gia và các giải quốc tế.	303
3	Xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT kết hợp điểm thi năng khiếu TDTT	405
4	Xét tuyển điểm học tập bậc THPT kết hợp điểm thi năng khiếu TDTT	406
5	Xét kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT (đối với ngành Quản lý Thể dục thể thao - 7810301)	100
6	Xét kết quả điểm học tập THPT (đối với ngành Quản lý Thể dục Thể thao - 7810301)	200

4. TỔ HỢP XÉT TUYỂN

Ngành	Mã Phương thức (*)	Mã tổ hợp xét tuyển
Giáo dục thể chất (7140206)	301	T00: Toàn - Sinh học - Năng khiếu TDTT T03: Ngữ văn - Sinh học - Năng khiếu TDTT T05: Ngữ văn - GDCD - Năng khiếu TDTT T08: Toàn - GDCD - Năng khiếu TDTT
	303	
	405	
	406	
Huấn luyện thể thao (7810302)	301	
	303	
	405	
	406	
Quản lý thể dục thể thao (7810301)	301	T00: Toàn - Sinh học - Năng khiếu TDTT T03: Ngữ văn - Sinh học - Năng khiếu TDTT T05: Ngữ văn - GDCD - Năng khiếu TDTT T08: Toàn - GDCD - Năng khiếu TDTT
	303	
	405	
	406	
	100	B04: Toàn - Sinh học - GDCD
	200	C14: Toàn - Ngữ văn - GDCD

(*) Ghi chú: Mã phương thức là mã quy định trên hệ thống quản lý thi tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. NỘI DUNG THI NĂNG KHIẾU

Thí sinh chọn 03/06 nội dung sau:

1) Bật xa tại chỗ (cm)
2) Chạy 60m (giây)
3) Chạy luồn cọc 30m (giây)
4) Nhảy dây 01 phút (số lần)
5) Nằm sấp chống đẩy (số lần)
6) Dẻo gập thân (cm)

6. THỜI GIAN THI NĂNG KHIẾU VÀ NHẬN HỒ SƠ.

6.1. Thi năng khiếu tại các địa phương

TT	Địa phương	Thời gian dự kiến	Địa điểm	Ghi chú
1	Nghệ An	Từ 30/3 - 02/4/2023	Thành phố Vinh	Thí sinh khu vực Hà Tĩnh, Nghệ An trở ra phía Bắc
2	Quảng Bình	Từ 8/4 - 9/4/2023	Thành phố Đồng Hới	Thí sinh khu vực Quảng Bình
3	Quảng Trị		Thành phố Đông Hà	Thí sinh khu vực Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế
4	Quảng Ngãi		Thành phố Quảng Ngãi	Thí sinh khu vực Quảng Ngãi, Bình Định trở vào phía Nam
5	Gia Lai	Từ 15/4 - 16/4/2023	Thành phố Pleiku	Thí sinh khu vực Tây Nguyên và các tỉnh lân cận
6	Đà Nẵng	23/4/2023	Đại học TDTT Đà Nẵng	Thí sinh khu vực Quảng Nam, Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế

6.2. Thi năng khiếu tại Trường Đại học TDTT Đà Nẵng

- Đợt 1: Ngày 14/7 - 16/7/2023
- Đợt bổ sung: Ngày 04/8 - 06/8/2023

6.3. Đăng ký xét tuyển: Tất cả thí sinh phải đăng ký tài khoản xét tuyển trực tuyến theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 44 Dũng Sỹ Thanh Khê, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Điện thoại: 02363.707188 - Email: tdttdn@dsu.edu.vn

Trích Nguồn: https://dsu.edu.vn/tuyensinh/dai-hoc/tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2023-10110

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG

Mã trường: KTD

I. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN 2023

Nhà trường dự kiến xét tuyển **2.900 chỉ tiêu** trình độ Đại học chính quy cho **18 ngành đào tạo** theo **04 phương thức** xét tuyển.

Bảng 1: Tên và mã phương thức xét tuyển

STT	Phương thức	Tên phương thức	Mã phương thức
1	Phương thức 1	Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023	100
2	Phương thức 2	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp & điểm thi năng khiếu	405
3	Phương thức 3	Xét tuyển theo kết quả học tập ghi trong học bạ	200
4	Phương thức 4	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT & điểm thi năng khiếu	406

1. **Phương thức 1, 2:** Thí sinh sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 để xét tuyển. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT về thời gian xét tuyển, lệ phí xét tuyển, cách thức đăng ký. Thí sinh cần tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT 2023 và có điểm thi đạt từ ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do Nhà trường quy định. Đối với các tổ hợp có sử dụng điểm năng khiếu, thí sinh cần tham dự kỳ thi đánh giá năng lực Mỹ thuật được tổ chức tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng hoặc tại các trường Đại học có tổ chức thi trên cả nước.

Bảng 2: Tổ hợp và cách thức tính điểm theo kết quả thi tốt nghiệp 2023

Mã Phương thức	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Cách tính điểm
100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00, A01, B00, D01, D14, D15	ĐXT = Điểm Môn 1 + Môn 2 + Môn 3 + Điểm ƯT
405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp & điểm thi năng khiếu	V00, V01, V02, H00	

ĐXT: Điểm xét tuyển

Điểm Môn 1, Môn 2, Môn 3: Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023 của từng môn trong tổ hợp xét tuyển. Chi tiết tổ hợp xem tại Bảng 4.

Điểm ƯT (Điểm ưu tiên): Điểm ưu tiên được xác định theo Khoản 4, Điều 7 của Thông tư 08/TT-BGDĐT.

Từ năm 2023, điểm ưu tiên **đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên** (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ƯT = [(30 - Tổng điểm đạt được của thí sinh)/7.5] x Tổng điểm ưu tiên xác định thông thường.

*Từ năm 2023, **thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp**. Như vậy, nếu thí sinh tham gia xét tuyển đại học từ năm thứ 3 trở đi sau khi tốt nghiệp THPT thì sẽ không được cộng điểm ưu tiên khu vực.*

2. **Phương thức 3, 4:** Thí sinh sử dụng kết quả học tập cấp trung học phổ thông (học bạ). Thí sinh cần có điểm xét tuyển đạt từ ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do Nhà trường quy định. Cụ thể như sau:

Bảng 3: Tổ hợp và cách thức tính điểm theo kết quả học tập THPT

Mã Phương thức	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Cách tính điểm
200	Xét tuyển theo kết quả học tập ghi trong học bạ	5K2, 122	ĐXT = Điểm TB x 3 + Điểm ƯT
		A00, A01, B00, D01, D14, D15	ĐXT = Điểm Môn 1 + Môn 2 + Môn 3 + Điểm ƯT
406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT & điểm thi năng khiếu	5K1, 121	ĐXT = Điểm TB x 2 + Điểm NK + Điểm ƯT
		V00, V01, V02, H00	ĐXT = Điểm Môn 1 + Môn 2 + Môn 3 + Điểm ƯT

ĐXT: Điểm xét tuyển

Điểm Môn 1, Môn 2, Môn 3: Điểm cả năm lớp 12 của từng môn trong tổ hợp xét tuyển

Điểm NK: Điểm thi năng khiếu (Vẽ mỹ thuật)

Điểm ƯT (Điểm ưu tiên): Điểm ưu tiên được xác định theo Khoản 4, Điều 7 của Thông tư 08/TT-BGDĐT.

Từ năm 2023, điểm ưu tiên **đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên** (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ƯT = [(30 - Tổng điểm đạt được của thí sinh)/7.5] x Tổng điểm ưu tiên xác định thông thường.

*Từ năm 2023, **thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp**. Như vậy, nếu thí sinh tham gia xét tuyển đại học từ năm thứ 3 trở đi sau khi tốt nghiệp THPT thì sẽ không được cộng điểm ưu tiên khu vực.*

Điểm TB: Điểm trung tất cả các môn của 5HK **(Tổ hợp 5K1, 5K2)** hoặc Điểm Trung bình cả năm lớp 12 **(Tổ hợp 121, 122)** cụ thể như sau:

+ 5K1: Tổ hợp xét tuyển sử dụng Điểm trung bình tất cả các môn văn hóa của 5 Học kỳ *(bao gồm HK1, HK2 lớp 10, HK1, HK2 lớp 11 và HK 1 lớp 12)* kết hợp Điểm thi năng khiếu.

+ 5K2: Tổ hợp xét tuyển sử dụng Điểm trung bình tất cả các môn văn hóa của 5 Học kỳ *(bao gồm HK1, HK2 lớp 10, HK1, HK2 lớp 11 và HK 1 lớp 12)*

Điểm TB = (HK1 lớp 10 + HK2 lớp 10 + HK1 lớp 11 + HK2 lớp 11 + HK1 lớp 12)/5

+ 121: Tổ hợp xét tuyển sử dụng Điểm trung bình cả năm lớp 12 kết hợp Điểm thi năng khiếu

+ 122: Tổ hợp xét tuyển sử dụng Điểm trung bình cả năm lớp 12

Điểm TB = (HK1 lớp 12 + HK2 lớp 12)/2

3. Điều kiện xét tuyển

- **Đối với phương thức 100 & 405 (Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT)**: Sau khi có kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT, Nhà trường sẽ công bố ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào.
- **Đối với phương thức 200 & 406 (Sử dụng kết quả học tập THPT ghi trong học bạ)**: Điểm nhận hồ sơ xét tuyển đối với phương thức xét tuyển theo kết quả học tập THPT **>= 18** điểm (bao gồm cả điểm ưu tiên khu vực, đối tượng).
- **Đối với các tổ hợp có môn Vẽ mỹ thuật:**
  + Tổ hợp V00, V01, V02: Tổng điểm TB của **2** môn văn hóa ≥ **12.0**
  + Tổ hợp H00: Điểm TB môn Văn ≥ **6.0**
  + Điểm môn Vẽ mỹ thuật; Bố cục màu ≥ **4.0**

II. DANH MỤC MÃ NGÀNH, TÊN NGÀNH, PHƯƠNG THỨC VÀ TỔ HỢP XÉT TUYỂN 2023

Bảng 4: Danh mục Mã ngành, tên ngành, phương thức và tổ hợp xét tuyển

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tên phương thức xét tuyển	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp xét tuyển
1 2 3	7580101 7580105 7580108	Kiến trúc Quy hoạch vùng & đô thị	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A01	Toán, Lý, Tiếng Anh
			Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	V00	Toán, Lý, Vẽ mỹ thuật
				V01	Toán, Văn, Vẽ mỹ thuật
				V02	Toán, Tiếng Anh, Vẽ mỹ thuật
			Xét kết quả học tập THPT (học bạ)	A01	Toán, Lý, Tiếng Anh
				5K2	Trung bình 5 học kỳ
				122	Trung bình cả năm 12
			Kết hợp kết quả học tập THPT (học bạ) với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	V00	Toán, Lý, Vẽ mỹ thuật
				V01	Toán, Văn, Vẽ mỹ thuật
				V02	Toán, Tiếng Anh, Vẽ mỹ thuật
				5K1	Trung bình 5HK và điểm môn năng khiếu
				121	Trung bình cả năm 12 và điểm môn năng khiếu
4	7210403	Thiết kế đồ hoạ	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	V00	Toán, Lý, Vẽ mỹ thuật
				V01	Toán, Văn, Vẽ mỹ thuật
				V02	Toán, Tiếng Anh, Vẽ mỹ thuật
				H00	Văn, Vẽ mỹ thuật, Bố cục màu
			Kết hợp kết quả học tập THPT (học bạ) với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	V00	Toán, Lý, Vẽ mỹ thuật
				V01	Toán, Văn, Vẽ mỹ thuật
				V02	Toán, Tiếng Anh, Vẽ mỹ thuật
				H00	Văn, Vẽ mỹ thuật, Bố cục màu
				5K1	Trung bình 5HK và điểm môn năng khiếu
				121	Trung bình cả năm 12 và điểm môn năng khiếu
5	7580201	Kỹ thuật xây dựng	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Lý, Hoá
6	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		A01	Toán, Lý, Tiếng Anh
7	7580210	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng		B00	Toán, Hoá, Sinh
8	7580302	Quản lý xây dựng		D01	Toán, Văn, Tiếng Anh
9	7580301	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (học bạ)	A00	Toán, Lý, Hoá
10	7480201	Công nghệ thông tin		A01	Toán, Lý, Tiếng Anh
11	7340301	Kế toán		B00	Toán, Hoá, Sinh
12	7340201	Tài chính - Ngân hàng		D01	Toán, Văn, Tiếng Anh
13	7340101	Quản trị kinh doanh			
14	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành		5K1	Trung bình 5HK và điểm môn năng khiếu

15	7810201	Quản trị khách sạn		122	Trung bình cả năm 12
16	7510605	Logistics & quản lý chuỗi cung ứng			
17 18	7220201 7220204	Ngôn ngữ Anh Ngôn ngữ Trung Quốc	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	D01	Toán, Văn, Tiếng Anh
				A01	Toán, Lý, Tiếng Anh
				D14	Văn, Sử, Tiếng Anh
				D15	Văn, Địa, Tiếng Anh
			Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (học bạ)	D01	Toán, Văn, Tiếng Anh
				A01	Toán, Lý, Tiếng Anh
				D14	Văn, Sử, Tiếng Anh
				D15	Văn, Địa, Tiếng Anh
				5K2	Trung bình 5 học kỳ
				122	Trung bình cả năm 12

Các thông tin cần thiết khác:

- Trường tổ chức xét tuyển các môn văn hóa; tổ chức thi môn Đánh giá năng lực mỹ thuật và xét tuyển theo kết quả thi môn Vẽ mỹ thuật (hoặc môn Hình họa, môn Bố cục màu,...) của thí sinh đã dự thi các môn này tại các trường đại học trên toàn quốc trong cùng năm tuyển sinh. Môn Đánh giá năng lực mỹ thuật (hoặc môn Vẽ mỹ thuật,....) phải đạt từ 4,0 điểm trở lên.
- Điểm trúng tuyển đối với mỗi ngành và mỗi phương thức xét tuyển được xác định căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành đào tạo dành cho mỗi phương thức.
- Đối với mỗi phương thức xét tuyển, thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo điểm xét tuyển của thí sinh, không phân biệt tổ hợp môn xét tuyển và thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng. Nếu các thí sinh có điểm xét tuyển như nhau ở cuối danh sách, dẫn đến vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh, thì Trường xét trúng tuyển đối với thí sinh ĐKXT có điểm của môn sau đây trong tổ hợp môn xét tuyển cao hơn:
  + **Môn Đánh giá năng lực mỹ thuật (hoặc môn Vẽ mỹ thuật,...)** đối với các ngành năng khiếu;
  + **Môn Toán** đối với các ngành kỹ thuật, công nghệ, kinh doanh, quản lý, du lịch và các ngành: Kiến trúc, Quy hoạch vùng và đô thị, Thiết kế nội thất (nếu thí sinh ĐKXT theo tổ hợp A01);
  + **Môn Tiếng Anh** đối với các ngành ngoại ngữ.

III. QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ

- **Đối với phương thức 100, 405 (Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023):** Thí sinh cần hoàn thành kỳ thi tốt nghiệp THPT 2023, sau khi có kết quả, thí sinh đăng ký nguyện vọng trên cổng tuyển sinh của Bộ GD&ĐT theo kế hoạch chung.
- **Đối với phương thức 200, 406 (Sử dụng kết quả học tập THPT (học bạ)):** Thí sinh có thể thực hiện việc đăng ký xét tuyển sớm tại đường link sau từ ngày **11/01/2023: https://xettuyen.dau.edu.vn**
  + Dự kiến khi có kế hoạch công tác tuyển sinh 2023 của Bộ GD&ĐT, Nhà trường sẽ thông báo và hướng dẫn cụ thể đến thí sinh cách thức đăng ký và xác nhận nguyện vọng vào Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng trên cổng tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Thí sinh sẽ được công nhận trúng tuyển chính thức và gửi giấy báo nhập học sau khi Bộ GD&ĐT thực hiện công tác xét tuyển và lọc ảo toàn quốc.

IV. THỜI GIAN ĐĂNG KÝ

Đợt 1: 11/01/2023 - 30/04/2023 - Đợt 2: 01/05/2023 - 30/06/2023 - Đợt 3: 01/07/2023 - 31/08/2023 - Đợt 4: 01/09/2023 - 30/09/2023

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG

1. Fanpage: https://www.facebook.com/DaihocKientrucDanang
2. Group TVTS 2023: https://www.facebook.com/groups/tuyensinh.dau
3. Group Zalo: https://zalo.me/g/tipaln062
4. Hotline: 0866.254.999 - 0816.988.288

Trích Nguồn: https://tuyensinh.dau.edu.vn/truong-dai-hoc-kien-truc-da-nang-cong-bo-phuong-an-xet-tuyen-dai-hoc-du-kien-nam-2023.html

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG Á

Mã Trường: DAD

Theo đó, Đông Á dự kiến tuyển sinh 35 ngành đào tạo theo 04 phương thức xét tuyển độc lập, gồm:

1. **Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT 2023**
2. **Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ (lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12)**
3. **Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình năm lớp 12**
4. **Xét tuyển kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực (ĐGNL) 2023 của ĐH Quốc gia TP.HCM**

- **Tất cả thí sinh tốt nghiệp THPT trên cả nước đều có thể xét tuyển vào ĐH Đông Á theo 04 phương thức này.**
  + Đối với phương thức xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT 2023, ĐH Đông Á thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT về thời gian xét tuyển, lệ phí xét tuyển, cách thức đăng ký. Thí sinh cần tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT 2023 và có điểm thi đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐH Đông Á quy định.
  + Đối với phương thức xét kết quả kỳ thi ĐGNL 2023 của ĐH Quốc gia TP. HCM, thí sinh cần tham dự kỳ thi và có điểm thi đạt từ ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐH Đông Á quy định. Thời gian xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi ĐGNL do ĐH Quốc gia TP. HCM tổ chức sẽ được thông báo tại website **https://donga.edu.vn/.** Thí sinh theo dõi và đăng ký xét tuyển bằng Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của ĐH Đông Á.

+ Đối với các phương thức xét tuyển học bạ, thí sinh cần có điểm xét tuyển đạt từ ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐH Đông Á quy định. Cụ thể, với phương thức xét tuyển học bạ 03 học kỳ, thí sinh cần có tổng điểm trung bình 03 học kỳ xét tuyển (gồm 02 học kỳ lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 18 điểm trở lên (đã bao gồm điểm ưu tiên); với phương thức xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình lớp 12, thí sinh cần có tổng điểm trong bình năm lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên (đã bao gồm điểm ưu tiên). Riêng đối với ngành Sư phạm và Khoa học sức khỏe, điều kiện xét tuyển học bạ áp dụng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển học bạ theo 03 cách: nộp hồ sơ trực tiếp tại ĐH Đông Á, gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc đăng ký trực tuyến tại website trường. ĐH Đông Á tiếp nhận hồ sơ học bạ theo từng đợt, đợt đầu tiên bắt đầu từ 03/01/2023. Thời gian dự kiến từng đợt cụ thể như sau:

- Đợt 1: 03/1 - 31/3	- Đợt 5: 16/7 - 31/7
- Đợt 2: 01/4 - 31/5	- Đợt 6: 01/8 - 15/8
- Đợt 3: 01/6 - 30/6	- Đợt 7: 16/8 - 31/8
- Đợt 4: 01/7 - 15/7	- Đợt 8: 01/9 - 15/9

- Những thí sinh đang là học sinh lớp 12 chưa có kết quả xét tốt nghiệp THPT năm 2023 vẫn có thể đăng ký xét tuyển học bạ ngay trong đợt đầu tiên (từ 03/01/2023) để được ưu tiên xét tuyển, bằng cách đăng ký tại website trường và nộp trước Phiếu đăng ký xét tuyển, bản photo công chứng học bạ THPT qua đường bưu điện về Trường ĐH Đông Á. Được biết, 35 ngành đào tạo được Đông Á tuyển sinh năm 2023 thuộc các nhóm ngành Kỹ thuật; Kinh tế; Ngôn ngữ; Sư phạm; Sức khỏe.
- Danh mục các ngành, chuyên ngành xét tuyển và các tổ hợp xét tuyển tương ứng cho từng ngành đào tạo tại ĐH Đông Á năm 2023 cụ thể như sau:

STT	**Ngành**	**Chuyên môn trong ngành**	**Mã ngành**	**Ngành đào tạo tại Phân hiệu Đăk Lăk**	**Thời gian học** (năm)	**Tổ hợp xét tuyển**
1	Quản trị kinh doanh	- Nghiên cứu thị trường - Nghiệp vụ Marketing - Nghiệp vụ kinh doanh và bán lẻ - Kinh doanh Logistics - Quản trị doanh nghiệp	7340101	7340101DL	3.5 - 4	**A00; A01; D01; D78** A00: Toán, Vật Lý, Hóa học A01: Toán, Vật Lý, Tiếng Anh D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D78: Ngữ văn, KHXH, Tiếng Anh
2	Marketing	- Marketing tổng hợp - Marketing số (Digital marketing) - Quản trị marketing - Truyền thông marketing - Quản trị marketing	7340115	7340115DL	3.5 - 4	
3	Kinh doanh quốc tế	- Nghiệp vụ kinh doanh quốc tế - Nghiệp vụ logistics - Đầu tư quốc tế - Quản trị doanh nghiệp	7340120		3.5 - 4	
4	Truyền thông đa phương tiện	- Viết sáng tạo - Sản xuất phim và quảng cáo - PR - Tổ chức sự kiện - Đồ hoạ ứng dụng	7320104		3.5 - 4	
5	Thương mại điện tử	- Marketing trực tuyến - Kinh doanh trực tuyến - Giải pháp thương mại điện tử - Quản trị thương mại điện tử - Logistics & chuỗi cung ứng số	7340122		3.5 - 4	
6	Kinh doanh thời trang và dệt may		7340123		3.5 - 4	
7	Tài chính - Ngân hàng	- Kế toán & Tài chính doanh nghiệp - Đầu tư tài chính - Ngân hàng thương mại - Ngoại thương/Xuất nhập khẩu	7340201		3.5 - 4	
8	Kế toán	- Kế toán tổng hợp - Kế toán doanh nghiệp sản xuất - Kế toán các đơn vị khác	7340301	7340301DL	3.5 - 4	

		- Kiểm toán - Tài chính doanh nghiệp				
9	Quản trị nhân lực	- Hoạch định & Tuyển dụng nguồn nhân lực - Đánh giá thành tích & Động viên nhân lực - Đào tạo & Phát triển nguồn nhân lực - Nhà quản trị nhân lực - Tổ chức sự kiện - Quản lý dự án & Khởi nghiệp	7340404		3.5 - 4	**A00; C00; D01; D78** A00: Toán, Vật Lý, Hóa học C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa Lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D78: Ngữ văn, KHXH, Tiếng Anh
10	Quản trị văn phòng	- Quản trị văn phòng - Nghiệp vụ thư ký và tổ chức sự kiện - Nghiệp vụ Văn thư - Lưu trữ	7340406		3.5 - 4	
11	Luật	- Luật dân sự - Luật hành chính	7380101		3.5 - 4	
12	Luật kinh tế	- Luật Kinh doanh - Luật Sở hữu trí tuệ - Tranh chấp hợp đồng kinh tế - Trọng tài kinh tế	7380107		3.5 - 4	
13	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	- Quản trị du lịch và lữ hành - Hướng dẫn viên quốc tế - Quản trị sự kiện và giải trí - Văn hóa du lịch - Việt Nam học - Quản trị du lịch và dịch vụ hàng không	7810103	7810103DL	3.5 - 4	**C00; D01; D78; D90** C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa Lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D78: Ngữ văn, KHXH, Tiếng Anh D90: Toán, KHTN, Tiếng Anh
14	Quản trị khách sạn	- Quản trị du lịch và khách sạn - Quản trị du lịch và nhà hàng - Quản trị sự kiện và giải trí - Quản trị du lịch và dịch vụ hàng không	7810201	7810201DL	3.5 - 4	
15	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	- Quản trị du lịch và nhà hàng - Quản trị kinh doanh dịch vụ ăn uống - Quản trị sự kiện và giải trí - Quản trị bếp - Quản trị du lịch và dịch vụ hàng không	7810202		3.5 - 4	
16	Kỹ thuật máy tính	- Mạch điện tử và ứng dụng - Mạng và Cloud - Hệ thống IoT - Trí tuệ nhân tạo trong IoT	7480106	7480106DL	4 - 4.5	**A00; A01; D01; D90** A00: Toán, Vật Lý, Hóa học A01: Toán, Vật Lý, Tiếng Anh D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D90: Toán, KHTN, Tiếng Anh
17	Công nghệ thông tin	- Công nghệ phần mềm - Mạng máy tính và An toàn thông tin - Thiết kế đồ hoạ	7480201	7480201DL	4 - 4.5	
18	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	- Xây dựng dân dụng & công nghiệp - BIM trong kỹ thuật xây dựng - Xây dựng công trình giao thông	7510103		4 - 4.5	

		- Thiết kế nội thất				
19	Công nghệ kỹ thuật ô tô	- Động cơ đốt trong - Khung gầm ô tô - Điện ô tô - Máy công cụ nông nghiệp	7510205	7510205DL	4 - 4.5	
20	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	- Điện dân dụng và công trình - Mạch điện tử - Điện công nghiệp - Xây dựng hệ thống IoT - Vận hành hệ thống điện và năng lượng tái tạo	7510301	7510301DL	4 - 4.5	
21	CNKT điều khiển và tự động hóa	- Điện dân dụng - công trình (Điện dân dụng và công trình) - Điều khiển giám sát hệ thống - Lập trình IoT - Trí tuệ nhân tạo trong điều khiển - Kỹ thuật điện lạnh	7510303		4 - 4.5	
22	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	- Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu - Nghiệp vụ logistics và vận tải - Nghiệp vụ quản lý chuỗi cung ứng - Quản lý doanh nghiệp	7510605	7510605DL	3.5 - 4	
23	Công nghệ thực phẩm	- Công nghệ sản xuất giống và nuôi trồng - Công nghệ chế biến thực phẩm - Quản lý chất lượng thực phẩm - Thương mại thực phẩm	7540101	7540101DL	3.5 - 4	**A00; B00; B08; D01** A00: Toán, Vật Lý, Hóa học B00: Toán, Hóa học, Sinh học B08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
24	Nông nghiệp	- Công nghệ giống cây trồng - Khoa học động vật - Bảo vệ thực vật - Kỹ thuật canh tác cây trồng - Tổ chức trang trại thông minh trên nền tảng IoT - Khoa học thực phẩm	7620101	7620101DL	3.5 - 4	
25	Giáo dục Mầm non		7140201	7140201DL	3.5 - 4	**A00; C00; D01; M06** A00: Toán, Vật Lý, Hóa học C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa Lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh M06: Ngữ văn, Toán, Năng khiếu
26	Giáo dục Tiểu học		7140202	7140202DL	3.5 - 4	
27	Quản lý văn hoá	- Văn hóa tổ chức - Quản lý Văn hóa nghệ thuật - Truyền thông đại chúng	7229042		3.5 - 4	**A00, C00, D01, D78** A00: Toán, Vật Lý, Hóa học C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa Lý D01: D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D78: Ngữ văn, KHXH, Tiếng Anh
28	Tâm lý học	- Tham vấn Tâm lý - Trị liệu Tâm lý - Giảng dạy kỹ năng sống	7310401		3.5 - 4	
29	Ngôn ngữ Anh	- Biên phiên dịch - Giảng dạy tiếng Anh - Nghiệp vụ thư ký - Hướng dẫn viên quốc tế	7220201	7220201DL	3.5 - 4	**A01; D01; D78; D90** A01: Toán, Vật Lý, Tiếng Anh D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh

		- Lễ tân khách sạn				D78: Ngữ văn, KHXH, Tiếng Anh D90: Toán, KHTN, Tiếng Anh
30	Ngôn ngữ Trung Quốc	- Biên phiên dịch - Giảng dạy tiếng Trung - Thư ký - trợ lý - Hướng dẫn viên quốc tế - Thương mại	7220204	7220204DL	3.5 - 4	**A01; D01; D04; D78** A01: Toán, Vật Lý, Tiếng Anh D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D04: Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung D78: Ngữ văn, KHXH, Tiếng Anh
31	Ngôn ngữ Nhật	- Biên - Phiên dịch (Biên phiên dịch) - Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật - Nghiệp vụ thư ký - Hướng dẫn viên quốc tế - Tiếng Nhật thương mại	7220209	7220209DL	3.5 - 4	**A01; D01; D06; D78** A01: Toán, Vật Lý, Tiếng Anh D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D06: Ngữ văn, Toán, Tiếng Nhật D78: Ngữ văn, KHXH, Tiếng Anh
32	Ngôn ngữ Hàn Quốc	- Biên phiên dịch - Phương pháp giảng dạy tiếng Hàn - Thư ký - Hướng dẫn viên quốc tế - Thương mại	7220210	7220210DL	3.5 - 4	**A01; D01; DD2; D78** A01: Toán, Vật Lý, Tiếng Anh D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh DD2: Ngữ văn, Toán, Tiếng Hàn D78: Ngữ văn, KHXH, Tiếng Anh
33	Dược	- Nghiên cứu bào chế & sản xuất thuốc - Dược bệnh viện - Quản lý và cung ứng thuốc	7720201		4.5 - 5	**A00; B00; D07; D90** A00: Toán, Vật Lý, Hóa học B00: Toán, Hóa học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D90: Toán, KHXH, Tiếng Anh
34	Điều dưỡng	- Kiểm soát nhiễm khuẩn và Kỹ thuật điều dưỡng - Điều dưỡng Đa khoa; Điều dưỡng Nội, Ngoại, Sản, Nhi khoa - Truyền nhiễm và cộng đồng - Kỹ thuật phục hồi chức năng - Chăm sóc người bệnh cao tuổi - Quản lý điều dưỡng	7720301	7720301DL	3.5 - 4	**A00; B00; B08; D90** A00: Toán, Vật Lý, Hóa học B00: Toán, Hóa học, Sinh học B08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh D90: Toán, KHXH, Tiếng Anh
35	Dinh dưỡng	- Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm - Dinh dưỡng cộng đồng - Dinh dưỡng học đường - Dinh dưỡng lâm sàng - Tổ chức QL khoa và TV dinh dưỡng	7720401		3.5 - 4	

Về tổ hợp xét tuyển, ĐH Đông Á áp dụng 04 tổ hợp môn cho mỗi ngành xét tuyển. Riêng đối với các ngành có tổ hợp xét tuyển bao gồm môn Năng khiếu đối với ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Tiểu học, thí sinh có thể tham dự kỳ thi do ĐH Đông Á tổ chức hoặc lấy kết quả thi Năng khiếu từ trường đại học khác để tham gia xét tuyển. ĐH Đông Á dự kiến tổ chức 02 đợt thi Năng khiếu vào các ngày 21-22/7; 18-19/9.

Mọi Thông Tin Chi Tiết Liên Hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG Á
Địa chỉ: 33 Xô Viết Nghệ Tĩnh - Q. Hải Châu - TP. Đà Nẵng
Điện thoại: 0236.3519.929 - 0236.3519.991 - 0236.3531.332
Trích Nguồn: https://donga.edu.vn/tuyensinh/ts-chi-tiet/dh-dong-a-cong-bo-04-phuong-thuc-tuyen-sinh-du-kien-nam-2023-29554

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

Mã trường: DDT

Chỉ tiêu: 6.200

I. VÙNG TUYỂN SINH: Tuyển sinh trong cả nước.

II. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Thí sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương trong nước hoặc nước ngoài đủ điều kiện xét tuyển học đại học theo qui chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh của Trường.

III. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH: Trường thực hiện 04 phương thức xét tuyển

1) Xét tuyển thẳng theo Qui chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT;

- **Đối tượng Xét tuyển thẳng**
  + Tham dự đội tuyển thi Olympic quốc tế, cuộc thi KHKT quốc tế. Xét giải các năm: 2021, 2022, 2023.
  + Giải học sinh giỏi Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích cấp Quốc gia; cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
  + Giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong Cuộc thi Khoa học Kỹ thuật cấp quốc gia; cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
  + Giải Nhất, Nhì, Ba, khuyến khích tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN, thi tay nghề quốc tế.
  + Tham gia Vòng thi tuần trong cuộc thi "Đường lên đỉnh Olympia" trên Đài Truyền hình Việt Nam.
  + Xét tuyển thẳng đối với các học sinh tốt nghiệp các trường THPT Chuyên của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (trừ khối ngành Khoa học Sức khỏe).
  + Xét tuyển thẳng Thí sinh là thành viên đội tuyển quốc gia.
  + Xét tuyển thẳng Thí sinh là người nước ngoài tốt nghiệp THPT hoặc tương đương THPT của Việt Nam (trừ khối ngành Khoa học Sức khỏe).

2) Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023;

3) Xét kết quả học tập (Học bạ) THPT theo một trong hai hình thức sau:

- Dựa vào kết quả học tập năm lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12;
- Dựa vào kết quả học tập năm lớp 12.

4) Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. HCM. Và Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức năm 2023 cho tất cả các ngành, ngoại trừ ngành Kiến trúc.

- Thí sinh tham gia xét tuyển ngành Kiến trúc sẽ tham dự thi môn Vẽ Mỹ thuật (Hình thức: Vẽ tĩnh vật) do Trường Đại học Duy Tân tổ chức vào ngày **28&29/04/2023** hoặc thí sinh nộp kết quả thi môn Vẽ Mỹ thuật từ các trường khác để xét tuyển vào Trường Đại học Duy Tân.

IV. TÊN NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH VÀ MÔN XÉT TUYỂN

ĐẠI HỌC DUY TÂN CÓ 7 TRƯỜNG ĐÀO TẠO THÀNH VIÊN & 01 VIỆN ĐÀO TẠO					
TT	**Mã ngành**	**Ngành học**	**Mã Chuyên ngành**	**Thí sinh chọn 1 trong 4 tổ hợp môn để xét tuyển**	
				Xét kết quả thi THPT Mã phương thức: 100	**Xét Học bạ THPT Mã phương thức: 200**
TRƯỜNG KHOA HỌC MÁY TÍNH - TOP 251-300 THẾ GIỚI THEO TIMES HIGHER EDUCATION					
01	7480103	**Ngành Kỹ thuật phần mềm** có các chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Công nghệ Phần mềm (Đạt kiểm định ABET)	102		
	7480103 (HP)	Thiết kế Games và Multimedia	122		
		Big Data & Machine Learning (HP)	115(HP)		
		Trí tuệ Nhân tạo (HP)	121(HP)		
02	7480202	**Ngành An toàn Thông tin** có chuyên ngành:			
		An toàn Thông tin	124		
03	7480101	**Ngành Khoa học máy tính**	130		
04	7460108	**Ngành Khoa học dữ liệu**	135		
05	7480102	**Ngành Mạng Máy tính và Truyền thông Dữ liệu** có chuyên ngành:			
		Kỹ thuật Mạng (Đạt kiểm định ABET)	101		
		Mạng Máy tính và Truyền thông Dữ liệu	140		
TRƯỜNG CÔNG NGHỆ - TOP 251 - 300 THẾ GIỚI THEO TIMES HIGHER EDUCATION					
01	7510301	**Ngành Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử** có các chuyên ngành (Đạt kiểm định ABET)		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Điện tự động	110		
		Điện tử-Viễn thông	109		
		Thiết kế Vi mạch Nhúng*	126		
	7510301 (CLC)	Điện-Điện tử chuẩn PNU	113(PNU)		
02	7510205	**Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô** có chuyên ngành:			
		Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	117		

		Điện Cơ Ô tô	145		
03	7520216	**Ngành Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa** có chuyên ngành:			
		Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	118		
04	7520201	**Ngành Kỹ thuật Điện**	150		
05	7520114 (CLC)	**Ngành Kỹ thuật Cơ điện tử*** có chuyên ngành			
		Cơ điện tử chuẩn PNU	112(PNU)		
06	7210403	**Ngành Thiết kế đồ họa**	111	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Văn, Vẽ (V01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
07	7210404	**Ngành Thiết kế thời trang**	119		
08	7580101	**Ngành Kiến trúc** có các chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Vẽ (V00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01) 3.Toán, KHXH, Vẽ (M02) 4.Toán, KHTN, Vẽ (M04)	1.Toán, Lý, Vẽ (V00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01) 3.Toán, Ngoại ngữ, Vẽ (V02) 4. Toán, Địa, Vẽ (V06)
		Kiến trúc công trình	107		
09	7580103	**Ngành Kiến trúc Nội thất*** có chuyên ngành			
		Kiến trúc nội thất	108		
10	7580201	**Ngành Kỹ thuật Xây dựng** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp	105		
11	7510102	**Ngành Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng** có chuyên ngành:			
		Công nghệ Quản lý Xây dựng	206		
		Quản lý và Vận hành Tòa nhà	207		
12	7580205	**Ngành Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông*** có chuyên ngành:			
		Xây dựng Cầu đường	106		
13	7510406	**Ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Văn, Toán, Hoá (C02)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Toán, Hóa, Sinh (B00)
		Công nghệ & Kỹ thuật Môi trường	301		
14	7540101	**Ngành Công nghệ thực phẩm** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Văn, Toán, Lý (C01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Toán, Hóa, Sinh (B00)
		Công nghệ Thực phẩm	306		
15	7850101	**Ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Văn, Toán, KHXH (C15)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Toán, Hóa, Sinh (B00)
		Quản lý Tài nguyên và Môi trường	307		
16	7510202	**Ngành Công nghệ Chế tạo Máy** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Công nghệ Chế tạo Máy	125		
TRƯỜNG KINH TẾ - TOP 301 - 400 THẾ GIỚI THEO TIMES HIGHER EDUCATION					
01	7340101	**Ngành Quản trị kinh doanh** có các chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Quản trị Kinh doanh Tổng hợp	400		
		Quản trị Kinh doanh Bất động sản	415		
		QTKD Quốc tế (Ngoại thương)	411		
02	7340122	**Ngành Thương mại Điện tử**	422		
03	7340404	**Ngành Quản trị Nhân lực**	417		

04	7510605	**Ngành Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng**	416		
05	7340115	**Ngành Marketing** có chuyên ngành			
		Quản trị Kinh doanh Marketing	401		
		Digital Marketing	402		
06	7340121	**Ngành Kinh doanh Thương mại** có chuyên ngành			
		Kinh doanh Thương mại	412		
07	7340201	**Ngành Tài chính - Ngân hàng** có chuyên ngành:			
		Tài chính doanh nghiệp	403		
		Ngân hàng	404		
08	7310104	**Ngành Kinh tế Đầu tư** có chuyên ngành			
		Đầu tư Tài chính	433		
09	7340301	**Ngành Kế toán** có các chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Kế toán doanh nghiệp	406		
		Kế toán Nhà Nước	409		
	7340301 (HP)	Kế toán Quản trị (HP)	406(HP)		
10	7340302	**Ngành Kiểm toán** có chuyên ngành			
		Kiểm toán	430		
TRƯỜNG NGOẠI NGỮ & XHNV					
01	7220201	**Ngành Ngôn ngữ Anh** có các chuyên ngành:		1.Văn, Toán, Anh (D01) 2.Văn, Sử, Anh (D14) 3.Văn, Địa, Anh (D15) 4.Văn, KHTN, Anh (D72)	1.Văn, Toán, Anh (D01) 2.Văn, Sử, Anh (D14) 3.Văn, Địa, Anh (D15) 4.Toán, Lý, Anh (A01)
		Tiếng Anh Biên-Phiên dịch	701		
		Tiếng Anh Du lịch	702		
		Tiếng Anh Thương mại	801		
	7220201 (CLC)	Tiếng Anh Chất lượng cao	711(CLC)		
02	7220204	**Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc** có các chuyên ngành:		1.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 2.Văn, Sử, Ngoại ngữ (D14) 3.Văn, Địa, Ngoại ngữ (D15) 4.Văn, KHTN, Ngoại ngữ (D72)	1.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 2.Toán, Sử, Ngoại ngữ (D09) 3.Văn, Sử, Ngoại ngữ (D14) 4.Văn, Địa, Ngoại ngữ (D15)
		Tiếng Trung Biên-Phiên dịch	703		
		Tiếng Trung Du lịch	707		
		Tiếng Trung Thương mại	803		
	7220204 (CLC)	Tiếng Trung Chất lượng cao	714(CLC)		
03	7220210	**Ngành Ngôn Ngữ Hàn Quốc** có chuyên ngành:		1.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 2.Văn, Sinh, Ngoại ngữ (D13) 3.Toán, Sử, Ngoại ngữ (D09) 4.Toán, Địa, Ngoại ngữ (D10)	1.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 2.Văn, Sinh, Ngoại ngữ (D13) 3.Toán, Sử, Ngoại ngữ (D09) 4.Toán, Địa, Ngoại ngữ (D10)
		Tiếng Hàn Biên-Phiên dịch	705		
		Tiếng Hàn Du lịch	706		
		Tiếng Hàn Thương mại	805		
	7220210 (CLC)	Tiếng Hàn Chất lượng cao	710(CLC)		
04	7220209	**Ngành Ngôn Ngữ Nhật** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Sử, Ngoại ngữ (D14) 4.Văn, Địa, Ngoại ngữ (D15)	1.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Sử, Ngoại ngữ (D14) 4.Văn, Địa, Ngoại ngữ (D15)
		Tiếng Nhật Biên-Phiên dịch	704		
		Tiếng Nhật Du lịch	708		
		Tiếng Nhật Thương mại	804		
	7220209 (CLC)	Tiếng Nhật Chất lượng cao	719(CLC)		
05	7229030	**Ngành Văn học** có chuyên ngành:		1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, KHXH (C15) 3.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 4.Văn, Toán, Địa (C04)	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Toán, Sử (C03) 4.Văn, Toán, Địa (C04)
		Văn Báo chí	601		
06	7310630	**Ngành Việt Nam học** có chuyên ngành:		1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, KHXH (C15) 3.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Toán, Lý (C01)
		Việt Nam học	600		

				4.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01)	4.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01)
07	7320104	**Ngành Truyền thông đa phương tiện** có chuyên ngành:		1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, KHXH (C15) 3.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 4.Toán, Lý, Hóa (A00)	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 4.Toán, Lý, Hóa (A00)
		Truyền thông Đa phương tiện	607		
08	7310206	**Ngành Quan hệ quốc tế** có các chuyên ngành:		1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, KHXH (C15) 3.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 4.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01)	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01)
		Quan hệ Quốc tế (Chương trình Tiếng Anh)	608		
		Quan hệ Quốc tế (Chương trình Tiếng Nhật)	604		
		Quan hệ Quốc tế (Chương trình Tiếng Trung)	603		
		Quan hệ Kinh tế Quốc tế	602		
	7310206 (HP)	Quan hệ Quốc tế(HP)	608(HP)		
09	7320108	**Ngành Quan hệ Công chúng**	610	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, KHXH (C15) 3.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 4.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01)	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01)
10	7380107	**Ngành Luật kinh tế** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Văn, Sử, Địa (C00) 3.Văn, Toán, KHXH (C15) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 3.Văn, Sử, Địa (C00) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Luật Kinh tế	609		
	7380107 (HP)	Luật Kinh doanh (HP)	609(HP)		
11	7380101	**Ngành Luật** có chuyên ngành			
		Luật học	606		
TRƯỜNG DU LỊCH - ĐẠT KIỂM ĐỊNH QUỐC TẾ UNWTO.TEDQUAL					
01	7810201	**Ngành Quản trị Khách sạn** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Văn, Sử, Địa (C00) 3.Văn, Toán, KHXH (C15) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 3.Văn, Sử, Địa (C00) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Quản trị Du lịch và Khách sạn	407		
	7810201 (CLC)	Quản trị Khách sạn Quốc tế (PSU) (Đạt kiểm định UNWTO.Tedqual)	414(PSU)		
02	7810103	**Ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành** có chuyên ngành:			
		Quản trị Du lịch & Dịch vụ Hàng không	444		
		Hướng dẫn Du lịch quốc tế (tiếng Anh)	440		
		Hướng dẫn Du lịch quốc tế (tiếng Hàn)	441		
		Hướng dẫn Du lịch quốc tế (tiếng Trung)	442		
		Quản trị Du lịch & Lữ hành	408		
	7810103 (CLC)	Quản trị Du lịch & Lữ hành chuẩn PSU	408(PSU)		
03	7340412	**Ngành Quản trị Sự kiện** có chuyên ngành:			
		Quản trị Sự kiện và Giải trí	413		
04	7810202 (CLC)	**Ngành Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống** có chuyên ngành:			
		Quản trị Nhà hàng Quốc tế (PSU) (Đạt kiểm định UNWTO.Tedqual)	425(PSU)		
05	7810101	**Ngành Du lịch** có các chuyên ngành:			
		Smart Tourism (Du lịch thông minh)	445		
		Văn hóa Du lịch	605		
TRƯỜNG Y - DƯỢC - TOP 176-200 THẾ GIỚI THEO TIMES HIGHER EDUCATION					
01	7720301	**Ngành Điều dưỡng** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Toán, Sinh, Văn (B03)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, Sinh, Văn (B03) 4.Văn, Toán, Hoá (C02)
		Điều dưỡng Đa khoa	302		
02	7720201	**Ngành Dược** có chuyên ngành:			
		Dược sỹ (Đại học)	303		
03	7720101	**Ngành Y Khoa** có chuyên ngành:			

		Bác sĩ Đa khoa	305	1.Toán, KHTN, Văn (A16) 2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, KHTN, Ngoại ngữ (D90) 4.Toán, Sinh, Ngoại ngữ (D08)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, Lý, Sinh (A02) 4.Toán, Sinh, Ngoại ngữ (D08)
04	7720501	**Ngành RĂNG-HÀM-MẶT** có chuyên ngành		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Toán, KHTN, Ngoại ngữ (D90)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, Lý, Sinh (A02) 4.Toán, Sinh, Ngoại ngữ (D08)
		Bác sĩ RĂNG-HÀM-MẶT	304		
05	7420201	**Ngành Công nghệ Sinh học** có chuyên ngành:		1.Toán, Hóa, Sinh (B00) 2.Toán, Sinh, Ngoại ngữ (D08) 3.Toán, KHTN, Văn (A16) 4.Toán, Sử, Ngoại ngữ (D09)	1.Toán, Lý, Sinh (A02) 2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, Sinh, Văn (B03) 4.Toán, Sinh, Ngoại ngữ (D08)
		Công nghệ Sinh học	310		
06	7520212	**Ngành Kỹ thuật Y sinh**	320	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Toán, Sinh, Văn (B03)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, Sinh, Văn (B03) 4.Văn, Toán, Hoá (C02)

CÁC CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN & CHẤT LƯỢNG CAO, DU HỌC

1. CÁC CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN & CHẤT LƯỢNG CAO

TT	Mã ngành	Ngành học	Mã Chuyên ngành	Thí sinh chọn 1 trong 4 tổ hợp môn để xét tuyển	
				Xét kết quả thi THPT Mã phương thức: 100	Xét Học bạ THPT Mã phương thức: 200
1	7480202 (CLC)	An ninh Mạng chuẩn CMU	116 (CMU)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
2	7480103 (CLC)	Công nghệ Phần mềm chuẩn CMU *(Đạt kiểm định ABET)*	102 (CMU)		
3	7340405 (CLC)	Hệ thống Thông tin Quản lý chuẩn CMU *(Đạt kiểm định ABET)*	410 (CMU)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
4	7510301 (CLC)	Cơ Điện tử chuẩn PNU	112(PNU)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
5	7510301 (CLC)	Điện-Điện tử chuẩn PNU *(Đạt kiểm định ABET)*	113(PNU)		
6	7340101 (CLC)	Quản trị Kinh doanh chuẩn PSU	400(PSU)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
7	7340201 (CLC)	Tài chính-Ngân hàng chuẩn PSU	404(PSU)		
8	7340301 (CLC)	Kế toán chuẩn PSU	405(PSU)		
9	7810201 (CLC)	Quản trị Du lịch & Khách sạn chuẩn PSU	407(PSU)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Văn, Sử, Địa (C00) 3.Văn, Toán, KHXH (C15) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 3.Văn, Sử, Địa (C00) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
10	7810103 (CLC)	Quản trị Du lịch & Lữ hành chuẩn PSU	408(PSU)		
11	7810202 (CLC)	Quản trị Du lịch và Nhà hàng chuẩn PSU	409(PSU)		
12	7580201 (CLC)	Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp chuẩn CSU	105(CSU)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
13	7580101 (CLC)	Kiến trúc Công trình chuẩn CSU	107(CSU)	1.Toán, Lý, Vẽ (V00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01)	1.Toán, Lý, Vẽ (V00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01)

				3.Toán, KHXH, Vẽ (M02) 4.Toán, KHTN, Vẽ (M04)	3.Toán, Ngoại ngữ, Vẽ (V02) 4. Toán, Địa, Vẽ (V06)
2. CHƯƠNG TRÌNH DU HỌC TẠI CHỖ LẤY BẰNG HOA KỲ CỦA ĐH TROY & ĐH KEUKA					
TT	**Mã ngành**	**Ngành học**	**Mã Chuyên ngành**	**Thí sinh chọn 1 trong 4 tổ hợp môn để xét tuyển** **Xét kết quả thi THPT Mã phương thức: 100**	**Xét Học bạ THPT Mã phương thức: 200**
1	7480101 (ADP)	**Ngành Khoa học Máy tính*** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Công nghệ Thông tin TROY	102 (TROY)		
2	7810201 (ADP)	**Ngành Quản trị Khách sạn** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Văn, Sử, Địa (C00) 3. Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 3.Văn, Sử, Địa (C00) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Quản trị Du lịch & Khách sạn TROY	407 (TROY)		
3	7340101 (ADP)	**Ngành Quản trị Kinh doanh** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Quản trị Kinh doanh KEUKA	400 (KE)		
VIỆN QUẢN LÝ NAM KHUÊ					
TT	**Mã ngành**	**Ngành học**	**Mã Chuyên ngành**	**Thí sinh chọn 1 trong 4 tổ hợp môn để xét tuyển** **Xét kết quả thi THPT Mã phương thức: 100**	**Xét Học bạ THPT Mã phương thức: 200**
1	7340101 (HP)	**Ngành Quản trị Kinh doanh** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Quản trị Doanh nghiệp (HP)	400(HP)		
2	7340115 (HP)	**Ngành Marketing** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Quản trị Marketing & Chiến lược (HP)	401(HP)		
3	7510605 (HP)	**Ngành Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng (HP)	416(HP)		
4	7340201 (HP)	**Ngành Tài chính-Ngân hàng** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Quản trị Tài chính (HP)	403(HP)		
CMU: Carnegie Mellon University			HP: Chương trình Tài năng		
PSU: Pennsylania State University			TROY: ĐẠI HỌC TROY		
CSU: California State University			KE: ĐẠI HỌC KEUKA		

CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC VIỆT - NHẬT (VJJ)					
TT	**Mã ngành**	**Ngành học**	**Mã Chuyên ngành**	**Thí sinh chọn 1 trong 4 tổ hợp môn để xét tuyển**	
				Xét kết quả thi THPT Mã phương thức: 100	**Xét Học bạ THPT Mã phương thức: 200**
1	7480103	**Ngành Kỹ thuật phần mềm** có các chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Công nghệ Phần mềm	102(VJJ)		
		Thiết kế Games và Multimedia	122(VJJ)		
2	7480202	**Ngành An toàn Thông tin** có chuyên ngành:			

		Kỹ thuật Mạng	101(VJJ)		
3	7480101	**Ngành Khoa học máy tính***	130(VJJ)		
4	7510301	**Ngành Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử** có các chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Điện tự động	110(VJJ)		
		Điện tử-Viễn thông	109(VJJ)		
5	7510205	**Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô** có chuyên ngành:			
		Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	117(VJJ)		
6	7520201	**Ngành Kỹ thuật Điện***	150(VJJ)		
7	7210403	**Ngành Thiết kế đồ họa**	111(VJJ)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Văn, Vẽ (V01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
8	7580101	**Ngành Kiến trúc** có các chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Vẽ (V00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01) 3.Toán, KHXH, Vẽ (M02) 4.Toán, KHTN, Vẽ (M04)	1.Toán, Lý, Vẽ (V00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01) 3.Toán, Ngoại ngữ, Vẽ (V02) 4. Toán, Địa, Vẽ (V06)
		Kiến trúc công trình	107(VJJ)		
9	7580201	**Ngành Kỹ thuật Xây dựng** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp	105(VJJ)		
10	7510406	**Ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Văn, Toán, Hoá (C02)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Toán, Hóa, Sinh (B00)
		Công nghệ & Kỹ thuật Môi trường	301(VJJ)		
11	7540101	**Ngành Công nghệ thực phẩm** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Văn, Toán, Lý (C01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Toán, Hóa, Sinh (B00)
		Công nghệ Thực phẩm	306(VJJ)		
12	7340101	**Ngành Quản trị kinh doanh** có các chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Quản trị Kinh doanh Marketing	401(VJJ)		
13	7340121	**Ngành Kinh doanh Thương mại** có chuyên ngành			
		Kinh doanh Thương mại	412(VJJ)		
14	7220209	**Ngành Ngôn Ngữ Nhật*** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Sử, Ngoại ngữ (D14) 4.Văn, Địa, Ngoại ngữ (D15)	1.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Sử, Ngoại ngữ (D14) 4.Văn, Địa, Ngoại ngữ (D15)
		Tiếng Nhật Du lịch	708(VJJ)		
15	7810201	**Ngành Quản trị Khách sạn** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Văn, Sử, Địa (C00) 3.Văn, Toán, KHXH (C15) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 3.Văn, Sử, Địa (C00) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Quản trị Du lịch & Khách sạn	407(VJJ)		
16	7810103	**Ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Văn, Sử, Địa (C00) 3.Văn, Toán, KHXH (C15) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 3.Văn, Sử, Địa (C00) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Quản trị Du lịch & Lữ hành	408(VJJ)		
17	7720301	**Ngành Điều dưỡng** có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Toán, Sinh, Văn (B03)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, Sinh, Văn (B03) 4.Văn, Toán, Hoá (C02)
		Điều dưỡng Đa khoa	302(VJJ)		
18	7420201	**Ngành Công nghệ Sinh học** có chuyên ngành:		1.Toán, Hóa, Sinh (B00) 2.Toán, Sinh, Ngoại ngữ (D08) 3.Toán, KHTN, Văn (A16) 4.Toán, Sử, Ngoại ngữ (D09)	1.Toán, Lý, Sinh (A02) 2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, Sinh, Văn (B03) 4.Toán, Sinh, Ngoại ngữ (D08)
		Công nghệ Sinh học	310(VJJ)		
19	7320104	**Truyền thông đa phương tiện** có chuyên ngành:		1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, KHXH (C15) 3.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 4.Toán, Lý, Hóa (A00)	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Toán, Lý, Ngoại ngữ
		Truyền thông Đa phương tiện	607(VJJ)		

					(A01) 4.Toán, Lý, Hóa (A00)

(*) Ngành mới dự kiến tuyển sinh năm 2023

+ Chương trình Liên kết đào tạo với các đại học nước ngoài: Mỹ, Anh, Canada

- Liên kết với trường **Đại học Appalachian State** (thuộc hệ thống Đại học Bang North Carolina - UNC danh tiếng, Mỹ), **Đại học Medaille College** (Buffalo, Mỹ) và **Đại học Cape Breton** (Canada) triển khai chương trình **Du học 2+2.**
- Liên kết với trường **Đại học Coventry** (Anh Quốc) tổ chức tuyển sinh chương trình **liên kết du học 3+1** với các chuyên ngành đào tạo: Quản trị Kinh doanh, Tài chính, Quản trị Du lịch & Khách sạn, Công nghệ Thông tin.
- Liên kết với trường Cao Đẳng Cộng Đồng Lorain (bang Ohio, Hoa Kỳ) tổ chức tuyển sinh chương trình **liên kết du học 1+1+2** với các chuyên ngành đào tạo: Kế toán, Tài chính, Quản trị Kinh doanh, Marketing, Du lịch, và Công nghệ Thông tin.

** **Ghi chú:** Thí sinh đăng ký xét tuyển theo **MÃ NGÀNH** đào tạo và được quyền chọn các chuyên ngành thuộc mã ngành xét tuyển để học.*

V.ĐIỂM XÉT TUYỂN

1) Xét theo kết quả thi THPT năm 2023

- **Đối với các ngành chung:**
  Điểm Xét tuyển = (điểm thi môn 1 + điểm thi môn 2 + điểm thi môn 3) + điểm ưu tiên (theo khu vực và đối tượng).
- **Đối với ngành Kiến trúc:**
  Điểm Xét tuyển = (điểm môn 1 + điểm môn 2 + điểm thi Vẽ Mỹ thuật) + điểm ưu tiên (theo khu vực và đối tượng).

2) Xét theo kết quả Học bạ THPT: Áp dụng cho cả 2 phương án

- **Đối với ngành Y khoa, Răng-Hàm-Mặt và Dược:** Tổng điểm 3 môn đạt từ 24 điểm trở lên, đồng thời **có kết quả học lực năm lớp 12 đạt loại Giỏi trở lên** hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 điểm trở lên;
- **Đối với ngành Điều dưỡng:** Tổng điểm 3 môn đạt từ 19,5 điểm trở lên, đồng thời **có kết quả học lực năm lớp 12 đạt loại Khá trở lên** hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 điểm trở lên;
- **Đối với ngành Kiến trúc:** Tổng điểm 2 môn trong tổ hợp môn + Điểm thi Vẽ Mỹ thuật.

Trong đó: *+ Tổng điểm 2 môn trong tổ hợp đạt từ 12 điểm trở lên;*

*+ Môn **Vẽ Mỹ thuật**: Thí sinh có thể thi tại Trường Đại học Duy Tân hoặc dùng kết quả thi môn Vẽ Mỹ thuật tại các trường đại học có tổ chức thi trong cả nước.*

- **Đối với các ngành còn lại:** Tổng điểm 3 môn đạt từ 18 điểm trở lên;

3) Xét theo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực (Mã phương thức: 402)

- **Đại học Quốc gia TP. HCM tổ chức**
  + **Đối với ngành Y khoa, Răng-Hàm-Mặt và Dược:** Tổng điểm đạt từ 600 điểm trở lên, đồng thời có kết quả học lực năm lớp 12 đạt loại Khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 điểm trở lên;
  + **Đối với ngành Điều dưỡng:** Tổng điểm đạt từ 600 điểm trở lên, đồng thời có kết quả học lực năm lớp 12 đạt loại Trung bình trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 5,5 điểm trở lên;
  + **Đối với các ngành còn lại:** Tổng điểm đạt từ 600 điểm trở lên;
  + **Đối với các ngành Kiến trúc:** Không xét kết quả thi Đánh giá năng lực.
- **Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức**
  + **Đối với ngành Y khoa, Răng-Hàm-Mặt và Dược:** Tổng điểm đạt từ 80 điểm trở lên, đồng thời có kết quả học lực năm lớp 12 đạt loại Khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 điểm trở lên;
  + **Đối với ngành Điều dưỡng:** Tổng điểm đạt từ 75 điểm trở lên, đồng thời có kết quả học lực năm lớp 12 đạt loại Trung bình trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 5,5 điểm trở lên;
  + **Đối với các ngành còn lại:** Tổng điểm đạt từ 75 điểm trở lên;
  + **Đối với các ngành Kiến trúc:** Không xét kết quả thi Đánh giá năng lực.

4) Đối với các chương trình Du học tại chỗ lấy bằng Mỹ và liên kết đào tạo với nước ngoài: Thí sinh đủ điều kiện xét tuyển khi đã tốt nghiệp THPT và đảm bảo các điều kiện về trình độ Tiếng Anh.

VI. THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ XÉT TUYỂN

- Xét theo Học bạ THPT, kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM và kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội: dự kiến sau khi có kết quả học bạ THPT hoặc thi ĐGNL.
- Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT: Thí sinh đăng ký nguyện vọng vào Trường Đại học Duy Tân theo lịch trình cụ thể của Bộ GD&ĐT.
- Thời gian nhận Hồ sơ Đăng ký thi tuyển môn Vẽ Mỹ thuật tại Trường Đại học Duy Tân: Từ khi ra thông báo đến 17h00 ngày 25/04/2023.
- Địa chỉ nhận Hồ sơ Xét tuyển
  + **TRUNG TÂM TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**
  + Địa chỉ: 254 Nguyễn Văn Linh, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, T.phố Đà Nẵng.
  + Điện thoại: 1900.2252 - 0905.294.390 - 0905.294.391

Mọi Thông Tin Về Tuyển Sinh, Thí Sinh Có Thể Tìm Hiểu Chi Tiết Tại: http://tuyensinh.duytan.edu.vn
hoặc liên hệ trực tiếp:
Ban Tư vấn Tuyển sinh Đại học Duy Tân, 254 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: (0236) 3650.403 - 3827.111 - 2243.775 - **Fax:** (0236) 3650.443
Số điện thoại đường dây nóng: 1900.2252 - 0905.294.390 - 0905.294.391
Facebook: tuyensinhDTU; Zalo: 0905.294.390 - 0905.294.391

Trích Nguồn: https://duytan.edu.vn/tuyen-sinh/Page/EnrollArticleViewDetail.aspx?id=909

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG
VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

MÃ TRƯỜNG
CDT 0402

Trụ sở chính: 28 Ngô Xuân Thu – Liên Chiểu – Đà Nẵng
Cơ sở đào tạo: 50 Thanh Tân – Thanh Khê – Đà Nẵng

TUYỂN SINH NĂM 2023

26 NGÀNH NGHỀ CAO ĐẲNG

Gắn kết Cơ quan, doanh nghiệp



ĐÀO TẠO ĐA LĨNH VỰC

- CƠ KHÍ – ÔTÔ – ĐIỆN
- KINH TẾ VẬN TẢI – LOGISTICS
- QUẢN TRỊ – DỊCH VỤ – DU LỊCH
- CÔNG NGHỆ THÔNG TIN – TIẾNG ANH
- GIAO THÔNG – CÔNG TRÌNH – XÂY DỰNG



- *Tuyển sinh Học sinh tốt nghiệp THCS học Trung cấp từ 2 - 2,5 năm; miễn 100% học phí học nghề.*
- *Học sinh tốt nghiệp THCS học 3,5 - 4,0 năm được cấp bằng Cử nhân thực hành, Kỹ sư thực hành (Tùy theo ngành nghề đào tạo).*

LỢI THẾ

1. Trường công lập, học phí thấp, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước
2. Chương trình đào tạo thực tiễn, tinh gọn, vừa sức; thời gian đào tạo hợp lý và mềm dẻo. Người học có thể học liên thông lên trình độ cao hơn
3. Đội ngũ Nhà giáo nhiệt tình, giỏi chuyên môn, giàu tâm huyết. CSVC khang trang hiện đại. KTX sạch sẽ và đảm bảo an ninh
4. Nhà trường liên kết đào tạo với các Trường quốc tế, tập đoàn kinh tế nước ngoài nên người học có cơ hội được học tập và làm việc trong môi trường hiện đại
5. Cam kết được giải quyết 100% việc làm sau khi tốt nghiệp

http://caodanggtvttw5.edu.vn
www.facebook.com/tcdgtvttw5
02363 770 363 - 0971 020 908 - 0914 913 919

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG NAM

Mã Trường: DQU

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

2. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

3. Điều kiện dự tuyển

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT;
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.
- Đối với thí sinh dự tuyển vào các ngành Sư phạm phải có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Nam.

4. Phạm vi tuyển sinh

- Các ngành sư phạm chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Nam.
- Các ngành ngoài sư phạm tuyển sinh trong cả nước.

5. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): Xét tuyển; Kết hợp thi tuyển và xét tuyển;

- Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021, 2022, 2023
- Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (học bạ lớp 12).
- Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG - HCM.
- Phương thức 4: Xét tuyển kết hợp với thi tuyển năng khiếu đối với ngành Giáo dục Mầm non.

Điểm xét tuyển: Là tổng điểm 3 môn (trong kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc tổng điểm 3 môn lớp 12 trong học bạ) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi của từng tổ hợp môn đăng ký xét tuyển hoặc tổng điểm bài thi (đối với kết quả thi hoặc tổng điểm bài thi ĐGNL) và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có).

6. Mã ngành và các tổ hợp môn xét tuyển: Tổng chỉ tiêu: 1011

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã tổ hợp môn	Chỉ tiêu
1	7140209	Sư phạm Toán	Toán, Vật lý, Hóa học	A00	40
			Toán, Vật lý, Tiếng Anh	A01	
			Ngữ văn, Toán, GD công dân	C14	
			Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01	
2	7140211	Sư phạm Vật lý	Toán, Vật lý, Hóa học	A00	20
			Toán, Vật lý, Tiếng Anh	A01	
			Toán, Vật lý, Sinh học	A02	
			Văn, Vật lý, Tiếng Anh	D11	
3	7140213	Sư phạm Sinh học	Toán, Vật lý, Sinh học	A02	20
			Toán, Hóa học, Sinh học	B00	
			Toán, Sinh học, Tiếng Anh	D08	
			Văn, Sinh học, Tiếng Anh	D13	
4	7140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	C00	40
			Ngữ văn, Lịch sử, GD Công dân	C19	
			Ngữ văn, Địa lý, GD Công dân	C20	
			Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	D14	
5	7140201	Giáo dục Mầm non	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	M00	120
			Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu	M01	
			Toán, Tiếng Anh, Năng khiếu	M02	
			Ngữ văn, GDCD, Năng khiếu	M03	
6	7140202	Giáo dục Tiểu học	Toán, Vật lý, Hóa học	A00	160
			Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	C00	
			Ngữ văn, Toán, GD công dân	C14	
			Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01	
7	7480201	Công nghệ Thông tin	Toán, Vật lý, Hóa học	A00	250
			Toán, Vật lý, Tiếng Anh	A01	
			Ngữ văn, Toán, GD công dân	C14	
			Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01	
8	7220201	Ngôn ngữ Anh	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	A01	250
			Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01	
			Ngữ văn, Vật lý, Tiếng Anh	D11	
			Ngữ văn, GDCD, Tiếng Anh	D66	
9	7310630	Việt Nam học (Văn hóa-Du lịch)	Toán, Địa lý, GD Công dân	A09	100
			Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	C00	
			Ngữ văn, Địa lý, GD Công dân	C20	
			Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01	

10	7620112	Bảo vệ thực vật	Toán, Vật lý, Sinh học	A02	50
			Toán, Hóa học, Sinh học	B00	
			Toán, Sinh học, Tiếng Anh	D08	
			Văn, Sinh học, Tiếng Anh	D13	
11	7229010	Lịch sử	Toán, Lịch sử, GD Công dân	A08	50
			Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	C00	
			Ngữ văn, Lịch sử, GD Công dân	C19	
			Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	D14	

7. Thời gian xét tuyển và hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

a. Thí sinh xét tuyển theo kỳ thi tốt nghiệp THPT 2023 như sau:

- **Đợt 1: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo**
  + Thí sinh hoàn thành đăng ký và điều chỉnh nguyện vọng tuyển sinh đợt 1 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
  + Hình thức đăng ký: Đăng ký qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia.
- **Đợt 2: Đăng ký nguyện vọng bổ sung (dự kiến)**
  + Bổ sung đợt 1: Từ ngày 01/9/2023 đến ngày 31/9/2023
  + Bổ sung đợt 2: Từ ngày 1/10/2023 đến ngày 31/12/2023
  + Hình thức đăng ký: Đăng ký trực tiếp tại trường hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc xem thủ tục làm hồ sơ tại website: http://qnamuni.edu.vn

b. Thí sinh xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ lớp 12); xét tuyển theo kỳ thi tốt nghiệp THPT 2021, 2022; xét tuyển theo điểm thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM như sau: Từ ngày 01/6/2023 đến ngày 30/6/2023

- Hình thức đăng ký:
  + Đăng ký trực tiếp tại Trường hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện
  + Đăng ký trực tuyến ***https://qnamuni.edu.vn/dangkyxettuyen***
  + Lưu ý: Thí sinh phải đăng ký qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Xem thủ tục làm hồ sơ tại website: ***http://qnamuni.edu.vn***

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG NAM
Địa chỉ: 102 - Hùng Vương - Tp. Tam Kỳ - Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại: 02353.812.834 - Fax: 02353.812.931
Email: htduong.dqu@gmail.com - **Ban Tư vấn tuyển sinh**: 0868.343.058. - **Website:** http://qnamuni.edu.vn/

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN CHÂU TRINH

Mã Trường: DPC

1. Đối tượng tuyển sinh

- Đối tượng 1: Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông.
- Đối tượng 2: Học sinh học tại trường quốc tế tại Việt Nam.
- Đối tượng 3: Học sinh người nước ngoài (bao gồm cả Việt kiều).
- Đối tượng 4: Thí sinh đã tốt nghiệp đại học/thạc sĩ và đủ điều kiện xét tuyển học đại học theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

2. Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trên cả nước và quốc tế

3. Phương thức xét tuyển: Năm 2023, Trường Đại học Phan Châu Trinh kết hợp **05 phương thức xét tuyển (PTXT)**, cụ thể như sau:

STT	Mã PTXT	Tên Phương thức xét tuyển
1	**100**	Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2023
2	**200**	Xét kết quả học tập cấp THPT (Học bạ)
3	**402**	Xét điểm thi Đánh giá năng lực
4	**500**	Xét kết quả tốt nghiệp Đại học, Thạc sĩ
5	**301**	Xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD-ĐT

4. Ngành tuyển sinh: Năm 2023, Trường Đại học Phan Châu Trinh thực hiện tuyển sinh 05 ngành với tổng 330 chỉ tiêu.

STT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1	**Y khoa** *(Bác sĩ đa khoa)*	7720101	**A00**: Toán, Lý, Hóa **B00**: Toán, Hóa, Sinh **D08**: Toán, Sinh, Anh **D90**: Toán, Sinh, Khoa học tự nhiên
2	**Răng - Hàm - Mặt** *(Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt)*	7720501	**A00**: Toán, Lý, Hóa **B00**: Toán, Hóa, Sinh **D08**: Toán, Sinh, Anh **D90**: Toán, Sinh, Khoa học tự nhiên
3	**Điều dưỡng**	7720301	**A00**: Toán, Lý, Hóa **B00**: Toán, Hóa, Sinh **D07**: Toán, Hóa, Anh **D08**: Toán, Sinh, Anh

4	**Kỹ thuật xét nghiệm y học**	7720601	**A00**: Toán, Lý, Hóa **B00**: Toán, Hóa, Sinh **D07**: Toán, Hóa, Anh **D08**: Toán, Sinh, Anh
5	**Quản trị bệnh viện** *(Chuyên ngành của Quản trị kinh doanh)*	7340101	**A00**: Toán, Lý, Hóa **C01**: Toán, Văn, Lý **C02**: Toán, Văn, Hóa **D01**: Toán, Văn, Anh

5. Điều kiện xét tuyển

5.1. TRƯỜNG HỢP XÉT BẰNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP THPT

- Điểm xét tuyển = Tổng điểm thi 3 môn thi/ tổ hợp + Điểm ưu tiên (nếu có)
- Điều kiện xét tuyển:
  + Ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt: Có điểm xét tuyển đạt ngưỡng điểm sàn do Bộ GD-ĐT quy định. Độ tuổi không quá 27 tính đến ngày 01/09/2023.
  + Ngành Điều dưỡng, KTXN: Có điểm xét tuyển đạt ngưỡng điểm sàn do Bộ GD-ĐT quy định.
  + Ngành Quản trị bệnh viện: Có điểm xét tuyển đạt ngưỡng điểm sàn do trường quy định sau khi có kết quả thi tốt nghiệp.

5.2. TRƯỜNG HỢP XÉT BẰNG ĐIỂM HỌC BẠ THPT

- Điểm xét tuyển = Điểm Môn 1 lớp 12 + Điểm Môn 2 lớp 12 + Môn 3 lớp 12 (Lấy điểm tổng kết cuối năm lớp 12 của 03 môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển. Thí sinh chọn tổ hợp nào có tổng điểm cao nhất để xét)
- Điều kiện xét tuyển:
  + Ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt: Học lực lớp năm lớp 12 đạt loại Giỏi hoặc có điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8.0 trở lên. Độ tuổi không quá 27 tính đến ngày 01/09/2023.
  + Ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm: Học lực lớp năm lớp 12 đạt loại Khá trở lên hoặc có điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên
  + Ngành Quản trị bệnh viện: Học lực lớp năm lớp 12 đạt loại Trung bình trở lên, hoặc điểm trung bình chung 05 học kỳ đạt từ 6.0 trở lên.
  + Nguyên tắc xét: Xét từ trên cao xuống theo điểm xét tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu

5.3. TRƯỜNG HỢP XÉT BẰNG ĐIỂM THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC

- Điểm xét tuyển = Tổng điểm bài thi + Điểm ưu tiên (nếu có)
- Điều kiện xét tuyển:
  + Có điểm thi ĐGNL đạt ngưỡng điểm do Trường công bố sau khi có kết quả thi
  + Đối với ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt thí sinh phải có Học lực lớp năm lớp 12 đạt loại Giỏi hoặc có điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8.0 trở lên và độ tuổi không quá 27 tính đến ngày 01/09/2023
  + Đối với ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm thí sinh phải Học lực lớp năm lớp 12 đạt loại Khá trở lên hoặc có điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên.

5.4. TRƯỜNG HỢP XÉT BẰNG KẾT QUẢ TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

- Điểm xét tuyển = Điểm tốt nghiệp toàn khóa của chương trình đại học/thạc sĩ
- Điều kiện xét tuyển:
  + Ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt: Tốt nghiệp đại học hệ chính quy khối ngành sức khỏe, có độ tuổi không quá 27 tính đến ngày 01/09/2023 và thỏa một trong các tiêu chí sau:
    - Học lực lớp 12 đạt loại Giỏi trở lên;
    - Học lực lớp 12 đạt loại Khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
    - Tốt nghiệp đại học đạt loại Giỏi trở lên;
    - Tốt nghiệp đại học loại Khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
    - Ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học: Tốt nghiệp đại học khối ngành sức khỏe và thỏa một trong các tiêu chí sau:
    - Học lực lớp 12 đạt loại Khá trở lên;
    - Học lực lớp 12 đạt loại Trung bình và có 05 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
    - Tốt nghiệp đại học đạt loại Khá trở lên;
    - Tốt nghiệp đại học loại Khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
    - Các ngành còn lại: Tốt nghiệp đại học khác với ngành dự tuyển.

5.5. TRƯỜNG HỢP XÉT TUYỂN THẲNG

- Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh căn cứ theo lịch quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của trường THPT để nộp hồ sơ xét tuyển đúng thời hạn. Trường hợp cần trợ giúp vui lòng liên hệ về số hotline của Nhà trường để được hướng dẫn cụ thể.
- Ghi chú: Đối với học sinh người nước ngoài và học sinh học tại trường quốc tế tại Việt Nam áp dụng thang điểm 4 thì:
  + Điểm xét tuyển = Điểm trung bình của năm cuối cấp (GPA - Grade Point Average).
  + Điều kiện xét tuyển:
  + Ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt: GPA>=2.5. Độ tuổi không quá 27 tính đến ngày 01/09/2023.
  + Các ngành còn lại: GPA >=2.0

Mọi thông tin cần tư vấn vui lòng liên lạc: PHÒNG TUYỂN SINH - TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN CHÂU TRINH
Địa chỉ: Số 09 Nguyễn Gia Thiều, P. Điện Ngọc - Thị xã Điện Bàn - tỉnh Quảng Nam
(thuộc Khu đô thị Làng Đại học Đà Nẵng, P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng)
Điện thoại: (0235) 3 757 959 - **Hotline / Zalo**: 0962553155 - 0981559255
Email: tuyensinh@pctu.edu.vn - **Fanpage:** www.facebook.com/daihocphanchautrinh

Trích Nguồn: https://pctu.edu.vn/vn/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-nam-2023.html

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Mã Trường:

- **Cơ sở chính tại Quảng Ngãi: DKQ**
- **Phân hiệu tại Thừa Thiên Huế: HFA**

1. Đối tượng tuyển sinh: là học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và đạt các tiêu chí xét tuyển của Trường theo từng phương thức xét tuyển.

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh

- Phương thức 1: Xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023 theo tổ hợp môn xét tuyển.
- Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả môn học theo từng tổ hợp xét tuyển trong học bạ THPT lớp 12 (ĐTB cả năm) hoặc 5 học kỳ (học kỳ I, học kỳ II năm lớp 10; học kỳ I, học kỳ II, năm lớp 11; học kỳ I năm lớp 12)

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu	
			Xét theo kết quả thi THPT	Xét học bạ
Cơ sở chính tại Quảng Ngãi			215	240
1	7340101	Ngành Quản trị kinh doanh	45	50
2	7340120	Ngành Kinh doanh quốc tế	20	25
3	7340201	Ngành Tài chính - Ngân hàng	35	40
4	7340301	Ngành Kế toán	80	85
5	7380207	Ngành Luật kinh tế	35	40
Phân hiệu tại Thừa Thiên Huế			85	115
1	7340101	Ngành Quản trị kinh doanh	20	30
2	7340301	Ngành Kế toán	45	55
3	7380107	Ngành Luật kinh tế	20	30

5. Mã ngành, tổ hợp xét tuyển

- Tổ hợp xét tuyển các ngành tuyển sinh tại Cơ sở chính Quảng Ngãi:

TT	Ngành, Chuyên ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét xét tuyển
1	Quản trị kinh doanh + Quản trị doanh nghiệp + Quản trị Marketing + Quản trị khách sạn và du lịch	7340101	A00: Toán - Vật lý - Hoá học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh A16: Toán - Ngữ văn - KHTN
2	Kinh doanh quốc tế + Kinh doanh quốc tế	7340120	A00: Toán - Vật lý - Hoá học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh A16: Toán - Ngữ văn - KHTN
3	Tài chính - Ngân hàng + Thuế - Hải quan + Tài chính công + Tài chính doanh nghiệp + Ngân hàng	7340201	A00: Toán - Vật lý - Hoá học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh A16: Toán - Ngữ văn - KHTN
4	Kế toán + Kế toán Nhà nước + Kế toán doanh nghiệp + Kiểm toán	7340301	A00: Toán - Vật lý - Hoá học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh A16: Toán - Ngữ văn - KHTN
5	Luật Kinh tế + Luật Kinh tế	7380107	A00: Toán - Vật lý - Hoá học D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh C00: Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý C15: Ngữ văn - Toán KH xã hội

- Tổ hợp xét tuyển các ngành tuyển sinh tại Phân hiệu Thừa Thiên Huế

TT	Ngành, chuyên ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	Quản trị kinh doanh + Quản trị doanh nghiệp + Quản trị Marketing + Quản trị khách sạn và du lịch	7340101	A00: Toán - Vật lý - Hoá học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh A16: Toán - Ngữ văn - KHTN
2	Kế toán + Kế toán Nhà nước + Kế toán Doanh nghiệp	7340301	A00: Toán - Vật lý - Hoá học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh A16: Toán - Ngữ văn - KHTN
3	Luật Kinh tế + Luật Kinh tế	7380107	A00: Toán - Vật lý - Hoá học D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh C00: Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý C15: Ngữ văn - Toán KH xã hội

- Nguyên tắc xét tuyển: Áp dụng đối với cả 2 phương thức (xét kết quả thi tốt nghiệp THPT, xét kết quả học tập từ học bạ THPT);
  + Xét tuyển từ thí sinh có tổng điểm cao nhất xuống các thí sinh có tổng điểm thấp hơn cho đến khi đủ chỉ tiêu đã xác định.
  + Trường hợp các thí sinh có tổng điểm xét tuyển bằng nhau thì ưu tiên xét tuyển những thí sinh có điểm thi cao hơn đối với các môn quy định cho từng tổ hợp xét tuyển dưới đây:

Tên tổ hợp	A00, A01, D01, A16	C00, C15
Môn thi	Toán	Ngữ văn

  + Đối với thí sinh trong cùng đợt xét tuyển có đăng ký 2 nguyện vọng vào 2 ngành học khác nhau, Trường sẽ xét các nguyện vọng bình đẳng như nhau để đảm bảo thí sinh có thể trúng tuyển nguyện vọng phù hợp với kết quả thi.

6. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh: Trường tổ chức xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và thực hiện các chính sách ưu tiên khác (nếu có) đối với thí sinh theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GDĐT.

7. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm
- Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023
  + Đợt 1: Theo lịch tuyển sinh đợt 1 của Bộ GDĐT
  + Đợt 2: Nhận hồ sơ từ 1/9 đến 30/9/2023
  + Đợt 3: Nhận hồ sơ từ 1/10 đến 30/11/2023
- Đối với phương thức xét tuyển từ học bạ THPT
  + Xét tuyển sớm: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày có thông báo đến ngày 15/6/2023. Kết quả xét tuyển sớm sẽ nhận được Trường công khai trên Trang thông tin điện tử tại địa chỉ www.tckt.edu.vn
  + Xét tuyển theo lịch chung
    - Đợt 1: Theo lịch tuyển sinh đợt 1 của Bộ GDĐT
    - Đợt 2: Nhận hồ sơ từ 1/9 đến 30/9/2023
    - Đợt 3: Nhận hồ sơ từ 1/10 đến 30/11/2023
- Nhà trường có thể điều chỉnh lịch xét tuyển các đợt xét tuyển phù hợp với tình hình thực tế và lịch tuyển sinh của Bộ GDĐT. Lịch xét tuyển sẽ được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Trường www.tckt.vn

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN
Địa chỉ: Thị Trấn La Hà - Tư Nghĩa - Quảng Ngãi
Điện thoại: 0255.3 84 55 66 - **Email**: info@tckt.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN PHÂN HIỆU TẠI HUẾ
Địa chỉ: Phạm Văn Đồng, Thừa Thiên Huế
Điện thoại: 0234.6296868 - **Email**: info@tckt.edu.vn

Trích Nguồn: https://www.tckt.edu.vn/tuyen-sinh/bai-viet/chi-tiet/thong-bao-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Mã Trường: DQN

1. Tổng chỉ tiêu: 5879 chỉ tiêu. Trong số đó, chỉ tiêu các ngành đào tạo giáo viên đăng ký theo năng lực là 1874 (chỉ tiêu chính thức từng ngành của các ngành đào tạo giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định giao).

2. Phương thức (PT) tuyển sinh:
- PT1: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023
- PT2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ);
- PT3: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực, tư duy của các Đại học quốc gia và các trường đại học khác;
- PT4: Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh.

3. Tổ chức thi năng khiếu ngành Giáo dục mầm non, Giáo dục thể chất: lấy kết quả để tổng hợp xét tuyển theo các phương thức PT1, PT2.

4. Số ngành tuyển sinh: 48 chương trình đào tạo đại trà tương ứng (48 ngành), 01 chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Kế toán, dự kiến 03 chương trình đào tạo với Đại học Birmingham, Vương quốc Anh (Ngôn ngữ Anh, Công nghệ thông tin và Kế toán).

5. Tổ chức xét tuyển:

PT1, PT4: Tham gia xét tuyển do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, tham gia Nhóm lọc ảo Phía Nam. Chỉ tiêu xét tuyển khoảng 50% tổng chỉ tiêu.

PT2, PT3: Tổ chức xét tuyển như năm 2022. Tổ chức xét tuyển trực tuyến (nếu có phương thức xét tuyển sớm). Chỉ tiêu xét tuyển khoảng 50% tổng chỉ tiêu.

6. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

PT1: Các ngành đào tạo giáo viên thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các ngành còn lại được xác định sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT.

PT2: Các ngành đào tạo giáo viên thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành; các ngành còn lại tổng điểm trung bình 3 môn xét tuyển không dưới 18.0 (đã cộng điểm ưu tiên theo quy chế tuyển sinh)

PT3: Tuỳ thuộc kết quả của kỳ thi của các trường.

7. Chi phí xét tuyển: theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Học phí: các ngành đại trà theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; các chương trình đào tạo chất lượng cao xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật.

9. Các ngành đào tạo

STT	Mã ngành	Tên ngành	STT	Mã ngành	Tên ngành
1	7140114	Quản lý Giáo dục	25	7340101	Quản trị kinh doanh
2	7140201	Giáo dục mầm non	26	7340201	Tài chính - Ngân hàng
3	7140202	Giáo dục tiểu học	27	7340301	Kế toán
4	7140205	Giáo dục chính trị	28	7340302	Kiểm toán
5	7140206	Giáo dục thể chất	29	7380101	Luật
6	7140209	Sư phạm Toán học	30	7460108	Khoa học dữ liệu
7	7140210	Sư phạm Tin học	31	7460112	Toán ứng dụng
8	7140211	Sư phạm Vật lý	32	7480103	Kỹ thuật phần mềm
9	7140212	Sư phạm Hoá Học	33	7480107	Trí tuệ nhân tạo
10	7140213	Sư phạm Sinh Học	34	7480201	Công nghệ thông tin
11	7140217	Sư phạm Ngữ Văn	35	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô
12	7140218	Sư phạm Lịch Sử	36	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học
13	7140219	Sư phạm Địa lý	37	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
14	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	38	7520201	Kỹ thuật điện
15	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	39	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
16	7140249	Sư phạm Lịch sử Địa lý	40	7520216	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hoá
17	7220201	Ngôn ngữ Anh	41	7540101	Công nghệ thực phẩm
18	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	42	7580201	Kỹ thuật xây dựng
19	7229030	Văn học	43	7620109	Nông học
20	7310101	Kinh tế	44	7760101	Công tác xã hội
21	7310205	Quản lý nhà nước	45	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
22	7310403	Tâm lý học giáo dục	46	7810201	Quản trị khách sạn
23	7310608	Đông phương học	47	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
24	7310630	Việt Nam học	48	7850103	Quản lý đất đai

Thôn tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
Địa chỉ: 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn
Hotline: 1800 55 88 49 - **Email:** tuvantuyensinh@qnu.edu.vn - **Website:** https://tuyensinh.qnu.edu.vn/

Trích nguồn: https://tuyensinh.qnu.edu.vn/vi/dai-hoc-chinh-quy-1462/nq-57-hdt-phuong-huong-tuyen-sinh-nam-2023-cua-truong-dai-hoc-quy-nhon

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUANG TRUNG

Mã Trường: DQT
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển
1	Kế toán	7340301	140	A00, A09, C14, D10
2	Quản trị Kinh doanh	7340101	100	A01, C14, D14, D15
3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	80	A00, A09, C14, D10
4	Công nghệ Sinh học	7420201	80	B00, B08, C08, D13
5	Công nghệ Thông tin	7480201	200	A00, A01, C02, D01
6	Công nghệ Kỹ thuật xây dựng	7510103	100	A00, A09, C04, D10
7	Kinh tế Nông nghiệp	7620115	60	A09, B08, C08, D01
8	Điều dưỡng	7720301	100	B00, B03, C08, D13
9	Y tế công cộng	7720701	100	B00, B03, C08, D13
10	Ngôn ngữ Anh	7220201	100	D01, D14, D15, D66
11	Kinh tế	7310101	60	A00, A09, C14, D01
12	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	7810103	140	C00, D01, D14, D15
13	Quản trị Khách sạn - Nhà hàng	7810203	120	C00, D01, D14, D15

TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN

TT	Mã tổ hợp	Môn 1	Môn 2	Môn 3	TT	Mã tổ hợp	Môn 1	Môn 2	Môn 3
1	A00	Toán	Lý	Hóa	10	C08	Văn	Hóa	Sinh
2	A01	Toán	Lý	Anh	11	C14	Văn	Toán	GDCD
3	A09	Toán	Địa	GDCD	12	D01	Văn	Toán	Anh
4	B00	Toán	Hóa	Sinh	13	D10	Toán	Địa	Anh
5	B03	Toán	Sinh	Văn	14	D12	Văn	Hóa	Anh
6	B08	Toán	Sinh	Anh	15	D13	Văn	Sinh	Anh
7	C00	Văn	Sử	Địa	16	D14	Văn	Sử	Anh
8	C02	Văn	Toán	Hóa	17	D15	Văn	Địa	Anh
9	C04	Văn	Toán	Địa	18	D66	Văn	GDCD	Anh

PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

1. Xét điểm học bạ theo tổ hợp 3 môn với 3 cách:

- Học bạ các lớp 10, 11 và học kỳ 1 của lớp 12
- Học bạ lớp 11 và học kỳ 1 của lớp 12
- Học bạ lớp 12

2. Xét tuyển thẳng

- Học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia
- Học sinh trường chuyên
- Học sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đạt chuẩn
- Học sinh được giới thiệu bởi BGH các trường THPT kết nghĩa

3. Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT trên cổng thông tin điện tử của BỘ GD&ĐT, mã trường DQT

- Xét tổng điểm 3 môn thi theo từng tổ hợp, cộng với điểm ưu tiên đối tượng và khu vực, đạt ngưỡng chất lượng đầu dào do QTU quy định

4. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

1. Đăng ký xét tuyển trực tuyến tại Cổng thông tin của Bộ: http://thituyensinh.vn hoặc https://qtu.edu.vn/dang-ky-truc-tuyen/

2. Gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại phòng Truyền thông & Tuyển sinh, tòa nhà C, phòng C.207,327 Đào Tấn, P. Nhơn Phú, TP. Quy Nhơn, Bình Định

THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN HẰNG NĂM

Đợt 1: Từ ngày 01/3 đến ngày 31/5
Đợt 2: Từ ngày 01/6 đến ngày 31/7
Đợt 3: Từ ngày 01/8 đến ngày 31/8
Đợt 4: Từ ngày 01/9 đến ngày 30/9
Đợt 5: Từ ngày 01/10 đến ngày 30/11
Đợt 6: Từ ngày 01/12 đến ngày 31/12

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUANG TRUNG
Địa chỉ: Trụ sở chính: 327 Đào Tấn, Quy Nhơn, Bình Định
Cơ sở 2: 129 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Bình Định
Điện thoại: (0256) 2241 037 - **Email:** phongttts@qtu.edu.vn - **Website:** qtu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Mã Trường: DPY

DỰ KIẾN CÁC NGÀNH TUYỂN SINH NĂM 2023

Trình độ đại học		Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển	Ghi chú
1	Giáo dục Mầm non	7140201	50	M01; M09	
2	Giáo dục Tiểu học	7140202	150	A00; A01; C00; D01	
3	Sư phạm Toán học	7140209	30	A00; A01; B00; D01	
4	Sư phạm Ngữ văn	7140217	20	C00; D01; D14; D15	
5	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	7140247	30	A00; A02; B00; D90	Ngành mới
6	Công nghệ thông tin	7480201	100	A00; A01; D01	
7	Ngôn ngữ Anh	7220201	50	D01; A01; D10; D14	
8	Việt Nam học (Du lịch)	7310630	50	C00; D01; D14; D15	
9	Quản trị kinh doanh	7340101	100	A00; A01; D01; D10	Ngành mới
10	Nông nghiệp	7620101	50	A00; B00; D07; D10	Ngành mới

BẢNG TỔ HỢP CÁC MÔN XÉT TUYỂN

STT	MÃ TỔ HỢP	TỔ HỢP MÔN	STT	MÃ TỔ HỢP	TỔ HỢP MÔN
1	A00	Toán học, Vật lý, Hoá học	8	D08	Toán học, Sinh học, Tiếng Anh
2	A01	Toán học, Vật lý, Tiếng Anh	9	D10	Toán học, Địa lý, Tiếng Anh
3	A02	Toán học, Vật lý, Sinh học	10	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
4	B00	Toán học, Hoá học, Sinh học	11	D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
5	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	12	D90	Toán học, Khoa học Tự nhiên, Tiếng Anh
6	D01	Ngữ văn, Toán học, Tiếng Anh	13	M01	Ngữ văn, NK1 (Kể chuyện - Đọc diễn cảm), NK2(Hát - Nhạc)
7	D07	Toán học, Hoá hoc, Tiếng Anh	14	M09	Toán học, NK1 (Kể chuyện - Đọc diễn cảm), NK2(Hát - Nhạc)

- Trường Đại học Phú Yên tiếp tục phối hợp với Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực cho học sinh tỉnh Phú Yên và khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên.
- Trường Đại học Phú Yên phối hợp với Đại học Huế, Trường Đại học Đồng Tháp, Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II TP.Hồ Chí Minh tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu xã hội.

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
Địa chỉ: 01 Nguyễn Văn Huyên - Phường 9 - Thành phố Tuy Hòa - Tỉnh Phú Yên
Điện thoại: 0257.3843025 - **Fax**: 0257.3842618 - 3842312 - **TƯ VẤN TUYỂN SINH**: 0962 040818 (zalo)

Trích nguồn: https://tuyensinh.pyu.edu.vn/tuyen-sinh/tin-tuc/thong-tin-tuyen-sinh-2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước
Trụ sở chính tại Phú Yên: Số 195 Hà Huy Tập, Bình Kiến, TP. Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên
Mã trường: XDT
Website: http://tuyensinh.muce.edu.vn/ - **Email:** tuyensinh@muce.edu.vn
Facebook: https://www.facebook.com/XDT.MUCE
Điện thoại Phòng Quản lý Đào tạo: (0257) 3827618
Nơi nhận hồ sơ: Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung - Khu B, 195 Hà Huy Tập, Bình Kiến, TP. Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

Phân hiệu Đà Nẵng: 544B Nguyễn Lương Bằng, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Mã trường ở Phân hiệu Đà Nẵng: XDN
Website: http://www.mucedanang.edu.vn - **Email:** phanhieudanang@muce.edu.vn
Facebook: https://www.facebook.com/MuceDaNang
Điện thoại Phòng Quản lý Đào tạo: (0236) 3845102
Nơi nhận hồ sơ: Phòng Quản lý Đào tạo, số 544B Nguyễn Lương Bằng, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

1. Ngành nghề đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023

1.1. Tại trụ sở chính - Phú Yên

TT	Mã ngành	Tên ngành/chuyên ngành đào tạo	Thời gian đào tạo	Bằng tốt nghiệp	Chỉ tiêu
I	**Đại học chính quy**				**1090**
1	7580201	Kỹ thuật xây dựng			270
	7580201-1	Chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	4,5 năm	Kỹ sư	
	7580201-2	Chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	3,5 năm	Cử nhân	
	7580201-3	Chuyên ngành Kỹ thuật nền móng công trình	4,5 năm	Kỹ sư	
	7580201-4	Chuyên ngành Công nghệ thi công và an toàn lao động	4,5 năm	Kỹ sư	
	7580201-5	Chuyên ngành Hệ thống kỹ thuật cơ điện công trình	4,5 năm	Kỹ sư	
	7580201-6	Chuyên ngành Kỹ thuật địa chính xây dựng	4,5 năm	Kỹ sư	
2	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	4,5 năm	Kỹ sư	50
	7580205-1	Chuyên ngành Xây dựng cầu đường			
	7580205-2	Chuyên ngành Ứng dụng công nghệ thông tin trong cầu đường			
	7580205-3	Chuyên ngành Xây dựng và quản lý khai thác công trình giao thông			
3	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	4,5 năm	Kỹ sư	60
4	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	4,5 năm	Kỹ sư	50
5	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	4,5 năm	Kỹ sư	50
6	7480201	Công nghệ thông tin	4 năm	Cử nhân	80
	7480201-1	Chuyên ngành Công nghệ thông tin			
	7480201-2	Chuyên ngành Công nghệ phần mềm			
	7480201-3	Chuyên ngành Quản trị mạng và an toàn hệ thống thông tin			
7	7580101	Kiến trúc	5 năm	Kiến trúc sư	80
	7580101-1	Chuyên ngành Kiến trúc công trình			
8	7580103	Kiến trúc nội thất	4,5 năm	Kiến trúc sư	40
9	7580106	Quản lý đô thị và công trình	4,5 năm	Kỹ sư	40
10	7580301	Kinh tế xây dựng	4 năm	Cử nhân	50
	7580301-1	Chuyên ngành Kinh tế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp			
	7580301-2	Chuyên ngành Kinh tế xây dựng công trình giao thông			
11	7580302	Quản lý xây dựng	4 năm	Cử nhân	50
12	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	4 năm	Cử nhân	50
13	7340301	Kế toán	4 năm	Cử nhân	80
	7340301-1	Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp			
14	7340101	Quản trị kinh doanh	4 năm	Cử nhân	90
	7340101-1	Quản trị kinh doanh du lịch			
	7340101-2	Quản trị kinh doanh nhà hàng, khách sạn			
	7340101-3	Quản trị kinh doanh tổng hợp			
15	7340201	Tài chính - Ngân hàng	4 năm	Cử nhân	50
	7340201-1	Chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng			
	7340201-2	Chuyên ngành Công nghệ Tài chính - Ngân hàng			
II	**Đại học liên thông chính quy**				**90**
1	7580201	Kỹ thuật xây dựng	2 năm	Kỹ sư	30
	7580201-1	Chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp			
2	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	2 năm	Kỹ sư	30
	7580205-1	Chuyên ngành Xây dựng cầu đường			
3	7580302	Quản lý xây dựng	1,5 - 2 năm	Cử nhân	30
	Tổng chỉ tiêu tại Phú Yên				**1230**

1.2. Tại Phân hiệu Đà Nẵng

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Thời gian đào tạo	Bằng tốt nghiệp	Chỉ tiêu
I	**Đại học chính quy**				**110**
1	7580201	Kỹ thuật xây dựng	4,5 năm	Kỹ sư	45
	7580201-1	Chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp			
	7580201-3	Chuyên ngành Kỹ thuật nền móng công trình			
	7580201-4	Chuyên ngành Công nghệ thi công và an toàn lao động			
2	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	4,5 năm	Kỹ sư	20
	7580205-1	Chuyên ngành Xây dựng cầu đường			
	7580205-3	Chuyên ngành Xây dựng và quản lý khai thác công trình giao thông			
3	7580101	Kiến trúc	5 năm	Kiến trúc sư	25
	7580101-1	Chuyên ngành Kiến trúc công trình			
4	7580302	Quản lý xây dựng	4 năm	Cử nhân	20
II	**Đại học liên thông chính quy**				**60**
1	7580201	Kỹ thuật xây dựng	2 năm	Kỹ sư	20
	7580201-1	Chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp			
2	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	2 năm	Kỹ sư	20
	7580205-1	Chuyên ngành Xây dựng cầu đường			
3	7580101	Kiến trúc	2-2,5 năm	Kiến trúc sư	20
	7580101-1	Chuyên ngành Kiến trúc công trình			
	Tổng chỉ tiêu tại Phân hiệu Đà Nẵng				**170**

2. Tổ hợp xét tuyển

TT	Tên tổ hợp	Mã tổ hợp		TT	Tên tổ hợp	Mã tổ hợp
	Khối ngành kỹ thuật, kinh tế				**Ngành Kiến trúc, Kiến trúc nội thất**	
1	Toán, Vật lý, Hóa học	A00		1	Toán, Vật lý, Vẽ mỹ thuật	V00
2	Toán, Vật lý, Anh văn	A01		2	Toán, Ngữ văn, Vẽ mỹ thuật	V01
3	Toán, Vật lý, Ngữ văn	C01		3	Toán, Vật lý, Anh văn	A01
4	Toán, Ngữ văn, Anh văn	D01		4	Toán, Ngữ văn, Anh văn	D01

3. Phương thức tuyển sinh và tiêu chí xét tuyển trình độ đại học chính quy

- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định riêng của Nhà trường và Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Phương thức 2: Xét tuyển từ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT;
- Phương thức 3: Xét tuyển từ kết quả học tập THPT (học bạ);
- Phương thức 4: Xét tuyển từ điểm xét tốt nghiệp THPT;
- Phương thức 5: Xét tuyển dựa vào điểm thi đánh giá năng lực Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh và Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Phương thức 6: Thi tuyển kết hợp với xét tuyển (dành cho thí sinh chọn tổ hợp V00, V01 để dự tuyển vào ngành Kiến trúc và Kiến trúc nội thất);

Nhà trường dành 30% chỉ tiêu để xét tuyển từ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT và 70% chỉ tiêu cho các phương thức xét tuyển còn lại.

Trích nguồn: http://tuyensinh.muce.edu.vn/GioiThieuChung/ChiTietGTC?idnew=2352

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG - PHÂN VIỆN PHÚ YÊN

Mã Trường: NHP

1. Phương thức xét tuyển

1.1. Xét tuyển thẳng: Xét tuyển thẳng đối với các thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia (thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng) và các nhóm thí sinh khác thuộc diện được xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

1.2. Xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT: Dự kiến dành 50% chỉ tiêu cho phương thức xét tuyển này

- Tiêu chí xét tuyển: dựa trên kết quả học tập trong 03 năm (năm học lớp 10, lớp 11, và lớp 12) của 03 môn thuộc tổ hợp của ngành đăng ký xét tuyển
- Điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển: thí sinh có tổng điểm xét tuyển đạt từ 19.5 trở lên
- Cách tính điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển = M1 +M2 + M3 + Điểm cộng khuyến khích + Điểm ưu tiên

Trong đó: M1, M2, M3 Là điểm trung bình cộng 03 năm học của các môn học thuộc tổ hợp của ngành đăng ký xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số

1.3. Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023: dự kiến dành 50% chỉ tiêu cho phương thức xét tuyển này

- Tiêu chí xét tuyển: dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023

Các tính điểm: Điểm xét tuyển = M1 +M2 + M3 + Điểm ưu tiên

- Trong đó: M1, M2, M3 là điểm thi tốt nghiệp THPT 2023 của các môn học thuộc tổ hợp của ngành đăng ký xét tuyển

2. Chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Mã XT	Tên chương trình đào tạo	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu
1	BANK02	Ngân hàng	A00, A01, D01, D07	150
2	FIN02	Tài chính		80
3	ACT02	Kế toán		70

Mọi thông tin liên hệ: HỌC VIỆN NGÂN HÀNG - PHÂN VIỆN PHÚ YÊN
Địa chỉ: 441 Nguyễn Huệ, phường 7, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Điện thoại: 02573810311 - 02573824744 - **Email**: pvphuyen@hvnh.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Mã tuyển sinh: TSN
Phạm vi: Tuyển sinh trên toàn quốc
Quy mô: 3.600 chỉ tiêu
1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh có đủ các điều kiện được tham gia tuyển sinh đại học theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành.
2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên toàn quốc
3. Phương thức tuyển sinh
Thí sinh có thể sử dụng *1 hoặc* đồng thời các phương thức xét tuyển như sau:

Mã phương thức	Phương thức xét tuyển	Thang điểm xét tuyển	Ghi chú
PT1	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của Bộ GD&ĐT		
PT2	Xét tuyển dựa vào Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG - HCM và Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG - Hà Nội năm 2023	Thang điểm 1200 của ĐHQG-HCM; Thang điểm 150 của ĐHQG-HN	Áp điểm điều kiện tiếng Anh ở một số ngành đào tạo
PT3	Xét tuyển dựa vào Điểm học bạ (Kết quả học tập ở THPT)	Thang điểm 40	
PT4	Xét tuyển dựa vào Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023	Thang điểm 30	

4. Ngành đào tạo, chỉ tiêu và tổ hợp xét tuyển
Bảng 1: Thông tin ngành đào tạo và tổ hợp xét tuyển theo phương thức PT3 và PT4

TT	Mã ngành	Tên ngành, chương trình chuyên ngành	Mã tổ hợp xét tuyển		Điểm sàn tiếng Anh *(trừ tuyển thẳng)*
			Theo Điểm thi THPT 2023 *(3 môn thi)*	Theo kết quả học tập ở THPT *(học bạ 4 môn học)*	
I	**Chương trình đặc biệt**				
1.	7540105MP	Công nghệ chế biến thuỷ sản *(Chương trình Minh Phú - NTU)*	A01; B00; D01; D07	TO; VL; HH; SH	
2.	7620301MP	Nuôi trồng thuỷ sản *(Chương trình Minh Phú - NTU)*	A01; B00; D01; D07	TO; VL; HH; SH	
3.	7340101 A	Quản trị kinh doanh *(Chương trình song ngữ Anh-Việt)*	A01; D01; D07; D96	TA; LS, ĐL, GDCD	X
4.	7340301 PHE	Kế toán *(Chương trình song ngữ Anh-Việt)*	A01; D01; D07; D96	TA; LS, ĐL, GDCD	X
5.	7480201 PHE	Công nghệ thông tin *(Chương trình song ngữ Anh-Việt)*	A01; D01; D07; D90	TO; VL; TH; CN	X
6.	7810201 PHE	Quản trị khách sạn *(Chương trình song ngữ Anh-Việt)*	A01; D01; D07; D96	TA; LS, ĐL, GDCD	X
7.	7810103P	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành *(Chương trình song ngữ Pháp-Việt)*	D01, D03, D96, D97	ĐL, LS, TA, TP	
II	**Chương trình chuẩn**				
8.	7620303	Khoa học thủy sản *(02 chuyên ngành: Khai thác thủy sản, Khoa học thủy sản)*	A00; A01; B00; D07	TO; VL; HH; SH	
9.	7620305	Quản lý thuỷ sản	A00; A01; B00; D07	TO; VL; HH; SH	
10.	7620301	Nuôi trồng thuỷ sản	A01; B00; D01; D07	TO; VL; HH; SH	
11.	7420201	Công nghệ sinh học	A00; A01; B00; D08	TO; VL; HH; SH	
12.	7520320	Kỹ thuật môi trường *(02 chuyên ngành: Kỹ thuật môi trường; Quản lý môi trường và an toàn vệ sinh lao động)*	A00; A01; B00; D08	TO; VL; HH; SH	
13.	7520103	Kỹ thuật cơ khí *(02 chuyên ngành: Kỹ thuật cơ khí; Thiết kế và chế tạo số)*	A00; A01; C01; D07	TO; VL; HH; CN	

14.	7510202	Công nghệ chế tạo máy	A00; A01; C01; D07	TO; VL; HH; CN	
15.	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	A00; A01; C01; D07	TO; VL; HH; CN	
16.	7520115	Kỹ thuật nhiệt	A00; A01; C01; D07	TO; VL; HH; CN	
17.	7840106	Khoa học hàng hải *(02 chuyên ngành: Khoa học hàng hải; Quản lý hàng hải và Logistics)*	A01; D01; D07; D90	TO; VL; HH; CN	-
18.	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	A00; A01; C01; D07	TO; VL; HH; CN	
19.	7520122	Kỹ thuật tàu thủy	A00; A01; C01; D07	TO; VL; HH; CN	
20.	7520130	Kỹ thuật ô tô	A01; D01; D07; D90	TO; VL; HH; CN	-
21.	7520201	Kỹ thuật điện (*chuyên ngành Kỹ thuật điện, điện tử*)	A01; D01; D07; D90	TO; VL; HH; CN	-
22.	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	A01; D01; D07; D90	TO; VL; HH; CN	-
23.	7580201	Kỹ thuật xây dựng *(02 chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Quản lý xây dựng)*	A01; D01; D07; D90	TO; VL; HH; CN	-
24.	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	A01; D01; D07; D90	TO; VL; HH; CN	-
25.	7520301	Kỹ thuật hoá học	A00; A01; B00; D07	TO; VL; HH; CN	
26.	7540101	Công nghệ thực phẩm *(02 chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm; Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm)*	A01; D01; D07; D90	TO; VL; HH; SH	-
27.	7540105	Công nghệ chế biến thuỷ sản *(02 chuyên ngành: Công nghệ chế biến thủy sản; Công nghệ sau thu hoạch)*	A01; B00; D01; D07	TO; VL; HH; SH	
28.	7480201	Công nghệ thông tin *(02 chuyên ngành: Công nghệ phần mềm; Truyền thông và Mạng máy tính)*	A01; D01; D07; D90	TO; VL; TH; CN	X
29.	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	A01; D01; D07; D96	TO; VL; TH; CN	-
30.	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D01; D14; D15; D96	TA; LS; ĐL; GDCD	X
31.	7810201	Quản trị khách sạn	D01; D14; D15; D96	TA; LS; ĐL; GDCD	X
32.	7340101	Quản trị kinh doanh	D01; D14; D15; D96	TA; LS; ĐL; GDCD	X
33.	7340115	Marketing	D01; D14; D15; D96	TA; LS; ĐL; GDCD	X
34.	7340121	Kinh doanh thương mại	D01; D14; D15; D96	TA; LS; ĐL; GDCD	X
35.	7340201	Tài chính - Ngân hàng *(02 chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng; Công nghệ tài chính)*	D01; D14; D15; D96	TA; LS; ĐL; GDCD	X
36.	7340301	Kế toán *(02 chuyên ngành: Kế toán; Kiểm toán)*	D01; D14; D15; D96	TA; LS; ĐL; GDCD	X
37.	7380101	Luật *(02 chuyên ngành: Luật, Luật kinh tế)*	D01; D14; D15; D96	TA; LS; ĐL; GDCD	-
38.	7220201	Ngôn ngữ Anh *(04 chuyên ngành: Biên - phiên dịch; tiếng Anh du lịch; Giảng dạy tiếng Anh; Song ngữ Anh - Trung)*	D01; D14; D15; D96	TA; LS; ĐL; GDCD	X
39.	7310101	Kinh tế *(02 chuyên ngành: Kinh tế thủy sản; Quản lý kinh tế)*	D01; D14; D15; D96	TA; LS; ĐL; GDCD	-
40.	7310105	Kinh tế phát triển	D01; D14; D15; D96	TA; LS; ĐL; GDCD	-
	Tổng số 33 ngành (55 CTĐT/chuyên ngành)				**13**

Bảng 2: Mã và tên chi tiết về tổ hợp xét tuyển theo PT3 và PT4

TT	Mã tổ hợp	Tổ hợp xét tuyển 4 môn học (PT3 - Điểm học bạ)	Mã tổ hợp	Tổ hợp 3 môn thi (PT4 - Điểm thi tốt nghiệp THPT)
1.	TO	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, (Toán nhân hệ số 2)	A00	Toán, Vật lý, Hoá học
2.	VL	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Vật lý	A01	Toán, Vật lý, tiếng Anh
3.	HH	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Hóa học	B00	Toán, Hóa học, Sinh học
4.	SH	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Sinh học	C01	Toán, Ngữ văn, Vật lý
5.	CN	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Công nghệ	D01	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh
6.	TH	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Tin học	D03	Toán, Ngữ văn, tiếng Pháp
7.	TA	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (tiếng Anh nhân hệ số 2)	D07	Toán, Hoá học, tiếng Anh
8.	LS	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Lịch sử	D08	Toán, Sinh học, tiếng Anh
9.	ĐL	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Địa lý	D14	Ngữ văn, Lịch sử, tiếng Anh
10.	GDCD	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, GDCD	D15	Ngữ văn, Địa lý, tiếng Anh
11.	TP	Toán, Ngữ văn, tiếng Pháp (tiếng Pháp nhân hệ số 2)	D90	Toán, KHTN, tiếng Anh
			D96	Toán, KHXH, tiếng Anh
			D97	Toán, KHXH, tiếng Pháp

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu, phường Vĩnh Thọ, Nha Trang

Website: www.tuyensinh.ntu.edu.vn - **Fanpage:** https://www.facebook.com/tuyensinhdhnt/

Điện thoại: 0258.3831148; 0258.2212579 - **Email:** tuyensinh@ntu.edu.vn

Trích Nguồn: https://tuyensinh.ntu.edu.vn/tuyen-sinh/n/thong-bao-tuyen-sinh-2023/fbclid/iwar361_h_vzdaf_tzu-cuw3gkazv2ftudsvibjbuf_hl1_58gvoda9x45vvm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHÁNH HÒA

Mã Trường: UKH

1. Phương thức xét tuyển Đại học

- **Phương thức 1: Xét tuyển thẳng**. Các đối tượng được quy định theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.
- **Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2023**
  + Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2023 theo tổ hợp môn thi xét tuyển, trong đó các môn thi trong tổ hợp môn thi xét tuyển đều đạt trên 1,0 điểm theo thang điểm 10.
  + Nhà trường sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ (chỉ áp dụng đối với các chứng chỉ Tiếng Anh).
- **Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập cấp THPT (Xét tuyển dựa vào học bạ).** Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của 3 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển.
- **Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức năm 2023.**

2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

- Đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên:
  + Phương thức xét tuyển dựa vào học bạ: Học sinh đã tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên;
  + Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2023: Căn cứ kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT, Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.
  + Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh tổ chức năm 2023: Học sinh đã tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên
- Đối với 03 ngành/chuyên ngành gồm Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh du lịch) và Sư phạm Tiếng Anh:
  + Phương thức xét tuyển dựa vào học bạ và Phương thức xét tuyển dựa vào điểm xét tốt nghiệp THPT năm 2023: Điểm trung bình cả năm lớp 12 môn Tiếng Anh đạt 6.0 trở lên;
  + Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2023: điểm bài thi Tiếng Anh đạt 4.5 trở lên.

3. Ngành đào tạo

Tuyển sinh đại học chính quy

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	MÃ TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN
1	Sư phạm Toán học	7140209	A00, A01, B00, D07
2	Sư phạm Vật lý (Chuyên ngành: Khoa học tự nhiên)	7140211A	A00, A01, B00, D07
3	Sư phạm Ngữ văn	7140217	C00, D01, D14, D15
4	Sư phạm Tiếng Anh (chuyên ngành: Giảng dạy Tiểu học)	7140231	A00, D01, D14, D15
5	Sư phạm Tiếng Anh (Chuyên ngành: Giảng dạy THCS, THPT)	7140231A	
6	Giáo dục Tiểu học	7140202	A00, D01, D14, C00
7	Ngôn ngữ Anh	7220201	A01, D01, D14, D15
8	Ngôn ngữ Anh (Chuyên ngành: Tiếng Anh du lịch)	7220201A	
9	Ngôn ngữ học (Chuyên ngành: Tiếng Trung Quốc)	7229020	D01, D04, D14, D15
10	Văn học (Chuyên ngành: Báo chí - Truyền thông)	7229030	C00, C19, C20, D01
11	Văn hóa học (Chuyên ngành: Văn hóa - Truyền thông)	7229040	C00, C19, C20, D01
12	Việt Nam học (Chuyên ngành: Hướng dẫn Du lịch)	7310630	C00, C19, C20, D01
13	Việt Nam học (Chuyên ngành: Văn hóa Du lịch)	7310630A	
14	Quản trị kinh doanh	7340101	A01, D01, D14, D15
15	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản lý bán lẻ)	7340101A	
16	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Marketing)	7340101B	
17	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành. Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống)	7340101C	
18	Sinh học ứng dụng (Chuyên ngành: Dược liệu)	7420203A	A00, A01, B00, D07
19	Hóa học (Chuyên ngành: Hóa được - Sản phẩm thiên nhiên)	7440112	A00, A01, B00, D07
20	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	A01, D01, D14, D15
21	Quản trị khách sạn	7810201	A01, D01, D14, D15

Tuyển sinh cao đẳng chính quy

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Thanh nhạc (Chuyên ngành: Thanh nhạc - Nhạc nhẹ)	6210225
2	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	6210216
3	Biểu diễn nhạc cụ phương tây	6210217
4	Đồ họa	6210104
5	Hội họa	6210103
6	Diễn viên múa	6210213

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHÁNH HÒA

Địa chỉ:

- Số 01 Nguyễn Chánh, phường Lộc Thọ, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa.
- Số 52 Phạm Văn Đồng, phường Vĩnh Hải, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa.

Điện thoại: (0258) 3 523 420 số máy lẻ 100 - **Fax**: 0258.3523420

Email: info@ukh.edu.vn - **Website**: ukh.edu.vn/tuyensinh/vi-vn - www.ukh.edu.vn

Trích Nguồn: https://ukh.edu.vn/tuyensinh/vi-vn/

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

Mã Trường: TBD

1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên); hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành); hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam.
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được cấp có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập thì hiệu trưởng các trường xem xét, quyết định cho dự tuyển vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh

- **Phương thức 1: KẾT QUẢ HỌC BẠ THPT**
  + ĐTB 5 học kỳ (cả năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12); hoặc
  + ĐTB theo tổ hợp 3 môn của học kỳ 1 lớp 12; hoặc
  + ĐTB theo tổ hợp 3 môn của cả năm lớp 12; hoặc
  + ĐTB cả 3 năm THPT (lớp 10, lớp 11 và lớp 12)
- **Phương thức 2**: **KẾT QUẢ THI THPT 2023**. Theo tổ hợp môn xét tuyển, dự kiến từ 15 điểm trở lên
- **Phương thức 3**: **ĐIỂM XÉT TỐT NGHIỆP THPT 2023.** Dự kiến từ 5.5 điểm trở lên
- **Phương thức 4**: **KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC ĐH QUỐC GIA TP.HCM**. Dự kiến từ 550 điểm trở lên

4. Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo.

NGÀNH	CÁC CHUYÊN NGÀNH	CHỈ TIÊU	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN (**)
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (Kỹ sư/Cử nhân) Mã ngành: 7480201	Công nghệ phần mềm	200	A00: Toán, Lý, Hóa D01/D03/D06: Văn, Toán, Ngoại ngữ (*) A01/D29/D28: Toán, Lý, Ngoại ngữ (*) D07/D24/D23: Toán, Hoá, Ngoại ngữ (*) (*) Ngoại ngữ theo thứ tự tổ hợp là: *Tiếng Anh, Tiếng Pháp hoặc Tiếng Nhật*
	Hệ thống thông tin quản lý		
	Mạng máy tính và An toàn thông tin		
TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (Kỹ sư/Cử nhân) Mã ngành: 7480207		50	
TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG Mã ngành: 7340201	Ngân hàng số	100	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Anh A09: Toán, Địa, Giáo dục công dân D01: Văn, Toán, Tiếng Anh
	Công nghệ Tài chính		
KẾ TOÁN Mã ngành: 7340301	Kế toán Doanh nghiệp	100	
	Kiểm toán		
KINH DOANH QUỐC TẾ Mã ngành: 7340120		50	
LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG Mã ngành: 7510605		50	
MARKETING Mã ngành: 7340115		50	
QUẢN TRỊ KINH DOANH Mã ngành: 7340101	Quản trị Kinh doanh tổng hợp	200	
	Digital Marketing		
	Quản trị Khởi nghiệp		
	Kinh doanh Bất động sản		
	Quản trị Truyền thông Đa phương tiện		
LUẬT Mã ngành: 7380101	Luật học Tổng hợp và Ứng dụng	150	A00: Toán, Lý, Hóa A07: Toán, Sử, Địa C20: Văn, Địa, Giáo dục công dân D01: Văn, Toán, Tiếng Anh
	Tư pháp Dân sự và Luật kinh doanh		
	Tư pháp Hình sự và Tội phạm học		
	Luật Kinh tế và Thương mại quốc tế *(*Đào tạo chuẩn quốc tế)*		
QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN Mã ngành: 7810201		100	A01: Toán, Lý, Anh A07: Toán, Sử, Địa D01/D03: Văn, Toán, Tiếng Anh/Pháp D14: Văn, Sử, Tiếng Anh
DU LỊCH Mã ngành: 7810101	Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	200	
	Quản trị Lữ hành - Sự kiện		
	Du lịch Sức khỏe		
NGÔN NGỮ ANH Mã ngành: 7220201	Giảng dạy tiếng Anh	100	D01: Văn, Toán, Tiếng Anh D14: Văn, Sử, Tiếng Anh D66: Văn, Giáo dục công dân, Tiếng Anh D84: Toán, Giáo dục công dân, Tiếng Anh *(hệ số 2 môn Tiếng Anh)*
	Tiếng Anh Thương mại - Du lịch		
ĐÔNG PHƯƠNG HỌC Mã ngành: 7310608	Tiếng Hàn Quốc	100	C00: Văn, Sử, Địa C19: Văn, Sử, Giáo dục công dân C20: Văn, Địa, Giáo dục công dân D01: Văn, Toán, Tiếng Anh
	Tiếng Trung Quốc		

5. Cách xác định điểm trúng tuyển

- **Cách xác định điểm xét tuyển theo phương thức 1 (xét tuyển dựa trên kết quả học tập cấp trung học phổ thông (hay học bạ)):**

Xác định điểm:

+ Điểm trung bình (ĐTB) cộng của tất cả các môn trong 5 học kì (HK) (cả năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12); Mã tổ hợp hệ thống: HB5;
+ ĐTB cộng của tất cả các môn trong 3 năm học lớp 10, lớp 11, và lớp 12; Mã tổ hợp hệ thống: HB6;
+ ĐTB cộng của tổ hợp 3 môn xét tuyển học kỳ 1 năm lớp 12; Mã tổ hợp hệ thống: THHK1;
+ ĐTB cộng của tổ hợp 3 môn xét tuyển trong cả năm lớp 12; Mã tổ hợp hệ thống: THCN.

Cách tính điểm:

+ Điểm xét tuyển 5 học kỳ = (Cả năm lớp 10 + Cả năm lớp 11 + Học kỳ 1 lớp 12)
+ Điểm xét tuyển 3 năm = (Cả năm lớp 10 + Cả năm lớp 11 + Cả năm lớp 12)
+ Điểm xét tuyển 3 môn tổ hợp học kỳ 1 năm lớp 12 (HK1) = (HK1 Môn 1 + HK1 Môn 2 + HK1 Môn 3)
+ Điểm xét tuyển 3 môn tổ hợp cả năm lớp 12 (CN) = (CN Môn 1 + CN Môn 2 + CN Môn 3)

- **Cách xác định điểm xét tuyển theo phương thức 2 (xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023):**

+ ***Xét điểm tổ hợp các môn điều kiện theo ngành trong số các môn thi tốt nghiệp THPT của thí sinh:*** thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ngưỡng đảm bảo chất lượng của Trường.

- **Điểm xét tuyển phương thức 3: xét kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TPHCM:** Căn cứ phiếu điểm của Đại học Quốc gia TPHCM cấp cho thí sinh.
- **Điểm xét tuyển phương thức 4 (xét điểm xét tốt nghiệp THPT):**

6. Thời gian tuyển sinh

- **Phương thức 1:** Dự kiến

Đợt 1: 03/01 - 31/03	Đợt 2: 01/04 - 15/05	Đợt 3: 16/05 - 30/06	Đợt 4: 01/07 - 31/08	Đợt 5: 01/09 - 31/10

- **Phương thức 2, 3:** Theo lịch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, dự kiến từ tháng 7/2023
- **Phương thức 4:** Dự kiến từ tháng 4/2023

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ: 79 Mai Thị Dõng, Vĩnh Ngọc, Nha Trang, Khánh Hòa
Điện thoại: (0258) 3727 147 - **Zalo:** 0886433379
Hotline tư vấn tuyển sinh: 0886433379; (0258) 3727 147 - **Email**: tuyensinh@tbd.edu.vn

Trích Nguồn: https://tbd.edu.vn/tuyen-sinh/thong-tin-xet-tuyen/

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

Mã Trường: DPT

1. Phương thức xét tuyển

- **Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023.**
- **Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc THPT.**
  + Thí sinh cần tốt nghiệp THPT và đạt được 1 trong 6 tiêu chí:
    - Điểm trung bình của cả năm học lớp 12 ≥ 6.0
    - Điểm trung bình của học kỳ 1 lớp 11, học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 ≥ 6.0
    - Điểm trung bình của cả năm học lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 ≥ 6.0
    - Điểm trung bình của 3 môn thuộc khối xét tuyển của cả năm học lớp 12 ≥ 6.0
    - Điểm trung bình của 3 môn thuộc khối xét tuyển của học kỳ 1 lớp 11, học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 ≥ 6.0
    - Điểm trung bình của 3 môn thuộc khối xét tuyển của cả năm học lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 ≥ 6.0
- **Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2023 do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức.**

2. Ngành đào tạo

- Năm 2023, trường Đại học Phan Thiết đào tạo 15 ngành: Công nghệ Thông tin, Kế toán, Quản trị Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Quản trị Khách sạn, Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Luật kinh tế, Ngôn ngữ Anh, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống, Kỹ thuật Xây dựng, Luật, Truyền thông đa phương tiện, Kỹ thuật Ô tô và Kỹ thuật xét nghiệm y học.
- Dự kiến Trường sẽ mở thêm các chuyên ngành: Dược, Điều dưỡng, Chẩn đoán hình ảnh, Kiến trúc, Kỹ thuật điện.

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn thi/xét tuyển	Mã tổ hợp
1	Công nghệ Thông tin	7480201	Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D01
			Toán, Vật lý, Tiếng Anh	A01
			Toán, Vật lý, Ngữ văn	C01
2	Kế toán	7340301	Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			Toán, Vật lý, Tiếng Anh	A01
			Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D01
			Toán, Ngữ văn, Địa lý	C04
3	Quản trị Kinh doanh	7340101	Toán, Vật lý, Hóa học	A00

			Toán, Vật lý, Tiếng Anh	A01
			Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D01
			Toán, Ngữ văn, Địa lý	C04
4	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			Toán, Vật lý, Tiếng Anh	A01
			Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D01
			Toán, Ngữ văn, Địa lý	C04
5	Quản trị Khách sạn	7810201	Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			Toán, Vật lý, Tiếng Anh	A01
			Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D01
			Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	C00
6	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	7810103	Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			Toán, Vật lý, Tiếng Anh	A01
			Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D01
			Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	C00
7	Luật kinh tế	7380107	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	C00
			Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử	D14
			Toán, Tiếng Anh, Giáo dục công dân	D84
			Ngữ văn, Tiếng Anh, Giáo dục công dân	D66
8	Ngôn ngữ Anh	7220201	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D01
			Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lý	D15
			Ngữ Văn, Tiếng Anh, Lịch sử	D14
			Ngữ văn, Tiếng Anh, Giáo dục công dân	D66
9	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			Toán, Vật lý, Tiếng Anh	A01
			Toán, Vật lý, Ngữ văn	C01
			Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D01
10	Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	7810202	Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			Toán, Vật lý, Tiếng Anh	A01
			Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D01
			Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	C00
11	Kỹ thuật Xây dựng	7580201	Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			Toán, Vật lý, Tiếng Anh	A01
			Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D01
			Toán, Ngữ văn, Vật lý	C01
12	Luật	7380101	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	C00
			Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử	D14
			Toán, Tiếng Anh, Giáo dục công dân	D84
			Ngữ văn, Tiếng Anh, Giáo dục công dân	D66
13	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	A01
			Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D01
			Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	C00
			Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lý	D15
14	Kỹ thuật Ô tô	7520130	Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			Toán, Vật lý, Tiếng Anh	A01
			Toán, Vật lý, Sinh học	A02
			Toán, Vật lý, Ngữ văn	C01
15	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			Toán, Hóa học, Sinh học	B00
			Toán, Hóa học, Tiếng Anh	D07
			Toán, Sinh học, Tiếng Anh	D08

* Riêng đối với ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học, thí sinh đăng ký xét tuyển cần đạt học lực lớp 12 từ loại Khá trở lên.

3. Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển: Dự kiến 8 đợt nhận hồ sơ xét tuyển hệ Đại học năm 2023

+ Đợt 1: Từ ngày 18/02 đến 19/06	+ Đợt 4: Từ ngày 22/08 đến 22/09	+ Đợt 7: Từ ngày 15/10 đến 25/10
+ Đợt 2: Từ ngày 20/06 đến 20/07	+ Đợt 5: Từ ngày 23/09 đến 03/10	+ Đợt 8: Từ ngày 26/10 đến 01/12
+ Đợt 3: Từ ngày 21/07 đến 21/08	+ Đợt 6: Từ ngày 04/10 đến 14/10	

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

Địa chỉ: 225 Nguyễn Thông, Phú Hài, Phan Thiết, Bình Thuận

Hotline: 0762538686 - 02526283838 - **Zalo**: 0942066049

Website: upt.edu.vn hoặc ts.upt.edu.vn - **Fanpage**: facebook.com/upt.edu.vn/

Trích Nguồn: https://upt.edu.vn/tuyen-sinh-dai-hoc-noi-bat/du-kien-cac-phuong-thuc-xet-tuyen-va-nganh-dao-tao-dai-hoc-trong-nam-2023/

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIA LAI
GIA LAI COLLEGE

Trường Cao đẳng Gia Lai là Trường Cao đẳng công lập duy nhất đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh.

Vững nghề nghiệp - Sáng tương lai

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO NĂM 2023

WWW.CDGL.EDU.VN

THÔNG TIN TUYỂN SINH 2023

THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ:
TỪ NGÀY: 01/3/2023
ĐẾN NGÀY: 30/11/2023

HÌNH THỨC ĐĂNG KÝ: XÉT TUYỂN

BƯỚC 1: ĐĂNG KÝ TRỰC TUYẾN
- TẠI WEBSITE: WWW.CDGL.EDU.VN
- HOẶC LINK: HTTPS://FORMS.GLE/HTVT3OIQNE3WDPESA (HOẶC QUÉT MÃ QR)

BƯỚC 2: NỘP HỒ SƠ NHẬP HỌC TRỰC TIẾP TẠI TRỤ SỞ CHÍNH
ĐƯỜNG TRẦN NHẬT DUẬT, KHU ĐÔ THỊ DIÊN PHÚ, PLEIKU, GIA LAI

HỒ SƠ NHẬP HỌC

- ☑ 1 BẢN SAO (CÔNG CHỨNG) — BẰNG TỐT NGHIỆP (CHỨNG NHẬN TỐT NGHIỆP THCS/THPT)
- ☑ 1 BẢN SAO (CÔNG CHỨNG) — HỌC BẠ
- ☑ 1 BẢN SAO (CÔNG CHỨNG) — GIẤY KHAI SINH
- ☑ 1 BẢN SAO (CÔNG CHỨNG) — CMND/CCCD
- ☑ 1 BẢN — SƠ YẾU LÝ LỊCH
- ☑ 4 TẤM — ẢNH 3X4
- ☑ 1 GIẤY — BÁO NHẬP HỌC

CÁC GIẤY TỜ ƯU TIÊN (NẾU CÓ)

TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG (2,5 - 3 năm)

(Đối tượng: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương)

Nhóm ngành Công nghệ - Kỹ thuật
1. Công nghệ kỹ thuật cơ khí
2. Công nghệ Ô tô
3. Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)
4. Điện Công nghiệp
5. Công nghệ Hàn (Hàn)
6. Kỹ thuật xây dựng

Nhóm ngành Y - Dược
7. Dược
8. Điều dưỡng

Nhóm ngành Nghiệp vụ - Du lịch
9. Công tác xã hội
10. Hướng dẫn du lịch
11. Quản trị khách sạn
12. Kế toán doanh nghiệp

Nhóm ngành Nông - Lâm nghiệp
13. Bảo vệ thực vật
14. Công nghệ sinh học

TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP (2 năm)

(Đối tượng: Tốt nghiệp THPT/THCS hoặc tương đương)

Nhóm ngành Công nghệ - Kỹ thuật
1. Cắt gọt kim loại (Gia công cơ khí)
2. Công nghệ Ô tô
3. Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)
4. Điện công nghiệp
5. Công nghệ Hàn (Hàn)
6. Kỹ thuật máy nông nghiệp
7. Kỹ thuật xây dựng

Nhóm ngành Nghiệp vụ - Du lịch
8. Kỹ thuật chế biến món ăn
9. May thời trang
10. Quản trị khách sạn

Nhóm ngành Nông - Lâm nghiệp
11. Bảo vệ thực vật
12. Thú y

Nhóm ngành Văn hoá Nghệ thuật
13. Biểu diễn nhạc cụ phương tây (Guitar)
14. Thanh nhạc

TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP: (3/6/9 tháng)

☑ Tuyển sinh các nhóm ngành/nghề của nhà trường và theo nhu cầu của người học

1. Công nghệ Hàn (Hàn)
2. Sửa chữa thân xe và sơn ôtô
3. Sửa chữa xe máy
4. Sửa chữa lắp ráp máy tính
5. Kỹ thuật máy nông nghiệp
6. Kỹ thuật xây dựng
7. Điện công nghiệp
8. Điện dân dụng
9. Nv du lịch cộng đồng
10. Nghiệp vụ lễ tân
11. Nghiệp vụ buồng
12. Nghiệp vụ phục vụ bàn
13. Kỹ thuật chế biến món ăn
14. May công nghiệp
15. Tin học văn phòng
16. Trồng trọt và BVTV
17. Chăn nuôi, Thú y
18. Dàn dựng nghệ thuật Múa quần chúng
19. Lái xe ô tô hạng B1
20. Lái xe ô tô hạng B2
21. Lái xe ô tô hạng C

CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI

☑ Được miễn/ giảm 50%, 70%, 100% học phí theo quy định của nhà nước
☑ Học bổng đa dạng, hấp dẫn hỗ trợ từ 60% đến 100% theo mức lương cơ sở
☑ Hỗ trợ vay vốn học tập, hỗ trợ chỗ ở KTX cho HSSV DTTS theo chế độ chính sách
☑ Nhà trường đảm bảo giới thiệu việc làm cho học sinh sinh viên sau khi tốt nghiệp
☑ Học sinh sinh viên được tham gia thực tập tại các doanh nghiệp trong quá trình học

LIÊN HỆ: Trung tâm tuyển sinh & Hỗ trợ HSSV, Trường Cao đẳng Gia Lai.

Trụ sở chính: **Đường Trần Nhật Duật - Diên Phú - Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai.**
Điện thoại: **02696.296.999 - 02693.825001-(114) - 0935.651.681 (T. Đức Dũng)**
Tư vấn trực tuyến: **https://www.facebook.com/truongcaodanggialai**
Website: **www.cdgl.edu.vn** - Email: **trungtamtuyensinhcdgl@gmail.com**

Link đăng ký trực tuyến: **https://forms.gle/Htvt3oiQNE3wdPeSA**

PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP TẠI TỈNH GIA LAI

Mã Trường: LNA

Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và tương đương

Phương thức tuyển sinh: Phân hiệu trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Gia Lai tuyển sinh theo 3 phương thức như sau

- **Phương thức 1: Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023.**
- **Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ).**
  + Đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT: Xét kết quả học tập năm lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển. (A00; A16; B00; C15; D01)
  + Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023 (nộp hồ sơ xét tuyển trước thời điểm xét tốt nghiệp): Xét điểm TBC học tập năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp12.
- **Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực.** Phân hiệu trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Gia Lai sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực (ĐGNL) của Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia TP. HCM để xét tuyển.

Chỉ tiêu tuyển sinh: Từng ngành/ nhóm ngành/ khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh trình độ đại học

STT	Ngành tuyển sinh	Mã ngành	Chỉ tiêu	STT	Ngành tuyển sinh	Mã ngành	Chỉ tiêu
1	Lâm sinh	7620205	30	4	Bảo vệ thực vật	7620112	30
2	Quản lý đất đai	7850103	30	5	Kế toán	7340301	30
3	Khoa học cây trồng	7620110	30	6	Quản trị kinh doanh	7340101	30

Thông tin liên hệ: PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP TẠI TỈNH GIA LAI

Địa chỉ: Tổ 4, phường Chi Lăng, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 02693.747.706 - 0983 288 066 - **Hotline**: 24/7: 02693.747.706

Email: daotaovnuf3@vnuf.edu.vn - **Website**: tuyensinh.vnuf3.edu.vn - vnuf3.edu.vn

Trích Nguồn: http://tuyensinh.vnuf3.edu.vn/Post.aspx?id=40

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Mã Trường: TTN

Loại hình trường: Công lập

Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh cả nước

1. Phương thức xét tuyển

1.1. Phương thức 1: Xét kết quả học tập THPT (học bạ). (không áp dụng đối với ngành y khoa)

- **Điều kiện xét tuyển:**
  + Thí sinh xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT, tổng điểm xét tuyển phải đạt từ 18,0 trở lên
  + Thí sinh đăng ký xét tuyển vào ngành Giáo dục mầm non và Giáo dục Thể chất phải dự thi năng khiếu tại Trường Đại học Tây Nguyên và có điểm các môn thi năng khiếu đạt từ 5,0 (năm) trở lên mới đủ điều kiện xét tuyển;
  + Thí sinh đăng ký xét tuyển vào ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm tiếng Anh phải có điểm môn tiếng Anh đạt từ 6,0 (sáu) trở lên mới đủ điều kiện xét tuyển.
  + Đối với các ngành đào tạo giáo viên và Y khoa: Thí sinh phải có học lực lớp 12 đạt loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp đạt từ 8,0 trở lên
  + Đối với các ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học: Thí sinh phải có học lực lớp 12 đạt loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp đạt từ 6,5 trở lên
  + Đối với ngành Giáo dục thể chất, thí sinh phải đạt một trong các điều kiện sau:
    • Có học lực lớp 12 đạt loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp đạt 6,5 trở lên
    • Là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia và quốc tế.
- **Nguyên tắc xét tuyển:** Xét tuyển ưu tiên lần lượt từ cao xuống thấp theo điểm xét tuyển.
  Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + Điểm ưu tiên

1.2. Phương thứ 2: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023

Thí sinh tốt nghiệp THPT và sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 dự tuyển

- **Điều kiện xét tuyển:**
  + Điểm sàn xét tuyển: Nhà trường sẽ có thông báo sau khi có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023
  + Thí sinh đăng ký xét tuyển vào ngành Giáo dục mầm non và Giáo dục Thể chất phải dự thi năng khiếu tại Trường Đại học Tây Nguyên và có điểm các môn thi năng khiếu đạt từ 5,0 (năm) trở lên mới đủ điều kiện xét tuyển;
  + Thí sinh đăng ký xét tuyển vào ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm tiếng Anh phải có điểm môn tiếng Anh đạt từ 6,0 (sáu) trở lên mới đủ điều kiện xét tuyển.
- **Nguyên tắc xét tuyển:** Xét tuyển ưu tiên lần lượt từ cao xuống thấp theo điểm xét tuyển.
  Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + Điểm ưu tiên

1.3. Phương thức 3: Xét kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023

Thí sinh tốt nghiệp THPT và sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để dự tuyển.

- **Điều kiện xét tuyển:**
  + Thí sinh đăng ký xét tuyển vào ngành Giáo dục mầm non và Giáo dục Thể chất phải dự thi năng khiếu tại Trường Đại học Tây Nguyên và có điểm các môn thi năng khiếu đạt từ 5,0 (năm) trở lên mới đủ điều kiện xét tuyển;
  + Đối với các ngành đào tạo giáo viên và Y khoa: Thí sinh phải có học lực lớp 12 đạt loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp đạt từ 8,0 trở lên

+ Đối với các ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học: Thí sinh phải có học lực lớp 12 đạt loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp đạt từ 6,5 trở lên
+ Đối với ngành Giáo dục thể chất, thí sinh phải đạt một trong các điều kiện sau:
  - Có học lực lớp 12 đạt loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp đạt 6,5 trở lên
  - Là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia và quốc tế.
+ Thí sinh phải đạt yêu cầu về kết quả thi đánh giá năng lực (đã bao gồm điểm ưu tiên, tính theo thang điểm 1200) như sau:
  - Ngành Y khoa: Đạt từ 850 điểm trở lên
  - Ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học và các ngành đào tạo giáo viên (trừ ngành Giáo dụ Thể chất): Đạt từ 700 điểm trở lên
  - Các ngành khác: Đạt từ 600 điểm trở lên

- **Nguyên tắc xét tuyển:** Xét tuyển ưu tiên lần lượt từ cao xuống thấp theo điểm xét tuyển.
  Điểm xét tuyển = Điểm thi đánh giá năng lực ĐHQG HCM 2023 + Điểm ưu tiên

1.4. Phương thứ 4: Xét tuyển thẳng thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi cấp quốc gia, quốc tế.

- Xét tuyển thẳng thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế và những thí sinh đủ điều kiện khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường

2. Thông tin ngành tuyển sinh

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp
KHỐI NGÀNH SỨC KHỎE			
1	7720101	Y khoa	B00
2	7720301	Điều dưỡng	B00
3	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B00
KHỐI NGÀNH SƯ PHẠM			
4	7140201	Giáo dục Mầm non	M01, M09
5	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00, C00, C03, D01
6	7140202JR	Giáo dục Tiểu học - Tiếng Jrai	A00, C00, C03, D01
7	7140205	Giáo dục Chính trị	C00, C19, D01, D66
8	7140206	Giáo dục Thể chất	T01, T20
9	7140209	Sư phạm Toán học	A00, A01, A02, B00
10	7140211	Sư phạm Vật lý	A00, A01, A02, C01
11	7140212	Sư phạm Hoá học	A00, B00, D07
12	7140213	Sư phạm Sinh học	A02, B00, B03, B08
13	7140217	Sư phạm Ngữ văn	C00, C19, C20
14	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	D01, D14, D15, D66
15	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	A00, A02, A16, D90
KHỐI NGÀNH XÃ HỘI NHÂN VĂN			
16	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01, D14, D15, D66
17	7229001	Triết học	C00, C19, D01, D66
18	7229030	Văn học	C00, C19, C20
KHỐI NGÀNH KINH TẾ			
19	7620115	Kinh tế nông nghiệp	A00, A01, D01, D07
20	7310101	Kinh tế	A00, A01, D01, D07
21	7310105	Kinh tế phát triển	A00, A01, D01, D07
22	7340101	Quản trị kinh doanh	A00, A01, D01, D07
23	7340201	Tài chính - Ngân hàng	A00, A01, D01, D07
24	7340121	Kinh doanh thương mại	A00, A01, D01, D07
25	7340301	Kế toán	A00, A01, D01, D07
KHỐI NGÀNH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ			
26	7420201	Công nghệ sinh học	A00, A02, B00, B08
27	7480201	Công nghệ thông tin	A00, A01
28	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00, A02, B00, B08
29	7540101	Công nghệ thực phẩm	A00, A02, B00, B08
KHỐI NGÀNH NÔNG LÂM - THÚ Y			
30	7620110	Khoa học cây trồng	A00, A02, B00, B08
31	7620112	Bảo vệ thực vật	A00, A02, B00, B08
32	7620205	Lâm sinh	A00, A02, B00, B08
33	7850103	Quản lí đất đai	A00, A01, A02, B00
34	7640101	Thú y	A00, A02, B00, D07
35	7620105	Chăn nuôi	A00, A02, B00, D07

A00: Toán, Vật lý, Hóa học
A01: Toán, Vật lý, tiếng Anh
A02: Toán, Vật lý, Sinh học
A16: Toán, Khoa học tự nhiên, Văn
B00: Toán, Hóa học, Sinh học
B03: Toán, Sinh học, Văn
B08: Toán, Sinh học, tiếng Anh
C00: Văn, Lịch sử, Địa lý
C01: Văn, Toán, Vật lý
C03: Văn, Toán, Lịch sử
C19: Văn, Lịch sử, Giáo dục công dân
C20: Văn, Địa lý, Giáo dục công dân
D01: Văn, Toán, tiếng Anh
D07: Toán, Hóa học, tiếng Anh
D13: Văn, Sinh học, tiếng Anh
D14: Văn, Lịch sử, tiếng Anh
D15: Văn, Địa lý, tiếng Anh
D66: Văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh
D90: Toán, Khoa học tự nhiên, tiếng Anh
M01: Văn, NK1 (Kể chuyện - Đọc diễn cảm), NK2 (Hát - Nhạc)
M09: Toán, NK1 (Kể chuyện - Đọc diễn cảm), NK2 (Hát - Nhạc)
T01: Toán, NK3 (chạy 100m), NK4 (Bật xa tại chỗ)
T20: Văn, NK3 (chạy 100m), NK4 (Bật xa tại chỗ)

Mọi thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
Địa chỉ: 567 Lê Duẩn, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Điện thoại: Điện thoại (02623) 817 397 - **Hotline/Zalo:** 096 516 44 45
Website: tuyensinh.ttn.edu.vn - **Email**: tuyensinh@ttn.edu.vn - **Fanpage**: www.fb.com/tvtsttn
Trích Nguồn: https://tuyensinh.ttn.edu.vn/2023/02/14/phuong-thuc-xet-tuyen-sinh-dai-hoc-2023/

BMTU
BUON MA THUOT
MEDICAL UNIVERSITY

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT
"Cam kết vì lợi ích cộng đồng"



Chuyên ngành Đào tạo:

Y Khoa
Bác sĩ Đa Khoa - 7720101

Điều Dưỡng
Cử nhân Điều Dưỡng - 7730101

Dược Học
Dược sĩ Đại học - 7720201

Y Tế Công Cộng
Cử nhân Y Tế Công Cộng - 7720701

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY 2023

NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN (dự kiến)			TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN	HỌC PHÍ/HỌC KỲ
		XÉT BẰNG ĐIỂM THI TN THPT 2023	XÉT BẰNG ĐIỂM HỌC BẠ THPT	XÉT BẰNG ĐIỂM THI ĐGNL 2023		
Y KHOA	7720101	175	80	10	A00;A02;B00;B08	25.000.000 VNĐ
DƯỢC HỌC	7720201	125	55	10	A00;B00;D07	17.500.000 VNĐ
ĐIỀU DƯỠNG	7720301	50	40	10	A00;A02;B00;B08	10.000.000 VNĐ
Y TẾ CÔNG CỘNG	7720701	13	12	2	A00;A02;B00;B08	10.000.000 VNĐ

PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH NĂM 2023

Xét tuyển bằng kết quả điểm thi các tổ hợp môn trong kỳ thi THPT 2023.

Xét tuyển bằng kết quả điểm thi các tổ hợp môn trong học bạ THPT.

Xét điểm bài thi đánh giá năng lực do ĐH Quốc gia, ĐH Vùng tổ chức thi năm 2023.

*Lưu ý: Thí sinh đăng ký xét tuyển năm 2023 bằng tất cả các phương thức trên đều phải đăng ký trực tuyến trên phần mềm của Bộ GD&ĐT

TUYỂN SINH TOÀN QUỐC



Mã Trường:
BMU

BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT



0262 3 98 66 88
298 Hà Huy Tập, P. Tân An, Tp. BMT, Đắk Lắk
tuyensinh@bmtu.edu.vn bmtu.edu.vn fb.com/dhydbmt

TRƯỜNG ĐẠI HỌC YERSIN ĐÀ LẠT

Mã trường: DYD

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp…
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.
- Quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định.

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

3. Các phương thức tuyển sinh

3.1. Phương thức 1: Xét tuyển học bạ THPT - Mã 200

- Điều kiện xét tuyển và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- Đạt điểm học bạ theo từng hình thức như sau (thí sinh lựa chọn hình thức phù hợp):
  + HB1: Sử dụng Điểm trung bình kết quả học tập HK1, HK2 của năm lớp 11 và HK1 của năm lớp 12 để xét tuyển. Tổng ĐTB của 3 học kỳ đạt 18.0đ trở lên.
  + HB2: ĐTB của năm lớp 12 đạt 6.0 trở lên.
  + HB3: ĐTB của 3 môn học năm lớp 12 theo tổ hợp xét tuyển đạt 18.0đ trở lên. Trong đó, ngành Kiến trúc và Thiết kế nội thất đạt 12.0đ trở lên (đối với khối V00, H01).

Ghi chú: Ngành Điều dưỡng xét tuyển thí sinh có học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên; ngành Dược học xét tuyển thí sinh có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

3.2. Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT 2023 - Mã 100

- Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi (theo thang điểm 10) đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy chế tuyển sinh 2023.
- Điều kiện xét tuyển và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào
  + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
  + Tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT 2023 hoặc kỳ thi THPT quốc gia các năm trước.
  + Đạt điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường Đại học Yersin Đà Lạt quy định.
- Đối với ngành Điều dưỡng và Dược học: Thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định theo từng năm tuyển sinh.
- Đối với ngành Kiến trúc và Thiết kế nội thất, Trường xét tuyển điểm thi môn vẽ tại các trường có tổ chức thi môn năng khiếu.

3.3. Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2023 của Đại học Quốc gia TP. HCM hoặc các trường đại học có tổ chức - Mã 402

- Điểm xét tuyển là điểm quy đổi về thang điểm 30 từ tổng điểm bài thi đánh giá năng lực 2023 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh hoặc các trường đại học khác có tổ chức; có cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định.
- Điều kiện xét tuyển và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:
  + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
  + Điểm quy đổi đạt từ 15 điểm trở lên; ngành Điều dưỡng đạt từ 18đ trở lên và ngành Dược học đạt từ 20đ trở lên.

Ghi chú: Ngành Điều dưỡng xét tuyển thí sinh có học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên; ngành Dược học xét tuyển thí sinh có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

3.4. Xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Mã 301 và 303

- Trường Đại học Yersin Đà Lạt tuyển thẳng đối với thí sinh có học lực lớp 12 đạt loại Khá và có chứng chỉ IELTS >= 5.5
- Hoặc xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

4. Các ngành tuyển sinh và tổ hợp xét tuyển

TT	NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	**QUẢN TRỊ KINH DOANH** Gồm các chuyên ngành: 1. Quản trị kinh doanh 2. Kế toán - Tài chính - Ngân hàng 4. Digital Marketing	7340101	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)
	CÔNG NGHỆ SINH HỌC Gồm các chuyên ngành: 1. Công nghệ sinh học thực vật 2. Công nghệ vi sinh vật	7420201	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)
3	**CÔNG NGHỆ THÔNG TIN** Gồm các chuyên ngành: 1. Công nghệ phần mềm 2. Khoa học máy tính	7480201	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) K01 (Toán, Tiếng Anh, Tin học)
4	**KIẾN TRÚC**	7580101	A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý) H01 (Toán, Văn, Vẽ) V00 (Toán, Lý, Vẽ)
5	**THIẾT KẾ NỘI THẤT**	7580108	A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý) H01 (Toán, Văn, Vẽ) V00 (Toán, Lý, Vẽ)
6	**ĐIỀU DƯỠNG**	7720301	A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh)

			B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) D08 (Toán, Sinh, Tiếng Anh)
7	**DƯỢC HỌC**	7720201	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) D07 (Toán, Hóa, Tiếng Anh)
8	**NGÔN NGỮ ANH** Gồm các chuyên ngành: 1. Ngôn ngữ Anh 2. Tiếng Anh Du lịch 3. Tiếng Anh thương mại	7220201	A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh) D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh)
9	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH** Gồm các chuyên ngành: 1. Quản trị Nhà hàng - Khách sạn 2. Quản trị lữ hành	7810103	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh)
10	**ĐÔNG PHƯƠNG HỌC** Gồm các chuyên ngành: 1. Hàn Quốc 2. Nhật Bản 3. Trung Quốc	7310608	A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) D15 (Ngữ Văn, Địa lý, Tiếng Anh)
11	**QUAN HỆ CÔNG CHÚNG**	7320108	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)
12	**CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM**	7540101	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) C08 (Ngữ Văn, Hóa học, Sinh học) D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh)
13	**LUẬT KINH TẾ**	7380107	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) C00 (Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý) C20 (Ngữ Văn, Địa lý, GDCD) D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh)
14	**CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ**	7510205	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) D01 (Toán, Văn, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý)
15	**TÂM LÝ HỌC** **(dự kiến mở)**	7310401	A00 (Toán, Lý, Hóa) B00 (Toán, Hóa, Sinh) C00 (Văn, Sử, Địa) D01 (Toán, Văn, Anh)
16	**Y KHOA** **(dự kiến mở)**	7720101	A00 (Toán, Vật lý, Hoá học) B00 (Toán, Hoá học, Sinh học) B08 (Toán, Sinh học, Anh) D07 (Toán, Hoá học, Anh)
17	**NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO** **(dự kiến mở)**		A00 (Toán, Lý, Hóa) B00 (Toán, Hóa, Sinh) B08 (Toán, Sinh học, Anh) D01 (Toán, Văn, Anh)

Mọi thông tin vui lòng liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC YERSIN ĐÀ LẠT
Địa chỉ: 27 Tôn Thất Tùng, Phường 8, TP. Đà Lạt
Hotline: 0911 66 20 22 - 0981 30 91 90 - **Website:** http://www.yersin.edu.vn - https://tuyensinh.yersin.edu.vn/
Email: tuyensinh@yersin.edu.vn - **Facebook:** https://www.facebook.com/YersinUniversity

Trích Nguồn: https://tuyensinh.yersin.edu.vn/

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Mã Trường: TDL
Phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh trên toàn quốc;
Chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến): 2850;
I. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển kết hợp 4 phương thức
- Xét tuyển thẳng các trường hợp theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Xét tuyển thẳng các trường hợp thí sinh tốt nghiệp THPT có 3 năm liên tục đạt học sinh giỏi hoặc giải nhất, nhì, ba các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh trở lên vào các ngành phù hợp với môn chuyên hoặc môn đạt giải;

- Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT năm 2023;
- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 hoặc điểm trung bình kết quả học tập năm lớp 11 và học kỳ 1 của năm lớp 12 (tổng điểm 3 môn trong tổ hợp môn ĐKXT);
- Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của các Đại học Quốc gia và Đại học vùng.

II. Ngành đăng ký xét tuyển (chỉ tiêu là dự kiến)

TT	Tên ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu Dành cho phương thức thi THPT	Chỉ tiêu Dành cho các phương thức còn lại
1	Sư phạm Toán học	7140209	A00; A01; D07; D90	18	10	8
2	Sư phạm Vật lý	7140211	A00; A01; A12; D90	24	14	10
3	Sư phạm Hoá học	7140212	A00; B00; D07; D90	24	14	10
4	Sư phạm Sinh học	7140213	A00; B00; D08; D90	24	14	10
5	Sư phạm Ngữ văn	7140217	C00; C20; D14; D15	18	10	8
6	Sư phạm Lịch sử	7140218	C00; C19; C20; D14	24	14	10
7	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	D01; D72; D96	40	25	15
8	Sư phạm Tin học	7140210	A00; A01; D07; D90	28	16	12
9	Giáo dục tiểu học	7140202	A16; C14; C15; D01	150	90	60
10	Toán học (Toán - Tin học)	7460101	A00; A01; D07; D90	30	18	12
11	Khoa học dữ liệu	7460108	A00; A01; D07; D90	50	30	20
12	Công nghệ Thông tin	7480201	A00; A01; D07; D90	120	70	50
13	Vật lý học	7440102	A00; A01; A12; D90	70	40	30
14	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	7510302	A00; A01; A12; D90	30	20	10
15	Kỹ thuật hạt nhân	7520402	A00; A01; D01; D90	30	20	10
16	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động	7510303	A00; A01; A12; D90	40	25	15
17	Hóa học	7440112	A00; B00; D07; D90	30	20	10
18	Hóa dược	7720203	A00; B00; D07; D90	40	25	15
19	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	A00; B00; D07; D90	50	30	20
20	Sinh học (Chất lượng cao)	7420101	A00; B00; B08; D90	50	30	20
21	Công nghệ Sinh học	7420201	A00; B00; B08; D90	200	120	80
22	Quản trị Kinh doanh	7340101	A00; A01; D01; D96	200	120	80
23	Kế toán	7340301	A00; A01; D01; D96	100	60	40
24	Tài chính - Ngân hàng	7340201	A00; A01; D01; D96	80	50	30
25	Công nghệ thực phẩm	7540101	A00; A02; B00; D07	50	30	20
26	Nông học	7620109	B00; B08; D07; D90	50	30	20
27	Công nghệ Sau thu hoạch	7540104	A00; B00; B08; D90	20	10	10
28	Luật	7380101	A00; C00; C20; D01	150	90	60
29	Luật hình sự và tố tụng hình sự	7380104	A00; C00; C20; D01	80	50	30
30	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	C00; C20; D01; D78	240	140	100
31	Việt Nam học	7310630	C00; C20; D14; D15	20	10	10
32	Đông phương học (Hàn Quốc học, Nhật Bản học)	7310608	C00; D01; D78; D96	200	120	80
33	Quốc tế học	7310601	C00; C20; D01; D78	20	10	10
34	Văn học (Ngữ văn tổng hợp, Ngữ văn báo chí)	7229030	C00; C20; D14; D15	30	20	10
35	Văn hóa du lịch	7810106	C00; C20; D14; D15	50	30	20
36	Trung Quốc học	7310612	C00; C20; D14; D15	60	40	20
37	Lịch sử	7229010	C00; C19; C20; D14	20	10	10
38	Công tác xã hội	7760101	C00; C20; D01; D14	70	40	30
39	Dân số và Phát triển	7760104	C00; C20; D01; D14	50	30	20
40	Xã hội học	7310301	C00; C20; D01; D14	20	10	10
41	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01; D72; D96	250	150	100
	Tổng chỉ tiêu			**2850**	**1705**	**1145**

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT
Địa chỉ: Số 1 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Tp Đà Lạt;
Trang thông tin điện tử của trường: www.dlu.edu.vn;
Trang thông tin tuyển sinh: https://dlu.edu.vn/;
Fanpane thông tin, tư vấn tuyển sinh: https://www.facebook.com/Dalat Uni;
Tư vấn tuyển sinh: 02633 82591 - **Email:** phongquanglydaotao@dlu.edu.vn;

Trích nguồn: https://dlu.edu.vn/wp-content/uploads/2023/02/2023.02.03_0055-TB-DHDL_TT_TS_DH_he_CQ_nam_2023_truong_DHDL.pdf

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

Mã Trường: DNU

Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước. Riêng khối ngành Sư phạm tuyển sinh đối với thí sinh có hộ khẩu tại Đồng Nai trước ngày tổ chức kỳ thi THPT.

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2023 (DỰ KIẾN)

MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	MÃ TỔ HỢP	TÊN TỔ HỢP MÔN
7140201	Gáo dục Mầm non	M05, M07, M08, M13	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Anh A01: Toán, Lý, Sinh A04: Toán, Lý, Địa B00: Toán, Hóa, Sinh C00: Văn, Sử, Địa C01: Văn, Toán, Lý C03: Văn, Toán, Sử C19: Văn, Sử, GDCD D01: Văn, Toán, Anh D07: Toán, Hóa, Anh D14: Văn, Sử, Anh M05: Văn, Sử, Năng khiếu M07: Văn, Lý, Năng khiếu M08: Văn, GDCD, Năng khiếu M13: Toán, Sinh, Năng khiếu D90: Toán, Anh, KHTN
7140202	Giáo dục Tiểu học	A00, C00, D01, A01	
7140209	Sư phạm Toán học	A00, A01, D07, D90	
7140211	Sư phạm Vật lý	A00, A01, A02, C01	
7140212	Sư phạm Hóa học	A00, B00, D07, D90	
7140217	Sư phạm Ngữ văn	C00, D14, D01	
7140218	Sư phạm Lịch sử	C00, C03, C19, D14	
7140231	Sư phạm tiếng Anh	D01, A01	
7340101	Quản trị kinh doanh	A00, A01, D01	
7340301	Kế toán	A00, A01, D01	
7220201	Ngôn ngữ Anh	D01, A01	
7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00, A01, D90	
51140201	Giáo dục Mầm non (Cao đẳng)	M05, M07, M08, M13	
7520103	Kỹ thuật cơ khí (dự kiến)	A00, A01, D90	

Phương thức xét tuyển:

- Phương thức 1: Xét kết quả thi THPT 2023 (theo Quy định của Bộ GD&ĐT)
- Phương thức 2: Xét học bạ THPT cả năm lớp 12
  + Thí sinh đăng ký các ngành sư phạm đã tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8.0 trở lên
  + Thí sinh đăng ký các ngành ngoài sư phạm đã tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 trung bình trở lên.
- Ngành giáo dục Mầm non thi Năng khiếu: Kể chuyện và hát (bài hát tự chọn)
- Trường thông báo cụ thể sau theo quy định của Quy chế tuyển sinh và Hướng dẫn tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Số 9, Lê Quý Đôn, P.Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.
Điện thoại: (0251) 382 4684
Email: lienhe@dnpu.edu.vn - **Website**: http://dnpu.edu.vn/

Trích Nguồn: http://www.dnpu.edu.vn/danh-sach-nganh-dao-tao-du-kien-tuyen-sinh-nam-2023-ma-truong-dnu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP PHÂN HIỆU TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Mã trường: LNS

1. **Số ngành tuyển sinh là 16 ngành với tổng chỉ tiêu là 1.110 chỉ tiêu:** Đáng chú ý năm nay nhà trường tuyển mới ngành Hệ thống thông tin (Công nghệ thông tin); Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và dự kiến mở ngành Tài chính ngân hàng, Logistics & quản lý chuỗi cung ứng.
2. **Đa dạng phương thức xét tuyển:** Nhằm tạo điều kiện cho thí sinh có nhiều lựa chọn vào các ngành học của nhà trường, năm 2023, nhà trường có 4 phương thức xét tuyển gồm: **(1)** Xét tuyển bằng điểm thi Tốt nghiệp THPT; **(2)** Xét tuyển bằng học bạ THPT; **(3)** Xét tuyển bằng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của trường ĐHQG TP. Hồ Chí Minh và **(4)** Xét tuyển thẳng *(Theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo).*

Cụ thể như sau:

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển
1	Hệ thống thông tin (Công nghệ thông tin)	7480104	60	A00, A01, C15, D01	1. Xét tuyển bằng kết quả thi THPT năm 2023 các tổ hợp: A00; B00; A01; C15; D01. 2. Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT (Học bạ). Tổng điểm TB 3 năm THPT hoặc tổng điểm TB 3 môn của
2	Quản trị kinh doanh	7340101	80	A00, A01, C15, D01	
3	Kế toán	7340301	80	A00, A01, C15, D01	
4	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành	7810103	60	A00, A01, C15, D01	
5	Thú y	7640101	150	A00, B00, C15, D01	
6	Chăn nuôi	7620105	50	A00, B00, C15, D01	

7	Khoa học cây trồng	7620110	60	A00, B00, C15, D01	học kỳ I năm lớp 12/cả năm lớp 12 của các tổ hợp: A00; B00; A01; C15; D01. 3. Xét tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi đánh giá năng lực 2023 của ĐH Quốc Gia TP. HCM. 4. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT.
8	Bảo vệ thực vật	7620112	60	A00, B00, C15, D01	
9	Lâm sinh	7620205	50	A00, B00, C15, D01	
10	Quản lí đất đai	7850103	80	A00, B00, C15, D01	
11	Quản lí tài nguyên rừng	7620211	80	A00, B00, C15, D01	
12	Quản lí tài nguyên & môi trường	7850101	60	A00, B00, C15, D01	
13	Công nghệ chế biến lâm sản	7549001	60	A00, B00, C15, D01	
14	Thiết kế nội thất	7580108	60	A00, B00, C15, D01	
15	Tài chính ngân hàng	7340201	60	A00, A01, C15, D01	
16	Logistics & quản lý chuỗi cung ứng (dự kiến)	7510605	60	A00, A01, C15, D01	

- **Đối với phương thức 1** (Thí sinh dùng điểm thi kỳ thi THPT 2023 để xét tuyển) Dự kiến xét tuyển khoảng 30% tổng chỉ tiêu
  + Tốt nghiệp THPT;
  + Có điểm thi THPT các trong tổ hợp môn xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng theo quy định của nhà trường
- **Đối với phương thức 2** (Thí sinh dùng kết quả học tập bậc THPT để xét tuyển) Dự kiến xét tuyển khoảng 60% tổng chỉ tiêu
  + Tốt nghiệp THPT;
  + Đạt ít nhất 1 trong 3 tiêu chí sau:
    - Điểm trung bình chung của tổ hợp các môn học dùng để xét tuyển học kỳ I năm lớp 12 đạt từ 6,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10);
    - Điểm trung bình chung của tổ hợp các môn học dùng để xét tuyển cả năm lớp 12 đạt từ 6,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10);
    - Trung bình chung của tổng điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 đạt từ 6,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10).
- **Đối với phương thức 3** (Thí sinh dùng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của trường ĐHQG TP. Hồ Chí Minh để xét tuyển). Dự kiến xét tuyển khoảng 5% tổng chỉ tiêu.
  + Tốt nghiệp THPT;
  + Có điểm kỳ thi đánh giá năng lực của trường ĐHQG TP. Hồ Chí Minh đạt từ 600 điểm trở lên.
- **Đối với phương thức 4** (Xét tuyển thẳng) Dự kiến xét tuyển khoảng 5% tổng chỉ tiêu
  + Được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP PHÂN HIỆU TẠI TỈNH ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Thị trấn Trảng Bom, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai
Website: www.vnuf2.edu.vn
Fanpage: Facebook.com/VNUF2
Điện thoại: 0251 6508 777 / 0251 6578 999 - **Zalo:** 035.484848.9

Trích Nguồn: https://vnuf2.edu.vn/vi/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc/3181-phuong-an-tuyen-sinh-nam-2023-cua-phan-hieu-truong-dai-hoc-lam-nghiep-tai-tinh-dong-nai.html

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

Mã Trường: MIT

1. **Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
2. **Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước
3. **Phương thức tuyển sinh**

- **Phương thức 1:** Xét tuyển bằng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023
  + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
  + Tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023.
  + Đạt điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do Hội đồng tuyển sinh Đại học Công nghệ Miền Đông quy định sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT.
- **Phương thức 2:** Xét tuyển bằng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2023 của Đại học Quốc gia TP.HCM
  + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
  + Tham dự kỳ thi đánh giá năng lực 2023 do Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức và có kết quả đạt từ mức điểm xét tuyển do Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Công nghệ Miền Đông quy định.
- **Phương thức 3:** Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 03 môn năm lớp 12:
  + Tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương).
  + Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 18 trở lên. (Không cộng điểm ưu tiên)
  + Riêng ngành Dược học thí sinh có học lực lớp 12 xếp loại giỏi và điểm trung bình 3 môn đạt từ 21 trở lên.
  + Cách tính điểm xét tuyển = Tổng điểm TB 03 môn tổ hợp xét tuyển năm lớp 12 + Điểm ưu tiên (nếu có).
- **Phương thức 4:** Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ (lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12)
  + Tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương).
  + Tổng điểm trung bình của 3 học kì gồm học kì I, học kì II lớp 11 và học kì I lớp 12 đạt từ 18 trở lên. (Không cộng điểm ưu tiên)
  + Riêng ngành Dược học thí sinh có học lực lớp 12 xếp loại giỏi và điểm trung bình 3 học kỳ đạt từ 21 trở lên.

+ Cách tính điểm xét tuyển = Điểm TB học kì I lớp 11 + Điểm TB học kì II lớp 11 + Điểm TB học kì I lớp 12 + Điểm ưu tiên (nếu có).

- **Phương thức 5:** Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình cả năm lớp 12.
  + Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 đạt 6.0 trở lên.
  + Riêng ngành Dược học thí sinh có học lực lớp 12 xếp loại giỏi và điểm trung bình lớp 12 đạt từ 8.0 trở lên.

4. Các ngành tuyển sinh

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	HỌC PHÍ (HỌC KỲ)	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN
01	**Công nghệ kỹ thuật ô tô**	7510205	17,5 triệu	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý) D01 (Toán, Văn, Anh)
02	**Công nghệ thông tin** - Robot và trí tuệ nhân tạo - Công nghệ phần mềm - Công nghệ thông tin	7480201	17,5 triệu	
03	**Quản trị kinh doanh** - Quản trị doanh nghiệp - Quản trị nhân sự - Quản trị ngoại thương - Quản trị hàng không	7340101	15,0 triệu	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa) D01 (Toán, Văn, Anh)
04	**Công nghệ tài chính**	7340205	16,0 triệu	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý) D01 (Toán, Văn, Anh)
05	**Ngôn ngữ Anh** - Tiếng Anh thương mại - Tiếng Anh du lịch & khách sạn - Tiếng Anh biên, phiên dịch - Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	7220201	15,5 triệu	A01 (Toán, Lý, Anh) D01 (Toán, Văn, Anh) D14 (Văn, Sử, Anh) D15 (Văn, Địa, Anh)
06	**Ngôn ngữ Trung**	7220204	15,5 triệu	A01 (Toán, Lý, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa) D01 (Toán, Văn, Anh) D15 (Văn, Địa, Anh)
07	**Đông phương học** - Hàn Quốc học - Trung Quốc học - Nhật Bản học	7310608	15,0 triệu	
08	**Kế toán** - Kế toán Kiểm toán - Kế toán - Tài chính - Kế toán ngân hàng	7340301	15,0 triệu	A00 (Toán, Lý Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý) D01 (Toán, Văn, Anh)
09	**Logistics và quản lý chuỗi cung ứng**	7510605	15,0 triệu	A00 (Toán, Lý Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa)
10	**Digital marketing**	7340114	15,0 triệu	
11	**Quan hệ công chúng** - Truyền thông báo chí - Tổ chức sự kiện	7320108	15,5 triệu	
12	**Dược học** - Sản xuất & phát triển thuốc - Dược lâm sàng, Quản lý & cung ứng thuốc	7720201	16,5 triệu	A00 (Toán, Lý Hóa) B00 (Toán, Hóa, Sinh) C08 (Văn, Hóa, Sinh D07 (Toán, Hóa, Anh)
13	**Bác sĩ thú y**	7640101	15,0 triệu	
14	**Điều dưỡng**	7720301	16,5 triệu	
15	**Kinh doanh quốc tế** - Thương mại quốc tế - Kinh doanh điện tử - Tài chính quốc tế	7340120	15,0 triệu	A00 (Toán, Lý Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa) D01 (Toán, Văn, Anh)
16	**Luật kinh tế** - Luật tài chính ngân hàng - Luật quản trị doanh nghiệp - Luật thương mại quốc tế	7380107	15,0 triệu	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa) D01 (Toán, Văn, Anh)
17	**Kỹ thuật xây dựng**	7580201	16,5 triệu	A00 (Toán, Lý Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý) D01 (Toán, Văn, Anh)

Thời gian nhận hồ sơ: Trường tuyển sinh theo đợt. Tuỳ theo kết quả xét tuyển qua từng đợt, nếu còn chỉ tiêu, sẽ tuyển sinh các đợt bổ sung tiếp theo.

Đợt 1: Nhận hồ sơ từ 01/02 - 31/03/2023	**Đợt 4:** Nhận hồ sơ từ 01/07 - 31/07/2023
Đợt 2: Nhận hồ sơ từ 01/04 - 31/05/2023	**Đợt 5:** Nhận hồ sơ từ 01/08 - 31/08/2023
Đợt 3: Nhận hồ sơ từ 01/06 - 30/06/2023	**Đợt 6:** Nhận hồ sơ từ 01/09 - 15/09/2023

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG
Địa chỉ: Quốc lộ 1A, KP Trần Hưng Đạo, Thị Trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Hotline/ Zalo: 0981767568 - **FANPAGE:** https://facebook.com/mituniversity

Trích Nguồn: https://mit.vn/doc-tin-mit-university-cong-bo-de-an-tuyen-sinh-dai-hoc-nam-2023--du-kien-

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

Mã Trường: DCD

1. Đối tượng tuyển sinh:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hoá THPT theo quy định của pháp luật.

2. **Phạm vi tuyển sinh:** Trong cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh: Năm 2023, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai lựa chọn và quyết định phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi trung học phổ thông cho tất cả các ngành đào tạo bậc đại học chính quy với các tổ hợp môn tương ứng. Trường dành từ 50% đến 95% chỉ tiêu tuyển sinh theo kết quả kỳ thi trung học phổ thông và từ 5% đến 50% cho hình thức xét tuyển học bạ tuỳ theo ngành, tỉ lệ của từng phương thức này có thể thay đổi cho đến khi Trường tuyển đủ chỉ tiêu theo quy định.

4. Các ngành đào tạo bậc đại học chính quy

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn
1	**Công nghệ thông tin** + Công nghệ phần mềm + Mạng máy tính	7480201	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Anh A04: Toán, Lý, Địa (*) A10: Toán, Lý, GDCD (*)
2	**Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử** + Công nghệ kỹ thuật điện + Công nghệ kỹ thuật điện tử	7510301	
3	**Công nghệ chế tạo máy** + Cơ khí thông minh + Công nghệ tự động + Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510202	
4	**Công nghệ kỹ thuật ô tô**	7510205	
5	**Công nghệ thực phẩm**	7540101	A00: Toán, Lý, Hóa A06: Toán, Hóa, Địa (*) B00: Toán, Hóa, Sinh B04: Toán, Sinh, GDCD (*)
6	**Kỹ thuật xét nghiệm y học**	7720601	A06: Toán, Hóa, Địa (*) B00: Toán, Hóa, Sinh B04: Toán, Sinh, GDCD (*) C08: Văn, Hóa, Sinh
7	**Điều dưỡng**	7720301	
8	**Kế toán**	7340301	A00: Toán, Lý, Hóa A07: Toán, Sử, Địa A09: Toán, Địa, GDCD D84: Toán, GDCD, Anh
9	**Tài chính - Ngân hàng**	7340201	
10	**Quản trị kinh doanh**	7340101	
11	**Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**	7810103	A07: Toán, Sử, Địa A09: Toán, Địa, GDCD C00: Văn, Sử, Địa C20: Văn, Địa, GDCD
12	**Quản trị khách sạn**	7810201	
13	**Đông phương học** + Nhật Bản học + Hàn Quốc học + Trung Quốc học	7310608	A07: Toán, Sử, Địa C00: Văn, Sử, Địa D01: Toán, Văn, Anh D15: Văn, Địa, Anh
14	**Ngôn ngữ Anh** + Tiếng Anh thương mại + Tiếng Anh biên - phiên dịch + Phương pháp giảng dạy	7220201	D01: Toán, Văn, Anh D14: Văn, Sử, Anh D15: Văn, Địa, Anh D84: Toán, GDCD, Anh
15	**Ngôn ngữ Trung Quốc** + Tiếng Trung thương mại + Tiếng Trung biên - phiên dịch + Phương pháp giảng dạy	7220204	C00: Văn, Sử, Địa C20: Văn, Địa, GDCD D14: Văn, Sử, Anh D15: Văn, Địa, Anh

(*) Các tổ hợp môn không dùng trong xét điểm thi THPT, nhưng vẫn có thể dùng xét tuyển học bạ THPT. Các tổ hợp còn lại dùng cho cả 3 phương thức.

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường Nguyễn Khuyến, KP5, P.Trảng Dài, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: (0251) 261.2241 - **Hotline:** 0986.39.7733 - 0904.39.7733
Website: https://dntu.edu.vn; **Thông tin tuyển sinh**: https://ts.dntu.edu.vn
Email: tuyensinh@dntu.edu.vn
Facebook/Instagram/Tiktok: dntuedu
Công nghệ 360 tham quan DNTU: https://360campus.dntu.edu.vn

Trích Nguồn: https://dntu.edu.vn/thong-tin-huong-nghiep-tuyen-sinh/thong-tin-tuyen-sinh-2023-du-kien

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÌNH DƯƠNG

Mã Trường: DBD

1. Đối tượng tuyển sinh:
- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương từ năm 2022 trở về trước;
- Thí sinh đang học lớp 12 các trường THPT/TTGDTX hoặc tương đương.

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong phạm vi cả nước

3. Phương thức tuyển sinh dự kiến:
- **Phương thức 1:** Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023.
- **Phương thức 2:** Xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023;
- **Phương thức 3:** Xét tuyển dựa vào kết quả học tập 3 năm lớp 10, 11, 12 (xét theo học bạ).
- **Phương thức 4:** Xét tuyển dựa vào kết quả học tập năm lớp 12 (xét theo học bạ).
- **Phương thức 5:** Xét tuyển dựa vào điểm trung bình cao nhất các môn học của học kỳ 1,2 lớp 10, kỳ 1, 2 lớp 11, kỳ 1 lớp 12 (xét theo học bạ THPT - 5HK).
- **Phương thức 6:** Thi tuyển đầu vào do Trường Đại học Bình Dương tổ chức.

4. Ngành tuyển sinh:

STT	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp xét	Cơ sở đào tạo
1	Nhật Bản học	7310613	A01, A09, C00, D15	Cơ sở chính
2	Hàn Quốc học	7310614	A01, A09, C00, D15	Cơ sở chính
3	Bất động sản	7340116	A00, A09, C00, D01	Cơ sở chính, Phân hiệu
4	Công nghệ thực phẩm	7540101	A00, A09, B00, D07	Cơ sở chính
5	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00, A09, C00, D01	Cơ sở chính, Phân hiệu
6	Tài chính ngân hàng	7340201	A01, A09, C00, D01	Cơ sở chính, Phân hiệu
7	Luật	7380101	A01, A09, C00, D01	Cơ sở chính, Phân hiệu
8	Quản trị kinh doanh Chuyên ngành: - Quản trị doanh nghiệp - Quản trị logistics	7340101	A01, A09, C00, D01	Cơ sở chính, Phân hiệu
9	Công nghệ thông tin Chuyên ngành: - Kỹ thuật phần mềm - Hệ thống thông tin - Mạng máy tính và An toàn thông tin - Robot và Trí tuệ nhân tạo	7480201	A00, A09, D01, K01	Cơ sở chính, Phân hiệu
10	Marketing Chuyên ngành: Marketing Digital	7340115	A00, A09, C00, D01	Cơ sở chính
11	Xã hội học Chuyên ngành: - Truyền thông đa phương tiện - Quan hệ công chúng	7310301	A01, A09, C00, D01	Cơ sở chính
12	Giáo dục thể chất	7140206	T00, T03, T05, T08	Cơ sở chính
13	Kiến trúc	7580101	A00, A09, V00, V01	Cơ sở chính
14	Ngôn ngữ Anh Chuyên ngành: - Thương mại và văn phòng - Giảng dạy	7220201	A01, D01, D10, D66	Cơ sở chính, Phân hiệu
15	Dược học	7720201	A00, B00, C08, D07	Cơ sở chính
16	Kế toán	7340301	A01, A09, C00, D01	Cơ sở chính, Phân hiệu
17	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	A00, A02, A09, D01	Cơ sở chính, Phân hiệu
18	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	A00, A09, V00, V01	Cơ sở chính, Phân hiệu
19	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	A00, A01, A02, A09	Cơ sở chính
20	Việt Nam học - Hướng dẫn viên du lịch	7310630	A01, A09, C00, D01	Cơ sở chính, Phân hiệu

- Dự kiến phân bổ chỉ tiêu xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT chiếm 30% chỉ tiêu/ngành. Thí sinh đăng ký xét tuyển khối V00, V01 dự thi môn Vẽ mỹ thuật tại Trường Đại học Bình Dương (môn năng khiếu hệ số 2).
- Thí sinh đăng ký xét tuyển tổ hợp T00, T03, T05, T08 dự thi môn Năng khiếu TDTT (bật xa tại chỗ và chạy 100m) tại Trường Đại học Bình Dương (môn năng khiếu hệ số 2).

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÌNH DƯƠNG

Tỉnh Bình Dương (cơ sở chính): PHÒNG TUYỂN SINH

Địa chỉ: Số 504 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0274) 3822 058 - 3870 260 - 730 3399; Hotline: 0963.012.116 - 0933.912.339

Tỉnh Cà Mau (Phân hiệu)

Địa chỉ: Số 3, Đường Lê Thị Riêng, Phường 5, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Điện thoại: (0290) 3552177 - 3997777 - 3683999

Trích Nguồn: https://tuyensinh.bdu.edu.vn/thong-bao-tuyen-sinh/thong-bao-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2023.html

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

Mã Trường: DKB

1. Ngành đào tạo đại học

Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp các môn xét tuyển	Ghi chú
1. Quan hệ công chúng - Quảng cáo	7320108	A00, A01, C00, D01	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh) B00 (Toán, Hóa, Sinh) C00 (Văn, Sử, Địa) C01 (Toán, Văn, Lý) C03 (Toán, Văn, Sử) C04 (Toán, Văn, Địa) D01 (Toán, Văn, Tiếng Anh) D07 (Toán, Hóa, Tiếng Anh) D08 (Toán, Sinh, Tiếng Anh) D10 (Toán, Địa, Tiếng Anh) D14 (Văn, Sử, Tiếng Anh) D66 (Văn, GDCD, Anh) ** Dự kiến mở trong năm 2023*
2. Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00, A01, C01, D01	
3. Ngôn ngữ Hàn Quốc - Tiếng Hàn thương mại - Tiếng Hàn biên, phiên dịch - Tiếng Hàn du lịch - Phương pháp giảng dạy tiếng Hàn	7220210	D01, D10, D14, D66	
4. Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, D08, D10	
5. Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	A00, A01, C01, D01	
6. Công nghệ kỹ thuật ô tô - Hệ Hàn Quốc - Hệ Tiêu chuẩn	7510205	A00, A01, C01, D01	
7. Dược học	7720201	A00, B00, D07	
8. Quản trị kinh doanh - Kinh doanh bất động sản - Quản trị doanh nghiệp	7340101	A00, A01, C01, D01	
9. Marketing	7340115		
10. Tài chính - Ngân hàng - Ngân hàng - Tài chính doanh nghiệp - Đầu tư tài chính - Bảo hiểm	7340201	A00, A01, C04, D01	
11. Kế toán	7340301	A00, A01, D01, D10	
12. Quản trị văn phòng	7340406	A00, A01, C03, D01	
13. Công nghệ thông tin - Hệ thống thương mại điện tử - Công nghệ phần mềm	7480201	A00, A01, D01, D10	
14. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử - Điện tử công nghiệp - Điện công nghiệp	7510301	A00, A01, C01, D01	
15. Luật *	7380101	A00, A01, C00, D01	
16. Kỹ thuật phần mềm *	7480103	A00, A01, D01, D10	

2. Phương thức và điều kiện xét tuyển

- **Phương thức 1: xét theo kết quả học tập THPT (học bạ).**

  + **Điều kiện:** Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trong các kỳ thi THPT tại bất kỳ năm nào (không giới hạn năm tốt nghiệp). Thực hiện xét tuyển theo 05 phương án (1, 2, 3, 4, 5) sau đây:

  - Điểm nhận hồ sơ >= 18 đối với thang điểm 30 + ưu tiên (KV, ĐT)
  - Phương án 1: - Điểm trung bình tổ hợp môn cả năm lớp 11
    - Điểm trung bình tổ hợp môn học kỳ 1 lớp 12
  - Phương án 2: - Điểm trung bình cả năm học lớp 12 môn 1 của tổ hợp môn xét tuyển;
    - Điểm trung bình cả năm học lớp 12 môn 2 của tổ hợp môn xét tuyển;
    - Điểm trung bình cả năm học lớp 12 môn 3 của tổ hợp môn xét tuyển;
  - Phương án 3: - Điểm trung bình học kỳ 1 năm lớp 12 môn 1 của tổ hợp môn xét tuyển
    - Điểm trung bình học kỳ 1 năm lớp 12 môn 2 của tổ hợp môn xét tuyển
    - Điểm trung bình học kỳ 1 năm lớp 12 môn 3 của tổ hợp môn xét tuyển
  - Phương án 4: - Điểm trung bình năm học lớp 10
    - Điểm trung bình năm học lớp 11;
    - Điểm trung bình năm học kỳ 1 năm học lớp 12
  - Phương án 5: - Điểm trung bình năm học lớp 10;
    - Điểm trung bình năm học lớp 11;
    - Điểm trung bình năm học lớp 12

- **Phương thức 2: xét theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023:** Căn cứ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ngưỡng điểm xét tốt nghiệp, được áp dụng chung tại kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, Nhà trường sẽ xác định điều kiện tiếp nhận đăng ký xét tuyển cụ thể đối với thí sinh.
- **Phương thức 3: xét theo kết quả bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh năm 2023.**
- **Phương thức 4: xét tuyển thẳng**
  + **Đối tượng 1:** Các đối tượng được xét tuyển thẳng theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng thời có điểm xét tuyển theo các phương thức đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương năm 2023.
  + **Đối tượng 2:** Thí sinh đã tốt nghiệp THPT có cơ hội xét tuyển thẳng vào các chương trình đào tạo của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương năm 2023 nếu thỏa mãn một trong các tiêu chí sau:
    - Thí sinh đoạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi năm học 2022 - 2023 cấp tỉnh/ thành phố được xét tuyển thẳng vào ngành học có môn thi phù hợp với môn thi đoạt giải; đồng thời có điểm xét tuyển theo các phương thức đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương năm 2023.
    - Thí sinh đạt học sinh giỏi trong 3 năm (lớp 10, 11, 12) được tuyển thẳng; đồng thời có điểm xét tuyển theo các phương thức đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương năm 2023.
    - Thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt từ 26.00 điểm trở lên (đối với tổ hợp môn xét tuyển, chưa tính điểm ưu tiên khu vực, đối tượng).
    - Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh đạt mức điểm từ 1080 trở lên (theo thang điểm 1200, không tính điểm ưu tiên khu vực, đối tượng)

Lưu ý: Đối với thí sinh có nguyện vọng xét tuyển vào ngành sức khỏe, ngoài điều kiện trên, thí sinh cần đáp ứng thêm điều kiện ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương.

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ: 333 Đường Thuận Giao 16, P.Thuận Giao, TP.Thuận An, T.Bình Dương
Điện thoại: 0977.61.55.61 - 0888.61.66.61
Website: www.ktkt.edu.vn - tuyensinh.ktkt.edu.vn

Trích Nguồn: https://tuyensinh.ktkt.edu.vn/cam-nang-sinh-vien/

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ MIỀN ĐÔNG

Mã Trường: EIU

1. Ngành xét tuyển, tổ hợp môn xét tuyển

STT	Tên ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)		
				PT1	PT2	PT3
1	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, B00, D01	140	200	40
2	Kỹ thuật điện	7520201	A00, A01, B00, D01	28	40	8
3	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	A00, A01, B00, D01	28	40	8
4	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	A00, A01, B00, D01	28	40	8
5	Kỹ thuật phần mềm	7480103	A00, A01, B00, D01	49	70	14
6	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7480102	A00, A01, B00, D01	28	40	8
7	Điều dưỡng	7720301	A00, A01, B00, D01	70	100	20
8	Kinh tế	7310101	A00, A01, B00, D01	35	50	10

2. Phương thức tuyển sinh

2.1. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023

- **Chỉ tiêu:** Dự kiến từ 30 đến 40% chỉ tiêu.
- **Đối tượng:** Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Thí sinh tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023.
- **Thời gian tuyển sinh**: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Xét tuyển theo kết quả học tập trong học bạ bậc THPT

- ***Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 trong học bạ bậc THPT:***
  + **Đối tượng:** Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy.
  + **Điều kiện xét tuyển:** Thí sinh cần phải đạt đủ 3 điều kiện sau:
    - Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của 3 môn học trong tổ hợp dùng để xét tuyển đạt từ 18 điểm trở lên;
    - Điểm trung bình chung cả năm lớp 12 đạt từ 6,0 trở lên;
    - Thí sinh có hạnh kiểm lớp 12 loại khá trở lên.
    - Riêng đối với ngành Điều dưỡng sẽ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- **Xét tuyển theo kết quả học tập 5 Học kỳ (Học kỳ 1&2 lớp 10, Học kỳ 1&2 lớp 11, Học kỳ 1 lớp 12) trong học bạ bậc THPT:**
  + **Chỉ tiêu:** Dự kiến từ 50 đến 60% chỉ tiêu tuyển sinh
  + **Đối tượng:** Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy.
  + **Điều kiện xét tuyển:** Thí sinh cần phải đạt đủ 3 điều kiện sau:
    - Tổng điểm trung bình 5 Học kỳ của các môn học thuộc tổ hợp dùng để xét tuyển đạt từ 18 điểm trở lên;

- Điểm trung bình chung 5 Học kỳ đạt từ 6,0 trở lên;
- Thí sinh có hạnh kiểm cả năm lớp 11 loại khá trở lên.
- Riêng đối với ngành Điều dưỡng sẽ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ **Thời gian xét tuyển:**
- Đợt 1: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/02 đến hết ngày 31/3/2023, Nhà trường thông báo kết quả xét tuyển vào ngày 14/4/2023.
- Đợt 2: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/4 đến hết ngày 31/5/2023, Nhà trường thông báo kết quả xét tuyển vào ngày 14/6/2023.
- Đợt 3: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/6 đến hết ngày 30/6/2023, Nhà trường thông báo kết quả xét tuyển vào ngày 14/7/2023.
- Đợt 4: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/7 đến hết ngày 31/7/2023, Nhà trường thông báo kết quả xét tuyển vào ngày 14/8/2023.

- Xét tuyển theo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực ĐHQG TPHCM năm 2023

+ **Chỉ tiêu:** Dự kiến từ 5 đến 10% chỉ tiêu tuyển sinh
+ **Đối tượng:** Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Thí sinh tham gia kỳ thi Đánh giá năng lực của ĐHQG TP.HCM năm 2023
+ **Điều kiện xét tuyển:** Thí sinh có điểm thi kỳ thi ĐGNL của ĐHQG TP.HCM năm 2023 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Nhà trường. Riêng đối với ngành Điều dưỡng: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
+ **Hình thức đăng ký xét tuyển:** Hình thức đăng ký xét tuyển: Thí sinh thực hiện theo hướng dẫn của ĐHQG TP.HCM.
+ **Thời gian xét tuyển:**
- Đợt 1: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/02 đến hết ngày 31/3/2023, Nhà trường thông báo kết quả xét tuyển vào ngày 14/4/2023.
- Đợt 2: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/4 đến hết ngày 31/5/2023, Nhà trường thông báo kết quả xét tuyển vào ngày 14/6/2023.
- Đợt 3: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/6 đến hết ngày 30/6/2023, Nhà trường thông báo kết quả xét tuyển vào ngày 14/7/2023.
- Đợt 4: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/7 đến hết ngày 31/7/2023, Nhà trường thông báo kết quả xét tuyển vào ngày 14/8/2023.hí sinh thực hiện theo hướng dẫn của ĐHQG TP.HCM.

- Xét tuyển thẳng

+ **Chỉ tiêu:** Dự kiến 5% chỉ tiêu tuyển sinh
+ **Đối tượng xét tuyển thẳng:**
- Tuyển thẳng theo Quy chế Tuyển sinh hiện hành;
- Thí sinh là người nước ngoài, thí sinh đã học và tốt nghiệp THPT ở nước ngoài;
- Thí sinh thuộc top 5 học sinh giỏi nhất các trường THPT năm 2023 theo quy định của Trường Đại học Quốc tế Miền Đông.
- Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển theo PTXT bằng kết quả học tập trong học bạ bậc THPT.

+ **Thời gian nhận hồ sơ:**
- Đợt 1: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/02 đến hết ngày 31/3/2023, Nhà trường thông báo kết quả xét tuyển vào ngày 14/4/2023.
- Đợt 2: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/4 đến hết ngày 31/5/2023, Nhà trường thông báo kết quả xét tuyển vào ngày 14/6/2023.

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ MIỀN ĐÔNG
Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại liên hệ: 0274 6293036; 0274 2220342; 0274 2220341 - **Hotline**: 0918907722; 0918907733
Email: admissions@eiu.edu.vn - **Website**: www.eiu.edu.vn

Trích Nguồn: https://eiu.edu.vn/tuyen-sinh/tuyen-sinh-2023/thong-tin-tuyen-sinh/#1671193927537-8d835773-30cc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC

Mã Trường: VGU

1. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh các trường Trung học phổ thông (THPT) Việt Nam hoặc Quốc tế đã tốt nghiệp THPT hoặc sẽ tốt nghiệp THPT trong năm tuyển sinh (đang là học sinh lớp 12). Thí sinh đáp ứng các yêu cầu về tuyển sinh trình độ đại học của VGU và Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGDĐT).

2. Chỉ tiêu tuyển sinh: Trường Đại học Việt Đức dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023 cho các ngành đào tạo bậc đại học như sau:

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu
1	Quản trị kinh doanh (BBA)	7340101	140
2	Tài chính và Kế toán (BFA)	7340202	90
3	Khoa học máy tính (CSE)	7480101	220
4	Kỹ thuật điện và máy tính (ECE)	7520208	110
5	Kỹ thuật cơ khí (MEN)	7520103	85
6	Kiến trúc (ARC)	7580101	90
7	Kỹ thuật xây dựng (BCE)	7580201	20
	Tổng cộng		**755**

3. Phương thức tuyển sinh: Trường Đại học Việt Đức tuyển sinh theo 5 phương thức dưới đây. Thí sinh được phép tham gia nhiều phương thức tuyển sinh nhưng phải tuân theo các mốc thời gian tuyển sinh và nhập học được quy định cho mỗi đợt tuyển sinh.

STT	Phương thức	Nội dung	Thời gian thi, xét tuyển
1	**Phương thức 1:** Thi tuyển (TestAS)	Thí sinh làm Bài thi TestAS gồm một bài thi cơ bản (Core Test) và một bài thi kiến thức chuyên ngành (Subject Specific Test).	Hạn nộp hồ sơ: 07/05/2023 Ngày thi: 20&21/05/2023

2	**Phương thức 2**: Xét tuyển Học bạ THPT	Chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp các trường THPT tại Việt Nam trong năm tuyển sinh. Xét tuyển dựa trên học bạ/bảng điểm bậc THPT (lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12), tổng điểm trung bình được xác định từ điểm trung bình của 05 môn học: Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ (thường là tiếng Anh) và 02 môn tự chọn. Thí sinh có thể lựa chọn 02 môn tự chọn trong các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học, Lịch sử và Địa lý	Nhận hồ sơ đến ngày 31/05/2023
3	**Phương thức 3:** Xét tuyển thẳng	Xét tuyển thẳng thí sinh có thành tích học tập xuất sắc: thành viên đội tuyển quốc gia tham dự kỳ thi Olympic quốc tế; đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi bậc THPT cấp quốc gia hoặc tỉnh/thành phố; đạt giải cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc tế hoặc quốc gia. Thí sinh là học sinh của một trong các trường THPT được ưu tiên xét tuyển (Phụ lục 4 Quy chế tuyển sinh đại học) và đáp ứng đồng thời: Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế ít nhất tương đương IELTS học thuật 6.0; và Tổng điểm trung bình 05 môn đạt ít nhất 8,50 (theo công thức áp dụng cho Phương thức 2).	Nhận hồ sơ đến hết ngày 15/09/2023
4	**Phương thức 4:** Xét tuyển dựa trên chứng chỉ/ bằng tốt nghiệp THPT quốc tế	Thí sinh có các chứng chỉ/ bằng tốt nghiệp THPT quốc tế (IBD, A-Level kết hợp với AS-Level hoặc IGCSE, WACE…); hoặc chứng chỉ bài thi năng lực quốc tế (TestAS, SAT, ACT); Bằng tốt nghiệp THPT quốc tế được công nhận theo danh sách do VGU quy định (Phụ lục 3 Quy chế tuyển sinh đại học).	
5	**Phương thức 5:** Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT	Xét tổng điểm của 3 môn thi theo tổ hợp môn dựa trên kết quả thi THPT (A00/A01/B00/D01/D03/D05/D07/V00/V02)	Theo kế hoạch của BGDĐT

- **Yêu cầu về năng lực tiếng Anh đầu vào:** Thí sinh cần thỏa mãn một trong các yêu cầu về năng lực tiếng Anh đầu vào sau đây:
  + Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế ít nhất tương đương IELTS học thuật 5.0 hoặc TOEFL iBT 42 còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ;
  + Đạt ít nhất 71 điểm trong bài thi onSET
  + Điểm trung bình môn tiếng Anh trong 3 năm THPT (lớp 10, 11 và học kỳ 1 của lớp 12) đạt ít nhất 7,5 (thang điểm 10) (chỉ áp dụng cho Phương thức 2).
  + Đạt ít nhất 7,5 điểm (thang điểm 10) môn tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT trong năm tuyển sinh (chỉ áp dụng cho Phương thức 5);
- **Các trường hợp sau đây được miễn yêu cầu về năng lực tiếng Anh đầu vào:**
  + Thí sinh đến từ các quốc gia sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ chính thức theo danh sách do VGU quy định (Phụ lục 2 Quy chế tuyển sinh đại học).
  + Thí sinh tốt nghiệp các chương trình THPT quốc tế mà ngôn ngữ giảng dạy và kiểm tra là tiếng Anh.

4. Quy trình dự tuyển: Thí sinh cần hoàn thành đơn đăng ký và nộp các tài liệu sau đây (bản scan) thông qua hệ thống nộp đơn trực tuyến của VGU (**https://apply.vgu.edu.vn**):

- Căn cước công dân/ hộ chiếu
- Chứng nhận tốt nghiệp THPT chính thức/ tạm thời (nếu có);
- Học bạ các năm học bậc THPT (lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12) có xác nhận của trường THPT (yêu cầu đối với Phương thức 2);
- Chứng nhận giải thưởng hay minh chứng của thành tích đạt được (yêu cầu đối với Phương thức 3);
- Bằng tốt nghiệp THPT quốc tế hoặc chứng chỉ bài thi năng lực quốc tế (yêu cầu đối với Phương thức 4);
- Giấy chứng nhận Kết quả thi tốt nghiệp THPT (yêu cầu đối với Phương thức 5);
- Chứng chỉ tiếng Anh hợp lệ (nếu có).

5. Thông tin liên hệ: Thông tin chi tiết về phương thức tuyển sinh, chương trình đào tạo, hướng dẫn quy trình nộp hồ sơ, chính sách học phí, học bổng… tham khảo tại ***https://vgu.edu.vn/vi/admission*** hoặc liên hệ:

- **Phòng Tiếp thị và Tuyển sinh, Trường Đại học Việt Đức**
  Địa chỉ: Phòng 220, Tòa nhà Hành chính, Đường vành đai 4, Khu phố 4, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

- **Văn phòng Trường Đại học Việt Đức tại Tp. Hồ Chí Minh**
  Địa chỉ: Halo Building (Tầng 5), số 10 Hoàng Diệu, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
  Điện thoại: 0988 54 52 54 - 0988 629 704 - (028) 3825 6340
  Email: study@vgu.edu.vn

Trích Nguồn: https://vgu.edu.vn/vi/web/cms/news?title=Announcement-on-Admission-of-Undergraduate-study-programs-Intake-2023&id-bai-viet=6804928&pid=CmsHienThiBaiViet_WAR_cmsportlet_INSTANCE_agoLpZTgeq46&reCall=1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mã Trường: PVU

Chỉ tiêu: 100 sinh viên

1. Phương thức xét tuyển:

- **Xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT:** *(Đăng ký theo hướng dẫn tuyển sinh của Bộ GD&ĐT)*

Hệ	Ngành học	Tổ hợp xét tuyển	Tổ hợp môn	Mã ngành	Mã ngành đăng ký
Chính quy	Kỹ thuật Hóa học (Lọc - Hóa dầu)	A00 A01 D07	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Anh văn) D07 (Toán, Hóa học, Anh văn)	7520301	7520600*
	Kỹ thuật Dầu khí (Khoan - Khai thác Mỏ Dầu khí)			7520604	
	Kỹ thuật Địa chất (Địa chất - Địa vật lý Dầu khí)			7520501	

(*) Mã ngành dùng chung khi đăng ký xét tuyển bằng Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- **Xét tuyển theo kết quả thi Đánh giá năng lực của ĐHQG HCM và ĐHQG HN;**
- **Xét tuyển theo kết quả thi Đánh giá tư duy của ĐHBK Hà Nội;**
- **Xét tuyển Học bạ kết quả học tập THPT.**

  + Học sinh đang học lớp 12 có điểm trung bình học 5 học kỳ đạt tối thiểu 6,5 (trên thang điểm 10) (*có xem xét kết quả học tập các môn Toán, Vật lý, Hóa học và Tiếng Anh và kết quả học kỳ 2 lớp 12 khi xét tuyển*).

  + Thí sinh đã tốt nghiệp trung học với điểm trung bình học tập 3 năm học đạt tối thiểu 6,5 (trên thang điểm 10) (*có xem xét kết quả học tập các môn Toán, Vật lý, Hóa học và Tiếng Anh*).

- **Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT.**

2. Thời gian đăng ký và xét tuyển:

- Đối với phương án xét tuyển: Theo lịch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.
- Đối với phương án xét tuyển theo kết quả Đánh giá năng lực của ĐHQG HCM, ĐHQG HN và Đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội: Theo kế hoạch tuyển sinh của Đại học Dầu khí Việt Nam (từ tháng 4 - 9/2023).
- Đối với phương án xét tuyển dựa trên kết quả học tập: Thời gian nhận hồ sơ từ ngày **01 tháng 02 năm 2023**

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Địa chỉ: 762 Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Toàn, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Điện thoại: (254)3.738879; (254)3.738877; (254)3.721979
Phòng Đào tạo Trường Đại học Dầu khí Việt Nam

- Cô: Ngô Thu Kiều: Phó Trưởng Phòng Đào tạo - ĐTDĐ: 0918 163 108; Email: kieunt@pvu.edu.vn;
- Cô: Phạm Thị Hoài Lan: Chuyên viên Phòng Đào tạo - ĐTDĐ: 0961 904 334;
- Nhóm Zalo tư vấn: https://zalo.me/g/wsjwhq992

Trích Nguồn: https://www.pvu.edu.vn/tuyen-sinh/tuyen-sinh-2023/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Mã Trường: BVU

1. Tuyển sinh 62 ngành, chuyên ngành chuẩn quốc gia

STT	NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	**Logistics và quản lý chuỗi cung ứng** 3 chuyên ngành: ► Logistics và quản lý chuỗi cung ứng ► Tổ chức quản lý cảng - Xuất nhập khẩu - Giao nhận vận tải quốc tế ► Kinh tế vận tải biển	7510605	A00 - C00 - C20 - D01
2	**Kinh doanh quốc tế** 3 chuyên ngành: ► Kinh doanh quốc tế ► Thương mại quốc tế ► Kinh doanh trực tuyến	7340120	A00 - C00 - C20 - D01
3	**Quản trị khách sạn** 2 chuyên ngành: ► Quản trị khách sạn ► Quản trị Nhà hàng-Khách sạn và dịch vụ ăn uống	7810201	A00 - C00 - C20 - D01
4	**Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** 2 chuyên ngành: ► Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành ► Hướng dẫn du lịch	7810103	C00 - C20 - D15 - D01

5	**Quản trị kinh doanh** 6 chuyên ngành: ► Quản trị kinh doanh ► Quản trị doanh nghiệp ► Quản trị Du lịch - Nhà hàng - Khách sạn ► Quản trị kinh doanh bất động sản ► Quản trị nguồn nhân lực ► Quản trị truyền thông đa phương tiện	7340101	A00 - C00 - C20 - D01
6	**Tài chính - Ngân hàng** 4 chuyên ngành: ► Tài chính - Ngân hàng ► Tài chính doanh nghiệp ► Tài chính công ► Công nghệ và quản trị tài chính quốc tế	7340201	A00 - A01 - C14 - D01
7	**Kế toán** 3 chuyên ngành: ► Kế toán tài chính ► Kế toán kiểm toán ► Kế toán quốc tế	7340301	A00 - A01 - C14 - D01
8	**Marketing** 3 chuyên ngành: ► Digital Marketing ► Marketing và tổ chức sự kiện ► Marketing thương hiệu	7340115	A00 - C00 - C20 - D01
9	**Ngôn ngữ Anh** 3 chuyên ngành: ► Tiếng Anh du lịch và khách sạn ► Tiếng Anh thương mại ► Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	7220201	A01 - D01 - D15 - D66
10	**Ngôn ngữ Trung Quốc**	7220204	C00 - C19 - C20 - D01
11	**Đông phương học** 2 chuyên ngành: ► Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc ► Ngôn ngữ và văn hóa Nhật Bản	7310608	C00 - C19 - C20 - D01
12	**Công nghệ thông tin*** 6 chuyên ngành: ► Công nghệ thông tin ► Kỹ thuật máy tính ► Kỹ thuật phần mềm ►Lập trình ứng dụng di động và game ► Quản trị mạng và an toàn thông tin ► Hệ thống thông tin quản lý	7480201	A00 - A01 - C01 - D01
13	**Công nghệ kỹ thuật ô tô***	7510205	A00 - A01 - C01 - D01
14	**Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử*** 4 chuyên ngành: ► Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử ► Kỹ thuật điện ► Điện tử công nghiệp ► Điều khiển và tự động hoá	7510301	A00 - A01 - C01 - D01
15	**Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng*** 5 chuyên ngành: ► Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng ► Xây dựng dân dụng và công nghiệp ► Thiết kế nội thất ► Quản lý xây dựng ► Xây dựng công trình giao thông	7510102	A00 - A01 - C01 - D01
16	**Công nghệ kỹ thuật cơ khí*** 2 chuyên ngành: ► Công nghệ kỹ thuật cơ khí ► Cơ khí chế tạo máy	7510201	A00 - A01 - C01 - D01
17	**Luật** 5 chuyên ngành: ► Luật kinh tế - dân sự ► Luật quản lý công ► Luật quản trị doanh nghiệp	7380101	A00 - C00 - C20 - D01

	► Luật thương mại, kinh doanh quốc tế ► Luật tài chính - ngân hàng		
18	**Dược học**	7720201	A00 - A02 - B00 - B08
19	**Điều dưỡng**	7720301	A02 - B00 - B03 - C08
20	**Tâm lý học** 2 chuyên ngành: ► Tâm lý học ứng dụng ► Tham vấn và trị liệu tâm lý	7310401	C00 - C19 - C20 - D01
21	**Công nghệ kỹ thuật hóa học** 3 chuyên ngành: ► Công nghệ kỹ thuật hóa học ► Công nghệ hóa dầu ► Công nghệ hóa thực phẩm	7510401	A00 - B00 - C02 - D07

Ghi chú đối với các chương trình Chuẩn quốc gia: Ngành Dược học: 150 tín chỉ, đào tạo 5 năm, nhận bằng Dược sĩ; ngành Điều dưỡng: 130 tín chỉ, đào tạo 4 năm, nhận bằng Cử nhân. Tất cả các ngành còn lại: 120 tín chỉ, đào tạo 3,5 năm, nhận bằng Cử nhân. Tổng số tín chỉ của các ngành đào tạo chưa bao gồm: 8 tín chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh, 3 tín chỉ Giáo dục thể chất và 21 tín chỉ Chuẩn đầu ra (ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng).

(*) Các ngành này sau khi học hết chương trình Cử nhân, sinh viên có thể đăng ký học thêm 30 tín chỉ để nhận bằng Kỹ sư.

2. Tuyển sinh 03 ngành cử nhân tài năng (học song ngữ anh-việt)

STT	NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN	BẰNG CẤP, CHỨNG CHỈ
1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605TN	A00 - C00 C20 - D01	1. BVU cấp bằng Cử nhân Logistics và quản lý chuỗi cung ứng (Chương trình tài năng) 2. FIATA cấp Chứng chỉ về giao nhận vận tải quốc tế.
2	Kế toán	7340301TN	A00 - A01 C14 - D01	1. BVU cấp bằng Cử nhân Kế toán (Chương trình tài năng) 2. ACCA cấp chứng chỉ Lập báo cáo tài chính quốc tế.
3	Quản trị kinh doanh	7340101TN	A00 - C00 C20 - D01	1. BVU cấp bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh (Chương trình tài năng) 2. BVU cấp Chứng nhận mini MBA.

- **Ghi chú đối với các chương trình Cử nhân tài năng:** Thời gian đào tạo: 3,5 năm, 140 tín chỉ chưa bao gồm: 8 tín chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh, 3 tín chỉ Giáo dục thể chất và 21 tín chỉ Chuẩn đầu ra (ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng).
- **Tổ hợp xét tuyển**

KHỐI	TỔ HỢP	KHỐI	TỔ HỢP
A00	Toán - Vật lý - Hóa học	C02	Ngữ Văn - Toán - Hóa học
A01	Toán - Vật lý - Tiếng Anh	C08	Ngữ Văn - Hóa học - Sinh học
A02	Toán - Vật lý - Sinh học	C14	Ngữ Văn - Toán - GDCD
A04	Toán - Vật lý - Địa lý	C19	Ngữ Văn - Lịch sử - GDCD
B00	Toán - Hóa học - Sinh học	C20	Ngữ Văn - Địa lý - GDCD
B03	Toán - Sinh học - Ngữ Văn	D01	Ngữ Văn - Toán - Tiếng Anh
B08	Toán - Sinh học - Tiếng Anh	D07	Toán - Hóa học - Tiếng Anh
C00	Ngữ Văn - Lịch sử - Địa lý	D15	Ngữ Văn - Địa lý - Tiếng Anh
C01	Ngữ Văn - Toán - Vật lý	D66	Ngữ Văn - GDCD - Tiếng Anh

3. Các phương thức xét tuyển: BVU xét tuyển thí sinh trên toàn quốc tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

- **Xét tuyển bằng học bạ THPT** (áp dụng cả chương trình chuẩn và chương trình tài năng):
  + Cách thức: Thí sinh chọn 1 trong 2 cách sau:
    - Cách 1: Chọn 3 môn theo tổ hợp xét tuyển có tổng điểm cao nhất của 2 trong 4 học kỳ lớp 11 và lớp 12 (phải có ít nhất 1 học kỳ của lớp 12).
    - Cách 2: Chọn điểm trung bình 3 trong 4 học kỳ của lớp 11 và lớp 12 (phải có ít nhất 1 học kỳ của lớp 12) có tổng điểm cao nhất.
  + Các đợt nhận hồ sơ và xét tuyển học bạ

Đợt 1: 01/12/2022 - 31/03/2023	Đợt 4: 01/08/2023 - 30/09/2023
Đợt 2: 01/04/2023 - 30/06/2023	Đợt 5: 01/10/2023 - 30/10/2023
Đợt 3: 01/07/2023 - 30/07/2023	(nếu còn chỉ tiêu)

Xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT (áp dụng cả chương trình chuẩn và chương trình tài năng):
  + Cách thức: Thí sinh chọn tổ hợp môn có tổng điểm 3 môn thi tốt nghiệp THPT cao nhất.
  + Điểm xét tuyển (đã cộng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng): Thí sinh có kết quả thi tốt nghiệp 3 môn theo tổ hợp xét tuyển tối thiểu bằng điểm sàn. Riêng ngành Dược học và Điều dưỡng theo quy định của Bộ GD&ĐT.
  + Các đợt xét tuyển: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
  + Chương trình Cử nhân tài năng điểm xét tuyển từ 20 trở lên.

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Địa chỉ: 80 Trương Công Định, Phường 3, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Hotline: 1900.633.069 - 035.994.68.68 - **Email:** tuyensinh@bvu.edu.vn
Trực tuyến tại: https://xettuyen.bvu.edu.vn

Trích nguồn: https://bvu.edu.vn/truong-dai-hoc-ba-ria-vung-tau-cong-bo-thong-tin-tuyen-sinh-nam-2023-1-2/

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT, ĐHQG-HCM

Mã Trường: QSK

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành của Bộ GD&ĐT, ĐHQG TP. HCM.

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong phạm vi toàn quốc…

3. Các phương thức xét tuyển

3.1. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng: Chỉ tiêu tối đa 5% tổng chỉ tiêu.

a. Phương thức 1a: theo quy chế tuyển sinh đại học ban hành theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 thánh 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối tượng và hồ sơ đăng ký xét tuyển: theo quy định của Bộ GD&ĐT. Thực hiện theo kế hoạch, quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.
- Tổ hợp xét tuyển: A00 (Toán - Lý - Hóa), A01 (Toán - Lý - Anh), D01 (Toán - Văn - Anh), D07 (Toán - Hóa - Anh), trong đó có môn thi đoạt giải học sinh giỏi quốc gia nhất, nhì, ba.
- Ngưỡng xét tuyển: kết quả học THPT (trung bình học bạ) đạt từ 8,0 trở lên.
- Điều kiện, thời gian xét tuyển: thực hiện theo kế hoạch, quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về công tác tuyển sinh năm 2023.

b. Phương thức 1b: ưu tiên xét tuyển thẳng học sinh giỏi, tài năng trường THPT (theo quy định ĐHQG-HCM)

- Đối tượng: Thí sinh xuất sắc trong học tập của các trường THPT; thí sinh giỏi năng khiếu đạt thành tích cao trong các cuộc thi thể thao, nghệ thuật; thuộc trong nhóm 05 học sinh xuất sắc nhất trường.
- Áp dụng cho các trường trung học phổ thông (THPT) bao gồm: trường liên cấp Tiểu học-THCS - THPT, trường THCS - THPT và trường THPT, không bao gồm các trung tâm giáo dục thường xuyên.
- **Nguyên tắc:** Hiệu trưởng/Ban Giám hiệu trường THPT giới thiệu 01 học sinh thuộc nhóm 05 học sinh có điểm trung bình cộng học lực 3 năm THPT cao nhất trường THPT theo các tiêu chí sau:

Tiêu chí	Học sinh giỏi	Học sinh tài năng, năng khiếu về thể thao, văn hóa nghệ thuật
Tiêu chí chính	Học lực Giỏi và hạnh kiểm Tốt trong 3 năm THPT	Có học lực loại Khá trở lên và có hạnh kiểm tốt trong 3 năm THPT. Có giấy chứng nhận hoặc giấy khen, hồ sơ khác liên quan đến thành tích năng khiếu trong các cuộc thi thể thao, nghệ thuật cấp quốc gia trở lên.
Tiêu chí kết hợp	- Giấy chứng nhận hoặc giấy khen đạt giải thưởng học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố giải Nhất, Nhì, Ba (chọn giải thưởng cao nhất đạt được ở THPT). - Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế. - Giấy chứng nhận hoặc giấy khen, hồ sơ khác liên quan đến thành tích học tập, năng khiếu trong các cuộc thi thể thao, nghệ thuật và rèn luyện trong quá trình học THPT.	

- **Đăng ký xét tuyển:** thí sinh đăng ký xét tuyển tối đa 05 nguyện vọng ngành/nhóm ngành vào 01 trường đại học thành viên, khoa và phân hiệu trực thuộc ĐHQG-HCM (chỉ giới hạn 01 đơn vị).
- Thời gian ĐKXT: Từ ngày 15/5 đến 15/6/2023

3.2. Phương thức 2: Ưu tiên xét tuyển (UTXT) theo quy định của ĐHQG-HCM: Chỉ tiêu tối đa 20% tổng chỉ tiêu.

- Đối tượng: thí sinh từ 149 trường THPT (trong đó 83 trường THPT chuyên, năng khiếu trong cả nước và 66 trường THPT theo danh sách đính kèm)
- Điều kiện đăng ký:
  + Tốt nghiệp THPT năm 2023.
  + Đạt danh hiệu Học sinh giỏi trong năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 hoặc là thành viên đội tuyển của trường/tỉnh thành tham dự kỳ thi Học sinh giỏi Quốc gia hay cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp Quốc gia đồng thời đạt kết quả học tập xếp loại Khá trở lên trong 03 năm lớp 10, 11, 12.
  + Có hạnh kiểm tốt trong năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12.
  + Chỉ áp dụng một lần đúng năm học sinh tốt nghiệp THPT.
  + Thí sinh chỉ đủ điều kiện trúng tuyển khi điểm thi tốt nghiệp THPT của 3 môn tổ hợp xét tuyển A00 hoặc A01, D01 hoặc D07 phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (lấy điểm thi THPT 2023 theo các môn có trong tổ hợp xét tuyển).
- Số lượng nguyện vọng đăng ký UTXT: Thí sinh được đăng ký không giới hạn số lượng nguyện vọng vào 1 đơn vị của ĐHQG-HCM, không giới hạn số đơn vị (có phân biệt thứ tự nguyện vọng, nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.
- Phương thức đăng ký và nộp hồ sơ UTXT: Thời gian ĐKXT: Từ ngày 15/5 đến 15/6/2023. Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến http://tuyensinh.vnuhcm.edu.vn
- Cách thức xét tuyển: Hội đồng tuyển sinh xét tuyển dựa trên điểm trung bình 3 năm học THPT (lớp 10, lớp 11, lớp 12) của tổ hợp môn xét tuyển do thí sinh đăng ký. Học sinh thuộc 83 trường THPT chuyên, năng khiếu được nhân hệ số 1,05 tổng điểm tổ hợp 3 môn xét tuyển. Lưu ý: lớp 12 tính điểm cả 2 học kỳ.
- Xét tuyển và công bố kết quả: thực hiện theo kế hoạch chung của ĐHQG-HCM, dự kiến trước ngày thực hiện theo kế hoạch chung của ĐHQG-HCM.
- Danh sách đủ điều kiện trúng tuyển phương thức trên sẽ được nhà trường cập nhật lên cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh trúng tuyển theo dõi thông báo hướng dẫn của Trường (qua tin nhắn SMS), thực hiện đăng ký và sắp nguyện vọng đúng theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo để được công nhận trúng tuyển chính thức. Lưu ý: nếu thí sinh nằm trong danh sách đủ điều kiện trúng tuyển và muốn nhập học ở phương thức này thì đăng ký là "Nguyện vọng 1" trên cổng đăng ký xét tuyển đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.3. Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023: Chỉ tiêu trong khoảng 30% đến 50% tổng chỉ tiêu.

- Phương thức, điều kiện xét tuyển: thực hiện theo quy chế tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, ĐHQG-HCM và quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: dự kiến tổ hợp các môn xét tuyển phải đạt tổng từ ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào trở lên (Nhà trường sẽ thông báo sau).
- Xét tuyển và công bố kết quả: thực hiện theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.
- Cộng điểm ưu tiên: Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Cụ thể, điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:
Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,5] x Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

3.4. Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2023: Chỉ tiêu trong khoảng 40% - 60% tổng chỉ tiêu.

- Đăng ký dự thi:
  + Đợt 1: từ ngày 01/02 - 28/02/2023 (thi ngày 26/3/2023).
  + Đợt 2: từ ngày 05/4 - 28/4/2023 (thi ngày 28/5/2023).
- Đăng ký xét tuyển: từ ngày 05/4 - 28/4/2023 (cho cả 2 đợt).
- Phương thức đăng ký: Thí sinh phải dự thi và có kết quả thi kỳ kiểm tra năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2023 (không sử dụng kết quả các năm trước); Số nguyện vọng ĐKXT: không giới hạn số nguyện vọng, không giới hạn số đơn vị (có phân biệt thứ tự nguyện vọng, nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất); Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký; Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến qua cổng thông tin thinangluc.vnuhcm.edu.vn, việc đăng ký thực hiện theo hướng dẫn trên trang thông tin điện tử tuyển sinh ĐHQG-HCM. Trường hợp thí sinh đăng ký cả 2 đợt thi, Nhà trường sẽ xét dùng điểm thi ở đợt thi có điểm cao hơn.
- Phương thức xét tuyển: Hội đồng tuyển sinh xét tuyển dựa trên điểm thi đánh giá năng lực của thí sinh đăng ký vào các ngành/chương trình.
- Xét và công bố kết quả xét tuyển: Hội đồng tuyển sinh xét tuyển theo các tiêu chí sau: kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2023.
- Xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển: thực hiện theo kế hoạch chung của ĐHQG-HCM, dự kiến trước ngày thực hiện theo kế hoạch chung của ĐHQG-HCM.
- Danh sách đủ điều kiện trúng tuyển phương thức trên sẽ được nhà trường cập nhật lên cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh trúng tuyển theo dõi thông báo hướng dẫn của Trường (qua tin nhắn SMS), thực hiện đăng ký và sắp nguyện vọng đúng theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo để được công nhận trúng tuyển chính thức. Lưu ý: nếu thí sinh nằm trong danh sách đủ điều kiện trúng tuyển và muốn nhập học ở phương thức này thì đăng ký là "Nguyện vọng 1" trên cổng đăng ký xét tuyển đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.5. Phương thức 5: Xét tuyển dựa trên kết quả chứng chỉ quốc tế (IELTS, TOEFL, …) kết hợp với kết quả học THPT hoặc có chứng chỉ SAT, ACT hoặc bằng tú tài quốc tế (IB) chứng chỉ A-lever: Chỉ tiêu tối đa 10% tổng chỉ tiêu, trong đó không quá 50% tổng chỉ tiêu của các chương trình tiếng Anh.

- Điều kiện đăng ký xét tuyển: phải đảm bảo 1 trong các tiêu chí sau:
  + Xét theo chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học THPT: Thí sinh có điểm trung bình học tập THPT từ 7,5 (thang điểm 10) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế từ tương đương IELTS 5.0 trở lên.
  + Xét kết quả bài thi SAT hoặc ACT: Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa: SAT (Scholastic Assessment Test): Thí sinh đạt điểm từ 1200/1600 trở lên; ACT (American College Testing) đạt điểm từ 27/36.
  + Xét theo chứng chỉ A-level hoặc bằng tú tài quốc tế (IB): Thí sinh sử dụng tổ hợp 3 môn thi (trong đó có môn Toán), mức điểm mỗi môn thi đạt từ 80/100 điểm trở lên (tương ứng điểm A); Bằng tú tài quốc tế (IB) từ 32/45 điểm trở lên.
- Phương thức đăng ký và nộp hồ: thí sinh đăng ký online và nộp hồ sơ trực tiếp về Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh, Trường Đại học Kinh tế - Luật (Trường sẽ cập nhật và thông báo cụ thể sau).
- Bộ hồ sơ đăng ký xét tuyển bao gồm:
  + Phiếu đăng ký xét tuyển (có ký tên) xuất ra từ trang tuyensinh.uel.edu.vn.
  + Bản sao có chứng thực học bạ 3 năm trung học phổ thông hoặc bằng tú tài quốc tế (IB) hoặc chứng chỉ A-level.
  + Bản sao có chứng thực chứng chỉ quốc tế.
- Thời gian đăng ký xét tuyển: từ ngày 15/5 đến ngày 15/6/2023.
- Hội đồng tuyển sinh xét tuyển theo thứ tự ưu tiên như sau: Thí sinh có chứng chỉ quốc tế ACT/SAT/Bằng tú tài quốc tế (IB)/Chứng chỉ A-level được ưu tiên xét tuyển trước (lấy tối đa 20% chỉ tiêu của phương thức này). Trường hợp thí sinh đồng điểm sẽ quy đổi ra % điểm tối đa của từng loại chứng chỉ (VD: điểm của chứng chỉ SAT là 1300 -> % điểm tối đa = (1300/1600) * 100 = 81,25%) và lấy từ trên xuống cho đến khi đạt chỉ tiêu.
- Đối với các thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế: điểm xét tuyển là: tổng điểm quy đổi của Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế nhân hệ số 2 và cộng với điểm trung bình học bạ 3 năm THPT.

Bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

STT	Chứng chỉ	Mức quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh Quốc tế						
		Mức 7.0	Mức 7.5	Mức 8.0	Mức 8.5	Mức 9.0	Mức 9.5	Mức 10
1	IELTS	5.0	5.5	6.0	6.5	7.0	7.5	8.0-9.0
2	TOEFL iBT	35-45	46-59	60-78	79-93	94-101	102-109	110-120
3	Cambridge English Scale	154-161	162-168	169-175	176-184	185-190	191-199	200-209

- Thí sinh được đăng ký không giới hạn số lượng nguyện vọng (có phân biệt thứ tự nguyện vọng, nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).
- Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.
- Xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển: thực hiện theo kế hoạch chung của ĐHQG-HCM.
- Danh sách đủ điều kiện trúng tuyển sẽ được Nhà trường cập nhật lên cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh trúng tuyển theo dõi thông báo hướng dẫn của Trường (qua tin nhắn SMS), thực hiện đăng ký và sắp nguyện vọng đúng theo quy chế

tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo để được công nhận trúng tuyển chính thức. Lưu ý: nếu thí sinh nằm trong danh sách đủ điều kiện trúng tuyển và muốn nhập học ở phương thức này thì đăng ký là "Nguyện vọng 1" trên cổng đăng ký xét tuyển đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Các ngành đào tạo

STT	NGÀNH TUYỂN SINH	MÃ TUYỂN SINH	LĨNH VỰC	CHỈ TIÊU DỰ KIẾN
1	**KINH TẾ**		**KINH TẾ**	**240**
	- Chuyên ngành Kinh tế học	**7310101_401**		
	- Chuyên ngành Kinh tế và quản lý công	**7310101_403**		
2	**KINH TẾ QUỐC TẾ**			**180**
	- Chuyên ngành Kinh tế đối ngoại	**7310106_402**		
3	**TOÁN KINH TẾ**			**160**
	- Chuyên ngành Toán ứng dụng trong Kinh tế, Quản trị và Tài chính	**7310108_413**		
	- Chuyên ngành Toán ứng dụng trong Kinh tế, Quản trị và Tài chính (Tiếng Anh)	**7310108_413E**		
4	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**		**KINH DOANH**	**160**
	- Chuyên ngành Quản trị kinh doanh	**7340101_410**		
	- Chuyên ngành quản trị kinh doanh (Tiếng Anh)	**7340101_407E**		
	- Chuyên ngành Quản trị dịch du lịch và lữ hành	**7340101_415**		
5	**MARKETING**			**160**
	- Chuyên ngành Marketing	**7340115_410**		
	- Chuyên ngành Marketing (Tiếng Anh)	**7340115_410E**		
	- Chuyên ngành Digital Marketing	**7340115_417**		
6	**KINH DOANH QUỐC TẾ**			**160**
	- Kinh doanh quốc tế	**7340120_408**		
	- Kinh doanh quốc tế (Tiếng Anh)	**7340120_408E**		
7	**THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**			**140**
	- Thương mại điện tử	**7340122_411**		
	- Thương mại điện tử (Tiếng Anh)	**7340122_411E**		
8	**TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**	**7340201_404**		**120**
9	**CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH**	**7340205_414**		**120**
10	**KẾ TOÁN**			**100**
	- Kế toán	**7340301_405**		
	- Kế toán (Tiếng Anh) (Tích hợp chứng chỉ quốc tế ICAEW)	**7340301_405E**		
11	**KIỂM TOÁN**	**7340302_409**		**120**
12	**HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ**			**120**
	- Chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý	**7340405_406**		
	- Chuyên ngành Kinh doanh số và Trí tuệ nhân tạo	**7340405_416**		
13	**LUẬT**		**LUẬT**	**300**
	- Chuyên ngành Luật Dân sự	**7380101_503**		
	- Chuyên ngành Luật Tài chính - Ngân hàng	**7380101_504**		
	- Chuyên ngành Luật và Chính sách công	**7380101_505**		
14	**LUẬT KINH TẾ**			**320**
	- Chuyên ngành Luật Kinh doanh	**7380107_501**		
	- Chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế	**7380107_502**		
	- Chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế (Tiếng Anh)	**7380107_502E**		

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT, ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
PHÒNG TUYỂN SINH VÀ CÔNG TÁC SINH VIÊN - Phòng A001
Địa chỉ: Số 669 Quốc lộ 1, Khu phố 3, phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline: (028) 372.44.550 - 0888.247.669
Email: tuvantuyensinh@uel.edu.vn - **Website:** https://tuyensinh.uel.edu.vn - **Fanpage:** https://fb.com/tuyensinh.uel.edu.vn

Trích Nguồn: https://tuyensinh.uel.edu.vn/thong-bao2-37/thong-tin-tuyen-sinh-uel

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ, ĐHQG-HCM

Mã trường: QSQ

1. Các phương thức xét tuyển:

- **Phương thức 1:** Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT)
  + Chỉ tiêu: 50% - 70%
  + Mã phương thức: 100
  + Đối tượng xét tuyển: Thí sinh đã tham gia và hoàn thành kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2023.
- **Phương thức 2:** Ưu tiên xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM)
  + Chỉ tiêu: 5% - 15%
  + Mã phương thức: 302

+ Đối tượng xét tuyển: Học sinh giỏi tốt nghiệp THPT 2023 của các trường trong danh sách do ĐHQG-HCM công bố (danh sách sẽ thông báo sau).

- **Phương thức 3:** Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng
  + Chỉ tiêu: 1%
  + **Phương thức 3.1:** Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT)
    - Mã phương thức: 301
    - Thực hiện theo kế hoạch, quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.
  + **Phương thức 3.2**: Ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh giỏi nhất trường THPT năm 2023
    - Mã phương thức: 303
    - Đối tượng xét tuyển: Áp dụng cho các trường THPT bao gồm trường Tiểu học-THCS- THPT, trường THCS-THPT và trường THPT, không bao gồm các trung tâm giáo dục thường xuyên.
- **Phương thức 4:** Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá Năng lực (ĐGNL) do ĐHQG-HCM hoặc ĐGNL do Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQG-HN) (thông báo chính thức sau khi có quy định của ĐHQG-HCM)
  + Chỉ tiêu: 10% - 45%.
  + Mã phương thức: 401
  + Đối tượng xét tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có tham dự kỳ thi ĐGNL do ĐHQG-HCM hoặc ĐHQG-HN tổ chức năm
- **Phương thức 5:** Xét tuyển đối với thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài hoặc thí sinh tốt nghiệp THPT và có chứng chỉ quốc tế
  + Chỉ tiêu: 5% - 10%.
  + Mã phương thức: 500
  + Đối tượng xét tuyển:
    - Thí sinh, là người nước ngoài hoặc người Việt Nam, đã tốt nghiệp THPT do nước ngoài cấp bằng tại Việt Nam hoặc tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài theo danh mục tại Phụ lục (các trường THPT không liệt kê tại Phụ lục sẽ được Hội đồng tuyển sinh xem xét và phê duyệt theo từng trường hợp).
    - Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có chứng chỉ quốc tế: SAT - Scholastic Assessment Test; ACT - American College Testing; IB - International Baccalaureate; A- Level - Cambridge International Examinations A-Level; ATAR - Australian Tertiary Admission Rank,…
- **Phương thức 6:** Xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT (phương thức này chỉ áp dụng cho các chương trình liên kết đào tạo với đối tác nước ngoài)
  + Chỉ tiêu: 10% - 20%.
  + Mã phương thức: 200
  + Đối tượng xét tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp
  + Điểm xét tuyển = Tổng điểm trung bình của 03 môn của 03 năm học THPT theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển + Điểm ưu tiên (nếu có).
  + Xét theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu từng ngành. Trường hợp nhiều thí sinh có cùng mức điểm xét tuyển, trường sẽ xét tiêu chí phụ là điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế IELTS (≥ 6.0) hoặc TOEFL iBT (60- 78) của thí sinh.
  + Mỗi thí sinh được đăng ký tối đa 03 nguyện vọng xét tuyển. Thí sinh chỉ trúng tuyển 01 nguyện vọng cao nhất.
  + Đối với thí sinh đăng ký tổ hợp xét tuyển có môn Tiếng Anh, nếu thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh IELTS Academic hoặc TOEFL iBT thì được quy đổi điểm trung bình môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển như sau:

Chứng chỉ IELTS Academic	Chứng chỉ TOEFL iBT	Điểm quy đổi
≥ 6.0	60 - 78	10
5.5	46 - 59	8,5
5.0	35 - 45	7,5
≤ 4.5		Không quy đổi

2. Thông tin các ngành xét tuyển

- **Quy ước tổ hợp các môn xét tuyển**

A00: Toán - Vật lý - Hóa học	B08: Toán - Sinh học - Tiếng Anh	D14: Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh
A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh	D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh	D15: Ngữ văn - Địa lý - Tiếng Anh
A02: Toán - Vật lý - Sinh học	D07: Toán - Hóa học - Tiếng Anh	D90: Toán - Tiếng Anh - Khoa học tự nhiên
B00: Toán - Hóa học - Sinh học	D09: Toán - Lịch sử - Tiếng Anh	

- **Ngành đào tạo**

STT	Ngành học	Mã ngành đào tạo	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
I	**CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC DO TRƯỜNG ĐẠI HỌC (ĐH) QUỐC TẾ CẤP BẰNG**			**1960**
1	Quản trị Kinh doanh	7340101	A00; A01; D01; D07	320
2	Tài chính - Ngân hàng	7340201	A00; A01; D01; D07	200
3	Kế toán	7340301	A00; A01; D01; D07	60
4	Kinh tế (Phân tích dữ liệu trong kinh tế) (dự kiến)	7310101	A00; A01; D01; D07	40
5	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, D09, D14, D15	90
6	Công nghệ Thông tin	7480201	A00; A01	50
7	Khoa học Dữ liệu	7460108	A00; A01	50
8	Khoa học Máy tính	7480101	A00; A01	50
9	Công nghệ Sinh học	7420201	A00; B00; B08; D07	180
10	Công nghệ Thực phẩm	7540101	A00; A01; B00; D07	80
11	Hóa học (Hóa sinh)	7440112	A00; B00; B08; D07	60

12	Kỹ thuật Hóa học	7520301	A00; A01; B00; D07	60
13	Kỹ thuật Môi trường	7520320	A00; A02; B00; D07	30
14	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	7520118	A00; A01; D01	80
15	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00; A01; D01	150
16	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	7520207	A00; A01; B00; D01	50
17	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	7520216	A00; A01; B00; D01	80
18	Kỹ thuật Y Sinh	7520212	A00; B00; B08; D07	120
19	Kỹ thuật Xây dựng	7580201	A00; A01; D07	40
20	Quản lý Xây dựng	7580302	A00; A01; D01; D07	40
21	Kỹ thuật Không gian	7520121	A00; A01; A02; D90	30
22	Toán ứng dụng (Kỹ thuật Tài chính và Quản trị rủi ro)	7460112	A00; A01	60
23	Thống kê (Thống kê ứng dụng) (dự kiến)	7460201	A00, A01	40
II	**CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO LIÊN KẾT VỚI ĐH NƯỚC NGOÀI**			**870**
1	**Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH Nottingham (UK)**			**50**
1.1	Công nghệ Thông tin (2+2)	7480201_UN	A00; A01	10
1.2	Quản trị Kinh doanh (2+2)	7340101_UN	A00; A01; D01; D07	10
1.3	Công nghệ Sinh học (2+2)	7420201_UN	A00; B00; B08; D07	15
1.4	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông (2+2)	7520207_UN	A00; A01; B00; D01	5
1.5	Công nghệ Thực phẩm (2+2)	7540101_UN	A00; A01; B00; D07	10
2	**Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH West of England (UK)**			**105**
2.1	Khoa học Máy tính (2+2)	7480101_WE2	A00; A01	20
2.2	Quản trị Kinh doanh (2+2)	7340101_WE	A00; A01; D01; D07	20
2.3	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông (2+2)	7520207_WE	A00; A01; B00; D01	10
2.4	Công nghệ Sinh học (2+2)	7420201_WE2	A00; B00; B08; D07	15
2.5	Ngôn ngữ Anh (2+2)	7220201_WE2	D01, D09, D14, D15	40
3	**Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH Auckland University of Technology (New Zealand)**			**10**
3.1	Quản trị Kinh doanh (1+2/ 1.5+1.5)	7340101_AU	A00; A01; D01; D07	10
4	**Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH New South Wales (Australia)**			**30**
4.1	Quản trị kinh doanh (2+2)	7340101_NS	A00; A01; D01; D07	30
5	**Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH SUNY Binghamton (USA)**			**25**
5.1	Kỹ thuật Máy tính (2+2)	7480106_SB	A00; A01	10
5.2	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp (2+2)	7520118_SB	A00; A01; D01	10
5.3	Kỹ thuật Điện tử (2+2)	7520207_SB	A00; A01; B00; D01	5
6	**Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH Houston (USA)**			**60**
6.1	Quản trị Kinh doanh (2+2)	7340101_UH	A00; A01; D01; D07	60
7	**Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH West of England (UK) (4+0)**			**470**
7.1	Quản trị kinh doanh (4+0)	7340101_WE4	A00; A01; D01; D07	280
7.2	Ngôn ngữ Anh (4+0)	7220201_WE4	D01, D09, D14, D15	80
7.3	Công nghệ Sinh học định hướng Y sinh (4+0)	7420201_WE4	A00; B00; B08; D07	40
7.4	Công nghệ Thông tin (4+0)	7480201_WE4	A00; A01	70
8	**Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH West of England (UK) (3+1)**			**30**
8.1	Ngôn ngữ Anh (3+1)	7220201_WE3	D01, D09, D14, D15	30
9	**Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH Deakin (Úc)**			**30**
9.1	Công nghệ Thông tin (2+2)	7480201_DK2	A00; A01	10
9.2	Công nghệ Thông tin (3+1)	7480201_DK3	A00; A01	10
9.3	Công nghệ Thông tin (2.5+1.5)	7480201_DK25	A00; A01	10
10	**Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH Andrews (Mỹ)**			**20**
10.1	Quản trị Kinh doanh (4+0)	7340101_AND	A00, A01, D01, D07	20
11	**Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH Lakehead (Canada)**			**10**
11.1	Quản trị kinh doanh (2+2)	7340101_LU	A00, A01, D01, D07	10
12	**Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH Sydney (Úc) (dự kiến)**			**10**
12.1	Quản trị kinh doanh (2+2)	7340101_SY	A00, A01, D01, D07	10
13	**Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH Macquarie (Úc) (dự kiến)**			**20**
13.1	Tài chính (2+1)	7340201_MU	A00, A01, D01, D07	10
13.2	Kế toán (2+1)	7340301_MU	A00, A01, D01, D07	10

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
Địa chỉ: Khu phố 6, P. Linh Trung, Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (028) 37244270 - Fax: (028) 37244271 **- Email:** info@hcmiu.edu.vn

Trích nguồn: https://tuyensinh.hcmiu.edu.vn/tuyen-sinh/truong-dh-quoc-te-dung-6-phuong-thuc-tuyen-sinh-nam-2023/

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, ĐHQG-HCM

Mã Trường: QSC

CÁC PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

1. Phương thức 1: Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

1.1. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8) - Mã phương thức: 301

- **Đối tượng:** Các thí sinh đủ điều kiện xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và theo thông báo xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển của trường Đại học Công nghệ Thông tin (thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, thí sinh đạt giải Học sinh giỏi quốc gia, giải Khoa học kỹ thuật quốc gia,…).
- **Xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành:**
  + Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Nhật; thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT).
  + Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba môn Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Nhật trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia đã tốt nghiệp THPT.
  + Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba các nghề Cơ điện tử, Tự động hóa công nghiệp, Robot di động, Điện tử, Thiết kế và phát triển trang Web, Giải pháp phần mềm Công nghệ thông tin, Lắp cáp mạng thông tin, Thiết kế đồ họa, Quản trị hệ thống mạng CNTT trong kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế, nếu có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp, đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của pháp luật.
- **Ưu tiên xét tuyển vào tất cả các ngành:**
  + Thí sinh đạt giải các môn Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Nhật trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải trong Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia đã tốt nghiệp THPT, có kết quả kỳ thi THPT quốc gia đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường quy định.

1.2. Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT - Mã phương thức: 303 (Ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh giỏi nhất trường THPT năm 2023 theo quy định ĐHQG-HCM)

- **Đối tượng**: Áp dụng cho tất cả các trường THPT trên cả nước (bao gồm trường Tiểu học-THCS-THPT, trường THCS-THPT và trường THPT, không bao gồm Trung tâm Giáo dục thường xuyên).
- **Điều kiện:** Hiệu trưởng/Ban Giám hiệu giới thiệu 01 thí sinh giỏi nhất trường THPT theo các tiêu chí sau
  + Đảm bảo 02 tiêu chí chính:
    - Học lực Giỏi và hạnh kiểm Tốt trong 3 năm THPT
    - Và có điểm trung bình cộng 3 năm THPT thuộc nhóm 3 học sinh cao nhất.
  + Các tiêu chí kết hợp:
    - Giấy chứng nhận hoặc giấy khen đạt giải thưởng học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố giải Nhất, Nhì, Ba (chọn giải thưởng cao nhất đạt được ở THPT).
    - Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế.
    - Giấy chứng nhận hoặc giấy khen, hồ sơ khác liên quan đến thành tích học tập, rèn luyện trong quá trình học THPT.

1.3. Xét kết hợp giữa tuyển thẳng theo Đề án và các phương thức khác - Mã phương thức: 302 (Ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG-HCM)

- **Đối tượng**: học sinh của các trường THPT theo danh sách do ĐHQG công bố, bao gồm các trường chuyên, năng khiếu của các trường đại học thuộc các tỉnh, thành trên toàn quốc; học sinh của các trường THPT đạt các tiêu chí sau
  + Trường THPT có số lượng thí sinh trúng tuyển, nhập học nhiều vào ĐHQG-HCM.
  + Trường THPT có số lượng cựu học sinh đạt kết quả học tập cao khi học đại học tại ĐHQG-HCM.
  + Phân bổ số lượng trường theo hướng ưu tiên khu vực tuyển sinh hoặc tỉnh/thành có số lượng thí sinh đăng ký, trúng tuyển nhiều vào ĐHQG-HCM giai đoạn 2018 - 2020.
- **Điều kiện**
  + Tốt nghiệp THPT năm 2023.
  + Có hạnh kiểm tốt trong 3 năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 và đáp ứng một trong các điều kiện sau:
    - Học sinh của các trường chuyên, năng khiếu của các trường đại học thuộc các tỉnh, thành trên toàn quốc đạt tối thiểu **2 năm học sinh giỏi** trong các năm học ở bậc THPT (lớp 10, 11, 12).
    - Học sinh của các trường trung học phổ thông theo danh sách do ĐHQG-HCM công bố đạt **3 năm học sinh giỏi** ở bậc THPT (lớp 10, 11, 12).
    - Là thành viên đội tuyển của trường hoặc tỉnh thành tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia môn Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Nhật.
- **Tiêu chí xét tuyển:** Điểm học tập dùng để xét tuyển là tổng điểm trung bình 3 năm THPT của 3 môn học trong tổ hợp xét tuyển thí sinh đăng ký theo thang điểm 10 được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
- **Điểm ưu tiên:** Điểm UIT Code Contest

  Lưu ý: *Điểm UIT Code Contest là điểm quy đổi theo quy định của Trường dành cho* thí *sinh có tham gia cuộc thi UIT Code Contest do Trường ĐH CNTT tổ chức và được cấp giấy chứng nhận (thời hạn được tính không quá 2 năm tính đến ngày xét tuyển vào Trường).*
  + Thí sinh là thành viên đội tuyển của Trường hoặc Tỉnh/ Thành phố tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia môn Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Nhật.

1.4. Ưu tiên xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT - Mã phương thức: 304 (Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Trường ĐH CNTT)

- **Tuyển thẳng vào chương trình tài năng**
  + **Đối tượng:**

- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba môn Tin học, Toán, Lý, Hóa trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia.
- Thí sinh đạt giải vô địch, giải nhất (vàng), giải nhì (bạc) của Kỳ thi "Lập trình Châu Á - ICPC Asia" (cấp quốc gia) trong hai năm liền kề trước năm tuyển sinh.

- Ưu tiên xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành

+ Đối tượng:

- Thí sinh đạt giải đặc biệt, giải 1, 2, 3 kỳ thi Olympic Tin học sinh viên Việt Nam/ Olympic phần mềm mã nguồn mở (Procon) trong hai năm liền kề trước năm tuyển sinh.
- Thí sinh đạt giải vô địch, giải nhất (vàng), giải nhì (bạc), giải ba (đồng) Kỳ thi "Lập trình Châu Á - ICPC Asia" (cấp quốc gia) trong hai năm liền kề trước năm tuyển sinh.
- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba từ kỳ thi tháng trở lên trong cuộc thi "Đường lên đỉnh Olympia" trong hai năm liền kề trước năm tuyển sinh.

2. Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên điểm thi

2.1. Thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do CSĐT tự tổ chức để xét tuyển - Mã phương thức: 401 (Kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2023)

- Đối tượng: Thí sinh có kết quả kỳ thi ĐGNL do ĐHQG-HCM tổ chức và thỏa điều kiện ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.
- Phương thức, điều kiện xét tuyển: theo quy chế tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của ĐHQG-HCM.

2.2. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT - Mã phương thức: 100 (Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023)

- Đối tượng: Thí sinh có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT và thỏa điều kiện ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.
- Phương thức, điều kiện xét tuyển: theo quy chế tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.
- Tổ hợp môn xét tuyển: A00, A01, D01, D06, D07 (tùy theo ngành).
- Quy đổi điểm ngoại ngữ:
  + *Thí sinh là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh hoặc Tiếng Nhật) theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ GDĐT: Điểm quy đổi xét tuyển là 10.*
  + *Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Nhật JLPT từ cấp độ N3 trở lên: Điểm quy đổi xét tuyển là 10.*
  + *Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh tương ứng được quy đổi theo bảng sau:*

Chứng chỉ IELTS	Chứng chỉ TOEFL iBT	Chứng chỉ TOEFL ITP	Điểm quy đổi
≥ 6.0	≥60	≥560	10
5.5	55 - 59	530 - 559	9.5
5.0	50 - 54	500 - 529	9
4.5	X	X	8

3. Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên các chứng chỉ quốc tế uy tín

3.1. Chỉ sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển - Mã phương thức: 408

- **Đối tượng:**
  + Nhóm đối tượng 1 (xét tuyển vào tất cả các ngành): Thí sinh người Việt Nam tốt nghiệp THPT Việt Nam hoặc nước ngoài.
  + Nhóm đối tượng 2 (chỉ xét tuyển vào chương trình tiên tiến ngành Hệ thống Thông tin - học bằng Tiếng Anh): Thí sinh người nước ngoài tốt nghiệp THPT nước ngoài.
- **Điều kiện:**
  + Có hạnh kiểm tốt và tối thiểu đạt danh hiệu học sinh khá (hoặc tương đương) trong các năm học THPT.
  + Có chứng chỉ quốc tế thỏa một trong những điều kiện sau:
    - Chứng chỉ SAT có điểm từ 510 trở lên cho mỗi phần thi.
    - Chứng chỉ ACT có điểm trung bình từ 21 trở lên.
    - AS/A level có điểm từ C-A cho mỗi môn thi.
    - Tú tài quốc tế (IB) có tổng điểm từ 21 trở lên.
    - Các văn bằng, chứng chỉ quốc tế uy tín khác được Hội đồng tuyển sinh chấp thuận.

3.2. Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển - Mã phương thức: 410

- **Đối tượng:** Thí sinh người Việt Nam tốt nghiệp THPT Việt Nam hoặc nước ngoài (xét tuyển vào tất cả các ngành).
- **Điều kiện:**
  + Có hạnh kiểm tốt và tối thiểu đạt danh hiệu học sinh khá (hoặc tương đương) trong các năm học THPT.
  + Tổng điểm trung bình 3 năm THPT của 3 môn học trong tổ hợp xét tuyển thí sinh đăng ký lớn hơn hoặc bằng 24.
  + Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn thời hạn thỏa bảng sau:

Chứng chỉ IELTS	Chứng chỉ TOEFL iBT	Chứng chỉ JLPT
≥ 5.5	≥60	≥N3

- **Nguyên tắc xét tuyển:**
  + Thí sinh được đăng ký tối đa 03 nguyện vọng, việc xét tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng; thí sinh chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.
  + Thí sinh thực hiện video theo chủ đề cho trước.
  + Điểm học tập dùng để xét tuyển là tổng điểm trung bình 3 năm THPT của 3 môn học trong tổ hợp xét tuyển thí sinh đăng ký theo thang điểm 10 được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
  + Trong đó, điểm xét tuyển bao gồm: Điểm học tập (50%-60%), Điểm chứng chỉ ngoại ngữ (30%-40%), Điểm video (10%-20%) và Điểm ưu tiên (nếu có).

Chứng chỉ IELTS	Chứng chỉ TOEFL iBT	Chứng chỉ JLPT	Điểm quy đổi
≥ 5.5	≥ 55	X	7

≥ 6	≥ 60	X	8
≥ 6.5	≥ 65	N3	9
≥ 7	≥ 70	≥ N2	10

- Điểm ưu tiên: điểm UIT Code Contest

***Lưu ý**: Điểm UIT Code Contest là điểm quy đổi theo quy định của Trường dành cho thí sinh có tham gia cuộc thi UIT Code Contest do Trường ĐH CNTT tổ chức và được cấp giấy chứng nhận (thời hạn được tính không quá 2 năm tính đến ngày xét tuyển vào Trường).*

4. Phương thức 4: Xét tuyển theo tiêu chí riêng của chương trình liên kết với Đại học Birmingham City - Anh Quốc, do ĐH Birmingham City cấp bằng (không tính vào tổng chỉ tiêu)

CHỈ TIÊU TUYỂN SINH 2023 (Dự kiến)

Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu 2023 (Dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển
7480101	Khoa học Máy tính	270	A00, A01, D01, D07
7480107	Trí tuệ nhân tạo	40	A00, A01, D01, D07
7480102	Mạng máy tính và Truyền thông Dữ liệu	200	A00, A01, D01, D07
7480103	Kỹ thuật Phần mềm	225	A00, A01, D01, D07
7480104	Hệ thống Thông tin	175	A00, A01, D01, D07
7480104_TT	Hệ thống Thông tin (tiên tiến)	70	A01, D01, D07
7340122	Thương mại Điện tử	130	A00, A01, D01, D07
7480201	Công nghệ Thông tin	115	A00, A01, D01, D07
7480201_N	Công nghệ Thông tin Việt Nhật	110	A00, A01, D01, D06, D07
7480109	Khoa học Dữ liệu	60	A00, A01, D01, D07
7480202	An toàn Thông tin	160	A00, A01, D01, D07
7480106	Kỹ thuật Máy tính	205	A00, A01
7480106_IOT	Kỹ thuật Máy tính (chuyên ngành thống nhúng và IoT)	40	A00, A01

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, ĐHQG-HCM
Địa chỉ: Khu phố 6, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
Hotline: 090.883.1246 - **Email:** tuyensinh@uit.edu.vn - **Website:** tuyensinh.uit.edu.vn

Trích nguồn: https://tuyensinh.uit.edu.vn/2023-phuong-thuc-tuyen-sinh-nam-2023-du-kien

KHOA Y, ĐHQG-HCM

Mã Trường: QSY

- **Phương thức tuyển sinh:** Năm 2023 Khoa Y thực hiện công tác tuyển sinh theo 09 phương thức tuyển sinh, cụ thể:
  + **PT1:** Kết hợp kết quả thi đánh giá năng lực và kết quả học tập THPT (mã phương thức: 501).
  + **PT2:** Tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ; ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của ĐH Quốc gia TP.HCM (mã phương thức: 301, 303).
  + **PT3:** Xét tuyển dựa trên kết quả các kỳ thi quốc tế như: SAT, ACT, IB, A-Level hoặc tương đương (mã phương thức: 502).
  + **PT4:** Xét tuyển dựa trên điểm trung bình tích luỹ của thí sinh tốt nghiệp ĐH ngành gần (mã phương thức: 503).
  + **PT5:** Kết hợp kết quả học THPT và văn bằng chứng nhận chuyên môn (mã phương thức: 504).
  + **PT6:** Ưu tiên xét tuyển học sinh giỏi theo quy định của ĐH Quốc gia TP.HCM (mã phương thức: 302).
  + **PT7:** Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi ĐGNL do ĐH Quốc gia TP.HCM tổ chức vào năm 2023 (mã phương thức: 401).
  + **PT8:** Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 (mã phương thức: 100).
  + **PT9:** Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (mã phương thức: 409).
- **Chỉ tiêu cụ thể của các phương thức dự kiến như sau:**

Ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh								
		PT1	PT2	PT3	PT4	PT5	PT6	PT7	PT8	PT9
Y khoa	100	5 ~ 10%	5%	10%	5%	-	15 ~ 20%	45%	>5%	<10%
Dược học	50	5 ~ 10%	5%	10%	5%	-	15 ~ 20%	45%	>5%	<10%
Răng - Hàm - Mặt	50	5 ~ 10%	5%	10%	5%	-	15 ~ 20%	45%	>5%	<10%
Y học cổ truyền	75	5 ~ 10%	5%	10%	5%	5%	15 ~ 20%	45%	>5%	<10%
Điều dưỡng	200	5 ~ 10%	5%	10%	5%	-	15 ~ 20%	45%	>5%	<10%

Thông tin liên hệ: KHOA Y, ĐHQG-HCM
Địa chỉ: Tòa nhà hành chính YA1, Đường Hải Thượng Lãn Ông, Khu Đô thị ĐHQG-HCM, P. Đông Hòa, TP. Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 028.71018787 - 116
Email: tuyensinh@medvnu.edu.vn - **Website:** https://www.medvnu.edu.vn/
Tư vấn phụ huynh: 0829 810 874 - PGS.TS.BS. Phạm Anh Vũ Thụy (Phụ trách TS)
Tư vấn thí sinh: 0398 091 091 - CN. Nguyễn Duy Nguyên

Trích Nguồn: http://tuyensinh-medvnu.edu.vn/news.php?slug=ch-ti-u-tuy-n-sinh-n-m-2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP.HCM

Mã trường: DTM

Phương thức xét tuyển: Theo Quy chế tuyển sinh và đề án tuyển sinh năm 2023 của nhà trường

- **Phương thức 1 (PT1):** Xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2023 thỏa tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường công bố và có đăng ký xét tuyển theo quy định. (Điểm xét tuyển là tổng điểm 03 môn theo tổ hợp xét tuyển)
- **Phương thức 2 (PT2):** Xét tuyển dựa theo kết quả học tập ở bậc THPT (05 học kỳ gồm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12).
  + Thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2017 đến 2023, có hạnh kiểm khá trở lên.
  + Tổng điểm trung bình 03 môn trong 05 học kỳ thuộc tổ hợp xét tuyển phải từ 18.00 điểm.
- **Phương thức 3 (PT3):** Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2023 của ĐG Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- **Phương thức 4 (PT4):** Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Ngành xét tuyển

TT	NGÀNH XÉT TUYỂN	MÃ NGÀNH	ĐIỂM TRÚNG TUYỂN 2022(*)		TỔ HỢP XÉT TUYỂN	CHỈ TIÊU 2023		
			PT1	PT2		PT 1	PT 2	PT 3
Nhóm ngành Kinh tế								
1	**Quản trị kinh doanh** CN Quản trị kinh doanh tổng hợp CN Quản trị kinh doanh bất động sản	7340101	30.00	26.00	A00; A01 B00; D01	100	90	9
2	**Bất động sản** CN Định giá và Quản trị bất động sản CN Bất động sản sinh thái và Du lịch	7340116	24.00	24.50	A00; A01 B00; D01	48	45	6
3	**Kinh tế tài nguyên thiên nhiên**	7850102	20.00	23.75	A00; A01 B00; D01	48	45	6
Nhóm ngành Khoa học Trái đất ứng dụng								
4	**Địa chất học** CN Địa chất môi trường CN Địa chất công trình - Địa chất thủy văn	7440201	20.00	24.75	A00; A01 A02; B00	10	12	2
5	**Khí tượng và Khí hậu học** CN Khí tượng - Khí hậu CN Công nghệ Khí tượng Thủy văn	7440221	19.00	24.75	A00; A01 B00; D01	10	12	2
6	**Thủy văn học** CN Thủy văn CN Môi trường nước	7440224	20.00	24.75	A00; A01 B00; D01	10	12	2
7	**Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững** CN Biến đổi khí hậu	7440298	20.00	23.75	A00; A01 B00; D01	10	12	2
Nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin								
8	**Hệ thống thông tin** CN Thương mại điện tử CN Hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường	7480104	28.00	23.75	A00; A01 B00; D01	20	26	3
9	**Công nghệ thông tin** CN Công nghệ phần mềm CN Tin học tài nguyên và môi trường	7480201	28.50	24.50	A00; A01 B00; D01	85	60	4
Nhóm ngành Công nghệ và Kỹ thuật								
10	**Công nghệ kỹ thuật môi trường**	7510406	20.00	23.25	A00; A01 A02; B00	24	23	2
11	**Kỹ thuật trắc địa - bản đồ** CB Trắc địa công trình CN Kỹ thuật địa chính CN Công nghệ thông tin địa lý	7520503	20.00	23.75	A00; A01 A02; B00	80	110	9
Nhóm ngành Xây dựng và Kiến trúc								
12	**Quản lý đô thị và công trình**	7580106	20.00	23.25	A00; A01 A02; B00	24	23	2
13	**Kỹ thuật cấp thoát nước**	7580213	20.00	23.50	A00; A01 A02; B00	32	44	3
Nhóm ngành Tài nguyên và Môi trường								
14	**Quản lý tài nguyên và môi trường** CN Quản lý tài nguyên và môi trường CN Môi trường, sức khỏe và an toàn CN Quản lý và công nghệ kỹ thuật môi trường đô thị	7850101	20.00	23.25	A00; A01 A02; B00	130	110	9
15	**Quản lý đất đai** CN Địa chính CN Quy hoạch đất đai CN Kinh tế và Phát triển đất đai CN Giám sát và Bảo vệ tài nguyên đất đai	7850103	29.00	26.50	A00; A01 B00; D01	150	140	9

16	**Quản lý tổng hợp tài nguyên nước**	7850195	20.00	23.75	A00; A01 B00; D01	10	12	2
17	**Quản lý tái nguyên và môi trường biển đảo**	7850197	19.50	24.25	A00; A01 B00; D01	10	12	2

***Ghi chú: Điểm trúng tuyển năm 2022, Phương thức 1 và Phương thức 2 môn toán được nhân hệ số 2.**

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 236B Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38443006 - **Fax:** 028.38449474

Trích Nguồn: http://www.hcmunre.edu.vn/hcmunrechitiet/trang-chu-tnmt/thong-tin-tuyen-sinh-ai-hoc-chinh-quy-nam-2023?AspxAutoDetectCookieSupport=1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã Trường: LPS

1. Phương thức xét tuyển

- **Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và xét tuyển sớm (tối đa 40%/tổng chỉ tiêu)**
  - + **Đối tượng 1 (xét tuyển thẳng):** Thí sinh thuộc diện được xét tuyển thẳng theo chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo
  - + **Đối tượng 2 (xét tuyển sớm):** Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn thời hạn có giá trị, dự kiến đến ngày 30/6/2023 (nếu chứng chỉ có quy định về thời hạn)
    - ***Điều kiện 1:*** Đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương)
    - ***Điều kiện 2:*** Có 1 trong số các chứng chỉ sau đây: IELTS **≥ 5.5** hoặc TOEFL iBT ≥ 65 điểm, DELF ≥ B1 hoặc TCF ≥ 300 điểm, JLPT ≥ N3.
    - ***Điều kiện 3:*** Điểm trung bình cộng của 05 học kỳ THPT (gồm năm Lớp 10, Lớp 11 và học kỳ 1 năm Lớp 12) của 03 môn thuộc Tổ hợp đăng ký xét tuyển đạt tổng điểm từ **22,5 trở lên.**
  - + **Đối tượng 3 (xét tuyển sớm):** Thí sinh học tại các trường THPT theo Danh sách "Các trường THPT thuộc diện được ưu tiên xét tuyển sớm năm 2023 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh".
    - ***Điều kiện 1:*** Đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương);
    - ***Điều kiện 2:*** Học đủ 03 năm tại các trường THPT có tên trong danh sách nói trên;
    - ***Điều kiện 3:*** Kết quả học tập của từng năm Lớp 10, 11 và 12 đạt loại giỏi và điểm trung bình cộng của 03 năm từ **24,5 trở lên;**
    - ***Điều kiện 4:*** Điểm trung bình cộng của 05 học kỳ THPT (gồm năm Lớp 10, Lớp 11 và học kỳ 1 năm Lớp 12) của 03 môn thuộc Tổ hợp đăng ký xét tuyển đạt tổng điểm từ **24,5 trở lên.**
- **Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 (tối thiểu 60%/tổng chỉ tiêu)**
  - + Đối tượng: danh cho thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có kết quả thi của các môn thi/ bài thi trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 phù hợp với tổ hợp môn đăng ký xét tuyển của Trường

2. Tổ hợp môn xét tuyển, chỉ tiêu (dự kiến) và tỷ lệ xét tuyển của từng ngành theo từng tổ hợp

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển/ mã tổ hợp môn	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tỷ lệ (dự kiến)
1	Luật	7380101	Toán, Lý, Hóa: A00	1.430	20%
			Toán, Lý, tiếng Anh: A01		25%
			Văn, Sử, Địa: C00		15%
			Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01: tiếng Anh, D03: tiếng Pháp, D06: tiếng Nhật)		40%
2	Luật Thương mại quốc tế	7380109	Toán, Lý, tiếng Anh: A01	120	20%
			Văn, Toán, tiếng Anh: D01		40%
			Văn, GDCD, tiếng Anh: D66		20%
			Toán, GDCD, tiếng Anh:D84		20%
3	Quản trị kinh doanh	7340101	Toán, Lý, Hóa: A00	150	20%
			Toán, Lý, tiếng Anh: A01		20%
			Văn, Toán, tiếng Anh: D01		40%
			Toán, GDCD, tiếng Anh:D84		20%
4	Quản trị - Luật	7340102	Toán, Lý, Hóa: A00	300	20%
			Toán, Lý, tiếng Anh: A01		20%
			Văn, Toán, tiếng Anh: D01		40%
			Toán, GDCD, tiếng Anh:D84		20%
5	Ngôn ngữ Anh	7220201	Văn, Toán, tiếng Anh: D01	100	70%
			Văn, Lịch sử, tiếng Anh: D14		10%
			Văn, GDCD, tiếng Anh: D66		10%
			Toán, GDCD, tiếng Anh:D84		10%

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM

Địa chỉ: Số 02, Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP.HCM

CS2: Số 123 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức - CS3: Phường Long Phước, Tp. Thủ Đức

Hotline: 1900 5555 14 - **Email**: tuvantuyensinh@hcmulaw.edu.vn

Trích Nguồn:

http://tuyensinh.hcmulaw.edu.vn/upload/files/64%20NQ%20thong%20qua%20phuong%20thuc%20tuyen%20sinh%20nam%202023-%C4%91%C3%A3%20n%C3%A9n.pdf

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

Mã Trường: NTT

1. **Đối tượng tuyển sinh:** Theo quy định của Bộ GD&ĐT.
2. **Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.
3. **Phương thức tuyển sinh:** Căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Phương thức 1:** xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023 theo tổ hợp môn.
- **Phương thức 2:** xét tuyển kết quả học bạ đạt 1 trong các tiêu chí:
  + Tổng ĐTB 3 HK: ĐTB 1 HK lớp 10+ ĐTB 1 HK lớp 11+ ĐTB 1 HK lớp 12 đạt từ 18 trở lên (được chọn điểm cao nhất trong 2 HK của mỗi năm học)
  + Điểm tổ hợp các môn xét tuyển lớp 12 đạt từ 18 trở lên.
  + Điểm Trung bình cả năm lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên.
- **Phương thức 3:** xét tuyển kết quả bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TPHCM & Đại học Quốc gia Hà Nội & ĐH Sư phạm TPHCM.
- **Phương thức 4:** xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển các thí sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, Kỳ thi tay nghề ASEAN và quốc tế; xét tuyển các thí sinh người nước ngoài đủ điều kiện học tập hoặc theo diện cử tuyển.

Riêng với điều kiện xét tuyển các ngành sức khỏe và giáo viên áp dụng theo quy định về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ GD&ĐT.

4. **Chỉ tiêu tuyển sinh:** Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023 là **10.600**, Nhà Trường dự kiến dành tối thiểu 40% chỉ tiêu cho phương thức 1, 40% chỉ tiêu cho phương thức 2 và 20% chỉ tiêu cho phương thức 3, 4.

STT	Tên trường, Ngành học	Mã Ngành	Tổ hợp
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH Website: www.ntt.edu.vn			
1	Y khoa	7720101	B00: Toán, Hóa học, Sinh học
2	Y học dự phòng	7720110	
3	Dược học	7720201	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh B00: Toán, Hóa học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh
4	Điều dưỡng	7720301	
5	Kỹ thuật Y sinh	7520212	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hóa học, Sinh học
6	Vật lý y khoa	7520403	
7	Công nghệ sinh học	7420201	A00: Toán, Vật lý, Hóa học B00: Toán, Hóa học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
8	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	
9	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh B00: Toán, Hóa học, Sinh học D90: Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh
10	Công nghệ thực phẩm	7540101	
11	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	
12	Quan hệ công chúng	7320108	A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
13	Tâm lý học	7310401	B00: Toán, Hóa học, Sinh học C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
14	Kỹ thuật xây dựng	7580201	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
15	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	
16	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh
17	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	
18	Công nghệ thông tin	7480201	
19	Kỹ thuật phần mềm	7480103	
20	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7480102	
21	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	7520118	
22	Kế toán	7340301	
23	Tài chính - ngân hàng	7340201	

24	Quản trị kinh doanh	7340101	
25	Quản trị nhân lực	7340404	
26	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	
27	Thương mại điện tử	7340122	
28	Marketing	7340115	
29	Kinh doanh quốc tế	7340120	
30	Quan hệ quốc tế	7310206	A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
31	Truyền thông đa phương tiện	7320104	A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
32	Luật kinh tế	7380107	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
33	Quản trị khách sạn	7810201	
34	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	
35	Ngôn ngữ Anh	7220201	C00: Ngữ văn, Lịch Sử, Địa lý D01: Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ (Tiếng Anh/Tiếng Trung) D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
36	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	7220101	
37	Du lịch	7810101	
38	Việt Nam học	7310630	
39	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	
40	Đông Phương học	7310608	
41	Thiết kế đồ họa	7210403	H00: Ngữ văn, Năng khiếu vẽ NT1 (Vẽ tĩnh vật chì), Năng khiếu vẽ NT2 (Vẽ trang trí màu) H01: Toán, Ngữ văn, Vẽ MT (Vẽ tĩnh vật chì) V00: Toán, Vật lý, Vẽ MT (Vẽ tĩnh vật chì) V01: Toán, Ngữ văn, Vẽ MT (Vẽ tĩnh vật chì)
42	Thiết kế nội thất	7580108	
43	Kiến trúc	7580101	H00: Ngữ văn, Năng khiếu vẽ NT1 (Vẽ tĩnh vật chì), Năng khiếu vẽ NT2 (Vẽ trang trí màu) H01: Toán, Ngữ văn, Vẽ MT (Vẽ tĩnh vật chì) H02: Toán, Tiếng Anh, Vẽ MT (Vẽ tĩnh vật chì) H07: Toán, Năng khiếu vẽ NT1 (Vẽ tĩnh vật chì), Năng khiếu vẽ NT2 (Vẽ trang trí màu)
44	Thanh nhạc	7210205	N00: Ngữ văn, Kiến thức tổng hợp về âm nhạc, Năng khiếu (Hát)
45	Piano	7210208	N00: Ngữ văn, Kiến thức tổng hợp về âm nhạc, Năng khiếu (Đàn piano)
46	Diễn viên kịch, điện ảnh truyền hình	7210234	N05: Ngữ văn, Kiến thức chuyên ngành (vấn đáp), Năng khiếu (Trình bày tiểu phẩm)
47	Quay phim	7210236	N05: Ngữ văn, Kiến thức chuyên ngành (vấn đáp), Năng khiếu (Xem phim và bình luận)
48	Đạo diễn điện ảnh - Truyền hình	7210235	
49	Giáo dục mầm non	7140201	M00: Văn, Toán, Năng khiếu (Đọc diễn cảm - Hát). M01: Văn, Năng khiếu Giáo dục Mầm non 1 (Môn Kể chuyện - Đọc diễn cảm), Năng khiếu Giáo dục Mầm non 2 (Môn Hát - Nhạc)
50	Quản lý bệnh viện	7720802	B03: Toán, Sinh, Ngữ văn B00: Toán, Hóa, Sinh
51	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720802	B00: Toán, Hóa, Sinh

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH
Địa chỉ: 300A Nguyễn Tất Thành, P.13, Q.4, TP. HCM (trụ sở chính)
Điện thoại: 1900 2039 - **Website:** www.ntt.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Mã Trường: SPK

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh của tất cả các trường Trung học phổ thông (THPT) trên cả nước.

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc tuyển sinh Đại học hệ chính quy năm 2023 theo các phương thức: Tuyển thẳng; Ưu tiên xét tuyển thẳng; xét tuyển bằng học bạ Trung học phổ thông (THPT); xét điểm thi THPT 2023 và theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh như sau

1. Tuyển thẳng học sinh tốt nghiệp THPT năm 2023

Diện xét tuyển	Nội dung xét	Tiêu chuẩn	Chỉ tiêu
Tuyển thẳng thí sinh đạt giải quốc gia.	Học sinh giỏi (Toán; Lý; Hóa; Văn; Anh; Sinh; Tin) hoặc Cuộc thi Khoa học kỹ thuật.	Giải 1, 2, 3	Theo quy chế

2. Ưu tiên xét tuyển học sinh tốt nghiệp THPT năm 2023

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Điểm trung bình học bạ (ĐTBHB) 5 học kỳ của từng môn theo tổ hợp (có 3 môn), mỗi môn từ 5,0 trở lên.

	Diện xét tuyển	Nội dung xét	Tiêu chuẩn	Chỉ tiêu
1	Ưu tiên xét tuyển học sinh có giải 1, 2, 3 cấp tỉnh; giải khuyến khích HSG cấp quốc gia hoặc giải 4 cuộc thi KHKT cấp quốc gia.	Học sinh giỏi (Toán; Lý; Hóa; Văn; Anh; Sinh; Tin) hoặc Cuộc thi Khoa học kỹ thuật; giải khuyến khích học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc thí sinh đạt giải 4 cuộc thi KHKT cấp quốc gia.	Giải 1, 2, 3 cấp tỉnh, giải khuyến khích, giải tư KHKT quốc gia.	5-10%
2	Ưu tiên xét tuyển Học sinh giỏi trường Chuyên, Top 200.	Học sinh giỏi trường chuyên, trường Top 200.	Có ít nhất từ 3 học kỳ là học sinh giỏi.	10-20%
3	Điểm SAT quốc tế.	Điểm SAT quốc tế.	Điểm SAT ≥ 800.	1-2%
4	Ưu tiên xét tuyển học sinh do Ban giám hiệu trường liên kết giới thiệu.	Chỉ tiêu phân bổ theo từng trường - có thông báo, hướng dẫn riêng.	Ban giám hiệu trường liên kết chọn.	5-10%

3. Xét tuyển bằng học bạ THPT học sinh tốt nghiệp năm 2023

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Điểm trung bình học bạ (ĐTBHB) 5 học kỳ của từng môn theo tổ hợp (có 3 môn), mỗi môn từ 5,0 trở lên.

- Xét tuyển dựa vào tổng điểm học bạ 5 học kỳ (trừ học kỳ 2 lớp 12) của 3 môn theo tổ hợp. Điểm xét tuyển (ĐXT) riêng theo 3 nhóm: Trường THPT chuyên; Trường THPT tốp 200; Trường THPT còn lại. ĐXT là tổng điểm của 3 môn theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển (không nhân hệ số) cộng điểm ưu tiên (không nhân hệ số). Xét tuyển từ cao đến thấp.

$$ĐXT_1 = \sum \text{ĐTBHB 5 học kỳ của 3 môn} + \text{Điểm ưu tiên.}$$

Ví dụ: Cách tính điểm ĐTBHB môn Toán với ĐTB từng học kỳ môn toán như sau

HK1 lớp 10	HK2 lớp 10	HK1 lớp 11	HK2 lớp 11	HK1 lớp 12	**ĐTBHB 5 học kỳ (Trung bình cộng)**
7,0	5,0	8,0	7,0	9,0	**7,20**

- Riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm tiếng Anh: môn tiếng Anh nhân hệ số 2; ngành Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa, Kiến trúc, Kiến trúc nội thất: môn Vẽ nhân hệ số 2 (đối với tổ hợp dùng 2 môn Vẽ, chi tiết môn Vẽ nhân 2 được in đậm trong phụ lục 1 đính kèm). Điểm ưu tiên không nhân hệ số.

$$ĐXT_2 = (\text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm học bạ tiếng Anh hoặc Điểm Vẽ x 2}) \times ¾ + \text{Điểm ưu tiên.}$$

Ví dụ: Một học sinh Trường THPT bất kỳ có điểm môn Toán (môn 1) của 5 học kỳ là 7,0; môn Văn (môn 2): 6,0; môn: Tiếng Anh hoặc Năng khiếu (Vẽ) là: 8,0 thì cách tính như sau:

ĐTBHB 5 học kỳ (Môn 1)	**ĐTBHB 5 học kỳ** (Môn 2)	**Điểm môn tiếng Anh hoặc Năng khiếu**	**Điểm xét tuyển**
(1)	(2)	(3)	{(1) + (2) + (3)*2}*3/4
7.0	6.0	8.0	**21.75**

- Nhà trường tổ chức thi riêng các môn năng khiếu, thí sinh đăng ký dự thi (Vẽ Trang trí Màu nước, Vẽ Đầu tượng) tại http://xettuyen.hcmute.edu.vn/#/home. Thí sinh có thể chọn thi cả 2 môn. Hạn cuối nhận hồ sơ trực tuyến và phí dự thi 300.000đ/môn: 23/5/2023. Thí sinh xem phòng thi, số báo danh và in thẻ dự thi từ ngày 27/5/2023 trên webiste: http://xettuyen.hcmute.edu.vn/#/home. Thời gian thi vào ngày 03-04/6/2023. Điểm thi môn năng khiếu sẽ được tự động cập nhật trên hệ thống khi có kết quả.
- Công nhận điểm thi môn Năng khiếu (thi năm 2023) của các trường: ĐH Kiến trúc TP. HCM, ĐH Mỹ thuật TP. HCM. Thí sinh bắt buộc phải nộp phiếu điểm thi các môn Năng khiếu trước ngày 14/6/2023 (hình thực nộp: trực tuyến trên trang xettuyen.hcmute.edu.vn).
- Điểm ưu tiên theo đối tượng: thí sinh khai trên hệ thống; Điểm ưu tiên khu vực: nhà trường sử dụng bảng mã khu vực do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

4. Xét bằng Điểm thi Đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh: Phương thức Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2023 của ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh trên cổng thông tin của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh. Thí sinh đăng ký vào Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh (mã trường SPK) cùng lúc làm hồ sơ dự thi đánh giá năng lực.

5. Xét bằng Điểm thi tốt nghiệp THPT 2023: Phương thức Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Trung học phổ thông năm 2023 vẫn tiến hành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh (mã trường SPK) lên hệ thống theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT.

6. Quy đổi điểm tiếng Anh: Thí sinh có chứng chỉ IELTS và tương đương từ 4.5 trở lên có thể sử dụng để quy đổi điểm tiếng Anh để xét tuyển các tổ hợp có môn tiếng Anh thông qua hệ thống quy đổi của Nhà trường (áp dụng cho: ưu tiên xét tuyển, xét tuyển bằng học bạ THPT, điểm thi tốt nghiệp THPT 2023).

IELTS	4.5	5.0	5.5	6.0	6.5	>= 7.0
Điểm tiếng Anh quy đổi cho các ngành	7.5	8.0	8.5	9.0	9.5	10

Bảng quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ tiếng Anh tương đương

Chứng chỉ/Văn bằng	Thang điểm	Điểm IELTS	Điểm quy đổi
TOEFL iBT	35 - 39	4.5	7.5
	40 - 45	5.0	8.0
	46 - 61	5.5	8.5
	62 - 77	6.0	9.0
	78 - 93	6.5	9.5
	94 trở đi	7.0	10
TOEFL ITP	466 - 482	4.5	7.5
	483 - 499	5.0	8.0
	500 trở đi	5.5	8.5
Cambridge Linguaskill	146 - 152	4.5	7.5
	153 - 159	5.0	8.0
	160 - 165	5.5	8.5
	166 - 172	6.0	9.0
	173 - 179	6.5	9.5
	180 trở đi	7.0	10
Cambridge Assessment	PET	4.5	7.5
	FCE	6.0	9.0
	Business Preliminary	4.5	7.5
	Business Vantage	6.0	9.0
VSTEP	B1	4.5	7.5
	B2	6.0	9.0

7. Các ngành đào tạo năm 2023 của Trường ĐH SPKT TP. HCM

TT	**Tên ngành đào tạo** Cấp học bổng học kỳ 1 năm học đầu tiên: bằng 50% học phí cho nữ học 10 ngành kỹ thuật (*); 25% nữ học 8 ngành kỹ thuật (**)	Hệ đại trà	Hệ chất lượng cao dạy bằng tiếng Việt	Hệ chất lượng cao dạy bằng tiếng Anh	Tổ hợp môn xét tuyển (*in đậm là môn chính nhân hệ số 2)*
		Mã ngành	Mã ngành	Mã ngành	
1	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử **	7510301D	7510301C	7510301A	Toán, Lý, Hóa. Toán, Lý, Anh. Toán, Văn, Anh. Toán, Anh, Khoa học tự nhiên (KHTN).
2	Công nghệ Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302D	7510302C	7510302A	
3	Công nghệ Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Chất lượng cao Việt - Nhật)		7510302N		
4	Công nghệ Kỹ thuật máy tính	7480108D	7480108C	7480108A	
5	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa**	7510303D	7510303C	7510303A	
6	Kỹ thuật y sinh (Điện tử y sinh) **	7520212D			
7	Hệ thống nhúng và IoT**	7480118D			
8	Robot và trí tuệ nhân tạo *	7510209D			
9	Công nghệ chế tạo máy *	7510202D	7510202C	7510202A	
10	Công nghệ chế tạo máy * (CLC Việt - Nhật)		7510202N		
11	Công nghệ Kỹ thuật cơ điện tử *	7510203D	7510203C	7510203A	
12	Công nghệ Kỹ thuật cơ khí *	7510201D	7510201C	7510201A	
13	Kỹ thuật công nghiệp *	7520117D			
14	Kỹ nghệ gỗ và nội thất **	7549002D			
15	Công nghệ Kỹ thuật công trình xây dựng*	7510102D	7510102C	7510102A	
16	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông *	7580205D			
17	Quản lý xây dựng **	7580302D			
18	Hệ thống kỹ thuật công trình xây dựng *	7510106D			
19	Quản lý và vận hành hạ tầng **	7840110D			
20	Công nghệ Kỹ thuật ô tô *	7510205D	7510205C	7510205A	
21	Công nghệ Kỹ thuật nhiệt *	7510206D	7510206C	7510206A	
22	Năng lượng tái tạo **	7510208D			
23	Công nghệ thông tin	7480201D	7480201C	7480201A	
24	An toàn thông tin	7480202D			
25	Kỹ thuật dữ liệu	7480203D			
26	Quản lý công nghiệp	7510601D	7510601C	7510601A	

27	Kế toán	7340301D	7340301C		
28	Thương mại điện tử	7340122D	7340122C		
29	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605D			
30	Kinh doanh Quốc tế	7340120D			
31	Công nghệ may	7540209D	7540209C		
32	Công nghệ Kỹ thuật in	7510801D	7510801C		
33	Luật	7380101D	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh; Văn, Sử, Địa; Văn, Toán, Anh.		
34	Thiết kế đồ họa	7210403D	Văn, Vẽ ĐT, **Vẽ TT**; Toán, Văn, **Vẽ TT;** Toán, Anh, **Vẽ TT;** Văn, Anh, **Vẽ TT.**		
35	Kiến trúc	7580101D	Toán, Văn, **Vẽ ĐT;** Toán, Lý, **Vẽ ĐT;** Toán, Anh, **Vẽ ĐT;** Văn, Anh, **Vẽ ĐT.**		
36	Kiến trúc nội thất	7580103D			
37	Công nghệ vật liệu	7510402D	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh; Toán, Hóa, Anh; Toán, Anh, KHTN.		
38	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	7510406D	7510406C		Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Anh Toán, Anh, KHTN
39	Công nghệ thực phẩm	7540101D	7540101C	7540101A	
40	Công nghệ Kỹ thuật hóa học	7510401D	7510401C		
41	Quản trị NH và DV ăn uống	7810202D	Toán, Lý, Hóa; Toán, Văn, Anh; Toán, Lý, Anh; Toán, Hóa, Anh		
42	Thiết kế thời trang	7210404D	Toán, Anh, **Vẽ TT;** Toán, Văn, **Vẽ TT;** Toán, Vẽ ĐT, **Vẽ TT;** Văn, Vẽ ĐT, **Vẽ TT**		
43	Sư phạm tiếng Anh	7140231D			Toán, Văn, **Anh** Toán, **Anh**, KHXH
44	Ngôn ngữ Anh	7220201D			

8. Các ngành liên kết đào tạo quốc tế năm 2023 của trường ĐH SPKT TP. HCM

TT	Tên ngành đào tạo	Mã ngành	Lộ trình và Chỉ tiêu tuyển sinh	Cấp bằng	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Kỹ thuật Điện - Điện tử	7520202QS	- 3 năm đầu học tại SPKT (Năm nhất học Tiếng Anh). - 1 năm cuối học tại ĐH Northampton hoặc học tại SPKT. - **Chỉ tiêu: 100.**	Đại học Sunderland, (Anh Quốc) .	Toán, Lý, Hóa (A00). Toán, Lý, Anh (A01). Toán, Văn, Anh (D01). Toán, Anh, Khoa học tự nhiên (D90)
2	Quản trị Kinh doanh	7340101QS			
3	Kế toán và Quản trị Tài chính	7340303QS			
4	Logistics và Tài chính Thương mại	7510606QN	- 3 năm đầu học tại SPKT (Năm nhất học Tiếng Anh). - 1 năm cuối học tại ĐH Northampton hoặc học tại SPKT. - **Chỉ tiêu: 100.**	Đại học Northampton, (Anh Quốc).	
5	Kế toán Quốc tế	7340301QN			
6	Quản trị Kinh doanh	7340101QN			
7	Kỹ thuật Cơ Điện tử	7520114QT	- 2 năm đầu học tại SPKT. - 2 năm sau học tại ĐH Tongmyong. - **Chỉ tiêu: 50.**	Đại học Tongmyong, (Hàn Quốc).	
8	Kỹ thuật Cơ khí	7520103QT			
9	Công nghệ Thông tin	7480201QT			
10	Quản trị Kinh doanh	7340101QK	- 2 năm đầu học tại SPKT. - 2 năm sau học tại ĐH Kettering. - **Chỉ tiêu: 50.**	Đại học Kettering, (Mỹ).	
11	Kỹ thuật Điện - Điện tử	7520202QK			
12	Kỹ thuật Cơ khí	7520103QK			
13	Kỹ thuật Máy tính	7480106QK			
14	Kỹ thuật Chế tạo máy và Công nghiệp	7520119QK			
15	Kỹ thuật Xây dựng	7580201QA	- 2 năm đầu học tại SPKT. - 2 năm sau học tại ĐH Adelaide. - **Chỉ tiêu: 50.**	Đại học Adelaide (Úc).	
16	Công nghệ Thông tin	7480201QA			

Bảng môn thi của các tổ hợp

Tổ hợp	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổ hợp	Môn 1	Môn 2	Môn 3
A00	Toán	Vật lý	Hóa học	D96	Toán	Tiếng Anh	Khoa học xã hội
A01	Toán	Vật lý	Tiếng Anh	V01	Toán	Ngữ văn	Vẽ trang trí
B00	Toán	Hóa học	Sinh học	V02	Toán	Tiếng Anh	Vẽ trang trí
C00	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	V03	Toán	Ngữ văn	Vẽ đầu tượng
D01	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	V04	Toán	Vật lý	Vẽ đầu tượng
D07	Toán	Hóa học	Tiếng Anh	V05	Toán	Tiếng Anh	Vẽ đầu tượng
D14	Ngữ văn	Lịch sử	Tiếng Anh	V06	Ngữ văn	Tiếng Anh	Vẽ đầu tượng
D15	Ngữ văn	Địa lý	Tiếng Anh	V07	Ngữ văn	Vẽ đầu tượng	Vẽ trang trí
D90	Toán	Tiếng Anh	Khoa học tự nhiên	V08	Ngữ văn	Tiếng Anh	Vẽ trang trí

Liên hệ và tiếp nhận thông tin tuyển sinh
Phòng Tuyển sinh và công tác sinh viên - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ: Số 01 Võ Văn Ngân, P. Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.3722.5724; 028.3722.2764; **Facebook**: Tuyển sinh ĐH SPKT TPHCM
Email: tuyensinh@hcmute.edu.vn; **Website**: tuyensinh.hcmute.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH

MÃ TRƯỜNG: IUH

I. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT.

II. Phương thức, thủ tục, thời gian xét tuyển

1. Phương thức xét tuyển:

1.1. TẠI TRỤ SỞ CHÍNH TP. HỒ CHÍ MINH: Sử dụng 04 phương thức xét tuyển

a) Xét tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển thẳng:

- **Xét tuyển thẳng** theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- **Ưu tiên xét tuyển thẳng theo đề án của Trường:** Học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố, học sinh đạt giải kỳ thi Olympic (môn đạt giải có trong tổ hợp xét tuyển của ngành xét tuyển); Học sinh có học lực 3 năm lớp 10,11,12 xếp loại giỏi; Học sinh trường chuyên, lớp chuyên; Học sinh có Chứng chỉ **IELTS** từ 5.0 trở lên hoặc các Chứng chỉ khác tương đương trong thời gian còn hiệu lực tính đến ngày 29/08/2023. Ngưỡng nhận hồ sơ cho các đối tượng trên là 21.00 điểm; Đối với học sinh các trường THPT ký kết hợp tác với Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh có tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt 24.00 điểm. Riêng ngành Dược học có thêm điều kiện học lực lớp 12 xếp loại giỏi và có tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt 24.00 điểm.

b) Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT năm lớp 12 (các môn có trong tổ hợp xét tuyển của ngành xét tuyển tương ứng), ngưỡng nhận hồ sơ là tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển tối thiểu bằng 21.00 điểm. Riêng ngành Dược học, ngưỡng nhận hồ sơ là tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển tối thiểu bằng 24.00 điểm và có học lực năm lớp 12 xếp loại giỏi.

c) Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023.

d) Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức năm 2023.

1.2. TẠI PHÂN HIỆU QUẢNG NGÃI:

Sử dụng 04 phương thức xét tuyển như Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên phương thức sử dụng kết quả học tập THPT năm lớp 12, ngưỡng nhận hồ sơ là tổng điểm 03 môn trong tổ hợp xét tuyển tối thiểu bằng 19.00 điểm.

III. Nhóm ngành/ Ngành xét tuyển

Nhóm ngành/ Ngành tại Trụ sở Chính Thành phố Hồ Chí Minh

STT	TÊN NGÀNH/ NHÓM NGÀNH	MÃ NGÀNH		TỔ HỢP XÉT TUYỂN
		ĐẠI TRÀ	HỆ CLC	
1	**Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử gồm** 02 chuyên ngành**:** Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Năng lượng tái tạo	7510301	7510301C	A00, A01, C01, D90
2	***Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa gồm*** 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động hóa; Robot và hệ thống điều khiển thông minh.	7510303	7510303C	A00, A01, C01, D90
3	***Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông gồm*** 03 chuyên ngành: Điện tử công nghiệp; Điện tử viễn thông; IOT và Trí tuệ nhân tạo ứng dụng.	7510302	7510302C	A00, A01, C01, D90
4	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	7480108C	A00, A01, C01, D90
5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	7510201C	A00, A01, C01, D90
6	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	7510203C	A00, A01, C01, D90
7	Công nghệ chế tạo máy	7510202	7510202C	A00, A01, C01, D90
8	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	7510205C	A00, A01, C01, D90
9	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	7510206C	A00, A01, C01, D90
10	Kỹ thuật xây dựng	7580201		A00, A01, C01, D90
11	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205		A00, A01, C01, D90
12	Công nghệ dệt, may	7540204		A00, C01, D01, D90
13	Thiết kế thời trang	7210404		A00, C01, D01, D90
14	**Nhóm ngành Công nghệ thông tin gồm** 04 ngành và 02 chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Chuyên ngành QL đô thị thông minh và bền vững; Khoa học dữ liệu.	7480201		A00, A01, D01, D90
15	***Nhóm ngành Công nghệ thông tin Chất lượng cao*** gồm 04 ngành: Công nghệ thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin;		7480201C	A00, A01, D01, D90
16	***Công nghệ Hóa học gồm*** 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật hóa học ; Kỹ thuật hóa phân tích.	7510401	7510401C	A00, B00, D07, C02
17	Dược học	7720201		A00, B00, D07, C08
18	Công nghệ thực phẩm	7540101	7540101C	A00, B00, D07, D90
19	Dinh dưỡng và Khoa học thực phẩm	7720497		A00, B00, D07, D90
20	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	7540106		A00, B00, D07, D90
21	***Nhóm ngành Công nghệ sinh học*** gồm 03 chuyên ngành: Công nghệ sinh học y dược; Công nghệ sinh học nông nghiệp; Công nghệ sinh học thẩm mỹ.	7420201	7420201C	A00, B00, D07, D90
22	**Nhóm ngành Quản lý đất đai và Kinh tế tài nguyên** gồm 02 chuyên ngành: Quản lý đất đai; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	7850103		A01, C01, D01, D96

23	***Nhóm ngành Quản lý tài nguyên môi trường gồm*** 02 ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; Công nghệ kỹ thuật môi trường.	7850101		B00, C02, D90, D96
24	**Kế toán** gồm 02 chuyên ngành: Kế toán; Thuế và kế toán	7340301	7340301C	A00, A01, D01, D96
25	Kiểm toán	7340302	7340302C	A00, A01, D01, D96
26	Kế toán chất lượng cao tích hợp chứng chỉ quốc tế Advanced Diploma in Accounting & Business của Hiệp hội Kế toán công chứng Anh (ACCA)		7340301Q	A00, A01, D01, D96
27	Kiểm toán chất lượng cao tích hợp chứng chỉ quốc tế CFAB của Viện Kế toán Công chứng Anh và xứ Wales (ICAEW)		7340302Q	A00, A01, D01, D96
28	**Tài chính ngân hàng** gồm 02 chuyên ngành: Tài chính ngân hàng; Tài chính doanh nghiệp	7340201	7340201C	A00, A01, D01, D96
29	**Quản trị kinh doanh** gồm 03 chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Quản trị nguồn nhân lực; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.	7340101	7340101C	A01, C01, D01, D96
30	Marketing	7340115	7340115C	A01, C01, D01, D96
31	**Nhóm ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** gồm 03 ngành: - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Quản trị khách sạn - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810103		A01, C01, D01, D96
32	Kinh doanh quốc tế	7340120	7340120C	A01, C01, D01, D96
33	Thương mại điện tử	7340122		A01, C01, D01, D90
34	Ngôn ngữ Anh	7220201		D01, D14, D15, D96
35	Luật kinh tế	7380107	7380107C	A00, C00, D01, D96
36	Luật quốc tế	7380108	7380108C	A00, C00, D01, D96
CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN LIÊN KẾT QUỐC TẾ 1+3, 2+2 VỚI ĐẠI HỌC ANGELO STATE UNIVERSITY (ASU) của HOA KỲ (Du học Mỹ)				
37	Quản trị kinh doanh		7340101K	A01, C01, D01, D96
38	Marketing		7340115K	A01, C01, D01, D96
39	Kế toán		7340301K	A00, A01, D01, D96
40	Tài chính ngân hàng		7340201K	A00, A01, D01, D96
41	Quản lý tài nguyên và môi trường		7850101K	B00, C02, D90, D96
42	Ngôn ngữ Anh		7220201K	D01, D14, D15, D96
43	Khoa học máy tính		7480101K	A00, A01, D01, D90
44	Kinh doanh quốc tế		7340120K	A01, C01, D01, D96

Ghi chú: CLC là ký hiệu chất lượng cao

Ngành xét tuyển Tại Phân Hiệu Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	A00, A01, C01, D90
2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	A00, A01, C01, D90
3	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	A00, A01, C01, D90
4	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, D01, D90
5	Kế toán	7340301	A00, A01, D01, D96
6	Quản trị kinh doanh	7340101	A01, C01, D01, D96

- Hình thức học (2+2): 2 năm đầu học tại Phân hiệu Quảng Ngãi - 2 năm tiếp theo học tập tại Trụ sở chính Tp.Hồ Chí Minh;

- Sinh viên học tập tại Phân hiệu Quảng Ngãi được hưởng mọi quyền lợi như sinh viên thuộc Trụ sở chính.

VI. Các tổ hợp 3 môn xét tuyển:

KHỐI	TỔ HỢP	KHỐI	TỔ HỢP
A00	Toán, Vật lý, Hóa học	C02	Toán, Ngữ văn, Hóa học
A01	Toán, Tiếng anh, Vật lý	C08	Ngữ văn, Hóa học, Sinh học
B00	Toán, Hóa học, Sinh học	D14	Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử
D01	Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh	D15	Ngữ Văn, Tiếng Anh, Địa lý
D07	Toán, Tiếng Anh, Hóa học	D90	Toán, Tiếng Anh, Khoa học tự nhiên
C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý	D96	Toán, Tiếng Anh, Khoa học xã hội
C01	Toán, Ngữ văn, Vật lý		

IV. Thông tin liên hệ

TRỤ SỞ CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: Số 12 Nguyễn Văn Bảo, Phường 4, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3895 5858; (028) 3985 1932; (028) 3985 1917
Email: tuyensinh@iuh.edu.vn; **Website**: www.tuyensinh.iuh.edu.vn

PHÂN HIỆU QUẢNG NGÃI: Số 938 Quang Trung, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
Điện thoại: (0255) 625 0075; (0255) 222 2135; 0916 222 135

Trích Nguồn: https://tuyensinh.iuh.edu.vn/



NHẬN NGAY 15 TRIỆU
Khi xét tuyển trước 30/4/2023

THỜI GIAN RÚT NGẮN
(3,5 năm)

HỌC NGAY TRUNG TÂM
(Q.1, Q.3, Q.10)

HỌC PHÍ TIẾT KIỆM

- Cơ hội nhận học bổng tài năng
- **TÀI TRỢ KHỞI NGHIỆP 30 triệu CHO NHỮNG SINH VIÊN TỐT NGHIỆP TRONG THỜI HẠN 3.5 NĂM**
- Trọn gói bao gồm Anh văn giao tiếp đạt kiểm định NEAS – Úc (duy nhất tại Việt Nam)
- Thẻ photo tài liệu học tập XỊN XÒ

TRẢ GÓP HỌC PHÍ LÃI SUẤT 0%

MSB

THÔNG TIN TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN

8 Nguyễn Văn Tráng, Q.1, TP.HCM
tuyensinh@hoasen.edu.vn

https://hoasen.edu.vn/tuyensinh
(+84) 28 7300 7272

NGÀNH/CHƯƠNG TRÌNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
Chương trình Quản lý Khách sạn - Nhà hàng Quốc tế Vatel *(Chương trình 100% tiếng Anh, nhận bằng từ Trường Quản lý khách sạn - Nhà hàng Quốc tế Vatel (Pháp) - Top 11 trường đào tạo Quản lý khách sạn tốt nhất thế giới và Top 1 tại Pháp)*		
Cử nhân Kế toán *(Nhận bằng từ ĐH De Montfort - Top 30 trường hàng đầu thế giới, top 15 trường ĐH Anh Quốc)*		
Cử nhân Marketing *(Nhận bằng từ ĐH De Montfort - Top 30 trường hàng đầu thế giới, top 15 trường ĐH Anh Quốc)*		
Cử nhân Kinh doanh Quốc tế *(Nhận bằng từ ĐH De Montfort - Top 30 trường hàng đầu thế giới, top 15 trường ĐH Anh Quốc)*		
Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01/D03, D09
Marketing	7340115	A00, A01, D01/D03, D09
Digital Marketing	7340114	A00, A01, D01/D03, D09
Quản trị nhân lực	7340404	A00, A01, D01/D03, D09
Kinh tế thể thao	7310113	A00, A01, D01/D03, D09
Kinh doanh quốc tế	7340120	A00, A01, D01/D03, D09
Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00, A01, D01/D03, D09
Thương mại điện tử	7340122	A00, A01, D01/D03, D09
Tài chính - Ngân hàng	7340201	A00, A01, D01/D03, D09
Kế toán	7340301	A00, A01, D01/D03, D09
Công nghệ tài chính	7340202	A00, A01, D01/D03, D09
Quản trị khách sạn	7810201	A00, A01, D01/D03, D09
Quản trị sự kiện	7340412	A00, A01, D01/D03, D09
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	A00, A01, D01/D03, D09
Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	A00, A01, D01/D03, D09
Quản trị công nghệ truyền thông	7340410	A00, A01, D01/D03, D09
Quan hệ công chúng	7320108	A00, A01, D01/D03, D09
Thiết kế đồ họa	7210403	A00, A01, D01/D03, D09
Thiết kế nội thất	7580108	A00, A01, D01/D03, D09
Thiết kế thời trang	7210404	A00, A01, D01/D03, D09
Nghệ thuật số	7210408	A00, A01, D01/D03, D09
Kỹ thuật phần mềm	7480103	A00, A01, D01/D03, D07
Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, D01/D03, D07
Trí tuệ nhân tạo	7480107	A00, A01, D01/D03, D07
Tâm lý học	7310401	A01, D01, D08, D09
Luật kinh tế	7380107	A00, A01, D01/D03, D09
Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, D09, D14, D15

THÔNG TIN TUYỂN SINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN
8 Nguyễn Văn Tráng, Q.1, TP.HCM
tuyensinh@hoasen.edu.vn
https://hoasen.edu.vn/tuyensinh
(+84) 28 7300 7272

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Mã Trường: DSG

Chỉ tiêu tuyển sinh, ngành và chuyên ngành xét tuyển năm 2023:

1. Chỉ tiêu tuyển sinh phân bố theo phương thức xét tuyển:

- 60% chỉ tiêu dành cho việc xét tuyển bằng học bạ theo ba phương thức;
- 35% chỉ tiêu dành cho việc xét bằng kết quả thi trung học phổ thông (THPT) năm 2023;
- 05% chỉ tiêu dành cho việc xét bằng kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (ĐGNL_ĐHQG TP.HCM) năm 2023.

2. Ngành, chuyên ngành xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến:

Lĩnh vực - ngành - chuyên ngành	Mã ngành	Tổng chỉ tiêu (dự kiến)	Phân bố chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến)				
			PT_01	PT_02	PT_03	PT_04	PT_05
			20%	20%	20%	35%	05%
Lĩnh vực Thiết kế, mỹ thuật							
Thiết kế công nghiệp (TKCN)	7210402	**274**	55	55	55	96	13
- Thiết kế Sản phẩm							
- Thiết kế Thời trang							
- Thiết kế Đồ họa							
- Thiết kế Nội thất							
Lĩnh vực Kinh tế, quản lý							
Quản trị kinh doanh (QTKD)	7340101	**907**	181	181	181	317	47
- Quản trị Kinh doanh Tổng hợp							
- Quản trị Tài chính							
- Quản trị Marketing							
- Quản trị Chuỗi cung ứng							
Lĩnh vực Kỹ thuật, công nghệ							
Công nghệ thông tin	7480201	**822**	164	164	164	288	42
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	**120**	24	24	24	42	6
- Công nghệ Cơ điện tử							
- Công nghệ Robot và trí tuệ nhân tạo							
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	**120**	24	24	24	42	6
- Điều khiển và tự động hóa							
- Điện công nghiệp và cung cấp điện							
Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông	7510302	**120**	24	24	24	42	6
- Điện tử Viễn thông							
- Mạng máy tính							
Công nghệ thực phẩm	7540101	**120**	24	24	24	42	6
- Công nghệ Thực phẩm							
- Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm							
Kỹ thuật xây dựng	7580201	**120**	24	24	24	42	6
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp							
- Quản lý xây dựng							
Tổng cộng		**2063**	**520**	**520**	**520**	**911**	**132**

3. Phương thức tuyển sinh: Có 05 phương thức xét tuyển

- **Phương thức 01:** Xét tuyển bằng học bạ THPT lấy điểm 3 học kỳ (Học kỳ 1, học kỳ 2 của năm lớp 11; và học kỳ 1 của năm lớp 12).
- **Phương thức 02:** Xét tuyển bằng học bạ THPT lấy điểm 5 học kỳ (Học kỳ 1 và học kỳ 2 của năm lớp 10; học kỳ 1 và học kỳ 2 của năm lớp 11; và học kỳ 1 của năm lớp 12).
- **Phương thức 03:** Xét tuyển bằng học bạ lớp 12 THPT lấy điểm trung bình cuối năm lớp 12 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển.
- **Phương thức 04:** Xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 lấy tổng điểm của 03 bài thi/môn thi thành phần trong tổ hợp xét tuyển.
- **Phương thức 05:** Xét tuyển bằng kết quả kỳ thi ĐGNL_ĐHQG TP.HCM năm 2023.

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Địa chỉ trụ sở chính: 180 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ văn phòng tuyển sinh: Phòng 105 Khu C - Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn
Địa chỉ trang thông tin địa chỉ của trường: http://www.stu.edu.vn/
Địa chỉ trang Tuyển sinh đại học: http://daotao2.stu.edu.vn/thongtintuyensinh/
Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 028.38505520 (số nội bộ: 106; 107; 109; 116, 115) Số điện thoại đường dây nóng: 0902.992306
Địa chỉ hộp thư điện tử (mail): + Mail phòng đào tạo: phongdaotao@stu.edu.vn.
+ Mail Văn phòng tuyển sinh: vpts@stu.edu.vn

Trích nguồn:
http://daotao2.stu.edu.vn/thongtintuyensinh/files/THONG%20BAO%20TUYEN%20SINH%20CHINH%20QUY%20NAM%202023_DAI%20HOC_SO%2001_WEB.pdf

PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TẠI TP. HCM

Mã Trường: GSA

1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương).

2. Phạm vi tuyển sinh: Trong cả nước.

3. Ngành xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và dự kiến chỉ tiêu: Tuyển sinh và đào tạo tại Phân hiệu tại TP.HCM: 1.500 chỉ tiêu

TT	Tên ngành	Mã ngành (Mã xét tuyển)	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu xét tuyển (dự kiến)			
				Theo KQ thi TNTHPT 2023 và tuyển thẳng	Theo kết quả học bạ THPT	Theo KQ kỳ thi ĐGNL của ĐHQG HCM 2023	Tổng
1	Quản trị kinh doanh	7340101	A00; A01; D01; C01	50	30	10	**90**
2	Kế toán	7340301	A00; A01; D01; C01	50	20	10	**80**
3	Tài chính ngân hàng	7340201	A00; A01; D01; C01	40	10	0	**50**
4	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00; A01; D01; C01	70	25	15	**110**
5	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	A00; A01; D01; C01	50	20	0	**70**
6	Khai thác vận tải	7840101	A00; A01; D01; C01	35	15	10	**60**
7	Kinh tế xây dựng	7580301	A00; A01; D01; C01	80	20	0	**100**
8	Quản lý xây dựng	7580302	A00; A01; D01; C01	40	10	0	**50**
9	Công nghệ thông tin	7480201	A00; A01; D07	60	15	15	**90**
10	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	A00; A01; D01; D07	25	15	10	**50**
11	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116	A00; A01; D01; D07	30	20	0	**50**
12	Kỹ thuật ô tô	7520130	A00; A01; D01; D07	60	15	15	**90**
13	Kỹ thuật điện	7520201	A00; A01; D01; C01	40	10	0	**50**
14	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	A00; A01; D01; C01	50	30	0	**80**
15	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	A00; A01; D01; C01	50	20	10	**80**
16	Kiến trúc	7580101	A00; A01; V00; V01	40	20	0	**60**
17	Kỹ thuật xây dựng	7580201	A00; A01; D01; D07	110	50	10	**170**
18	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	A00; A01; D01; D07	100	60	10	**170**

4. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo 4 phương thức

- **Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2023 và học sinh đoạt giải quốc gia, quốc tế.**
  + Sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 để xét tuyển. Điểm xét tuyển là tổng điểm 3 môn của tổ hợp đăng ký xét tuyển và điểm ưu tiên (nếu có).
  + Xét tuyển thẳng học sinh đoạt giải quốc gia, quốc tế. Cụ thể: Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào trường theo ngành phù hợp với môn thi.
  + **Phương thức 2: Xét tuyển bằng kết quả học bạ THPT:** Tuyển sinh và đào tạo tại Phân hiệu tại TP.HCM (mã GSA): Sử dụng kết quả học tập THPT để xét tuyển với hầu hết các ngành tuyển sinh. Thí sinh tốt nghiệp THPT có tổng điểm ba môn học trong tổ hợp xét tuyển (điểm trung bình lớp 10 cộng điểm trung bình lớp 11 cộng điểm trung bình học kỳ I lớp 12) cộng điểm ưu tiên (nếu có) từ ngưỡng điểm được nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trở lên (ngưỡng điểm được nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển vào từng ngành sẽ thông báo chi tiết sau), trong đó ba môn trong tổ hợp xét tuyển không có điểm trung bình môn nào dưới 5.50 điểm.
- **Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh,** áp dụng với một số ngành tuyển sinh và đào tạo tại Phân hiệu TP.HCM.
- **Phương thức 4:** Xét kết hợp chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 5.0 trở lên (còn hiệu lực đến ngày 30/6/2023) và tổng điểm hai môn học (môn Toán và 01 môn không phải Ngoại ngữ) trong tổ hợp xét tuyển (điểm trung bình lớp 10 cộng điểm trung bình lớp 11 cộng điểm trung bình lớp 12) cộng điểm ưu tiên (nếu có) đạt từ 15.00 điểm trở lên, áp dụng với một số ngành tuyển sinh và đào tạo tại Hà Nội. Ngưỡng điểm được nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển vào từng ngành sẽ thông báo chi tiết sau. Khi tính tổng điểm xét tuyển, sử dụng quy đổi điểm từ chứng chỉ IELTS theo bảng dưới đây:

TT	Điểm IELTS	Quy đổi sang điểm tiếng Anh để xét tuyển đại học
1	5.0	8.0
2	5.5	9.0
3	6.0	10.0
4	6.5	11.0
5	7.0	12.0
6	7.5	13.0
7	Từ 8.0 trở lên	14.0

Ghi chú:

- Các môn của Tổ hợp xét tuyển A00: Toán, Vật lí, Hóa học; A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh; B00: Toán, Hóa học, Sinh học; C01: Toán, Ngữ văn, Vật lí; D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh; V00: Toán, Vật lí, Vẽ mỹ thuật; V01: Toán, Ngữ văn, Vẽ mỹ thuật;

- Nhà trường sẽ có Thông báo chi tiết kèm theo hướng dẫn cách nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển của từng phương thức xét tuyển trên website tuyển sinh của Trường tại địa chỉ: tuyensinh.utc2.edu.vn (tuyển sinh và đào tạo tại Phân hiệu TP. HCM, mã GSA).

Thông tin liên hệ: PHÂN HIỆU TẠI TP. HCM
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
Địa chỉ: Số 450 Lê Văn Việt, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.38962819
Website: utc2.edu.vn; tuyensinh.utc2.edu.vn, **Fanpage**: https://www.facebook.com/utc2hcmc

Trích Nguồn:
https://tuyensinh.utc.edu.vn/sites/ts.utc.edu.vn/files/TB%20s%E1%BB%91%20184%20v%E1%BB%81%20Tuy%E1%BB%83n%20sinh%20%C4%90HCQ%20n%C4%83m%202023.pdf

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC TP.HCM

Mã Trường: DNT
Phương thức xét tuyển:
- Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023
- Xét kết quả học bạ HK2 lớp 11 và HK1 lớp 12
- Xét kết quả học bạ lớp 12
- Xét kết quả thi ĐGNL của ĐHQG TP.HCM

Các ngành đào tạo

STT	Mã ngành	Ngành học & Chuyên ngành	Tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi THPT hoặc theo học bạ
1	7220201	**Ngôn ngữ Anh** Biên - Phiên dịch; Nghiệp vụ văn phòng; Tiếng Anh thương mại; Sư phạm; Song ngữ Anh - Trung; Tiếng Anh Logistics	A01, D01, D14, D15
2	7220204	**Ngôn ngữ Trung Quốc** Nghiệp vụ văn phòng; Tiếng trung thương mại; Song ngữ Trung - Anh	A01, D01, D04, D14
3	7310608	**Đông phương học** Nhật Bản học; Hàn Quốc học	D01, D06, D14, D15
4	7480201	**Công nghệ thông tin** Hệ thống thông tin; Khoa học dữ liệu; An ninh mạng; Công nghệ phần mềm	A00, A01, D01, D07
5	7380107	**Luật kinh tế** Luật Kinh doanh; Luật Thương mại quốc tế; Luật Tài chính - Ngân hàng	A01, D01, D15, D66
6	7380101	**Luật** *(Mới)* Luật dân sự; Luật hình sự	A01, C00, D01, D66
7	7340101	**Quản trị kinh doanh** Marketing; Quản trị nguồn nhân lực	A01, D01, D07, D11
8	7340120	**Kinh doanh quốc tế**	A01 D01 D07 D11
9	7810103	**Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**	A01 D01 D14 D15
10	7810201	**Quản trị khách sạn**	A01 D01 D14 D15
11	7310206	**Quan hệ quốc tế** Ngoại giao đa phương; Truyền thông quốc tế	A01, D01, D14, D15
12	7340201	**Tài chính - Ngân hàng**	A01, D01, D07, D11
13	7340301	**Kế toán**	A01, D01, D07, D11
14	7220210	**Ngôn ngữ Hàn Quốc** *(Dự kiến)*	D01, D10, D14, D15
15	7220209	**Ngôn ngữ Nhật** *(Dự kiến)*	D01, D06, D14, D15
16	7340122	**Thương mại điện tử** *(Dự kiến)*	A00, A01, D01, D07
17	7510605	**Logistics và quản lý chuỗi cung ứng** *(Dự kiến)*	A01, D01, D07, D11
18	7320108	**Quan hệ công chúng** *(Dự kiến)*	A01, D01, D14, D15
19	7340302	**Kiểm toán** *(Dự kiến)*	A01, D01, D07, D11

****Các ngành sử dụng môn Tiếng Anh là môn xét tuyển chính (nhân hệ số 2):** Ngôn ngữ Anh, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Quan hệ quốc tế, Quan hệ công chúng, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn.

A00: Toán, Lý, Hóa; D07: Toán, Hóa, Anh; D66: Văn, GDCD, Anh; D01: Văn, Toán, Anh; D11: Văn, Lý, Anh
C00: Văn, Sử, Địa; D14: Văn, Sử, Anh; A01: Toán, Lý, Anh; D06: Toán, Văn, Nhật; D15: Văn, Địa, Anh
D04: Toán, Văn, Trung

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TP. HCM
Cơ sở Sư Vạn Hạnh: 828 Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Hotline: 1900 2800 - **Zalo**: 0965876700 - **Email**: tuyensinh@huflit.edu.vn
Website: https://huflit.edu.vn/ - **Website thông tin tuyển sinh:** https://thongtintuyensinh.huflit.edu.vn

Trích Nguồn:
https://thongtintuyensinh.huflit.edu.vn/?fbclid=IwAR2ShEXXzS75E2tJxTyqMtM8e5c8Zi7i8IfNLjPRqb8RkdQbSpM6gx41C3U

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

Mã Trường: DTT

Năm 2023, Trường Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU) dự kiến tuyển sinh khoảng 6.000 chỉ tiêu trình độ đại học cho 39 ngành Chương trình tiêu chuẩn, 19 ngành Chương trình chất lượng cao, 12 ngành Chương trình đại học bằng tiếng Anh, 07 ngành chương trình học tại phân hiệu Khánh Hòa và 10 ngành Chương trình liên kết đào tạo quốc tế

1. Đối tượng tuyển sinh: tất cả thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (thí sinh Việt Nam hoặc nước ngoài)

2. Phương thức tuyển sinh năm 2023

2.1. Phương thức 1: Xét theo kết quả quá trình học tập bậc THPT – Mã phương thức 200

2.2. Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi THPT năm 2023 – Mã phương thức 100

2.3. Phương thức 3: Xét tuyển thẳng, Ưu tiên xét tuyển theo quy định của TDTU – Mã phương thức 303

2.4. Phương thức 4: Xét tuyển theo kết quả bài thi đánh giá năng lực năm 2023 của Đại học Quốc gia TP.HCM – Mã phương thức 402

2.5. Phương thức xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD&ĐT – Mã phương thức 301: Thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT

3. Dự kiến - danh mục ngành/mã ngành tuyển sinh đại học năm 2023

TT	Tên ngành /chuyên ngành	Mã ngành/ chuyên ngành
	A. CHƯƠNG TRÌNH TIÊU CHUẨN	
1	Ngôn ngữ Anh	7220201
2	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và lữ hành)	7310630
3	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và quản lý du lịch)	7310630Q
4	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nguồn nhân lực)	7340101
5	Marketing	7340115
6	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn)	7340101N
7	Kinh doanh quốc tế	7340120
8	Tài chính - Ngân hàng	7340201
9	Kế toán	7340301
10	Luật	7380101
11	Dược học	7720201
12	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204
13	Công nghệ sinh học	7420201
14	Kỹ thuật hóa học	7520301
15	Khoa học máy tính	7480101
16	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7480102
17	Kỹ thuật phần mềm	7480103
18	Kỹ thuật điện	7520201
19	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207
20	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216
21	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114
22	Kỹ thuật xây dựng	7580201
23	Kiến trúc	7580101
24	Thiết kế đồ họa	7210403
25	Thiết kế thời trang	7210404
26	Thiết kế nội thất	7580108
27	Quan hệ lao động (Chuyên ngành Quản lý quan hệ lao động, Chuyên ngành Hành vi tổ chức)	7340408
28	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện)	7810301
29	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Golf)	7810301G
30	Xã hội học	7310301
31	Công tác xã hội	7760101
32	Bảo hộ lao động	7850201
33	Công nghệ kỹ thuật môi trường (Chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường nước)	7510406
34	Khoa học môi trường	7440301
35	Toán ứng dụng	7460112
36	Thống kê	7460201
37	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105
38	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205
39	Việt Nam học (Chuyên ngành: Việt ngữ học và văn hóa xã hội Việt Nam) - *Xét tuyển thẳng người nước ngoài*	7310630N
	B. CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO	
1	Ngôn ngữ Anh - *Chất lượng cao*	F7220201
2	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và Quản lý du lịch) - *Chất lượng cao*	F7310630Q
3	Quản trị kinh doanh *(Chuyên ngành: Quản trị nguồn nhân lực) - Chất lượng cao*	F7340101
4	Marketing - *Chất lượng cao*	F7340115
5	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - *Chất lượng cao*	F7340101N
6	Kinh doanh quốc tế - *Chất lượng cao*	F7340120
7	Tài chính - Ngân hàng - *Chất lượng cao*	F7340201
8	Kế toán - *Chất lượng cao*	F7340301
9	Luật - *Chất lượng cao*	F7380101
10	Công nghệ sinh học - *Chất lượng cao*	F7420201
11	Khoa học máy tính - *Chất lượng cao*	F7480101

12	Kỹ thuật phần mềm - *Chất lượng cao*	F7480103
13	Kỹ thuật điện - *Chất lượng cao*	F7520201
14	Kỹ thuật điện tử - viễn thông - *Chất lượng cao*	F7520207
15	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - *Chất lượng cao*	F7520216
16	Kỹ thuật xây dựng - *Chất lượng cao*	F7580201
17	Thiết kế đồ họa - *Chất lượng cao*	F7210403
18	Kiến trúc - *Chất lượng cao*	F7580101
19	Kỹ thuật hóa học - *Chất lượng cao*	F7520301
C. CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC BẰNG TIẾNG ANH **Là chương trình chất lượng cao giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh nhằm đào tạo công dân toàn cầu; có thể làm việc hoặc học tập lên cao hơn trên toàn thế giới ngay sau khi tốt nghiệp.**		
1	Ngôn ngữ Anh - *Chương trình đại học bằng tiếng Anh*	FA7220201
2	Marketing - *Chương trình đại học bằng tiếng Anh*	FA7340115
3	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - *Chương trình đại học bằng tiếng Anh*	FA7340101N
4	Kinh doanh quốc tế - *Chương trình đại học bằng tiếng Anh*	FA7340120
5	Công nghệ sinh học - *Chương trình đại học bằng tiếng Anh*	FA7420201
6	Khoa học máy tính - *Chương trình đại học bằng tiếng Anh*	FA7480101
7	Kỹ thuật phần mềm -*Chương trình đại học bằng tiếng Anh*	FA7480103
8	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - *Chương trình đại học bằng tiếng Anh*	FA7520216
9	Kỹ thuật xây dựng - *Chương trình đại học bằng tiếng Anh*	FA7580201
10	Kế toán (Chuyên ngành: Kế toán quốc tế) - *Chương trình đại học bằng tiếng Anh*	FA7340301
11	Tài chính ngân hàng - *Chương trình đại học bằng tiếng Anh*	FA7340201
12	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và Quản lý du lịch) - *Chương trình đại học bằng tiếng Anh*	FA7310630Q
D. CHƯƠNG TRÌNH HỌC TẠI PHÂN HIỆU KHÁNH HÒA *Sinh viên nhập học chương trình này sẽ học toàn khóa học tại Phân hiệu TDTU tỉnh Khánh Hòa*		
1	Ngôn ngữ Anh - *Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa*	N7220201
2	Marketing - *Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa*	N7340115
3	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - *Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa*	N7340101N
4	Kế toán - *Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa*	N7340301
5	Luật - *Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa*	N7380101
6	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và lữ hành) - *Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa*	N7310630
7	Kỹ thuật phần mềm - *Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa*	N7480103
E. CÁC CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ **a)** *Là chương trình giáo dục hợp tác giữa Trường Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU) với các đại học uy tín trên thế giới. Người học sẽ học giai đoạn I từ 2-3 năm tại TDTU, thời gian còn lại (từ 1-2 năm) sẽ học tại các Đại học uy tín nước ngoài.* Người học có cơ hội nhận được bằng tốt nghiệp của Trường nước ngoài và nhận thêm bằng đại học do TDTU cấp nếu học chương trình song bằng. **b) Yêu cầu về tiếng Anh đầu vào**: -Thí sinh phải đạt trình độ tiếng Anh đầu vào từ B2 trở lên hoặc tương đương để được công nhận trúng tuyển vào chương trình chính thức. Thí sinh có thể nộp chứng chỉ IELTS 5.5 *(có giá trị từ ngày 01/10/2021 và còn giá trị đến ngày 01/10/2023)* hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương để xét tiếng Anh đầu vào; hoặc phải dự thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu khóa bằng hệ thống đánh giá năng lực tiếng Anh theo chuẩn quốc tế của TDTU để được xác nhận đủ điều kiện tiếng Anh theo học chương trình.		
1	Quản trị kinh doanh (song bằng 2+2) – *Chương trình liên kết Đại học kinh tế Praha (Cộng Hòa Séc).*	K7340101
2	Quản trị nhà hàng khách sạn (song bằng 2,5+1,5) – *Chương trình liên kết Đại học Taylor's (Malaysia)*	K7340101N
3	Tài chính và kiểm soát (song bằng 3+1) - *Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)*	K7340201X
4	Kế toán (song bằng 3+1) – *Chương trình liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương Quốc Anh)*	K7340301
5	Kỹ thuật điện – điện tử (song bằng 2,5+1,5) – *Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)*	K7520201
6	Kỹ thuật xây dựng (song bằng 2+2) - *Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc)*	K7580201
7	Công nghệ thông tin (song bằng 2+2) – *Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc)*	K7480101L
8	Kinh doanh quốc tế (Song bằng 3 +1) – *Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc)*	K7340120L
9	Quản trị kinh doanh quốc tế (đơn bằng 3+1) - *Chương trình liên kết Đại học khoa học và công nghệ Lunghwa (Đài Loan)*	K7340120
10	Khoa học máy tính (đơn bằng 2+2) - *Chương trình liên kết Đại học Kỹ thuật Ostrava (CH Séc)*	K7480101T

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG
Địa chỉ: Số 19 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Hotline: 19002024 - **Email:** tuvantuyensinh@tdtu.edu.vn

ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG - PHÂN HIỆU KHÁNH HÒA
Địa chỉ: Số 22 Nguyễn Đình Chiểu, P. Vĩnh Phước, TP. Nha Trang
Số điện thoại: 0258 383 7485 - **Email:** khanhhoa@tdtu.edu.vn

Trích Nguồn: https://admission.tdtu.edu.vn/dai-hoc/tuyen-sinh/phuong-thuc-2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM

Mã Trường: DCT

1. Phương thức tuyển sinh:

- **Phương thức 1: xét tuyển thí sinh theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023 theo các tổ hợp môn xét tuyển từng ngành học.**
  + Trường dành khoảng 50% - 60% chỉ tiêu cho phương thức xét tuyển này, theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
  + **Nguyên tắc xét tuyển:** xét tuyển từ cao trở xuống đến khi đủ chỉ tiêu. Trường hợp xét tuyển đến một mức điểm nhất định vẫn còn chỉ tiêu nhưng số thí sinh cùng bằng điểm cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại, thực hiện xét tuyển theo các tiêu chí phụ sau:
  + **Tiêu chí phụ:** thí sinh có điểm thi môn Toán (hoặc môn Ngữ văn đối với tổ hợp D15) cao hơn sẽ trúng tuyển, riêng 2 ngành Ngôn ngữ Anh và Ngôn ngữ Trung Quốc là môn Tiếng Anh.
- **Phương thức 2: xét tuyển học bạ THPT của lớp 10, 11 và của học kỳ 1 lớp 12.**
  + Trường dành khoảng 20% - 30% chỉ tiêu cho phương thức xét tuyển này.
  + **Điều kiện xét tuyển:**
    - Tốt nghiệp THPT;
    - Trung bình cộng của tổ hợp môn xét tuyển, ứng với từng ngành xét tuyển của 3 năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 20 điểm trở lên.
  + **Nguyên tắc xét tuyển:** xét tuyển từ cao trở xuống đến đủ chỉ tiêu. Trường hợp xét tuyển đến một mức điểm nhất định vẫn còn chỉ tiêu nhưng số thí sinh cùng bằng điểm cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại, thực hiện xét tuyển theo các tiêu chí phụ sau:
  + **Tiêu chí phụ:** thí sinh có điểm thi môn Toán (hoặc môn Ngữ văn đối với tổ hợp D15) cao hơn sẽ trúng tuyển, riêng 2 ngành Ngôn ngữ Anh và Ngôn ngữ Trung Quốc là môn Tiếng Anh.

Lưu ý:

- *Đối với ngành Ngôn ngữ Anh: nếu thí sinh có điểm TOEIC >= 600, chứng chỉ IELTS >=5.5, Chứng chỉ VSTEP bậc 4 trở lên thì được quy điểm xét môn Tiếng Anh là 10.0 điểm.*
- *Đối với ngành Ngôn ngữ Trung Quốc: nếu thí sinh có điểm HSK 4 (>240 điểm) hoặc TOEIC >=500, chứng chỉ IELTS >=4.5, Chứng chỉ VSTEP bậc 3 trở lên thì được quy điểm xét môn Tiếng Anh là 10.0 điểm.*
- *Đối với các ngành còn lại: nếu thí sinh có điểm TOEIC >=500, IELTS >=4.5, Chứng chỉ VSTEP bậc 3 trở lên thì được quy điểm xét môn Tiếng Anh là 10.0 điểm.*

- **Phương thức 3: xét tuyển thí sinh theo kết quả điểm bài thi ĐGNL ĐHQG-HCM năm 2023.**
  + Trường dành khoảng 10% - 15% chỉ tiêu cho phương thức xét tuyển này.
  + **Điều kiện xét tuyển:** điểm bài thi đánh giá năng lực ĐHQG - HCM từ 700 điểm trở lên đối với các ngành Công nghệ thực phẩm, Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin và Marketing; 650 điểm cho các ngành: Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc, Kinh doanh quốc tế, Kế toán; 600 điểm cho các ngành còn lại.
- **Phương thức 4: Xét tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển thẳng.**
  + Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục & Đào tạo hiện hành hoặc ưu tiên xét tuyển thẳng dành cho các thí sinh có học lực xếp loại giỏi các năm lớp 10, lớp 11, học kì I lớp 12 và điểm trung bình cộng môn Anh văn của năm lớp 10, lớp 11 và học kì I lớp 12 đạt từ 8.0 trở lên.
  + Trường dành khoảng 5% - 10% chỉ tiêu cho phương thức xét tuyển này.

2. Danh sách ngành tuyển sinh

TT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	Công nghệ thực phẩm	7540101	A00, A01, D07, B00
2	Đảm bảo chất lượng & ATTP	7540110	A00, A01, D07, B00
3	Công nghệ chế biến thủy sản	7540105	A00, A01, D07, B00
4	Quản trị kinh doanh thực phẩm	7340129	A00, A01, D01, D10
5	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01, D10
6	Kinh doanh quốc tế	7340120	A00, A01, D01, D10
7	Marketing	7340115	A00, A01, D01, D10
8	Thương mại điện tử	7340122	A00, A01, D01, D10
9	Kế toán	7340301	A00, A01, D01, D10
10	Tài chính ngân hàng	7340201	A00, A01, D01, D10
11	Công nghệ tài chính	7340205	A00, A01, D01, D07
12	Luật	7380101	A00, A01, D01, D15
13	Luật kinh tế	7380107	A00, A01, D01, D15
14	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	A00, A01, D07, B00
15	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	A00, A01, D07, B00
16	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	A00, A01, D07, B00
17	Công nghệ sinh học	7420201	A00, A01, D07, B00
18	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, D01, D07
19	An toàn thông tin	7480202	A00, A01, D01, D07
20	Khoa học dữ liệu	7460108	A00, A01, D01, D07
21	Kinh doanh thời trang và Dệt may	7340123	A00, A01, D01, D10
22	Công nghệ dệt, may	7540204	A00, A01, D01, D07
23	Công nghệ chế tạo máy	7510202	A00, A01, D01, D07
24	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	A00, A01, D01, D07
25	Kỹ thuật Nhiệt	7520115	A00, A01, D01, D07
26	Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử	7510301	A00, A01, D01, D07
27	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	A00, A01, D01, D07
28	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực	7819009	A00, A01, D07, B00
29	Khoa học chế biến món ăn	7819010	A00, A01, D07, B00

30	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	A00, A01, D01, D15
31	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	A00, A01, D01, D15
32	Quản trị khách sạn	7810201	A00, A01, D01, D15
33	Ngôn ngữ Anh	7220201	A01, D01, D09, D10
34	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	A01, D01, D09, D10

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM
Địa chỉ: 140 Lê Trọng Tấn, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3816 1673 - 124 hoặc (028) 6270 6275 - **Hotline:** 096 205 1080 - **Website:** http://ts.hufi.edu.vn

Trích Nguồn: https://ts.hufi.edu.vn/tin-tuyen-sinh/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-nam-2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Mã Trường: NHS

1. Tổng chỉ tiêu tuyển sinh: 3636 (Chưa bao gồm chỉ tiêu ĐHCQ Quốc tế do đối tác cấp bằng)
2. Các ngành, chương trình đào tạo và phân bổ chỉ tiêu theo phương thức tuyển sinh:

STT	Chương trình, Ngành đào tạo	Mã ĐKXT	Tổng chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp môn và chỉ tiêu phân bổ cho các phương thức tuyển sinh		
				Phương thức 2 Tổng hợp	Phương thức 3 ĐGNL của HUB	Phương thức 4 Điểm thi tốt nghiệp THPT
A	**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHẤT LƯỢNG CAO**					
	1. Ngành Tài chính- Ngân hang (Chương trình định hướng công nghệ tài chính và chuyển đổi số) **2. Ngành Kế toán** (Chương trình định hướng Digital Accounting) **3. Ngành Quản trị kinh doanh** (Chương trình định hướng E.Business)	**7340001**	**1560**	A00, A01, D01, D07 60-70%	0%	A00, A01, D07 Chỉ tiêu còn lại
B	**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY QUỐC TẾ CẤP SONG BẰNG**					
	Ngành Quản trị kinh doanh - Chương trình Quản trị kinh doanh - Chương trình Quản trị chuỗi cung ứng - Chương trình Marketing - Chương trình Tài chính (do ĐH Bolton (Anh Quốc) và HUB mỗi bên cấp bằng cử nhân)	**7340002**	**80**	A00, A01, DO1, DO7 80 - 85%	0%	A00, A01, D07 Chỉ tiêu còn lại
C	**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHUẨN**					
1	**Ngành Tài chính - Ngân hàng** - Chương trình Tài chính - Chương trình Ngân hàng - Chương trình Công nghệ Tài chính - Chương trình Tài chính định lượng và quản trị rủi ro - Chương trình Tài chính và Quản trị doanh nghiệp	**7340201**	**480**	0%	A00, A01, A04, A05 10-15%	A00, A01, D01, D07 85-90%
2	**Ngành Quản trị kinh doanh** - Chương trình Quản trị kinh doanh - Chương trình Digital Marketing - Chương trình Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	**7340101**	**226**	0%	A00, A01, D09, D10 10-15%	A00, A01, D01, D07 85-90%
3	**Ngành Kế toán** **Chương trình Kế toán Kiểm toán**	**7340301**	**150**	0%	A00, A01, A04, A05 10-15%	A00, A01, D01, D07 85-90%
4	**Ngành Kinh tế quốc tế** - Chương trình Kinh tế quốc tế - Chương trình Kinh doanh quốc tế - Chương trình Kinh tế và kinh doanh số	**7310106**	**300**	0%	A01, D07, D09, D10 10-15%	A00, A01, D01, D07 85-90%
5	**Ngành Luật kinh tế**	**7380107**	**240**	0%	A01, A03, A07, D09 10-15%	A00, A01, D01, D07 85 -90%
6	**Ngành Hệ thống thông tin quản lý** - Chương trình Hệ thống thông tin kinh doanh và chuyển đổi số - Chương trình Quản trị thương mại điện tử - Chương trình Khoa học dữ liệu trong kinh doanh	**7340405**	**300**	0%	A00, A01, A04, A05 10-15%	A00, A01, D01, D07 85-90%
7	**Ngành Ngôn ngữ Anh** - Chương trình Tiếng Anh thương mại	**7220201**	**300**	0%	A01, D07, D09, D10	A01, D01, D14, D15

	- Chương trình Song ngữ Anh - Trung				(Tiếng Anh nhân hệ số 2) 10-15%	(Tiếng Anh nhân hệ số 2) 85-90%
D	**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY QUỐC TẾ DO ĐỐI TÁC CẤP BẰNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN PATHWAY**					
1	**Chương trình đại học chính quy quốc tế do đối tác cấp bằng** **Ngành Quản trị kinh doanh** - Chương trình Quản trị kinh doanh - Chương trình Quản trị Chuỗi cung ứng - Chương trình Marketing - Chương trình Tài chính (Do ĐH Bolton - Anh Quốc cấp bằng)		**280**	Toàn bộ chỉ tiêu Chương trình ĐHCQ Quốc tế do đối tác cấp bằng và cử nhân Pathway áp dụng Phương thức 5 xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn		
2	**Chương trình cử nhân Pathway** Giai đoạn 1 - Học tại HUB Giai đoạn 2 - Học tại nước ngoài: Sinh viên chọn một trong các Đại học liên kết với HUB		**40**			

Ghi chú:

Ký hiệu các tổ hợp môn:

A00: Toán, Vật lý, Hoá học	**A01**: Toán, Vật lý, Tiếng Anh
A03: Toán, Vật lí, Lịch sử	**A04:** Toán, Vật lí, Địa lí
A05: Toán, Hóa học, Lịch sử	**A07:** Toán, Lịch sử, Địa lí
D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	**D07:** Toán, Hóa học, Tiếng Anh
D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	**D10:** Toán, Địa lí, Tiếng Anh
D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	**D15**: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	

3. Các phương thức xét tuyển

3.1. Phương thức 1: **Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

- **Điều kiện đăng ký xét tuyển:** Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo tại Điều 8 của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 và các quy định của Trường về xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển tại Đề án tuyển sinh năm 2023.

3.2. Phương thức 2: Phương thức xét tuyển tổng hợp. Phương thức xét tuyển tổng hợp của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM (Phương thức 2) là phương thức xét tuyển kết quả học tập và thành tích bậc THPT của thí sinh. Được quy định cụ thể như sau:

- **Điều kiện đăng ký xét tuyển:** Thí sinh tốt nghiệp THPT vào các năm 2021, 2022, 2023 và thỏa các điều kiện sau:
  + Học sinh có điểm trung bình học tập học kỳ 1, học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6.5 trở lên;
  + Điểm quy đổi xét tuyển theo trung bình tổ hợp môn đăng ký HK1 - Lớp 11, HK2 - lớp 11 và HK1 - lớp 12 đạt từ 72 trở lên (không bao gồm bao gồm điểm ưu tiên đối tượng, khu vực và điểm quy đổi theo tiêu chí khác).

3.3. Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh năm 2023

- **Điều kiện đăng ký xét tuyển:**
  + Học sinh tham gia kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh tổ chức năm 2023 và tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT; Có điểm trung bình học tập HK1, HK2 năm lớp 11 và HK1 năm lớp 12 đạt từ 6.5 trở lên.
  + Trường sẽ thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào khi có phổ điểm kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Ngân hàng TP. HCM tổ chức năm 2023 trên trang tuyển sinh của Trường www.tuyensinh.hub.edu.vn.
  + Thí sinh xem lịch thi Đánh giá năng lực do Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh tổ chức trên các kênh thông tin của Trường và Website của Trung tâm Ngoại ngữ Tin học thuộc Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh: https://flic.edu.vn/
- **Nguyên tắc xét tuyển:**
  + Thí sinh được đăng ký tối đa 04 nguyện vọng, các nguyện vọng được xét bình đẳng với nhau; trường hợp thí sinh đủ điểm trúng tuyển nhiều nguyện vọng thí sinh cũng chỉ được công nhận trúng tuyển 01 nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất;
  + Điểm xét tuyển là tổng điểm thí sinh đạt được trong kỳ thi đánh giá năng lực năm 2023 (theo quy định của Đại học Ngân hàng TP.HCM) cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có); xét từ điểm cao xuống thấp và đến khi đủ chỉ tiêu. Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực được quy đổi theo thang điểm tương ứng; và được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GDĐT hiện hành.
  + Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, Trường áp dụng tiêu chí phụ là điểm trung bình cộng điểm học tập của học kỳ 1 năm lớp 12.
  + Thí sinh được tham gia nhiều đợt thi đánh giá năng lực của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM. Kết quả thi của các đợt thi trong năm chỉ được xét tuyển vào đúng năm tuyển sinh và đúng thời gian quy định nhận hồ sơ xét tuyển đại học theo phương thức này.

3.4. Phương thức 4: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT

- **Đối tượng**
  + Có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023.
  + Ngưỡng điểm đảm bảo đầu vào dự kiến: 18. Trường sẽ thông báo thay đổi ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào đối với từng ngành xét tuyển (nếu có) sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 trên trang tuyển sinh của Trường www.tuyensinh.hub.edu.vn và theo lịch chung của Bộ GD&ĐT.

3.5. Phương thức 5: Phương thức xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn (Áp dụng cho chương trình ĐHCQ quốc tế do đối tác cấp bằng và cử nhân Pathway)

- **Đối tượng:** Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH
Chương trình đại học chính quy (Bao gồm ĐHCQ chuẩn, ĐHCQ chất lượng cao, ĐHCQ Quốc tế song bằng)
Phòng Tư vấn Tuyển sinh & Phát triển Thương hiệu
Địa chỉ:
- Tầng trệt, 36 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Tầng trệt, Nhà Hiệu bộ - 56 Hoàng Diệu 2 - Phường Linh Chiểu - TP. Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028. 38211704 - 028. 38212430 - (028) 38.971.638 - (028)38971652
Hotline chương trình ĐHCQ chuẩn: 0888 35 34 88
Website: http://tuyensinh.hub.edu.vn/ - http://clc.hub.edu.vn (Chương trình chất lượng cao)
http://saigonisb.hub.edu.vn/cunhan (Chương trình quốc tế song bằng)
Email: tuvantuyensinh@hub.edu.vn - **Facebook:** https://www.facebook.com/tuyensinhdaihocnganhang/ - **Youtube:** HUB Channel

Trích Nguồn: https://hub.edu.vn/tin-tuc-su-kien/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2023-truong-dai-hoc-ngan-hang-tp-hcm-du-kien-103606.html

PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

Mã Trường: TLS

Phân hiệu trường Đại học Thủy lợi thông báo dự kiến tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2023 như sau:

1. Ngành và chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã tuyển sinh	Tên ngành/Nhóm ngành	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu
1	TLS101	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	A00, A01, D01, D07	50
2	TLS102	Kỹ thuật tài nguyên nước (Quy hoạch, thiết kế và quản lý công trình thủy lợi)	A00, A01, D01, D07	40
3	TLS107	Kỹ thuật cấp thoát nước	A00, A01, D01, D07	50
4	TLS110	Xây dựng và quản lý hạ tầng đô thị (Kỹ thuật cơ sở hạ tầng)	A00, A01, D01, D07	60
5	TLS104	Kỹ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp (Kỹ thuật xây dựng)	A00, A01, D01, D07	80
6	TLS113	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		
7	TLS111	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	A00, A01, D01, D07	70
8	TLS114	Quản lý xây dựng		
9	TLS106	Công nghệ thông tin	A00, A01, D01, D07	70
10	TLS126	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	A00, A01, D01, D07	80
11	TLS402	Quản trị kinh doanh	A00, A01, D01, D07	80
12	TLS403	Kế toán	A00, A01, D01, D07	70
13	TLS407	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	A00, A01, D01, D07	70
14	TLS405	Thương mại điện tử	A00, A01, D01, D07	80
15	TLS203	Ngôn ngữ Anh	A01, D01, D07, D08	50
Tổng chỉ tiêu				**850**

Ghi chú mã tổ hợp xét tuyển:

Mã tổ hợp	Danh sách môn	Mã tổ hợp	Danh sách môn
A00	Toán, Vật lý, Hóa học	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh
D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh		

2. Phương thức xét tuyển

- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Phương thức 2: Ưu tiên xét tuyển kết hợp với kết quả học THPT cho các đối tượng: Học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố; học sinh học tại các trường chuyên (đối với các môn trong tổ hợp xét tuyển); học sinh có học lực xếp loại giỏi 3 năm lớp 10, 11, 12; chứng chỉ tiếng Anh quốc tế với kết quả học tập THPT (chi tiết sẽ công bố trong Đề án tuyển sinh 2023);
- Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả học THPT (chi tiết sẽ công bố trong Đề án tuyển sinh 2023);
- Phương thức 4: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023.

Thông tin liên hệ: PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI
Tại Tp. Hồ Chí Minh:
Địa chỉ: Số 2 Trường Sa, P.17, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84).28.38400532 - **Fax:** (84).28.38400542 - **Email**: phanhieu@tlu.edu.vn
Tại tỉnh Bình Dương:
Địa chỉ: P. An Thạnh, Tp. Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: (84).274.3748620 - Fax:(84).274.3833489 - **Email:** phanhieu@tlu.edu.vn

Trích Nguồn: https://tlus.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh-he-dai-hoc-chinh-quy-phan-hieu-truong-dai-hoc-thuy-loi-nam-2023/

TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT

Mã Trường: FPT

1. Đối tượng tuyển sinh: Các thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương tính đến thời điểm nhập học, có nguyện vọng theo học tại Trường Đại học FPT.

2. Ngành đào tạo

Ngành	Mã ngành	Chuyên Ngành	Chỉ tiêu
Quản trị kinh doanh	7340101	1. Digital Marketing	7880
		2. Kinh doanh quốc tế	
		3. Quản trị khách sạn	
		4. Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành	
		5. Quản trị truyền thông đa phương tiện	
		6. Tài chính	
Công nghệ thông tin	7480201	7. Kỹ thuật phần mềm	11360
		8. Hệ thống thông tin	
		9. Trí tuệ nhân tạo	
		10. Thiết kế Mỹ thuật số	
		11. An toàn thông tin	
Ngôn ngữ Anh	7220201	12. Ngôn ngữ Anh - Anh; Ngôn ngữ Anh - Trung	840
Ngôn ngữ Nhật	7220209	13. Ngôn ngữ Nhật	
Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	14. Ngôn ngữ Hàn Quốc	

3. Phương thức tuyển sinh

TT	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện trúng tuyển
1	Xét kết quả xếp hạng học sinh THPT năm 2023 (chứng nhận thực hiện trên trang http://SchoolRank.fpt.edu.vn)	1.1. Đạt xếp hạng Top40 theo học bạ THPT năm 2023
		1.2. Đạt xếp hạng Top40 theo điểm thi THPT năm 2023 (theo số liệu Đại học FPT tổng hợp và công bố sau kỳ thi THPT 2023)
		1.3. Ưu tiên cho Thế hệ 1 (*): Đạt xếp hạng Top50 SchoolRank năm 2023 đối với thí sinh là Thế hệ 1
2	Xét tuyển thẳng	2.1. Thí sinh thuộc diện được xét tuyển thẳng trong Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ đại học chính quy của Bộ GD&ĐT năm 2023
		2.2. Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 80 hoặc IELTS (Học thuật) từ 6.0 hoặc VSTEP bậc 5 hoặc quy đổi tương đương (áp dụng đối với ngành Ngôn Ngữ Anh); có chứng chỉ tiếng Nhật JLPT từ N3 trở lên (áp dụng đối với ngành Ngôn Ngữ Nhật); có chứng chỉ tiếng Hàn TOPIK cấp độ 4 trong kỳ thi TOPIK II (áp dụng đối với ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc)
		2.3. Tốt nghiệp phổ thông với văn bằng do nước ngoài cấp
		2.4. Tốt nghiệp một trong các chương trình sau: Chương trình APTECH HDSE/ADSE (đối với ngành Công nghệ thông tin); Chương trình ARENA ADIM (đối với chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật số); Chương trình BTEC HND; FUNiX Software Engineering
		2.5. Tốt nghiệp Đại học
		2.6. Sinh viên từ nước ngoài về từ các trường đại học thuộc Top 1000 trong 3 bảng xếp hạng gần nhất: QS, ARWU và THE hoặc các trường đạt chứng nhận QS Star 5 sao về chất lượng đào tạo

Ghi chú:

(*) Thế hệ 1: thí sinh là người đầu tiên trong gia đình (gồm phụ huynh hoặc người bảo trợ và tất cả anh chị em ruột) học đại học. Khi đăng ký xét tuyển, thí sinh là Thế hệ 1 cần nộp Đơn đăng ký ưu tiên xét tuyển có xác nhận của nơi làm việc của bố mẹ hoặc địa phương theo mẫu của Trường Đại học FPT.

4. Địa điểm văn phòng tư vấn tuyển sinh và thông tin liên hệ hướng dẫn cách thức đăng ký

Văn phòng tuyển sinh	Địa chỉ	Điện thoại
Hà Nội	Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 Đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, Tp. Hà Nội	(024)73001866
TP. Hồ Chí Minh	Lô E2a-7, Đường D1 Khu Công nghệ cao, P. Long Thạnh Mỹ, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM	(028)73001866
TP. Đà Nẵng	Khu Đô thị Công nghệ FPT, P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng	(0236)7301866
TP. Cần Thơ	Số 600 đường Nguyễn Văn Cừ nối dài, KV 6, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	(0292)7301866
TP. Quy Nhơn	Khu đô thị mới An Phú Thịnh, P. Nhơn Bình & P. Đống Đa, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định	(0256)7300999

Trích Nguồn: https://daihoc.fpt.edu.vn/dai-hoc-fpt-thong-bao-tuyen-sinh-he-dai-hoc-chinh-quy-nam-2023/
https://hcmuni.fpt.edu.vn/truong-dai-hoc-fpt-chinh-thuc-cong-bo-quy-che-tuyen-sinh-nam-2023/

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG

Mã Trường: HIU

1. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH 2023

- **Phương thức 1 - Xét kết quả thi THPT 2023:** Thí sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023.
- **Phương thức 2 - Xét kết quả học bạ THPT**
  + Dựa vào ĐTB cả năm của 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển năm lớp 12: Điểm xét tuyển = Điểm TB môn 1 + Điểm TB môn 2 + Điểm TB môn 3 + điểm ưu tiên (nếu có) >= 18 điểm.
  + Dựa vào kết quả học tập của 5 học kỳ: Điểm xét tuyển = Lớp 10 ĐTB HK1 + Lớp 10 ĐTB HK 2 + Lớp 11 ĐTB HK1 + Lớp 11 ĐTB HK2 + Lớp 12 ĐTB HK1) + Điểm Ưu tiên (nếu có) >= 30 điểm.
  + Dựa vào kết quả học tập 3 năm: Điểm xét tuyển = Điểm TB cả năm lớp 10 + Điểm TB cả năm lớp 11 + Điểm TB cả năm lớp 12 + điểm ưu tiên (nếu có) >= 18 điểm.
- **Phương thức 3 - Xét Kết Quả Kỳ Thi SAT:** Xét tuyển thí sinh có điểm SAT từ 800 điểm trở lên
- **Phương thức 4 - Xét tuyển thẳng:** Dựa trên hình thức phỏng vấn và các điều kiện riêng theo yêu cầu của ngành
- **Phương thức 5 - Xét điểm đánh giá năng lực đại học QG 2023:** Thí sinh đã tham gia Kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM năm 2023 và đạt kết quả từ 600 điểm trở lên. Mức điểm xét tuyển đã bao gồm điểm cộng khu vực, ưu tiên (nếu có)

2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

TT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN	SỐ HỌC KỲ
KHỐI SỨC KHỎE				
1	Y Khoa	7720101	A00, B00, D90, D07	**12 học kỳ**
2	Y Khoa (Chương Trình Tiếng Anh)	7720101		
3	Y Học Cổ Truyền	7720115		
4	Răng Hàm Mặt	7720501		
5	Răng Hàm Mặt (Chương Trình Tiếng Anh)	7720501		
6	Dược Học	7720201		**10 học kỳ**
7	Dược Học (Chương Trình Tiếng Anh)	7720201		
8	Điều Dưỡng	7720301		**8 học kỳ**
9	Điều Dưỡng (Chương Trình Tiếng Anh)*	7720301		
10	Hộ Sinh	7720302		
11	Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	7720603		
12	Kỹ Thuật Xét Nghiệm Y Học	7720601		
13	Dinh Dưỡng*	7720401		
KHỐI KINH TẾ - QUẢN TRỊ				
14	Quản Trị Kinh Doanh	7340101	A00, A01, C00, D01	**8 học kỳ**
15	Digital Marketing	7340114		
16	Digital Marketing (Chương Trình Tiếng Anh)*	7340114		
17	Kế Toán	7340301	A00, A01, D01, D90	
18	Tài Chính - Ngân Hàng	7340201		
19	Quản Trị Sự Kiện	7340412	A00, A01, C00, D01	
20	Quản Trị Khách Sạn	7810201		
21	Quản Trị Dịch Vụ Du Lịch Và Lữ Hành	7810103		
22	Luật Kinh Tế	7380107	A00, C00, D01, A08	
23	Luật	7380101	A00, C00, D01, C14	
24	Thương Mại Điện Tử	7340122	A00, A01, C00, D01	
KHỐI NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA QUỐC TẾ				
25	Ngôn Ngữ Anh	7220201	A01, D01, D14, D96	**8 học kỳ**
26	Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Trung Quốc	7220204	A01, C00, D01, D04	
27	Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Nhật Bản	7220209	A01, C00, D01, D06	
28	Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Hàn Quốc	7220210	A01, C00, D01, D78	
KHỐI KHOA HỌC XÃ HỘI				
29	Truyền Thông Đa Phương Tiện	7320104	A01, C00, D01, D78	**8 học kỳ**
30	Quan Hệ Công Chúng	7320108	A00, A01, C00, D01	
31	Quan Hệ Quốc Tế	7310206		
32	Tâm Lý Học	7310401	B00, B03, C00, D01	
KHỐI CÔNG NGHỆ - KỸ THUẬT				
33	Công Nghệ Thông Tin	7480201	A00, A01, D01, D90	**8 học kỳ**
34	Logistics Và Quản Lý Chuỗi Cung Ứng	7510605	A00, A01, D01, D90	
35	Kiến Trúc	7580101	A00, D01, V00, V01	
36	Thiết Kế Đồ Họa	7210403	A00, A01, H00, H01	
37	Thiết Kế Thời Trang	7210404	H00, H01, H03, H04	
KHỐI KHOA HỌC GIÁO DỤC				
38	Giáo Dục Mầm Non	7140201	M00, M01, M11	**8 học kỳ**
39	Giáo Dục Tiểu Học	7140202		
40	Quản Lý Giáo Dục	7140114		

Ghi chú: (*) là ngành dự kiến mở trong năm 2023

Thông tin liên hệ: Trung tâm Truyền Thông và Tuyển Sinh
Cơ sở 1: 215 Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
Cơ sở 2: 120 Hòa Bình, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM
Điện thoại: 028.7308.3456 Ext: 3401 - **Hotline**: 0938 692015 - 0964 239172 - **Website:** hiu.vn - **Facebook**: facebook.com/hiu.vn/
Email: tuyensinh@hiu.vn - admission@hiu.vn

Trích Nguồn: https://tuyensinh.hiu.vn/tuyen-sinh/phuong-thuc-tuyen-sinh-dai-hoc/ và https://tuyensinh.hiu.vn/tuyen-sinh/nganh-tuyen-sinh-dai-hoc/

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

1. Cơ sở đào tạo tại TP. Hồ Chí Minh: 7.650 chỉ tiêu
Mã Trường: KSA
Chương trình chuẩn, chương trình tiếng Anh bán phần, tiếng Anh toàn phần

TT	Mã đăng ký xét tuyển	Chương trình đào tạo	Thuộc ngành	Điểm trúng tuyển 2022 (Phương thức 3, 4, 5, 6)				Tổ hợp xét tuyển (Phương thức 4, 6)		Chỉ tiêu 2023
				PT3	PT4	PT5	PT6	PT 4	PT6	
I.	**Lĩnh vực Nhân văn**									
1	7220201	Tiếng Anh thương mại (**)	Ngôn ngữ Anh	58	58	850	26.1	D01, D02 D03, D04 D05, D06 DD2	D01 D96	**165**
II.	**Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi**									
2	7310101	Kinh tế	Kinh tế	62	65	900	26.5	A00, A01 D26, D27 D28, D29 D30, AH3 D01, D02 D03, D04 D05, D06 DD2,D07 D21, D22 D23, D24 D25, AH2	A00 A01 D01 D07	**110**
3	7310102	Kinh tế chính trị (S)	Kinh tế chính trị	62	65	900	26.5			**50**
4	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	53	58	870	26			**200**
5	7310104_02	Thẩm định giá và Quản trị tài sản								**100**
6	7310107	Thống kê kinh doanh (*)	Thống kê kinh tế	51	54	830	26			**55**
7	7310108_01	Toán tài chính (*)	Toán kinh tế	47	47	800	25.8			**55**
8	7310108_02	Phân tích rủi ro và định phí bảo hiểm (*)								**55**
III.	**Lĩnh vực Báo chí và thông tin**									
9	7320106	Truyền thông số và Thiết kế đa phương tiện	Công nghệ truyền thông	70	71	910	27.6	A00, A01 D26, D27 D28, D29 D30, AH3 D01, D02 D03, D04 D05, D06 DD2	A00 A01 D01 V00	**100**
IV.	**Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý**									
10	7340101_01	Quản trị	Quản trị kinh doanh	58	58	860	26.2	A00, A01 D26, D27 D28, D29 D30, AH3 D01, D02 D03, D04 D05, D06 DD2, D07 D21, D22 D23, D24 D25, AH2	A00 A01 D01 D07	**790**
11	7340101_02	Quản trị khởi nghiệp								**100**
12	7340115	Marketing	Marketing	71	72	940	27.5			**170**
13	7340116	Bất động sản	Bất động sản	50	53	850	25.1			**110**
14	7340120	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	71	73	930	27			**600**
15	7340121	Kinh doanh thương mại	Kinh doanh thương mại	63	66	900	26.9			**220**
16	7340122	Thương mại điện tử (*)	Thương mại điện tử	63	68	940	27.4			**140**
17	7340114_td	Công nghệ marketing	Marketing kỹ thuật số	**Chương trình mới tuyển sinh năm 2023**						**50**
18	7340129_td	Quản trị bệnh viện	Quản trị bệnh viện	47	47	850	23.6			**100**
19	7340201_01	Tài chính công	Tài chính - Ngân hàng	52	58	845	26.1			**50**
20	7340201_02	Thuế					26.1			**200**
21	7340201_03	Ngân hàng					26.1			**250**
22	7340201_04	Thị trường chứng khoán					26.1			**100**
23	7340201_05	Tài chính					26.1			**540**
24	7340201_06	Đầu tư tài chính					26.1			**50**
25	7340204	Bảo hiểm (S)	Bảo hiểm	47	47	800	24.8			**50**
26	7340205	Công nghệ tài chính	Công nghệ tài chính	**Chương trình mới của năm 2023**						**50**
27	7340206	Tài chính quốc tế	Tài chính quốc tế	66	69	920	26.9			**110**
28	7340301_02	Kế toán công		51	54	830	25.8			**50**

29	7340301_03	Kế toán doanh nghiệp	Kế toán							**650**
30	7340301_01	Chương trình Kế toán tích hợp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế		58	58	830	23.1			**70**
31	7340302	Kiểm toán	Kiểm toán	58	58	890	27.8			**200**
32	7340403	Quản lý công (S)	Quản lý công	47	47	800	24.9			**50**
33	7340404	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực	62	62	900	26.8			**150**
34	7340405_01	Hệ thống thông tin kinh doanh (*)	Hệ thống thông tin quản lý	51	54	800	27.1			**55**
35	7340405_02	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (*)								**55**
36	7340415_td	Kinh doanh số	Kinh doanh số	**Chương trình mới tuyển sinh năm 2023**						**50**
V.	**Lĩnh vực Pháp luật**									
37	7380101	Luật kinh doanh quốc tế	Luật	58	58	880	25.8	A00, A01 D26, D27 D28, D29 D30, AH3 D01, D02 D03, D04 D05, D06 DD2	A00 A01 D01 D96	**50**
38	7380107	Luật kinh tế	Luật kinh tế	52	54	860	26			**170**
VI.	**Lĩnh vực Máy tính, công nghệ thông tin và công nghệ kỹ thuật**									
39	7460108	Khoa học dữ liệu (*)	Khoa học dữ liệu	63	67	920	26.5	A00, A01 D26, D27 D28, D29 D30, AH3 D01, D02 D03, D04 D05, D06 DD2, D07 D21, D22 D23, D24 D25, AH2	A00 A01 D01 D07	**55**
40	7480103	Kỹ thuật phần mềm (*)	Kỹ thuật phần mềm	58	62	900	26.3			**55**
41	7489001	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	46	46	830	26.2			**100**
42	7480107	Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư)	Trí tuệ nhân tạo	**Chương trình mới tuyển sinh năm 2023**						**70**
43	7510605_01	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	80	81	950	27.7			**110**
44	7510605_02	Công nghệ Logistics (hệ kỹ sư)	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	**Chương trình mới tuyển sinh năm 2023**						**50**
VII.	**Lĩnh vực Kiến trúc và xây dựng**									
45	7580104	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh	Kiến trúc đô thị	48	48	800	24.5	A00, A01 D26, D27 D28, D29 D30, AH3 D01, D02 D03, D04 D05, D06 DD2	A00 A01 D01 V00	**110**
VIII.	**Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản**									
46	7620114	Kinh doanh nông nghiệp(s)	Kinh doanh nông nghiệp	49	49	800	25.8	A00, A01 D26, D27 D28, D29 D30, AH3 D01, D02 D03, D04 D05, D06 D02, D07 D21, D22 D23, D24 D25, AH2	A00 A01 D01 D07	**50**
IX.	**Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân**									

47	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	51	51	820	25.2	A00, A01 D26, D27 D28, D29 D30, AH3 D01, D02 D03, D04 D05, D06 DD2, D07 D21, D22 D23, D24 D25, AH2	A00 A01 D01 D07	**165**
48	7810201_01	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	51	52	820	25.4			**85**
49	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí								**80**

(S): Có chương trình đào tạo song bằng tích hợp.
(*): Toán nhân hệ số 2 (Đối với PT6 thi TNTHPT 2023), quy về thang điểm 30.
(**): Tiếng Anh hệ số 2 (Đối với PT6 thi TNTHPT 2023), quy về thang điểm 30.
(***): Yêu cầu có chứng chỉ tiếng Anh IELTS Academic từ 6.0 (hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên).

Chương trình cử nhân tài năng, chương trình ASEAN Co-op

STT	Mã đăng ký xét tuyển	Chương trình đào tạo	Thuộc ngành	Điểm trúng tuyển 2022 *(Phương thức 3, 4, 6)*			Tổ hợp xét tuyển *(Phương thức 4, 6)*		Chỉ tiêu 2023
				PT3	PT4	PT6	PT4	PT6	
Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý									
1	**ISB_CNTN**	**Cử nhân Tài năng ISB BBus**	Quản trị kinh doanh Kinh doanh quốc tế Marketing Tài chính - Ngân hàng Kế toán	72	72	27.5	A00, A01 D26, D27 D28, D29 D30, AH3 D01, D02 D03, D04 D05, D06 DD2, D07 D21, D22 D23, D24 D25, AH2	A00 A01 D01 D07	**550**
2	**ASA_Co-op**	Cử nhân ASEAN Co-op	Tài chính - Ngân hàng	**Chương trình mới tuyển sinh năm 2023**					**50**

2. Đào tạo tại UEH - Phân hiệu Vĩnh Long: 630 chỉ tiêu

Mã Trường: KSV

STT	Mã đăng ký xét tuyển	Chương trình đào tạo	Thuộc ngành	Điểm trúng tuyển 2022 (Phương thức 3,4,5,6)				Tổ hợp xét tuyển (Phương thức 4, 6)		Chỉ tiêu 2023
				PT3	PT4	PT5	PT6	PT4	PT6	
PHẠM VI TUYỂN SINH CẢ NƯỚC										
I.	Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản									
1	7620114	Kinh doanh nông nghiệp (S)	Kinh doanh nông nghiệp	48	37	500	16	A00, A01 D26, D27 D28, D29 D30, AH3 D01, D02 D03, D04 D05, D06 DD2, D07 D21, D22 D23, D24 D25, AH2	A00 A01 D01 D07	**30**
II.	**Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý**									
2	7340122	Thương mại điện tử (*)	Thương mại điện tử	48	37	550	17	A00, A01 D26, D27 D28, D29 D30, AH3 D01, D02 D03, D04 D05, D06 DD2, D07 D21, D22 D23, D24 D25, AH2	A00 A01 D01 D07	**50**
III.	**Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật**									
3	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	48	39	550	17	A00, A01 D26, D27 D28, D29 D30, AH3 D01, D02 D03, D04 D05, D06	A00 A01 D01 D07	**50**

								DD2, D07 D21, D22 D23, D24 D25, AH2		
IV.	**Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân**									
4	7810201	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	**Chương trình mới tuyển sinh năm 2023**				A00, A01 D26, D27 D28, D29 D30, AH3 D01, D02 D03, D04 D05, D06 DD2, D07 D21, D22 D23, D24 D25, AH2	A00 A01 D01 D07	**30**
V.	**Lĩnh vực Nhân văn**									
5	7220201	Tiếng Anh thương mại (**)	Ngôn ngữ Anh	48	37	600	17	D01, D02 D03, D04 D05, D06 DD2	D01 D96	**30**
VI.	**Lĩnh vực Pháp luật**									
6	7380107	Luật kinh tế	Luật kinh tế	48	37	550	16	A00, A01 D26, D27 D28, D29 D30, AH3 D01, D02 D03, D04 D05, D06 DD2	A00 A01 D01 D96	**30**
VII.	**Lĩnh vực Công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật**									
7	7489001	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	**Chương trình mới tuyển sinh năm 2023**				A00, A01 D26, D27 D28, D29 D30, AH3 D01, D02 D03, D04 D05, D06 DD2, D07 D21, D22 D23, D24 D25, AH2	A00 A01 D01 D07	**30**
8	7480107	Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư)	Trí tuệ nhân tạo	**Chương trình mới tuyển sinh năm 2023**				A00, A01 D26, D27 D28, D29 D30, AH3 D01, D02 D03, D04 D05, D06 DD2, D07 D21, D22 D23, D24 D25, AH2	A00 A01 D01 D07	**30**
9	Mekong-VL	Chương trình Cử nhân quốc tế Mekong được cấp bằng bởi: WSU (Úc); VUW (New Zealand); UVic (Canada); MUST (Đài Loan)	Tài chính ứng dụng Marketing và Truyền thông Kinh doanh quốc tế Quản trị nguồn nhân lực Kế toán	**Chương trình mới tuyển sinh năm 2023**				A00, A01 D26, D27 D28, D29 D30, AH3 D01, D02 D03, D04 D05, D06 DD2, D07 D21, D22 D23, D24 D25, AH2	A00 A01 D01 D07	**30**
PHẠM VI TUYỂN SINH KHU VỰC ĐBSCL										
I.	**Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý**									
10	7340101	Quản trị	Quản trị kinh doanh	48	39	600	17	A00, A01 D26, D27 D28, D29 D30, AH3 D01, D02 D03, D04 D05, D06 DD2, D07 D21, D22 D23, D24	A00 A01 D01 D07	**60**
11	7340120	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	48	39	600	17			**50**
12	7340115	Marketing	Marketing	48	39	600	17			**70**
13	7340201_01	Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	48	39	600	17			**40**
14	7340201_02	Tài chính		48	39	600	17			**40**
15	7340301	Kế toán doanh nghiệp	Kế toán	48	39	550	17			**60**

								D25, AH2		

(S): Có chương trình đào tạo song bằng tích hợp.
(*): Toán nhân hệ số 2 (Đối với PT6 thi TNTHPT 2023), quy về thang điểm 30.
(**): Tiếng Anh hệ số 2 (Đối với PT6 thi TNTHPT 2023), quy về thang điểm 30.

PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH: Gồm 06 phương thức

1. Phương thức 1 (Mã Phương thức xét tuyển: 301): Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT)

	KSA		KSV
	Chương trình Chuẩn, chương trình tiếng Anh toàn phần, tiếng Anh bán phần	Chương trình Cử nhân tài năng, Chương trình Cử nhân ASEAN Co-op	Chương trình Chuẩn, Chương trình cử nhân quốc tế Mekong
Chỉ tiêu	**1% chỉ tiêu theo CTĐT**		

2. Phương thức 2 (Mã Phương thức xét tuyển: 411): Xét tuyển đối với thí sinh tốt nghiệp chương trình trung học phổ thông nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế

	KSA		KSV
	Chương trình Chuẩn, chương trình tiếng Anh toàn phần, tiếng Anh bán phần	Chương trình Cử nhân tài năng, Chương trình Cử nhân ASEAN Co-op	Chương trình Chuẩn, Chương trình cử nhân quốc tế Mekong
Chỉ tiêu	**1% chỉ tiêu theo CTĐT**		
Điều kiện đăng ký xét tuyển	**A) Đối với thí sinh có quốc tịch Việt Nam, thuộc một trong các đối tượng:** **1. Thí sinh có một trong các bằng tú tài/chứng chỉ quốc tế sau:** - Bằng tú tài quốc tế IB (International Baccalaureate) đạt từ 26 điểm trở lên; - Chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí ĐH Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A - Level, UK; sau đây gọi tắt là chứng chỉ A-Level) đạt từ C đến A. - Chứng chỉ BTEC (Business & Technical Education Council, Hội đồng Giáo dục Thương mại và Kỹ thuật Anh) Level 3 Extended Diploma đạt từ C đến A. **2. Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có một trong các chứng chỉ sau:** - Chứng chỉ IELTS từ 6.0 trở lên. - Chứng chỉ TOEFL iBT từ 73 điểm trở lên. - Chứng chỉ SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) mỗi phần thi từ 500 điểm trở lên. - Chứng chỉ ACT (American College Testing) từ 20 điểm (thang điểm 36) trở lên. **B) Đối với thí sinh có quốc tịch khác quốc tịch Việt Nam và tốt nghiệp THPT nước ngoài**: Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh thực hiện xét tuyển theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT. ***Lưu ý:*** *Thời hạn các chứng chỉ quốc tế còn hiệu lực tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển.*		

3. Phương thức 3 (Mã Phương thức xét tuyển: 201): Xét tuyển học sinh Giỏi

	KSA		KSV
	Chương trình Chuẩn, chương trình tiếng Anh toàn phần, tiếng Anh bán phần	Chương trình Cử nhân tài năng, Chương trình Cử nhân ASEAN Co-op	Chương trình Chuẩn, Chương trình cử nhân quốc tế Mekong
Chỉ tiêu	**40% đến 50% chỉ tiêu theo CTĐT**		**20% chỉ tiêu theo CTĐT**
Điều kiện đăng ký xét tuyển	Học sinh Giỏi, hạnh kiểm Tốt năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy, tốt nghiệp THPT năm 2023		
Cách xét tuyển	Điểm xét tuyển là tổng điểm được quy đổi từ 04 tiêu chí sau, trong đó 01 tiêu chí bắt buộc và 03 tiêu chí không bắt buộc: - Tiêu chí bắt buộc: Điểm trung bình học lực năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 (thỏa điều kiện Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi). - Tiêu chí không bắt buộc: + Học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển học sinh Giỏi) tương đương IELTS từ 6.0 hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên. + Học sinh đạt giải thưởng (Nhất, Nhì, Ba) kỳ thi chọn học sinh Giỏi THPT cấp tỉnh, cấp thành phố (trực thuộc trung ương) các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh, Ngữ văn, Tin học. + Học sinh trường THPT chuyên/năng khiếu		

4. Phương thức 4 (Mã Phương thức xét tuyển: 202): Xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn

	KSA		KSV
	Chương trình Chuẩn, chương trình tiếng Anh toàn phần, tiếng Anh bán phần	Chương trình Cử nhân tài năng, Chương trình Cử nhân ASEAN Co-op	Chương trình Chuẩn, Chương trình cử nhân quốc tế Mekong
Chỉ tiêu	**20% đến 30% chỉ tiêu theo CTĐT**	**40% đến 50% chỉ tiêu theo CTĐT**	**20% đến 30% chỉ tiêu theo CTĐT**
Điều kiện đăng ký xét tuyển	Học sinh có điểm trung bình tổ hợp môn đăng ký xét tuyển từ 6.5 trở lên cho các năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy và tốt nghiệp THPT. ***Lưu ý:*** *Thí sinh xét tuyển bằng tổ hợp môn có Ngoại ngữ là tiếng Đức, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật, Nga hoặc Pháp phải có chứng chỉ IELTS >=5.5 hoặc TOEFL iBT từ 62 điểm trở lên.*		
Cách xét tuyển	Điểm xét tuyển là tổng điểm được quy đổi từ 04 tiêu chí sau, trong đó 01 tiêu chí bắt buộc và 03 tiêu chí không bắt buộc: - Tiêu chí bắt buộc: Điểm trung bình tổ hợp môn đăng ký xét tuyển tính theo năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 (thỏa điều kiện Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn). - Tiêu chí không bắt buộc: + Học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển theo tổ hợp môn) tương đương IELTS từ 6.0 hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên. + Học sinh đạt giải thưởng (Nhất, Nhì, Ba) kỳ thi chọn học sinh Giỏi THPT cấp tỉnh, cấp thành phố (trực thuộc trung ương) các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh, Ngữ văn, Tin học. Học sinh trường THPT chuyên/năng khiếu.		

5. hương thức 5 (Mã Phương thức xét tuyển: 402): Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực

	KSA	KSV
	Chương trình Chuẩn, chương trình tiếng Anh toàn phần, tiếng Anh bán phần	Chương trình Chuẩn, Chương trình cử nhân quốc tế Mekong
Chỉ tiêu	**10% chỉ tiêu theo CTĐT**	
Điều kiện đăng ký xét tuyển	Học sinh tham gia kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức đợt 1 năm 2023 và tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT	
Cách xét tuyển	Điểm xét tuyển là tổng điểm thí sinh đạt được trong kỳ thi đánh giá năng lực (theo quy định của Đại học Quốc gia TP.HCM)	

6. Phương thức 6 (Mã Phương thức xét tuyển: 100): Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023

	KSA		KSV
	Chương trình Chuẩn, chương trình tiếng Anh toàn phần, tiếng Anh bán phần	Chương trình Cử nhân tài năng, Chương trình Cử nhân ASEAN Co-op	Chương trình Chuẩn, Chương trình cử nhân quốc tế Mekong
Chỉ tiêu	**Chỉ tiêu còn lại**		
Điều kiện đăng ký xét tuyển	Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT, tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, trong đó có kết quả các bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển của UEH.		

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM
Tại TP.HCM: 59C Nguyễn Đình Chiểu, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM
Điện thoại ĐHCQ: +84 28 3823 0082 - Ext: 121, 122
Tại Phân hiệu Vĩnh Long (PHVL): 1B Nguyễn Trung Trực, P8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Điện thoại: (0270) 3823359 - 3823443

Trích Nguồn: https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/truong-dai-hoc-kinh-te-tp-ho-chi-minh-ueh-khoi-dong-mua-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2023-voi-nhieu-diem-moi-trao-quyen-cho-nguoi-hoc-2k5-i-am-who-i-choose-to-be/

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã Trường: VHS

1. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

2. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

- Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:
  + Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương được dự tuyển vào tất cả các ngành, chuyên ngành đào tạo;
  + Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.
- Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:
  + Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (ngưỡng đầu vào) theo quy định
  + Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
  + Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.
- Thí sinh đăng ký xét tuyển chuyên ngành Tổ chức, dàn dựng chương trình văn hóa nghệ thuật thuộc ngành Quản lý văn hóa, có tổ hợp thi và xét tuyển R01, R02, R03, R04 phải tham dự kỳ thi năng khiếu nghệ thuật do Trường tổ chức.
- Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, Trường tạo những điều kiện thuận lợi để thí sinh có nguyện vọng và năng lực được đăng ký dự tuyển và theo học ngành, chuyên ngành phù hợp với sức khỏe của thí sinh.

3. Phương thức xét tuyển: Xét tuyển; Kết hợp thi tuyển và xét tuyển

- Phương thức tuyển sinh trình độ đại học đối với thí sinh tốt nghiệp cấp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương
  + Xét tuyển từ điểm thi tốt nghiệp THPT theo các tổ hợp môn thi: C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý), D01 (Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh), D09 (Toán, Lịch sử, Tiếng Anh), D10 (Toán, Địa lý, Tiếng Anh), D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh)
  + Thi tuyển kết hợp với xét tuyển: Áp dụng đối với ngành Quản lý văn hóa, chuyên ngành Tổ chức, dàn dựng chương trình văn hóa nghệ thuật (có mã xét tuyển R01; R02; R03; R04);
  + Thi tuyển năng khiếu nghệ thuật kết hợp với điểm thi tốt nghiệp THPT hoặc thi tuyển năng khiếu nghệ thuật kết hợp với kết quả học tập 6 học kỳ của một số môn văn hóa cấp THPT theo tổ hợp xét tuyển quy định đối với thí sinh tốt nghiệp cấp THPT hoặc tương đương: R01 (Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu nghệ thuật - thi trực tiếp tại Trường), R02 (Ngữ văn, Toán, Năng khiếu nghệ thuật - thi trực tiếp tại Trường), R03 (Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu nghệ thuật - thi trực tiếp tại Trường), R04 (Ngữ văn, Năng khiếu nghệ thuật 1, Năng khiếu nghệ thuật 2 - thi trực tiếp tại Trường).

4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo

STT	Ngành tuyển sinh	Mã ngành	Phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển
1	**Thông tin - Thư viện**	7320201	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	36	C00, D01, D09, D15
			Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	24	
2	**Bảo tàng học**	7320305	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	24	C00, D01, D09, D15
			Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	16	
3	**Du lịch**	7810101	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	42	C00, D01, D10, D15
			Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	28	
4	**Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**	7810103	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	114	C00, D01, D10, D15
			Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	76	
5	**Kinh doanh xuất bản phẩm**	7320402	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	30	C00, D01, D10, D15

			Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	20	
6	**Quản lý văn hóa**	7229042	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	114	C00, D01, D09, D15
			Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	76	
			Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu	30	R01, R02, R03, R04
			Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu	20	
7	**Văn hóa học**	7229040	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	126	C00, D01, D09, D15
			Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	84	
8	**Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam**	7220112	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	24	C00, D01, D09, D15
			Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	16	

Thông tin liên hệ: ĐẠI HỌC VĂN HÓA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ: Cơ sở 1: Số 51 đường Quốc Hương, phường Thảo Điền, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh
Cơ sở 2: Số 288 Đỗ Xuân Hợp, P. Phước Long A, Quận 9, TP.HCM
Điện thoại: (028)38992901 - **Email:** dhvh@hcmuc.edu.vn - **Website**: http://hcmuc.edu.vn

Trích Nguồn: https://www.hcmuc.edu.vn/de-an-tuyen-sinh-dai-hoc-nam-2023-cua-truong-dai-hoc-van-hoa-tp-ho-chi-minh.html

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIA ĐỊNH

Mã Trường: GDU

1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên toàn quốc
3. Phương thức tuyển sinh: Năm 2023 Trường Đại học Gia Định tuyển sinh trình độ đại học chính quy theo 03 phương thức xét tuyển:
3.1 Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023
3.2 Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp. HCM: (Đại học Gia Định sẽ công bố điểm xét tuyển sau kỳ thi)
3.3 Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ (lớp 11 và lớp 12)
- Xét tuyển theo kết quả học tập THPT trong học bạ (Chương trình Đại trà)
ĐTB HK1 lớp 11 + ĐTB HK2 lớp 11 + ĐTB HK1 lớp 12 >= 16.5 điểm
- Xét tuyển theo kết quả học tập THPT trong học bạ (Chương trình Tài năng)
ĐTB HK1 lớp 11 + ĐTB HK2 lớp 11 + ĐTB HK1 lớp 12 >= 18 điểm

4. Các ngành đào tạo đại học chính quy năm 2023
4.1 Chương trình Đại trà

STT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7480102	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý) D01 (Toán, Văn, Anh)
2	Kỹ thuật phần mềm	7480103	
3	Công nghệ thông tin	7480201	
4	Quản trị kinh doanh	7340101	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa) D01 (Toán, Văn, Anh)
5	Tài chính - Ngân hàng	7340201	
6	Kế toán	7340301	
7	Marketing	7340115	
8	Ngôn ngữ Anh	7220201	
9	Luật	7380101	
10	Đông phương học	7310608	
11	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	
12	Kinh doanh quốc tế	7340120	
13	Quản trị khách sạn	7810201	
14	Truyền thông đa phương tiện	7320104	
15	Thương mại điện tử	7340122	
16	Quan hệ công chúng	7320108	
17	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	

4.2 Chương trình Tài năng

STT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	Công nghệ thông tin	7480201	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa) C01 (Toán, Văn, Lý) D01 (Toán, Văn, Anh)
2	Quản trị kinh doanh	7340101	
3	Marketing	7340115	

Thông tin liên hệ: TRUNG TÂM TUYỂN SINH VÀ TRUYỀN THÔNG - TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIA ĐỊNH
Trụ sở chính: 185 - 187 Hoàng Văn Thụ, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
Website: http://giadinh.edu.vn - **Facebook:** www.facebook.com/TruongDaihocGiaDinh
Hotline: 028.7301.3456 - 0961.12.10.18 - 0962.12.10.18 - 0862.12.10.18

Trích Nguồn: https://giadinh.edu.vn/truong-dai-hoc-gia-dinh-thong-bao-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI (CSII)

Mã Trường: DLS

Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

1. Điều kiện dự tuyển

- Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp THPT của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được cấp có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập thì hiệu trưởng trường xem xét, quyết định cho dự tuyển vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khoẻ.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh, ngành đào tạo, mã ngành, tổ hợp môn xét tuyển

- Trường Đại học Lao động - Xã hội xét tuyển sinh theo 3 phương thức như sau:

Mã PTXT	Tên phương thức xét tuyển
100	Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023
200	Xét tuyển theo kết quả học tập bậc THPT (xét học bạ)
301	Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh

- Các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học ban hành tại Quyết định số 227/QĐ-ĐHLĐXH ngày 03/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội.
- Chỉ tiêu tuyển sinh, ngành đào tạo, mã ngành, tổ hợp môn xét tuyển:

Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT (100)	Dựa trên kết quả học tập ở bậc THPT (200)
Ngôn ngữ Anh	7220201	Toán, Lý, Anh (A01)	25	25
		Toán, Văn, Anh (D01)		
		Toán, Hóa, Anh (D07)		
		Văn, Sử, Anh (D14)		
Kinh tế	7310101	Toán, Lý, Hóa (A00)	25	25
		Toán, Lý, Anh (A01)		
		Toán, Văn, Anh (D01)		
Tâm lý học	7310401	Toán, Lý, Hóa (A00)	25	25
		Toán, Lý, Anh (A01)		
		Toán, Văn, Anh (D01)		
		Văn, Sử, Địa (C00)		
Quản trị kinh doanh	7340101	Toán, Lý, Hóa (A00)	85	85
		Toán, Lý, Anh (A01)		
		Toán, Văn, Anh (D01)		
Tài chính - Ngân hàng	7340201	Toán, Lý, Hóa (A00)	35	35
		Toán, Lý, Anh (A01);		
		Toán, Văn, Anh (D01)		
Bảo hiểm - Tài chính	7340207	Toán, Lý, Hóa (A00)	25	25
		Toán, Lý, Anh (A01)		
		Toán, Văn, Anh (D01)		
Kế toán	7340301	Toán, Lý, Hóa (A00)	75	75
		Toán, Lý, Anh (A01)		
		Toán, Văn, Anh (D01)		
Quản trị nhân lực	7340404	Toán, Lý, Hóa (A00)	75	75
		Toán, Lý, Anh (A01)		
		Toán, Văn, Anh (D01)		
Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Toán, Lý, Hóa (A00)	30	30
		Toán, Lý, Anh (A01)		
		Toán, Văn, Anh (D01)		
Luật kinh tế	7380107	Toán, Lý, Hóa (A00)	50	50
		Toán, Lý, Anh (A01)		
		Toán, Văn, Anh (D01)		
Công tác xã hội	7760101	Toán, Lý, Hóa (A00)	50	50
		Toán, Lý, Anh (A01)		
		Toán, Văn, Anh (D01)		
		Văn, Sử, Địa (C00)		
Tổng chỉ tiêu			**500**	**500**

Thông tin liên hệ: Phòng Quản lý đào tạo - CƠ SỞ II TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Địa chỉ: Nhà A, Số 1018 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

Hotline: 028.38837801 (số nội bộ: 108, 109, 111) - **Email**: pqldt@ldxh.edu.vn - **Website**: http://www.ldxh.edu.vn

Trích Nguồn: http://www.ldxh.edu.vn/thong-bao-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2023-du-kien-.html

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã Trường: UEF

Vùng tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước.

1. Phương thức tuyển sinh

1.1. Phương thức xét tuyển theo kết quả Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông 2023 (25%) - Mã phương thức: 100

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Nhà trường công bố khi có điểm thi tốt nghiệp THPT 2023 (theo lịch của Bộ GD-ĐT)
- Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:
  + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
  + Tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023.

Tổ hợp môn xét tuyển áp dụng cho từng ngành được liệt kê trong bảng sau:

STT	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1	**Quản trị kinh doanh** - Quản trị kinh doanh tổng hợp - Quản trị doanh nghiệp - Quản trị Khởi nghiệp - Quản trị hàng không - Quản trị văn phòng	7340101	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) D01 (Toán, Văn, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa)
2	**Kinh doanh quốc tế** - Kinh doanh quốc tế - Ngoại thương	7340120	
3	**Kinh doanh thương mại** - Kinh doanh thương mại - Kinh doanh bán lẻ	7340121	
4	**Marketing** - Quản trị Marketing - Quản trị thương hiệu - Quảng cáo	7340115	
5	Digital Marketing (dự kiến)	7340114	
6	**Luật kinh tế** - Luật thương mại - Luật kinh doanh - Luật tài chính ngân hàng	7380107	
7	**Luật quốc tế** - Luật kinh doanh quốc tế - Luật thương mại quốc tế	7380108	
8	**Luật** - Luật dân sự - Luật hành chính - Luật hình sự	7380101	
9	**Quản trị nhân lực** - Đào tạo và phát triển - Tuyển dụng	7340404	
10	**Quản trị khách sạn**	7810201	
11	**Kinh tế quốc tế**	7310106	
12	**Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**	7810103	
13	**Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống** - Quản trị nhà hàng - Bar - Quản trị ẩm thực	7810202	
14	**Bất động sản**	7340116	
15	**Logistics và quản lý chuỗi cung ứng**	7510605	
16	**Quan hệ công chúng** - Truyền thông xã hội - Truyền thông doanh nghiệp	7320108	
17	**Quản trị sự kiện** - Sự kiện giải trí - Sự kiện doanh nghiệp	7340412	
18	**Công nghệ truyền thông** - Quản trị sản xuất sản phẩm truyền thông - Kinh doanh sản phẩm truyền thông	7320106	
19	**Truyền thông đa phương tiện**	7320104	
20	**Thiết kế đồ họa** - Thiết kế marketing - quảng cáo - Thiết kế nhận diện thương hiệu - Thiết kế giao diện tương tác - Thiết kế đồ họa chuyển động	7210403	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) D01 (Toán, Văn, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý)
21	**Thương mại điện tử** - Kinh doanh trực tuyến - Marketing trực tuyến - Giải pháp thương mại điện tử - Chuyển đổi số	7340122	
22	**Tài chính - ngân hàng** - Ngân hàng	7340201	

	- Tài chính doanh nghiệp - Bảo hiểm		
23	**Tài chính quốc tế**	7340206	
24	**Công nghệ tài chính**	7340205	
25	**Kiểm toán**	7340302	
26	**Kế toán** - Kế toán công - Kế toán doanh nghiệp	7340301	
27	**Công nghệ thông tin** - An toàn thông tin - Mạng máy tính - Công nghệ phần mềm - Hệ thống thông tin - Trí tuệ nhân tạo	7480201	
28	**Khoa học dữ liệu** - Phân tích dữ liệu trong kinh tế - kinh doanh - Phân tích dữ liệu trong tài chính - Phân tích dữ liệu trong marketing - Phân tích dữ liệu lớn	7460108	
29	**Ngôn ngữ Anh** - Tiếng Anh thương mại - Tiếng Anh truyền thông - Biên - phiên dịch tiếng Anh - Giảng dạy tiếng Anh	7220201	A01 (Toán, Lý, Anh) D01 (Toán, Văn, Anh) D14 (Văn, Sử, Anh) D15 (Văn, Địa, Anh)
30	**Quan hệ quốc tế** - Nghiệp vụ đối ngoại - Chính trị quốc tế - Phát triển bền vững	7310206	
31	**Ngôn ngữ Nhật (**)** - Biên phiên dịch tiếng Nhật - Văn hóa du lịch Nhật Bản - Kinh tế - Thương mại - Giảng dạy tiếng Nhật	7220209	
32	**Ngôn ngữ Hàn Quốc** - Biên phiên dịch tiếng Hàn - Văn hóa du lịch Hàn Quốc - Kinh tế - Thương mại - Giảng dạy tiếng Hàn	7220210	
33	**Ngôn ngữ Trung Quốc** - Biên phiên dịch Tiếng Trung - Văn hóa du lịch Trung Quốc - Kinh tế - Thương mại	7220204	
34	**Tâm lý học** - Tham vấn tâm lý - Tâm lý học nhân sự và truyền thông	7310401	D01 (Toán, Văn, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa) D14 (Văn, Sử, Anh) D15 (Văn, Địa, Anh)

(**) Với ngành Ngôn ngữ Nhật, thí sinh có thể sử dụng tiếng Nhật thay cho tiếng Anh để xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12.

1.2. Phương thức xét tuyển theo Kết quả đánh giá năng lực 2023 của Đại học Quốc gia TP.HCM (5%) - Mã phương thức: 402

- Lịch tuyển sinh: Theo quy định của trường (căn cứ vào đợt tuyển sinh do ĐHQG-HCM tổ chức)
- Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:
  + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
  + Tham dự kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia TP.HCM năm 2023, đạt mức điểm UEF quy định.
  + Điểm xét tuyển là Tổng điểm bài thi đánh giá năng lực năm 2023 của Đại học Quốc gia TP.HCM (theo thang điểm 1.200) và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực của Quy chế tuyển sinh hiện hành. Quá trình xét tuyển được thực hiện theo nguyên tắc từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

1.3. Phương thức xét tuyển học bạ lớp 12 theo tổ hợp 3 môn (30%) - Mã phương thức: 200

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Tổng điểm trung bình năm lớp 12 các môn dùng trong tổ hợp môn xét tuyển đạt từ 18.0 điểm trở lên.

1.4. Phương thức xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 3 học kỳ (40%) - Mã phương thức: 201

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Tổng điểm trung bình 03 học kỳ (HK1, HK2 lớp 11 và HK1 lớp 12) đạt từ 18.0 điểm trở lên.

Địa chỉ liên hệ và tư vấn tuyển sinh: Trung tâm Tư vấn tuyển sinh
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (UEF)
Địa chỉ: 141 - 145 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM
Điện thoại: (028) 5422 5555 - **Hotline:** 094 998 1717; 091 648 1080
Website: www.uef.edu.vn - **Email:** tuyensinh@uef.edu.vn

Trích Nguồn: https://www.uef.edu.vn/tin-tuyen-sinh/de-an-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-du-kien-nam-2023-cua-uef-18341

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chỉ tiêu: Tuyển sinh 5.005 chỉ tiêu tại cơ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh, Phân hiệu Gia Lai và Phân hiệu Ninh Thuận

1. **Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông có đủ điều kiện xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh Đại học, Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non chính quy năm 2023 của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.
2. **Phạm vi tuyển sinh:** Các cơ sở đào tạo của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh tuyển sinh trên phạm vi toàn quốc.
3. **Phương thức tuyển sinh:** Năm 2023, Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh xét tuyển đào tạo Đại học, Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non chính quy theo bốn (04) phương thức sau:

3.1. Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2023 của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc Trung học phổ thông (xét học bạ): Dự kiến xét tuyển khoảng 30 - 40% tổng chỉ tiêu

- Tại cơ sở chính: chỉ xét tuyển đối với các thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2023, dựa trên điểm trung bình môn của năm (05) học kỳ bậc trung học phổ thông (từ học kỳ I năm lớp 10 đến học kỳ I năm lớp 12). Điểm của mỗi môn trong tổ hợp xét tuyển phải đạt từ 6,00 điểm trở lên. Điểm mỗi môn xét tuyển là trung bình cộng của điểm tổng kết 05 học kỳ của môn đó (làm tròn đến hai (02) số thập phân).

- Tại Phân hiệu Gia Lai và Phân hiệu Ninh Thuận:

+ Đối với thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2023: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập của năm (05) học kỳ bậc Trung học phổ thông (từ học kỳ I năm lớp 10 đến học kỳ I năm lớp 12). Điều kiện xét tuyển: Tổng điểm của ba (03) môn lập thành tổ hợp môn xét tuyển phải đạt từ 18,00 điểm trở lên. Điểm mỗi môn xét tuyển là trung bình cộng của điểm tổng kết 05 học kỳ của môn đó (làm tròn đến hai (02) số thập phân).

+ Đối với thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông từ 2022 trở về trước: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập của sáu (06) học kỳ bậc Trung học phổ thông (từ học kỳ I năm lớp 10 đến học kỳ II năm lớp 12). Điều kiện xét tuyển: Tổng điểm của ba (03) môn lập thành tổ hợp môn xét tuyển đạt từ 18,00 điểm trở lên. Điểm mỗi môn xét tuyển là trung bình cộng của điểm tổng kết 06 học kỳ của môn đó (làm tròn đến hai (02) số thập phân).

+ Đối với ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng tại Phân hiệu Ninh Thuận: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 theo tổ hợp xét tuyển: Toán, Ngữ văn và Năng khiếu.

- Riêng đối với ngành Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp; Giáo dục mầm non (đại học và cao đẳng), ngoài các điều kiện nêu trên, thí sinh phải đáp ứng điều kiện xét tuyển (ngưỡng đầu vào) theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể:

+ Học lực lớp 12 xếp loại giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên;

+ Học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên đối với ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

3.3 Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2023

Dự kiến xét tuyển khoảng 50 - 60% tổng chỉ tiêu. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn) được Trường công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2023. Riêng đối với ngành Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp; Giáo dục mầm non (đại học và cao đẳng) phải đáp ứng điều kiện đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GDĐT công bố.

3.4 Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2023

Dự kiến xét tuyển khoảng 10 - 15% tổng chỉ tiêu. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn) được Trường công bố sau khi có kết quả thi đánh giá năng lực năm 2023 do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.

4. Danh sách các ngành và tổ hợp xét tuyển

Mã Trường	Mã ngành	Tên ngành	Tổng chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển
CƠ SỞ CHÍNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH				
Lĩnh vực: Công nghệ kỹ thuật				
NLS	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	100	A00; A01; D07
NLS	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	140	A00; A01; D07
NLS	7510201C	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CLC)	30	A00; A01; D07
NLS	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	120	A00; A01; B00; D07
NLS	7519007	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo	40	A00; A01; D07
NLS	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	70	A00; A01; D07
NLS	7510205	Công nghệ kỹ thuật ôtô	120	A00; A01; D07
Linh vực: Khoa học sự sống				
NLS	7420201	Công nghệ sinh học	180	A00; A02; B00
NLS	7420201C	Công nghệ sinh học (CLC)	30	A01; D07; D08
Lĩnh vực: Khoa học tự nhiên				
NLS	7440301	Khoa học môi trường	50	A00; A01; B00; D07
Lĩnh vực: Khoa học hành vi				
NLS	7310101	Kinh tế	200	A00; A01; D01
Lĩnh vực: Kinh doanh và Quản lý				
NLS	7340116	Bất động sản	100	A00; A01; A04; D01
NLS	7340301	Kế toán	150	A00; A01; D01
NLS	7340101	Quản trị kinh doanh	270	A00; A01; D01
NLS	7340101C	Quản trị kinh doanh (CLC)	60	A00; A01; D01
Lĩnh vực: Kỹ thuật				
NLS	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	80	A00; A01; D07
NLS	7520320	Kỹ thuật môi trường	50	A00; A01; B00; D07
Lĩnh vực: Máy tính và Công nghệ thông tin				
NLS	7480201	Công nghệ thông tin	260	A00; A01; D07
NLS	7480104	Hệ thống thông tin	90	A00; A01; D)7
Lĩnh vực: Môi trường và Bảo vệ môi trường				

NLS	7859007	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	50	A00; B00; D07; D08
NLS	7850103	Quản lý đất đai	200	A00; A01; A04; D01
NLS	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	100	A00; A01; B00; D07
NLS	7859001	Tài nguyên và Du lịch sinh thái	40	A00; B00; D01; D08
Lĩnh vực: Nhân Văn				
NLS	7220201	Ngôn ngữ Anh	130	A01; D01; D14; D15
Lĩnh vực: Nông lâm nghiệp và thủy sản				
NLS	7620112	Bảo vệ thực vật	90	A00; B00; D07; D08
NLS	7620105	Chăn nuôi	140	A00; B00; D07; D08
NLS	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	100	A00; A01; D01
NLS	7620201	Lâm học	50	A00; B00; D01; D08
NLS	7620202	Lâm nghiệp đô thị	50	A00; B00; D01; D08
NLS	7620109	Nông học	120	A00; B00; D07; D08
NLS	7620301	Nuôi trồng thủy sản	120	A00; B00; D07; D08
NLS	7620116	Phát triển nông thôn	50	A00; A01; D01
NLS	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	50	A00; B00; D01; D08
Lĩnh vực: Sản xuất và chế biến				
NLS	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	100	A00; A01; B00; D01
NLS	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	60	A00; B00; D07; D08
NLS	7540101	Công nghệ thực phẩm	250	A00; A01; B00; D08
NLS	7540101C	Công nghệ thực phẩm (CLC)	60	A00; A01; B00; D08
NLS	7540101T	Công nghệ thực phẩm (CTTT)	30	A00; A01; B00; D08
Lĩnh vực: Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp				
NLS	7140215	Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	45	A00; A01; B00; D08
Lĩnh vực: Thú y				
NLS	7640101	Thú y	270	A00; B00; D07; D08
NLS	7640101T	Thú y (CTTT)	40	A00; B00; D07; D08
PHÂN HIỆU TẠI GIA LAI				
NLG	7340116G	Bất động sản	40	A00; A01; A04; D01
NLG	7420201G	Công nghệ sinh học	40	A00, A01; B00
NLG	7340301G	Kế toán	40	A00; A01; D01
NLG	7620202G	Lâm nghiệp đô thị	40	A00; B00; D01; D08
NLG	7620109G	Nông học	40	A00; B00; D07;D08
NLG	7340101G	Quản trị kinh doanh	40	A00; A01; D01
NLG	7859002G	Tài nguyên và Du lịch sinh thái	40	A00; B00; D01; D08
NLG	7640101G	Thú y	40	A00; B00; D07;D08
PHÂN HIỆU TẠI NINH THUẬN				
NLN	51140201	Giáo dục mầm non (CĐ)	40	M00
NLN	7140201	Giáo dục mầm non (ĐH)	60	M00
NLN	7519007N	Công nghệ kỹ thuật tái tạo năng lượng	40	A00; A01; D07
NLN	7480201N	Công nghệ thông tin	40	A00; A01; D07
NLN	7340301N	Kế toán	40	A00; A01; D01
NLN	7220201N	Ngôn ngữ Anh	40	A01; D01; D14; D15
NLN	7859002N	Tài nguyên và Du lịch sinh thái	40	A00; B00; D01; D08
NLN	7340101N	Quản trị kinh doanh	40	A00; A01; D01
NLN	7640101N	Thú y	40	A00; B00; D07; D08
Tổng cộng: 5,005 (năm ngàn không trăm lẻ năm) chỉ tiêu				

Tổ hợp xét tuyển

A00	Toán, Vật lý, Hóa học	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	D14	Ngữ văn, Lịch sử, tiếng Anh
A01	Toán, Vật lý, tiếng Anh	D01	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh	D15	Ngữ văn, Địa lý, tiếng Anh
A02	Toán, Vật lý, Sinh học	D07	Toán, Hóa học, tiếng Anh	M00	Ngữ văn, Toán, Năng khiếu Mầm non
A04	Toán, Vật lý, Địa lý	D08	Toán, Sinh học, tiếng Anh		

Thông tin liên hệ:

CƠ SỞ CHÍNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: KP6, Phường Linh Trung, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Phòng Đào tạo, Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 38 966 780, 028 38 963350 hoặc 028 38 974 716
Email: pdaotao@hcmuaf.edu.vn - **Website:** www.hcmuaf.edu.vn hoặc www.ts.hcmuaf.edu.vn

PHÂN HIỆU GIA LAI

Địa chỉ: Đường Trần Nhật Duật, Thôn 01, Xã Diên Phú, tp. Pleiku, Gia Lai
Ban Đào tạo, Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Gia Lai.
Điện thoại: 0269 3877 665 - **Email:** phgl@hcmuaf.edu.vn - **Website:** www.phgl.hcmuaf.edu.vn

PHÂN HIỆU NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 8, Đường Yên Ninh, TT. Khánh Hải, Ninh Hải, Ninh Thuận
Ban Đào tạo, Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Ninh Thuận.
Điện thoại: 0259 2472 252 - **Email:** phnt@hcmuaf.edu.vn
Website: www.phnt.hcmuaf.edu.vn

Trích Nguồn: https://ts.hcmuaf.edu.vn/ts-40846-1/vn/span-stylecolor-redphuong-an-tuyen-sinh-dai-hoc-cao-dang-nganh-giao-duc-mam-non-chinh-quy-nam-2023.html

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ SÀI GÒN

Mã Trường: SIU

1. Phương thức xét tuyển

- Xét tuyển kết quả kỳ thi THPT
- Xét tuyển kết quả học bạ lớp 12
- Xét tuyển kết quả học bạ 5 học kỳ (2 học kỳ lớp 10, 2 học kỳ lớp 11 và học kỳ I lớp 12)
- Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM

2. Ngành/chuyên ngành, tổ hợp xét tuyển học bạ 2023 như sau:

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	**Luật kinh tế** gồm chuyên ngành: * Luật kinh tế quốc tế	7380107	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) D01 (Toán, Văn, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa)
2	**Khoa học máy tính** gồm các chuyên ngành: * Trí tuệ Nhân tạo * Hệ thống dữ liệu lớn * Kỹ thuật phần mềm * Mạng máy tính & An ninh thông tin	7480101	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) D01 (Toán, Văn, Anh) D07 (Toán, Hóa, Anh)
3	**Quản trị kinh doanh** gồm các chuyên ngành: * Quản trị kinh doanh, * Thương mại quốc tế, * Quản trị du lịch, * Kinh tế đối ngoại, * Marketing số, * Kinh doanh số.	7340101	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) A07 (Toán, Sử, Địa) D01 (Toán, Văn, Anh)
4	**Ngôn ngữ Anh** gồm các chuyên ngành: * Tiếng Anh giảng dạy, * Tiếng Anh thương mại.	7220201	D01 (Toán, Văn, Anh) D11 (Văn, Lý, Anh) D12 (Văn, Hóa, Anh) D15 (Văn, Địa, Anh)
5	**Kế toán** gồm các chuyên ngành: * Kế toán - kiểm toán, * Kế toán doanh nghiệp.	7340301	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý) D01 (Toán, Văn, Anh)
6	**Quản trị Khách sạn** gồm chuyên ngành: * Quản trị nhà hàng - khách sạn.	7810201	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) A07 (Toán, Sử, Địa) D01 (Toán, Văn, Anh)
7	**Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng**	7510605	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) A07 (Toán, Sử, Địa) D01 (Toán, Văn, Anh)
8	**Tâm lý học** gồm chuyên ngành: * Tâm lý học tham vấn & trị liệu	7310401	D01 (Toán, Văn, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa) D14 (Văn, Sử, Anh) D15 (Văn, Địa, Anh)

3. Đối với HS tốt nghiệp các trường THPT Việt Nam:

- Tốt nghiệp THPT;
- Xếp loại hạnh kiểm HK1 lớp 12 từ Khá trở lên.
- Tổng điểm trung bình chung 5 học kỳ đạt từ 6,0 trở lên
- Tổng điểm 3 môn tổ hợp xét tuyển HK1 lớp 12 từ 18 điểm trở lên.
- Thời gian xét tuyển như sau: Đợt 1: 01/2 - 25/3 - Đợt 2: 03/4 - 31/5 - Đợt 3: 05/6 - 31/7 - Đợt 4: 01/8 - 31/8

4. Đối với học sinh nước ngoài, học sinh Việt Nam tốt nghiệp THPT ở nước ngoài và học sinh học các trường Quốc tế tại Việt Nam.

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT
- Kiểm tra trình độ theo quy định của trường
- Hồ sơ xét tuyển bao gồm:
  + Dịch thuật, công chứng giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bậc phổ thông
  + Dịch thuật, công chứng kết quả học tập bậc THPT
  + Các chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ Quốc tế khác (nếu có)

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ SÀI

Phòng Tuyển Sinh Trường Đại Học Quốc Tế Sài Gòn

Địa chỉ: 8C Tống Hữu Định, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, TPHCM.

Điện thoại: 028.36203932 - **Hotline (Zalo):** 0386.809.521 (giải đáp thắc mắc tuyển sinh 24/24) - **Email:** admission@siu.edu.vn

Trích Nguồn: https://tuyensinh.siu.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh/thong-tin-tuyen-sinh-2023.aspx

Zalo · 0962 108 879

TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC

ISO 9001:2015 Đạo đức • Tri thức • Kỹ năng

Trường CÔNG LẬP trực thuộc UBND TP. Hồ Chí Minh



TUYỂN SINH
CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP CHÍNH QUY
2023

• HÌNH THỨC ĐĂNG KÝ TUYỂN SINH

Bước 1: Đăng ký trực tuyến tại:

http://tuyensinh.tdc.edu.vn

Bước 2: Nộp hồ sơ nhập học trực tiếp:

tại Trường CĐ Công nghệ Thủ Đức

• HỒ SƠ NHẬP HỌC

- 1 Bản sao (công chứng) → Bằng tốt nghiệp / GCN tốt nghiệp tạm thời 2023
- 1 Bản sao (công chứng) → Học bạ
- 1 Bản sao → Căn cước công dân
- 1 Giấy → Khám sức khỏe
- 2 Tấm → Hình 3x4
- 1 Giấy → Báo nhập học

Đăng ký tuyển sinh từ ngày: 01/03/2023

Khai giảng (dự kiến): 18/09/2023



CAO ĐẲNG | 2,5 năm (5 học kỳ)

Điều kiện: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

- Truyền thông và mạng máy tính
- Công nghệ thông tin [Ngành có chương trình gắn kết với doanh nghiệp và trường cao đẳng Nhật Bản]
- Thiết kế đồ họa
- Công nghệ kỹ thuật cơ khí
- Chế tạo thiết bị cơ khí
- Điện công nghiệp [Ngành có chương trình chất lượng cao]
- Điện tử công nghiệp
- Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
- Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông
- Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí
- Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp
- Tự động hóa công nghiệp
- Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
- Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
- Công nghệ kỹ thuật ô tô
- Tiếng Anh
- Tiếng Nhật
- Tiếng Hàn Quốc
- Kế toán [Ngành có đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng]
- Tài chính - Ngân hàng
- Logistics
- Marketing [Ngành mới]
- Kinh doanh thương mại
- Quản lý siêu thị
- Quản trị kinh doanh
- Quản trị nhà hàng
- Quản trị khách sạn
- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TRUNG CẤP | 2 năm (4 học kỳ)

Điều kiện: Tốt nghiệp THCS trở lên

Hoàn trả **100% học phí** GDNN cho thí sinh tốt nghiệp THCS

- Kế toán doanh nghiệp [Chỉ đào tạo buổi tối]
- Quản lý và bán hàng siêu thị
- Quản lý và kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống
- Bảo trì và sửa chữa ô tô
- Điện công nghiệp và dân dụng
- Công nghệ kỹ thuật cơ khí

[Đào tạo theo Dự án Hạt giống hy vọng của Viện Hợp tác và Phát triển châu Âu (IECD)]

53 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, TP. Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh

028 6676 9623 • 028 3897 0023 • 028 3897 2339

0962 108 879 tuyensinh@tdc.edu.vn tuyensinh.tdc.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO

Mã Trường: TTU

Phạm vi tuyển sinh: TTU tuyển sinh trong cả nước

1. Đối tượng tuyển sinh: Trường Đại học Tân Tạo (TTU) tuyển sinh các đối tượng sau đây theo từng phương thức:

- Đối tượng 1 (ĐT1): Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD & ĐT)
- Đối tượng 2 (ĐT2): Thí sinh đã tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc tương đương (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên)
- Đối tượng 3 (ĐT3): Thí sinh tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, trong đó có kết quả các bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển của TTU, tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD & ĐT.
- Đối tượng 4 (ĐT4): Thí sinh có kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức đợt năm 2023, tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD & ĐT

2. Phương thức tuyển sinh: Trường Đại học Tân Tạo (Mã trường TTU) có 4 phương thức tuyển sinh cho các tất cả các ngành đào tạo trình độ đại học chính quy năm 2023, gồm:

- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD & ĐT.
- Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023
- Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2023 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
- Phương thức 4: Xét tuyển bằng điểm học bạ THPT:
  + Hình thức 1: Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 05 học kỳ (HK1, HK2 Lớp 10, HK1, HK2 Lớp 11 và HK1 Lớp 12) (ngoại trừ ngành Y Khoa, Điều dưỡng và Kỹ thuật Xét nghiệm Y học);
  + Hình thức 2: Xét tuyển học bạ lớp 12 theo các tổ hợp 3 môn theo quy định tổ hợp môn của TTU (Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào nhóm ngành Sức khỏe, thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD & ĐT và không bắt buộc đăng ký xét tổ hợp môn);

3. Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ nhóm ngành/ khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn
1	Y khoa (Bác sĩ Đa khoa)	7720101	120	A02, B00, B03, B08
2	Điều dưỡng	7720301	30	A02, B00, B03, B08
3	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	7720601	30	A02, B00, B03, B08
4	Quản trị kinh doanh	7340101	60	A00, A01, D01, D07
5	Kinh doanh quốc tế	7340120	40	A00, A01, D01, D07
6	Tài chính - Ngân hàng	7340201	20	A00, A01, D01, D07
7	Kế toán	7340301	40	A00, A01, D01, D07
8	Ngôn ngữ Anh	7220201	60	A01, D01, D07, D08
9	Khoa học máy tính	7480101	40	A00, A01, D01, D07
10	Công nghệ sinh học	7420201	40	A02, B00, B03, B08

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO

Địa chỉ: Đại lộ Đại học Tân Tạo, E.City Tân Đức, Đức Hoà, Long An.

Hotline: (+84) 272 376 9216 - (272) 376 9208 - **Email:** tuyensinh@ttu.edu.vn

Trích Nguồn: https://tuyensinh.ttu.edu.vn/

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ CÔNG NGHIỆP LONG AN

Mã Trường: DLA

Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

1. Phương thức xét tuyển

- **Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT** (Tỷ trọng 20,2% tổng chỉ tiêu, với 303 chỉ tiêu)
  + Điều kiện xét tuyển: Tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương)
  + Điểm xét trúng tuyển = Tổng điểm thi THPT của tổ hợp 3 môn + Điểm ưu tiên
  + Xét trúng tuyển: lấy điểm từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu
- **Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc THPT** (xét tuyển theo học bạ THPT, tỷ trọng 53,33% tổng chỉ tiêu, với 800 chỉ tiêu).
  + Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của các hình thức:
    - Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 3 học kỳ (học kỳ 1, học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) phải đạt >=18.
    - Xét tuyển theo tổng điểm trung bình lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển phải đạt >=18.
    - Xét tuyển theo điểm trung bình của năm lớp 12 phải đạt >=6.
    - Xét tuyển học bạ theo điểm trung bình 5 học kỳ (học kỳ 1, 2 lớp 10 và học kỳ 1,2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) phải đạt >=6.
  + Điều kiện nhận ĐKXT, Điểm xét tuyển và nguyên tắc xét tuyển:
    - Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 3 học kỳ (học kỳ 1, học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12).
      ✓ Tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương)
      ✓ Điểm xét tuyển = [(Điểm TB của HK 1 năm lớp 11) + (Điểm TB của HK 2 năm lớp 11) + (Điểm của HK 1 năm lớp 12)] + UT
      ✓ Xét tuyển từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu của các ngành.
    - Xét tuyển theo tổng điểm trung bình lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển.
      ✓ Tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương)
      ✓ Điểm xét tuyển = [(Điểm TB của lớp 12 môn 1) + (Điểm TB của lớp 12 môn 2) + (Điểm TB của lớp 12 môn 3)] + UT
      ✓ Xét tuyển từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu của các ngành.

- Xét tuyển theo điểm trung bình của năm lớp 12.
  - ✓ Tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương)
  - ✓ Điểm xét tuyển = (Điểm TB của năm lớp 12) + UT
  - ✓ Xét tuyển từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu của các ngành.
- Xét tuyển học bạ theo điểm trung bình 5 học kỳ (học kỳ 1, 2 lớp 10 và học kỳ 1,2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12).
  - ✓ Tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương)
  - ✓ Điểm xét tuyển = [(Điểm TB của HK1 năm lớp 10) + (Điểm TB của HK2 năm lớp 10) + (Điểm TB của HK1 năm lớp 11) + (Điểm TB của HK2 năm lớp 11) + (Điểm TB của HK1 năm lớp 12)]/5 + UT.
  - ✓ Xét tuyển từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu của các ngành.

- **Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP.HCM** (Tỷ trọng 2,2% tổng chỉ tiêu, với 33 chỉ tiêu)
  + Điều kiện xét tuyển: Xét tuyển theo kết quả đánh giá năng lực (Đại học Quốc gia TP.HCM).
  + Tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương)
  + Tham dự kỳ thi đánh giá năng lực 2023 do ĐHQG TP.HCM tổ chức và có kết quả đạt từ mức điểm xét tuyển do Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An quy định.
- **Phương thức 4: Xét tuyển thẳng** (chiếm tỷ trọng 2,93% tổng chỉ tiêu, với 44 chỉ tiêu)
  + Điều kiện xét tuyển: Theo quy định của quy chế tuyển sinh hiện hành.
- **Phương thức 5: Xét tuyển theo đặt hàng** (chiếm tỷ trọng chỉ tiêu, chiếm 21,33% chỉ tiêu, với 320 chỉ tiêu)
  + Điều kiện xét tuyển: Theo quy định của quy chế tuyển sinh hiện hành.

2. Ngành đào tạo

Ngành học	Mã Ngành	Tổ hợp môn xét tuyển theo kết quả thi THPT	Tổ hợp môn xét tuyển theo học bạ	Chỉ tiêu (PT1 - PT2 - PT3 - PT4)
Quản trị công nghệ truyền thông	7340410	Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Sinh học, Ngữ văn Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân	Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Sinh học, Ngữ văn Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân	15 - 25 - 5 - 5
Marketing	7340115	Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Sinh học, Ngữ văn Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân	Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Sinh học, Ngữ văn Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân	15 - 25 - 5 - 5
Kế toán	7340301	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Địa lý, Giáo dục công dân Ngữ văn, Toán, Hóa học Toán, Địa lý, Tiếng Anh	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Địa lý, Giáo dục công dân Ngữ văn, Toán, Hóa học Toán, Địa lý, Tiếng Anh	40 - 80 - 10 - 5
Quản trị Kinh doanh	7340101	Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Sinh học, Ngữ văn Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân	Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Sinh học, Ngữ văn Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân	50 - 80 - 10 - 5
Tài chính - Ngân hàng	7340201	Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Hóa học, Tiếng Anh Toán, Lịch sử, Giáo dục công dân Ngữ văn, Hóa học, Sinh học	Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Hóa học, Tiếng Anh Toán, Lịch sử, Giáo dục công dân Ngữ văn, Hóa học, Sinh học	40 - 60 - 10 - 5
Luật Kinh tế	7380107	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Vật lý, Hóa học Ngữ văn, Toán, Địa lý Ngữ văn, Vật lý, Hóa học	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Vật lý, Hóa học Ngữ văn, Toán, Địa lý Ngữ văn, Vật lý, Hóa học	70 - 80 - 10 - 3
Công nghệ thông tin	7480201	Toán, Vật lý, Hóa học Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân Toán, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn, Toán, Vật lý	Toán, Vật lý, Hóa học Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân Toán, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn, Toán, Vật lý	40 - 70 - 5 - 3
Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	7510103	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Sinh học Toán, Giáo dục công dân, Tiếng Anh Toán, Vật lý, Ngữ văn	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Sinh học Toán, Giáo dục công dân, Tiếng Anh Toán, Vật lý, Ngữ văn	40 - 60 - 10 - 3
Kiến Trúc	7580101	Toán, Vật lý, Vẽ Mỹ thuật Toán, Ngữ văn, Vẽ Mỹ thuật Toán, Anh Văn, Vẽ mỹ thuật Toán, Hóa Học, Vẽ mỹ thuật	Toán, Vật lý, Hóa Toán, Vật lý, Tin học Toán, Vật lý, Công nghệ Toán, Công nghệ, Tin học	16 - 50 - 5 - 3
Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Ngữ văn, Hóa học, Tiếng Anh Ngữ văn, Giáo dục công dân, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Ngữ văn, Hóa học, Tiếng Anh Ngữ văn, Giáo dục công dân, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	45 - 80 - 10 - 3
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Giáo dục công dân, Tiếng Anh Ngữ văn, Giáo dục công dân, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Giáo dục công dân, Tiếng Anh Ngữ văn, Giáo dục công dân, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	40 - 40 - 6 - 3

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ CÔNG NGHIỆP LONG AN

Địa chỉ: 938 QL.1A, P.Khánh Hậu, TP.Tân An, Long An

Điện thoại: 0917 241 544 - **Email**: tuyensinh@daihoclongan.edu.vn - **Website**: www.daihoclongan.edu.vn

Trích Nguồn: https://tuyensinh.daihoclongan.edu.vn/dh-chinh-quy/

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

Mã Trường: VLU

Chỉ tiêu tuyển sinh: 2790
Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.
Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

1. Phương thức tuyển sinh

- **Phương thức 1: Xét tuyển từ kết quả kỳ thi THPT:** Chỉ tiêu xét tuyển cho phương thức này từ 25% đến 30%
  + Điều kiện đăng ký xét tuyển:
    - Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
    - Xét tuyển từ kết quả điểm thi THPT năm 2023 hoặc từ kết quả điểm thi THPT các năm trước. Điểm xét tuyển là tổng điểm thi của các môn thi theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển cộng với ưu tiên.
- **Phương thức 2: Xé tuyển sử dụng kết quả học tập THPT (theo học bạ):** Chỉ tiêu cho phương thức này từ 55% đến 60%
  + Điều kiện đăng ký xét tuyển:
    - Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
    - Điểm tối thiểu đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào 18.0 điểm của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển của 5 học kỳ bậc THPT (lớp 10, lớp 11, lớp 12).
- **Phương thức 3: Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng:** Chỉ tiêu cho phương thức này từ 15% đến 20%
  - Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
  - Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Trường Đại học SPKT Vĩnh Long cho các đối tượng sau:
    - ✓ Đối tượng thứ 1: Học sinh tốt nghiệp THPT năm 2023; Học lực đạt loại giỏi cả năm lớp 11, học kì 1 lớp 12 bậc THPT và hạnh kiểm cả năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12 loại khá trở lên; riêng học sinh trường THPT chuyên học lực và hạnh kiểm đạt loại khá trở lên cả năm lớp 11, học kì 1 lớp 12.
    - ✓ Đối tượng thứ 2: Học sinh tốt nghiệp THPT năm 2023 và đạt giải nhất, nhì, ba học sinh giỏi cấp tỉnh một trong các môn Toán, Văn, Lý, Hóa, Sinh, Tiếng Anh hoặc đạt giải nhất, nhì, ba cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh.
    - ✓ Đối với phương thức tuyển thẳng thí sinh được chọn tất cả các ngành, được ưu tiên xét miễn học phí.
- **Phương thức 4: Xét tuyển của kỳ thi đánh giá năng lực:** Chỉ tiêu cho phương thức này từ 5% đến 10%
  + Học sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2023 trở về trước, tham gia thi đánh giá năng lực năm 2023 đạt 50% tổng điểm đánh giá năng lực của các Đại học Quốc gia trong cả nước; xét tuyển kết hợp thi đánh giá năng lực tư duy do Trường Đại học SPKT Vĩnh Long tổ chức (DK).

2. Ngành đào tạo và tổ hợp xét tuyển chương trình đại trà

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển/Mã tổ hợp
1	Kinh tế Kế toán Quản trị kinh doanh Tài chính - ngân hàng	7310101	200	Toán, Lý, Hóa (A00) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) Toán, Văn, Địa (C04)
2	Truyền thông đa phương tiện	7320104	30	
3	Kinh doanh quốc tế	7340120	30	
4	Thương mại điện tử	7340122	30	
5	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	40	Toán, Lý, Hóa (A00) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) Toán, Văn, Địa (C04)
6	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	7510303	50	
7	Công nghệ chế tạo máy	7510202	40	
8	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	100	
9	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông Kỹ thuật điện	7510301	90	
10	Công nghệ thông tin Mạng máy tính và truyền thông Internet of Things - IoT An toàn thông tin Điện toán đám mây	7480201	220	
11	Khoa học máy tính Trí tuệ nhân tạo Khoa học dữ liệu	7480101	40	
12	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	40	
13	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	350	
14	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116	120	
15	Kỹ thuật ô tô Công nghệ kỹ thuật ô tô điện	7520130	100	
16	Công nghệ kỹ thuật nhiệt (Điện lạnh)	7510206	70	
17	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	30	
18	Công nghệ kỹ thuật giao thông (chuyên sâu kỹ thuật xây dựng cầu đường)	7510104	20	
19	Công nghệ thực phẩm	7540101	100	Toán, Hóa, Sinh (B00) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01)
20	Thú y	7640101	150	

21	Công nghệ sinh học Công nghệ sinh học trong nông nghiệp công nghệ cao Công nghệ sinh học trong thực phẩm Kỹ thuật xét nghiệm Y-Sinh	7420201	20	Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) Toán, Văn, Địa (C04)
22	Kỹ thuật hóa học Kỹ thuật hóa môi trường Kỹ thuật hóa dược	7520301	20	
23	Công nghệ sau thu hoạch	7540104	20	
24	Giáo dục học	7140101	25	Toán, Lý, Hóa (A00) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) Văn, Sử, Địa (C00) Văn, Sử, GDCD (C19)
25	Quản lý giáo dục	7140114	25	
26	Công tác xã hội	7760101	30	
27	Du lịch	7810101	90	
28	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	50	
29	Luật	7380101	50	
30	Sự phạm công nghệ	7140246	20	Toán, Lý, Hóa (A00) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) Toán, Văn, Địa (C04) Toán, Văn, GDCD (C14)
Tổng cộng			**2200**	

3. Ngành đào tạo và tổ hợp môn xét tuyển chương trình đào tạo kỹ sư làm việc Nhật Bản

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển/Mã tổ hợp
1	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102_NB	25	Toán, Lý, Hóa (A00) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) Toán, Văn, Địa (C04)
2	Công nghệ kỹ thuật giao thông (chuyên sâu kỹ thuật xây dựng cầu đường)	7510104_NB	25	
3	Công nghệ sinh học Công nghệ sinh học trong nông nghiệp công nghệ cao Công nghệ sinh học trong thực phẩm Kỹ thuật xét nghiệm Y-Sinh	7420201_NB	25	Toán, Hóa, Sinh (B00) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) Toán, Văn, Địa (C04)
4	Công nghệ thực phẩm	7540101_NB	25	
5	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116_NB	25	Toán, Lý, Hóa (A00) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) Toán, Văn, Địa (C04)
6	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	7510303_NB	25	
7	Công nghệ chế tạo máy	7510202_NB	25	
8	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301_NB	45	
12	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201_NB	25	
13	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205_NB	70	
Tổng cộng			**315**	

4. Ngành đào tạo và tổ hợp môn xét tuyển chương trình chất lượng cao (liên kết quốc tế 2+2 với trường đại học TONGMYONG - Hàn Quốc)

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển/Mã tổ hợp
1	Kinh tế Kế toán Quản trị kinh doanh Tài chính - ngân hàng	7310101_CLC	25	Toán, Lý, Hóa (A00) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) Toán, Văn, Địa (C04)
2	Khoa học máy tính Trí tuệ nhân tạo Khoa học dữ liệu	7480101_CLC	25	
3	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	7510303_CLC	20	
4	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203_CLC	25	
5	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116_CLC	25	
6	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201_CLC	20	
7	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301_CLC	25	
8	Công nghệ thông tin Mạng máy tính và truyền thông Internet of Things - IoT An toàn thông tin Điện toán đám mây	7480201_CLC	25	
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205_CLC	25	
10	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605_CLC	20	
11	Công nghệ thực phẩm	7540101_CLC	20	Toán, Hóa, Sinh (B00) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) Toán, Văn, Địa (C04)

12	Du lịch	7810101_CLC	20	Toán, Lý, Hóa (A00) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) Văn, Sử, Địa (C00) Văn, Sử, GDCD (C19)
Tổng cộng			**275**	

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG
Địa chỉ: 73 Nguyễn Huệ, Phường 2, TP. Vĩnh Long
Điện thoại: (+84) 02703822141 - **Fax:** (+84) 02703821003 - **Website:** http://vlute.edu.vn - **Email:** spktvl@vlute.edu.vn

Trích Nguồn: http://vlute.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2023/

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY

Mã Trường: MTU

Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

1. Phương thức xét tuyển

- **Phương thức 1 (Mã 001):** Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2023.
- **Phương thức 2 (Mã 200):** Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ).
- **Phương thức 3 (Mã 402):** Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG TPHCM.
- **Phương thức 4 (Mã 405):** Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu (áp dụng cho ngành Kiến trúc).
- **Phương thức 5 (Mã 406):** Xét tuyển kết hợp kết quả học tập THPT với điểm thi năng khiếu (áp dụng cho ngành Kiến trúc).
- **Phương thức 6 (Mã 500):** Xét tuyển kết hợp kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG TPHCM với điểm thi năng khiếu (áp dụng cho ngành Kiến trúc).

2. Ngành đào tạo/ Tổ hợp xét tuyển/ Chỉ tiêu tuyển sinh:

STT	Tên ngành/ Chuyên ngành đào tạo	Mã ngành	Mã tổ hợp	Chỉ tiêu (dự kiến)
1	**Kỹ thuật xây dựng** *(cấp bằng Kỹ sư)* *Chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp* *Chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp (Cử nhân)* *Chuyên ngành Công nghệ thi công và An toàn lao động* *Chuyên ngành Công trình ngầm đô thị*	7580201	A00, A01, B00, D01	300
2	**Kiến trúc** *(cấp bằng Kiến trúc sư)* *Kiến trúc Công trình* *Kiến trúc Đồ họa* *Kiến trúc Nội thất* *Kiến trúc Cảnh quan*	7580101	V00, V01, V02, V03	100
3	**Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông** *(cấp bằng Kỹ sư)* *Xây dựng cầu - đường* *Kỹ thuật sơ sở hạ tầng*	7580205	A00, A01, B00, D01	50
4	**Kỹ thuật môi trường** *(cấp bằng Kỹ sư)* *Công nghệ Tài nguyên môi trường - Đất đai*	7520320	A00, A01, B00, D01	20
5	**Kỹ thuật cấp thoát nước**	7580213	A00, A01, B00, D01	25
6	**Kế toán** *(cấp bằng Cử nhân)* *Kế toán Doanh nghiệp - Xây dựng*	7340301	A00, A01, D14, D15	25
7	**Kỹ thuật phần mềm** *(cấp bằng Kỹ sư)* *Kỹ thuật phần mềm* *Hệ thống thông tin quản lý*	7480103	A00, A01, D01, D07	40
8	**Quản lý đô thị và công trình** *(cấp bằng Kỹ sư)* *Quản lý đô thị và công trình* *Kinh tế và Quản lý bất động sản*	7580106	A00, A01, B00, D01	40
TỔNG CỘNG				**600**

Mã tổ hợp xét tuyển

A00: Toán - Lý - Hóa
A01: Toán - Lý - Tiếng Anh
B00: Toán - Hóa - Sinh
D01: Văn - Toán - Tiếng Anh
D15: Văn - Địa - Tiếng Anh
D07: Toán - Hóa - Tiếng Anh
D14: Văn - Sử - Tiếng Anh
V00: Toán - Lý- Vẽ mỹ thuật
V01: Toán - Văn - Vẽ mỹ thuật
V02: Toán - Tiếng Anh - Vẽ mỹ thuật
V03: Toán - Hóa - Vẽ mỹ thuật

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY
Địa chỉ: Số 20B Phó Cơ Điều, Phường 3, Tp. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Điện thoại: (0270) 3 825 903 - **Zalo:** 0914 792 380
Facebook: https://www.facebook.com/mtu.edu.vn - **Email:** tuyensinh@mtu.edu.vn - **Website:** http://mtu.edu.vn

Trích Nguồn: http://www.mtu.edu.vn/?ArticleId=b0a78743-ff3c-4136-af19-620778e81c3b

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỬU LONG

Mã Trường: DCL

1. Các ngành đào tạo

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	**Điều dưỡng, *gồm các chuyên ngành:*** - *Điều dưỡng* - *Điều dưỡng - Kỹ thuật hình ảnh y học* - *Điều dưỡng - Y học cổ truyền* - *Dinh dưỡng học* - *Gây mê hồi sức* - *Hộ sinh* - *Răng, hàm, mặt* - *Phục hồi chức năng* - *Thẩm mỹ*	7720301	A02, B00, B03, D08
2	**Kỹ thuật xét nghiệm y học, *gồm các chuyên ngành:*** - *Kỹ thuật xét nghiệm y học* - *Kỹ thuật xét nghiệm y học chuyên ngành Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm*	7720601	A00, B00, B03, D07
3	**Dược học**	7720201	A00, B00, C08, D07
4	**Thiết kế đồ hoạ, *bao gồm các chuyên ngành:*** - *Thiết kế đồ họa* - *Thiết kế thời trang* - *Thiết kế nội thất*	7210403	A00, A01, C04, D01
5	**Ngôn Ngữ Anh, gồm các chuyên ngành:** - *Tiếng Anh thương mại* - *Tiếng Anh biên - phiên dịch*	7220201	A01;D01;D14;D15
6	**Tiếng Việt & Văn Hóa Việt Nam, gồm các chuyên ngành:** - *Ngữ Văn học* - *Báo chí truyền thông* - *Quản lý văn hóa* - *Quản trị văn phòng*	7220101	C00, D01, D14, D15
7	**Đông phương học, gồm các chuyên ngành:** - *Đông Nam Á học* - *Trung Quốc học* - *Hàn Quốc học* - *Nhật Bản học*	7310608	A01, C00, D01, D14
8	**Công tác xã hội, gồm các chuyên ngành:** - *Công tác xã hội* - *Xã hội học*	7760101	A01, C00, C01, D01
9	**Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành, gồm các chuyên ngành:** - *Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành* - *Quản trị khách sạn & resort* - *Quản trị nhà hàng* - *Hướng dẫn viên du lịch*	7810103	A00, A01, C00, D01
10	**Luật**	7380101	
11	**Luật kinh tế**	7380107	
12	**Quản trị kinh doanh, gồm các chuyên ngành :** - *Quản trị kinh doanh* - *Quản trị marketing* - *Quản lý kinh tế* - *Quản trị dịch vụ hàng không*	7340101	A00, A01, D01, C04
13	**Kinh doanh thương mại, gồm các chuyên ngành :** - *Kinh doanh thương mại* - *Kinh doanh xuất nhập khẩu* - *Kinh doanh bất động sản* - *Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu*	7340121	
14	**Kế toán, gồm các chuyên ngành :** - *Kế toán doanh nghiệp* - *Kế toán hành chính sự nghiệp* - *Kế toán tài chính* - *Kiểm toán*	7340301	
15	**Tài chính - Ngân hàng, gồm các chuyên ngành :** - *Tài chính doanh nghiệp* - *Tài chính bảo hiểm và đầu tư* - *Tài chính - Ngân hàng* - *Ngân hàng* - *Thuế và hải quan*	7340201	
16	**Công nghệ thông tin, gồm các chuyên ngành :** - *An toàn thông tin* - *Công nghệ đa phương tiện* - *Kỹ thuật phần mềm* - *Mạng máy tính và an ninh mạng* - *Phát triển ứng dụng di động* - *Thương mại điện tử*	7480201	A00, A01, D01, D07

	- *Trí tuệ nhân tạo*		
17	**Công nghệ kỹ thuật ô tô**	7510205	
18	**Công nghệ kỹ thuật cơ khí, gồm các chuyên ngành:** - *Công nghệ chế tạo máy* - *Cơ điện tử* - *Máy chế biến thực phẩm*	7510201	
19	**Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng *(Thiết kế kiến trúc xây dựng)***	7510102	A00, A01, C01, D01
20	**Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông *(Xây dựng cảng hàng không, sân bay và đường ô tô)***	7580205	
21	**Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, gồm các chuyên ngành:** - Kỹ thuật y sinh - Công nghệ điện lạnh	7510301	
22	**Công nghệ thực phẩm, gồm các chuyên ngành:** - *Công nghệ bảo quản và chế biến nông sản* - *Công nghệ bảo quản và chế biến thủy sản*	7540101	A00, A01, B00, C01
23	**Công nghệ sinh học**	7420201	
24	**Nuôi trồng thủy sản**	7620301	
25	**Nông học, gồm các chuyên ngành:** - *Sản xuất giống nông nghiệp* - *Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao*	7620109	A00, A01, B00, B03
26	**Bảo vệ thực vật *(Kinh doanh vật tư nông nghiệp)***	7620112	
27	**Thú y**	7640101	

2. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

2.1. Xét tuyển

Các phương thức xét tuyển:

- **Xét kết quả học tập bậc THPT (Xét Học bạ THPT)**
  Thí sinh chọn 1 trong các hình thức sau đây:
  + Xét điểm trung bình cả năm lớp 12 của tổ hợp 3 môn xét tuyển.
  + Xét điểm trung bình cả năm lớp 12 của tất cả các môn.
  + Xét điểm trung bình 2 học kỳ của tổ hợp 3 môn xét tuyển: Học kỳ 2 của năm lớp 11, Học ký 1 của năm lớp 12.
  + Xét điểm trung bình 2 học kỳ của tất cả các môn: Học kỳ 2 của năm lớp 11, Học ký 1 của năm lớp 12.
- **Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023:** Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.
- **Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng:** Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỬU LONG
Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Phú Quới, Long Hồ, Vĩnh Long
Điện thoại: 02703832538 - 0979088857 - **Hotline/zalo**: 0944707787
Website: www.mku.edu.vn - **Email**: phongtuyensinh@mku.edu.vn

Trích Nguồn: https://tuyensinh.mku.edu.vn/phuong-an-tuyen-sinh-he-dai-hoc-chinh-quy-nam-2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG

Mã Trường: TTG

- Năm 2023, Trường Đại học Tiền Giang dự kiến tuyển sinh 1.705 chỉ tiêu
- Thí sinh có hộ khẩu thường trú thuộc 21 tỉnh Nam bộ (từ Bình Thuận, Đồng Nai trở vào), cụ thể gồm các tỉnh: Bình Thuận, Lâm Đồng, TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng tàu, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Bến Tre, An Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long, Trà Vinh, Kiên Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau đều có thể đăng ký xét tuyển học tại Trường ĐH Tiền Giang. Riêng các ngành Sư phạm, tuyển sinh thí sinh có hộ khẩu thường trú trong tỉnh Tiền Giang.

1. Phương thức xét tuyển vào Trường năm 2023, cụ thể như sau:

- **Phương thức 1**: với 27 % trên tổng chỉ tiêu, Trường xét tuyển theo kết quả điểm thi của Kỳ thi tốt nghiệp THPT.
- **Phương thức 2**: với 70 % trên tổng chỉ tiêu, Trường xét tuyển dựa vào kết quả học tập 3 học kỳ THPT (HK1, HK2 lớp 11 và HK1 hoặc HK2 lớp 12)
- **Phương thức 3**: với 01% trên tổng chỉ tiêu, Trường xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- **Phương thức 4**: với 02% trên tổng chỉ tiêu, Trường xét điểm của thí sinh từ Kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

Với 4 phương thức xét tuyển này, Trường Đại học Tiền Giang mở rộng cơ hội cho thí sinh lựa chọn phương án xét tuyển phù hợp để tăng cơ hội trúng tuyển vào Trường trong kỳ tuyển sinh năm 2023. Đồng thời năm 2023, việc Trường ĐH Tiền Giang phối hợp với Trường ĐH Quốc gia TP. HCM tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực cũng nhằm tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho thí sinh tỉnh nhà tham gia vào kỳ thi mà không phải vất vả di chuyển đến các tỉnh, thành lân cận.

2. Ngành đào tạo:

TT	NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	MÔN XÉT TUYỂN	MÃ TỔ HỢP
1	Kế toán	7340301	Toán, Vật lý, Hóa học	A00
2	Quản trị Kinh doanh	7340101	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	A01
3	Tài chính ngân hàng	7340201	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D01
4	Kinh tế	7310101	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	D90

5	Luật	7380101	Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý Ngữ Văn, Giáo dục công dân, Tiếng Anh	A01 D01 C00 D66
6	Công nghệ Thông tin	7480201	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Hóa học, Tiếng Anh Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	A00 A01 D07 D90
7	Công nghệ Thực phẩm	7540101	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Sinh học, Hóa học Toán, Tiếng Anh, Sinh học	A00 A01 B00 B08
8	Nuôi trồng Thủy sản	7620301		
9	Chăn nuôi	7620105		
10	Công nghệ Sinh học	7420201		
11	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	7510103	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Hóa học, Tiếng Anh Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	A00 A01 D07 D90
12	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	7510201		
13	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303		
14	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203		
15	Văn hóa học	7229040	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh	C00 D01 D14 D78
16	Du lịch	7810101		
17	Bảo vệ thực vật	7620112	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Sinh học, Hóa học Toán, Tiếng Anh, Sinh học	A00 A01 B00 B08
CÁC NGÀNH SƯ PHẠM				
1	Giáo dục mầm non (Cao đẳng)	51140201	Toán, Đọc & Kể chuyện, Hát Ngữ văn, Đọc & Kể chuyện, Hát	M00 M01
2	Giáo dục tiểu học (Đại học)	7140202	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	A00 A01 D01 C00

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG
Địa chỉ: 119 Ấp Bắc - Phường 05 - Thành phố Mỹ Tho - Tỉnh Tiền Giang.
Điện thoại: 0273 3 872 624 - 0273 6 250 200
Website: tgu.edu.vn - **Email**: daihoctg@tgu.edu.vn

Trích Nguồn: https://tgu.edu.vn/dept/topic/?14250

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Mã Trường: SPD

1. Các ngành xét tuyển Đại học, xét tuyển Cao đẳng

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn	Môn thi	Môn năng khiếu	Mã Phương thức xét tuyển
CÁC NGÀNH ĐẠI HỌC							
1	**Giáo dục Mầm non***	7140201	336	M00 M05 C19 C20	Văn, Toán, NK GDMN Văn, Sử, NK GDMN Văn, Sử, GDCD Văn, Địa, GDCD	NK GDMN	100 200 301 402
2	**Giáo dục Tiểu học***	7140202	682	C01 C03 C04 D01	Văn, Toán, Lý Văn, Toán, Sử Văn, Toán, Địa Văn, Toán, Tiếng Anh		100 200 301 402
3	**Giáo dục Chính trị***	7140205	15	C00 C19 D01 D14	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Toán, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh		100 200 301 402
4	**Giáo dục Thể chất***	7140206	217	T00 T05 T06 T07	Toán, Sinh, NKTDTT Văn, GDCD, NKTDTT Toán, Địa, NKTDTT Văn, Địa, NKTDTT	NK TDTT	100 200 301
5	**Sư phạm Toán học***	7140209	103	A00 A01 A02	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh		100 200 301

				A04 D90	Toán, Lý, Địa Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		402
6	**Sư phạm Tin học**	7140210	207	A00 A01 A02 A04 D90	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		100 200 301 402
7	**Sư phạm Vật lý***	7140211	15	A00 A01 A02 A04 D90	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		100 200 301 402
8	**Sư phạm Hóa học***	7140212	15	A00 B00 D07 A06 D90	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Hóa, Địa Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		100 200 301 402
9	**Sư phạm Sinh học**	7140213	15	A02 B00 D08 B02 D90	Toán, Lý, Sinh Toán, Hóa, Sinh Toán, Sinh, Tiếng Anh Toán, Sinh, Địa Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		100 200 301 402
10	**Sư phạm Ngữ văn***	7140217	162	C00 C19 D14 D15	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh		100 200 301 402
11	**Sư phạm Lịch sử***	7140218	20	C00 C19 D09 D14	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Toán, Sử, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh		100 200 301 402
12	**Sư phạm Địa lý***	7140219	15	A07 C00 C04 D10	Toán, Sử, Địa Văn, Sử, Địa Văn, Toán, Địa Toán, Địa, Tiếng Anh		100 200 301 402
13	**Sư phạm Âm nhạc**	7140221	145	N00 N01	Văn, Hát, Thẩm âm - Tiết tấu Toán, Hát, Thẩm âm -Tiết tấu	Hát; Thẩm âm - Tiết tấu	100 200 301
14	**Sư phạm Mỹ thuật**	7140222	24	H00 H07	Văn, Trang trí, Hình họa Toán, Trang trí, Hình họa	Trang trí; Hình họa	100 200 301
15	**Sư phạm Tiếng Anh***	7140231	357	D01 D13 D14 D15	Văn, Toán, Tiếng Anh Văn, Sinh, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh		100 200 301 402
16	**Sư phạm Công nghệ**	7140246	24	A00 A01 A02 A04 D90	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		100 200 301 402
17	**Sư phạm Khoa học tự nhiên**	7140247	41	A00 A02 B00 D90	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Sinh Toán, Hóa, Sinh Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		100 200 301 402
18	**Sư phạm Lịch sử và Địa lý**	7140249	34	A07 C00 D14 D15	Toán, Sử, Địa Văn, Sử, Địa Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh		100 200 301 402
19	**Việt Nam học*** *(Hướng dẫn viên du lịch; Quản lý Nhà hàng và Khách sạn)*	7310630	90	C00 C19 C20 D01	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Địa, GDCD Văn, Toán, Tiếng Anh		100 200 301 402
20	**Ngôn ngữ Anh*** *Biên - phiên dịch* *Tiếng Anh kinh doanh* *Tiếng Anh du lịch*	7220201	159	D01 D13 D14 D15	Văn, Toán, Tiếng Anh Văn, Sinh, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh		100 200 301 402
21	**Ngôn ngữ Trung Quốc** *Ngôn ngữ Trung Quốc* *Ngôn ngữ Trung - Anh*	7220204	220	C00 D01 D14 D15	Văn, Sử, Địa Văn, Toán, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh		100 200 301 402
22	**Quản lý văn hóa** *(Sự kiện và truyền thông)*	7229042	40	C00 C19 C20 D14	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Địa, GDCD Văn, Sử, Tiếng Anh		100 200 301 402

23	**Quản trị kinh doanh***	7340101	110	A00 A01 D01 D10	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Địa, Tiếng Anh		100 200 301 402
24	**Tài chính - Ngân hàng**	7340201	60	A00 A01 D01 D10	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Địa, Tiếng Anh		100 200 301 402
25	**Kế toán**	7340301	170	A00 A01 D01 D10	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Địa, Tiếng Anh		100 200 301 402
26	**Khoa học môi trường*** *(Môi trường; An toàn sức khỏe môi trường)*	7440301	40	A00 B00 D07 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Sinh, Tiếng Anh		100 200 301 402
27	**Khoa học Máy tính*** *(Công nghệ phần mềm; Mạng máy tính và an ninh)*	7480101	140	A00 A01 A02 A04 D90	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		100 200 301 402
28	**Nông học** *(Bảo vệ thực vật; Trồng trọt; Chăn nuôi thú y và thủy sản)*	7620109	40	A00 B00 D07 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Sinh, Tiếng Anh		100 200 301 402
29	**Nuôi trồng thủy sản**	7620301	60	A00 B00 D07 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Sinh, Tiếng Anh		100 200 301 402
30	**Công tác xã hội**	7760101	40	C00 C19 C20 D14	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Địa, GDCD Văn, Sử, Tiếng Anh		100 200 301 402
31	**Quản lý đất đai**	7850103	50	A00 A01 B00 D07	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh		100 200 301 402
CÁC NGÀNH ĐẠI HỌC DỰ KIẾN TUYỂN SINH NĂM 2023							
1	**Giáo dục Công dân**	7140204	30	C00 C19 D01 D14	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Toán, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh		100 200 301 402
2	**Sư phạm Toán học*** *(chất lượng cao)*	7140209	30	A00 A01 A02 A04 D90	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		100 200 301 402
3	**Tâm lý học giáo dục**	7310403	30	A00 C00 C19 D01	Toán, Lý, Hóa Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Toán, Tiếng Anh		100 200 301 402
4	**Địa lý học** *(Địa lý du lịch)*	7310501	30	A07 C00 D14 D15	Toán, Sử, Địa Văn, Sử, Địa Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh		100 200 301 402
5	**Kinh doanh quốc tế**	7340120	30	A00 A01 D01 D10	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Địa, Tiếng Anh		100 200 301 402
6	**Quản lý công**	7340403	30	A00 A01 C15 D01	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Văn, Toán, Khoa học xã hội Văn, Toán, Tiếng Anh		100 200 301 402
7	**Luật**	7380101	30	A00 C00 C14 D01	Toán, Lý, Hóa Văn, Sử, Địa Văn, Toán, GDCD Văn, Toán, Tiếng Anh		100 200 301 402
8	**Công nghệ sinh học**	7420201	30	A00 A02 B00 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Sinh Toán, Hóa, Sinh Toán, Sinh, Tiếng Anh		100 200 301 402
9	**Công nghệ thông tin**	7480201	30	A00 A01 A02 A04 D90	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		100 200 301 402

10	**Quản lý tài nguyên và môi trường**	7850101	30	A00 B00 D07 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Sinh, Tiếng Anh		100 200 301 402
CÁC NGÀNH CAO ĐẲNG							
1	**Giáo dục Mầm non**	51140201	129	M00 M05 C19 C20	Văn, Toán, NK GDMN Văn, Sử, NK GDMN Văn, Sử, GDCD Văn, Địa, GDCD	NK GDMN	100 200 301 402

Lưu ý:

- Môn năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức hoặc lấy kết quả thi năng khiếu từ trường đại học khác. Riêng đối với ngành cao đẳng, đại học Giáo dục Mầm non nếu thí sinh tham gia xét tuyển 02 tổ hợp C19, C20 phải tham gia sơ tuyển do Trường ĐHĐT tổ chức.
- Tổ hợp môn thi A04, A06, B02 không xét tuyển theo mã phương thức 100.
- Tổ hợp môn thi D90 không xét tuyển theo mã phương thức 200;
- Mã phương thức 402 không sử dụng tổ hợp để xét tuyển, chỉ xét điểm của kỳ thi đánh giá năng lực ĐHQG HCM năm 2023
- Những ngành có "*" đã được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình.
- Các tổ hợp xét tuyển trong cùng 01 ngành là bằng nhau và được xác định theo ngành.

2. Các phương thức tuyển sinh năm 2023

2.1. Mã phương thức 100: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT

- Xét tuyển dựa vào điểm của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 theo tổ hợp xét tuyển (3 môn thi) ứng với ngành
- Các ngành có môn năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển thí sinh có thể tham dự kỳ thi năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức hoặc lấy kết quả thi năng khiếu từ trường đại học khác để làm điều kiện tham gia xét tuyển và có kết quả từ 5,0 trở lên. Trường ĐHĐT tổ chức thi Năng khiếu dự kiến 02 đợt (Đợt 1: ngày 17/7/2023; Đợt 2: ngày 17/8/2023):
  + Ngành Giáo dục Mầm non (CĐ hoặc ĐH): đối với tổ hợp môn M00, M05 ngoài 02 môn thi văn hóa (Toán và Văn, Văn và Sử), thí sinh phải đăng ký dự thi môn Năng khiếu GDMN; đối với tổ hợp môn C19, C20 thí sinh phải tham gia sơ tuyển do Trường ĐHĐT tổ chức.
  + Ngành Giáo dục Thể chất: ngoài 02 môn thi văn hóa (Toán và Sinh; Toán và Địa; Văn và GDCD; Văn và Địa), thí sinh phải đăng ký dự thi môn Năng khiếu TDTT.
  + Ngành Sư phạm Âm nhạc: ngoài 01 môn thi văn hóa (Toán hoặc Văn), thí sinh phải đăng ký dự thi 02 môn Năng khiếu (Hát và Thẩm âm - Tiết tấu).
  + Ngành Sư phạm Mỹ thuật: ngoài 01 môn thi văn hóa (Toán hoặc Văn), thí sinh phải đăng ký dự thi 02 môn Năng khiếu (Trang trí và Hình họa).

2.2. Mã phương thức 200: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

- Xét tuyển dựa vào:
  + Điểm trung bình lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển ứng với ngành do thí sinh đăng ký.
  + Điểm Trung bình cả năm lớp 12.
- Riêng đối với các ngành có môn Năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển: ngành cao đẳng hoặc đại học Giáo dục Mầm non đối với tổ hợp môn M00, M05 (môn Năng khiếu GDMN), ngành Giáo dục Thể chất (môn Năng khiếu TDTT), ngành Sư phạm Âm nhạc (môn Năng khiếu Hát và môn Năng khiếu Thẩm âm - Tiết tấu), ngành Sư phạm Mỹ thuật (môn Năng khiếu Trang trí và môn Năng khiếu Hình họa), thí sinh cần có điểm môn Năng khiếu để tạo thành tổ hợp xét tuyển. Thí sinh có thể tham dự kỳ thi Năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức hoặc lấy kết quả thi năng khiếu từ trường đại học khác để làm điều kiện tham gia xét tuyển và có kết quả từ 5,0 trở lên. Trường ĐHĐT tổ chức thi Năng khiếu dự kiến vào 02 đợt (Đợt 1: ngày 17/7/2023; Đợt 2: ngày 17/8/2023).

2.3. Mã phương thức 301: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh

- Chỉ tiêu tuyển sinh: tính trong chỉ tiêu mã phương thức 100.
- Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:
  + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
  + Nếu thí sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT, kết quả các môn thi văn hóa không có môn nào có kết quả từ 1,0 (thang điểm 10) điểm trở xuống;
  + Các đối tượng được đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào đại học hệ chính quy được quy định tại Điều 8 của Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

2.4. Mã phương thức 402: Xét tuyển theo kết quả kỳthi đánh giá năng lực 2023 của ĐHQG TP.HCM

- Chỉ tiêu tuyển sinh: 10% chỉ tiêu ngành.
- Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển
  + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
  + Đối với các ngành đào tạo giáo viên: xét tuyển các ngành ĐH, người dự tuyển có học lực lớp 12 xếp loại giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên; Riêng đối với cao đẳng hoặc đại học ngành Giáo dục Mầm non thí sinh tham gia sơ tuyển do Trường ĐHĐT tổ chức.
  + Tham dự kỳ thi đánh giá năng lực 2023 do ĐHQG TP.HCM tổ chức và có kết quả đạt từ ngưỡng điểm xét tuyển tối thiểu từ 600 trở lên (theo thang điểm 1200).

3. Tổ chức thi môn Năng khiếu

- Trường ĐHĐT tổ chức thi trực tiếp các môn năng khiếu cho các ngành có môn năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển: Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật.
- Căn cứ vào điều kiện thực tế diễn biến dịch bệnh tại địa phương, Hội đồng tuyển sinh của Trường ĐHĐT quyết định duy trì tổ chức thi năng khiếu tuyển sinh theo phương án trực tiếp hoặc bổ sung, chuyển đổi phương án tổ chức thi năng khiếu trực tuyến. (Lưu ý: Đối với việc tổ chức thi năng khiếu trực tuyến, Hội đồng thi có phương án hậu kiểm khi thí sinh nhập học chính thức; Kết quả thi cùng các tài liệu liên quan khác về quá trình tổ chức thi phải được lưu trữ, bảo quản đầy đủ, an toàn phục vụ công tác hậu kiểm.)

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
Địa chỉ: 783, Phạm Hữu Lầu, P.6, Tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp
Điện thoại: (0277) 3882258 **- Mail:** dhdt@dthu.edu.vn - **Website:** tuyensinh.dthu.edu.vn - dthu.edu.vn

Trích Nguồn: https://tuyensinh.dthu.edu.vn/New.aspx?id=600

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Mã Trường: DVT

Đối tượng, vùng và chỉ tiêu tuyển sinh

+ Chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến): 8140 (tuyển sinh trên toàn quốc)
+ Tuyển sinh 53 chương trình đào tạo chính quy, bao gồm: 52 ngành đại học, 01 ngành cao đẳng.
+ Chế độ ưu tiên, tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thẳng: áp dụng theo Quy chế Tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành của Bộ GD&ĐT.

Phương thức xét tuyển

+ Xét Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023
+ Xét Kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Tp. HCM tổ chức
+ Xét Kết quả học tập THPT (Học bạ)
+ Xét tuyển thẳng theo Quy định của Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
+ Xét tuyển học sinh Khoa Dự bị đại học - Trường Đại học Trà Vinh, Trường Dự bị đại học dân tộc
+ Xét tuyển thí sinh là người nước ngoài đã tốt nghiệp THPT

Ngành đào tạo

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)			Tổ hợp xét tuyển
				Theo kỳ thi tốt nghiệp THPT 2023 (Phương thức 100)	Theo kết quả THPT (HỌC BẠ) (Phương thức 200)	Theo Kết quả Kỳ thi ĐGNL do ĐH Quốc gia Tp.HCM tổ chức (Phương thức 402)	
1	Cao đẳng	5140201	Cao đẳng Giáo dục mầm non	48	32		M00, M05, C00, C14
2	Đại học	7140201	Giáo dục mầm non	132	88		M00, M05, C00, C14
3	Đại học	7140217	Sư phạm Ngữ văn	10	8	2	C00, D14
4	Đại học	7140226	Sư phạm Tiếng Khmer	10	8	2	C00, C20, D14, D15
5	Đại học	7140202	Giáo dục tiểu học	83	61	8	A00, A01, D90, D84
6	Đại học	7210210	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	16	12	2	N00
7	Đại học	7210201	Âm nhạc học	16	12	2	N00
8	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh (*)	192	140	18	A00, A01, C01, D01
9	Đại học	7340122	Thương mại điện tử	110	80	10	A00, A01, C14, C15
10	Đại học	7340201	Tài chính - Ngân hàng (*)	165	120	15	A00, A01, C01, D01
11	Đại học	7340301	Kế toán (*)	247	180	23	A00, A01, C01, D01
12	Đại học	7340406	Quản trị văn phòng	165	120	15	C00, C04, D01, D14
13	Đại học	7380101	Luật (Luật dân sự, Luật Thương mại và Luật Hình sự) (*)	220	160	20	A00, A01, C00, D01
14	Đại học	7420201	Công nghệ sinh học	38	28	4	A00, B00, B08, D90
15	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	110	80	10	A00, A01, C01, D07
16	Đại học	7510102	Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng	55	40	5	A00, A01, C01, D01
17	Đại học	7510201	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	110	80	10	A00, A01, C01, D01
18	Đại học	7510205	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	27	20	3	A00, A01, C01, D01
19	Đại học	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử (Hệ thống điện, Điện công nghiệp)	82	60	8	A00, A01, C01
20	Đại học	7510303	Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	44	32	4	A00, A01, C01
21	Đại học	7510401	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	55	40	5	A00, B00, D07
22	Đại học	7520320	Kỹ thuật môi trường	55	40	5	A01, A02, B00, B08
23	Đại học	7540101	Công nghệ thực phẩm	55	40	5	A00, B00, D07, D90
24	Đại học	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	44	32	4	A00, A01, C01, D01
25	Đại học	7620101	Nông nghiệp (**)	55	40	5	A02, B00, B08, D90
26	Đại học	7620301	Nuôi trồng thủy sản (**)	159	116	15	A02, B00, B08, D90
27	Đại học	7640101	Thú y (**)	165	120	15	A02, B00, B08, D90
28	Đại học	7720203	Hóa dược	33	20	7	A00, B00, D07
29	Đại học	7720101	Y khoa	225		25	B00, B08
30	Đại học	7720201	Dược học	150		15	A00, B00
31	Đại học	7720301	Điều dưỡng (**)	66	50	4	B00, B08
32	Đại học	7720501	Răng - Hàm - Mặt	50		5	B00, B08
33	Đại học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	33	24	3	A00, B00

34	Đại học	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	55	40	5	A00, B00
35	Đại học	7720701	Y tế Công cộng	55	40	5	A00, B00
36	Đại học	7720401	Dinh dưỡng	38	28	4	B00, B08
37	Đại học	7720110	Y học dự phòng	55	40	5	B00, B08
38	Đại học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	33	22	5	A00, B00
39	Đại học	7220106	Ngôn ngữ Khmer (**)	82	60	8	C00, D01, D14
40	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	137	100	13	D01, D09, D14, DH1
41	Đại học	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	22	16	2	D01, D09, D14, DH1
42	Đại học	7229040	Văn hoá học	55	40	5	C00, D14
43	Đại học	7310101	Kinh tế	187	133	20	A00, C14, D01, D84
44	Đại học	7310201	Chính trị học	44	31	5	C00, D01, C19, C20
45	Đại học	7310205	Quản lý Nhà nước	55	40	5	C00, C04, D01, D14
46	Đại học	7760101	Công tác xã hội	27	20	3	C00, D78, D66, C04
47	Đại học	7810201	Quản trị khách sạn	55	40	5	C00, C04, D01, D15
48	Đại học	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	49	36	5	C00, C04, D01, D15
49	Đại học	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	110	78	12	C00, C04, D01, D15
50	Đại học	7810301	Quản lý thể dục thể thao	27	20	3	C00, C14, C19, D78
51	Đại học	7850101	Quản lý Tài nguyên và môi trường	38	28	4	A00, B00, B02, B08
52	Đại học	7510605	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng	25	15	10	A00, C14, D01, D84
53	Đại học	7480107	Trí tuệ nhân tạo	25	15	10	A00, A01, D01

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
Địa chỉ: Số 126 Nguyễn Thiện Thành - Khóm 4, Phường 5, Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Điện thoại: (0294) 3.855.944 - **Email**: tuyensinh@tvu.edu.vn
Website: tuyensinh.tvu.edu.vn - www.tvu.edu.vn

Trích Nguồn: https://tuyensinh.tvu.edu.vn/vi/news/tuyen-sinh-dai-hoc/thong-tin-tuyen-sinh-chinh-quy-nam-2023-du-kien-32695.html

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Mã Trường: TCT

Chỉ tiêu tuyển sinh: 8.720 (tuyển sinh trên toàn quốc)

I. PHƯƠNG THỨC 1: Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển

1. TUYỂN THẲNG

1.1. Đối tượng tuyển thẳng

- Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc;
- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng và tốt nghiệp THPT năm 2023;
- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng và tốt nghiệp THPT năm 2023;
- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng và tốt nghiệp THPT năm 2023;
- Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng và tốt nghiệp THPT năm 2023;
- Thí sinh đã trúng tuyển vào Trường ĐHCT nhưng có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung đã được bảo lưu kết quả trúng tuyển, nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ;
- Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định có khả năng theo học một số ngành thuộc chương trình đại trà của Trường nhưng không có khả năng dự tuyển theo những phương thức tuyển sinh của Trường;
- Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

2. ƯU TIÊN XÉT TUYỂN

2.1. Điều kiện:

- Thí sinh có tham dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 và tốt nghiệp THPT trong năm 2023;
- Có kết quả các môn thi ứng với tổ hợp xét tuyển của ngành đăng ký ưu tiên xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo phương thức xét điểm thi THPT năm 2023 do Trường ĐHCT xác định.

2.2. Đối tượng: Thí sinh có đủ các điều kiện trên và thuộc các đối tượng sau được ưu tiên xét tuyển vào đại học hệ chính quy:

- Thí sinh là đối tượng được ưu tiên xét tuyển vào ngành học do thí sinh đăng ký xét tuyển (nếu không dùng quyền tuyển thẳng).

- Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.
- Thí sinh đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia dự tuyển vào ngành Giáo dục thể chất; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

II. PHƯƠNG THỨC 2: Xét tuyển điểm Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023

- Xét tuyển dựa vào điểm của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 theo tổ hợp 3 môn thi ứng với ngành do thí sinh đăng ký. Trường ĐHCT tổ chức thi các môn năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển vào ngành Kiến trúc và ngành Giáo dục thể chất: môn Vẽ mỹ thuật thi ngày 21/5/2023; môn Năng khiếu TDTT thi ngày 04/6/2023.
- Ngành xét tuyển: tất cả các ngành chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao và chương trình đại trà. Chỉ tiêu xét tuyển tối thiểu 60% tổng chỉ tiêu của ngành.
- Đối tượng: thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2023 trở về trước. Tuyển sinh toàn quốc
- Điều kiện ĐKXT: Thí sinh đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào năm 2023 do Trường ĐHCT xác định và không có môn nào từ 1,0 điểm trở xuống (thang điểm 10); riêng môn Năng khiếu TDTT, Vẽ kiến trúc phải đạt từ 5,0 điểm trở lên (thang điểm 10).

III. PHƯƠNG THỨC 3: Xét tuyển điểm học bạ THPT (Các ngành ngoài sư phạm)

- Xét tuyển dựa vào Điểm trung bình môn 5 học kỳ (5 học kỳ: các học kỳ lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển ứng với ngành do thí sinh đăng ký. Điểm xét tuyển được tính bằng trung bình cộng của điểm trung bình môn trong 5 học kỳ (làm tròn đến hai chữ số thập phân)
- Riêng ngành Kiến trúc, thí sinh phải dự thi môn Vẽ mỹ thuật do Trường ĐHCT tổ chức thi ngày 21/5/2023 để lấy điểm.
- Ngành xét tuyển: Tất cả các ngành chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao và chương trình đại trà (trừ các ngành đào tạo giáo viên). Chỉ tiêu xét tuyển tối đa 40% chỉ tiêu của ngành tương ứng.
- Đối tượng: Thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2023 trở về trước. Tuyển sinh toàn quốc.
- Điều kiện ĐKXT: Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp xét tuyển ứng với ngành do thí sinh đăng ký từ 18 điểm trở lên (không cộng điểm ưu tiên, làm tròn đến hai chữ số thập phân).

IV. PHƯƠNG THỨC 4: Xét vào ngành Sư phạm bằng điểm học bạ THPT

- Xét tuyển dựa vào Điểm trung bình môn 6 học kỳ của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển ứng với ngành do thí sinh đăng ký. Điểm xét tuyển được tính bằng trung bình cộng của điểm trung bình môn trong 6 học kỳ (làm tròn đến hai chữ số thập phân)
- Riêng ngành Giáo dục thể chất, thí sinh phải dự thi môn Năng khiếu TDTT do Trường ĐHCT tổ chức thi ngày 04/6/2023 để lấy điểm.
- Ngành xét tuyển 13 ngành đào tạo giáo viên. Chỉ tiêu xét tuyển tối đa 40% chỉ tiêu của ngành tương ứng.
- Đối tượng: Thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2023 về trước
- Điều kiện đăng ký xét tuyển
  + Thí sinh đạt điều kiện dưới đây được đăng ký xét tuyển
  + Đối với ngành Giáo dục thể chất: Học lực cả năm lớp 12 được xếp loại khá trở lên; Những trường hợp sau đây chỉ yêu cầu học lực cả năm lớp 12 xếp loại trung bình trở lên
  + Đối với những ngành sư phạm khác: Học lực cả năm lớp 12 được xếp loại GIỎI.

V. PHƯƠNG THỨC 5: Tuyển chọn vào chương trình tiên tiến và chất lượng cao

- Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) thông báo xét tuyển Chương trình chất lượng cao (CTCLC) và Chương trình tiên tiến (CTTT) theo Phương thức 5
- Điều kiện đăng ký xét tuyển
  + Ứng viên là sinh viên trúng tuyển đại học hệ chính quy và nhập học vào Trường ĐHCT năm 2022 bất kỳ ngành nào theo các phương thức xét tuyển: 1, 2, 3 và 4.
  + Phương án xét: căn cứ vào điểm Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 hoặc điểm học bạ THPT (5 học kỳ, không tính học kỳ 2 lớp 12).

VI. PHƯƠNG THỨC 6: Xét tuyển thẳng vào học Bồi dưỡng kiến thức

1. Đối tượng

- Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ: Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bố Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ơ Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ.
- Thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ; Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Điều kiện và nguyên tắc xét tuyển: Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023 và thuộc một trong những đối tượng nói trên được tuyển thẳng vào học bổ sung kiến thức một năm trước khi vào đại học chính quy.

3. Ngành xét tuyển: Xét tuyển vào tất cả các ngành chương trình đào tạo đại trà tuyển sinh năm 2023 của Trường, trừ các ngành đào tạo giáo viên.

VII. DANH MỤC NGÀNH VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023 (Dự kiến)

1. Chương trình tiên tiến (CTTT), dự kiến chương trình chất lượng cao (CLC)

TT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	PHƯƠNG THỨC 1, 2, 3		PHƯƠNG THỨC 5	
			CHỈ TIÊU	TỔ HỢP	CHỈ TIÊU	TỔ HỢP
1	7420201T	**Công nghệ sinh học** (CTTT) *36 triệu đồng/năm học*	40	A01, B08, D07	40	A00, A01, B00, B08, D07
2	7620301T	**Nuôi trồng thủy sản** (CTTT) *36 triệu đồng/năm học*	40		40	
3	7510401C	**Công nghệ kỹ thuật hóa học** (CLC) *36 triệu đồng/năm học*	40		40	
4	7540101C	**Công nghệ thực phẩm** (CLC) *36 triệu đồng/năm học*	40		40	
5	7580201C	**Kỹ thuật xây dựng** (CLC) *36 triệu đồng/năm học*	40	A01, D01, D07	40	A00, A01, D01, D07

6	7520201C	**Kỹ thuật điện** (CLC) *36 triệu đồng/năm học*	40		40	
7	7520216C	**Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa** (CLC) *36 triệu đồng/năm học*	40		40	
8	7480201C	**Công nghệ thông tin** (CLC) *36 triệu đồng/năm học*	40		40	
9	7480103C	**Kỹ thuật phần mềm** (CLC) *36 triệu đồng/năm học*	40		40	
10	7340101C	**Quản trị kinh doanh** (CLC) *36 triệu đồng/năm học*	80		40	
11	7810103C	**Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** (CLC) *36 triệu đồng/năm học*	40		40	
12	7340201C	**Tài chính - Ngân hàng** (CLC) *36 triệu đồng/năm học*	40		40	
13	7340120C	**Kinh doanh quốc tế** (CLC) *36 triệu đồng/năm học*	80		40	
14	7220201C	**Ngôn ngữ Anh** (CLC) *36 triệu đồng/năm học*	80	D01, D14, D15	40	D01, D14, D15, D66

2. Các ngành chương trình đào tạo đại trà

TT	Mã ngành	Tên ngành (chuyên ngành - nếu có)	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển	Điểm TT 2022	
					Học bạ	Điểm thi
ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN ***(Xét các phương thức 1, 2 và 4)***						
1	7140202	**Giáo dục Tiểu học**	80	A00, C01, D01, D03	28.50	23.90
2	7140204	**Giáo dục Công dân**	60	C00, C19, D14, D15	27.25	26.00
3	7140206	**Giáo dục Thể chất**	60	T00, T01, T06	23.25	20.25
4	7140209	**Sư phạm Toán học**	80	A00, A01, B08, D07	29.85	26.00
5	7140210	**Sư phạm Tin học**	60	A00, A01, D01, D07	27.50	22.50
6	7140211	**Sư phạm Vật lý**	60	A00, A01, A02, D29	29.75	25.30
7	7140212	**Sư phạm Hóa học**	60	A00, B00, D07, D24	29.85	25.50
8	7140213	**Sư phạm Sinh học**	60	B00, B08	29.40	23.90
9	7140217	**Sư phạm Ngữ văn**	80	C00, D14, D15	28.30	26.50
10	7140218	**Sư phạm Lịch sử**	60	C00, D14, D64	28.25	27.00
11	7140219	**Sư phạm Địa lý**	60	C00, C04, D15, D44	28.50	26.25
12	7140231	**Sư phạm Tiếng Anh**	80	D01, D14, D15	28.25	25.75
13	7140233	**Sư phạm Tiếng Pháp**	60	D01, D03, D14, D64	27.50	22.00
KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ ***(Xét các phương thức 1, 2, 3 và 6)***						
14	7510401	**Công nghệ kỹ thuật hóa học**	120	A00, A01, B00, D07	28.00	23.50
15	7520309	**Kỹ thuật vật liệu**	60	A00, A01, B00, D07	23.00	23.00
16	7510601	**Quản lý công nghiệp**	80	A00, A01, D01	27.75	23.25
17	7510605	**Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng**	80	A00, A01, D01	29.00	25.00
18	7520103	Kỹ thuật cơ khí, *có 2 chuyên ngành:* *- Cơ khí chế tạo máy;* *- Cơ khí Ô tô.*	120	A00, A01	27.50	23.80
19	7520114	**Kỹ thuật cơ điện tử**	70	A00, A01	27.00	23.00
20	7520216	**Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa**	70	A00, A01	27.75	24.25
21	7520207	**Kỹ thuật điện tử - viễn thông**	70	A00, A01	26.25	23.40
22	7520201	**Kỹ thuật điện**	80	A00, A01, D07	26.75	23.70
23	7580213	**Kỹ thuật cấp thoát nước**	60	A00, A01, B08, D07	19.50	16.75
24	7580101	Kiến trúc	65	V00, V01, V02, V03	*Mới*	*Mới*
25	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị	60	A00, A01, B00, D07	*Mới*	*Mới*
26	7580201	**Kỹ thuật xây dựng**	100	A00, A01	26.75	22.70
27	7580202	**Kỹ thuật xây dựng công trình thủy**	60	A00, A01	19.50	20.00
28	7580205	**Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông**	60	A00, A01	24.25	20.00
MÁY TÍNH, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG ***(Xét các phương thức 1, 2, 3 và 6)***						
29	7320104	**Truyền thông đa phương tiện**	120	A00, A01, D01	28.50	24.75
30	7480202	**An toàn thông tin**	60	A00, A01	28.00	24.75
31	7480101	**Khoa học máy tính**	70	A00, A01	28.50	25.40
32	7480106	**Kỹ thuật máy tính**	70	A00, A01	27.25	24.50
33	7480102	**Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu**	60	A00, A01	27.50	24.25
34	7480103	**Kỹ thuật phần mềm**	80	A00, A01	28.75	26.30
35	7480104	**Hệ thống thông tin**	60	A00, A01	27.50	24.75
36	7480201	**Công nghệ thông tin**	80	A00, A01	29.25	26.50
37	7480201**H**	**Công nghệ thông tin** - *Khu Hòa An (*)*	40	A00, A01	26.75	24.00
KINH TẾ - KINH DOANH VÀ QUẢN LÝ - LUẬT ***(Xét các phương thức 1, 2, 3 và 6)***						

38	7340301	**Kế toán**	100	A00, A01, C02, D01	28.75	25.00
39	7340302	**Kiểm toán**	80	A00, A01, C02, D01	28.00	24.00
40	7340201	**Tài chính - Ngân hàng**	80	A00, A01, C02, D01	29.25	25.00
41	7340101	**Quản trị kinh doanh**	100	A00, A01, C02, D01	29.00	24.75
42	7340101**H**	**Quản trị kinh doanh** - *Khu Hòa An (*)*	80	A00, A01, C02, D01	26.00	23.00
43	7810103	**Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**	100	A00, A01, C02, D01	28.25	24.40
44	7340115	**Marketing**	100	A00, A01, C02, D01	29.25	25.25
45	7340121	**Kinh doanh thương mại**	120	A00, A01, C02, D01	28.75	24.25
46	7340120	**Kinh doanh quốc tế**	100	A00, A01, C02, D01	29.25	24.50
47	7620114**H**	**Kinh doanh nông nghiệp** - *Khu Hòa An (*)*	120	A00, A01, C02, D01	19.50	15.25
48	7310101	**Kinh tế**	80	A00, A01, C02, D01	28.25	24.40
49	7620115	**Kinh tế nông nghiệp**	120	A00, A01, C02, D01	26.00	16.00
50	7620115**H**	**Kinh tế nông nghiệp** - *Khu Hòa An (*)*	80	A00, A01, C02, D01	19.50	15.75
51	7850102	**Kinh tế tài nguyên thiên nhiên**	80	A00, A01, C02, D01	25.25	16.25
52	7380107	Luật kinh tế	75	A00, C00, D01, D03	*Mới*	*Mới*
53	7380101	Luật, *có 2 chuyên ngành:* *- Luật Hành chính;* *- Luật Tư pháp;*	160	A00, C00, D01, D03	27.75	25.75
54	7380101**H**	**Luật (*Luật Hành chính*)** - *Khu Hòa An (*)*	60	A00, C00, D01, D03	25.50	25.15
NÔNG NGHIỆP - THỦY SẢN - CHẾ BIẾN - CHĂN NUÔI - THÚ Y - MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN *(Xét các phương thức 1, 2, 3 và 6)*						
55	7540101	**Công nghệ thực phẩm**	200	A00, A01, B00, D07	28.25	23.50
56	7540105	**Công nghệ chế biến thủy sản**	160	A00, A01, B00, D07	26.25	17.75
57	7540104	**Công nghệ sau thu hoạch**	80	A00, A01, B00, D07	23.75	19.00
58	7620105	**Chăn nuôi**	140	A00, A02, B00, B08	23.75	15.75
59	7640101	**Thú y**	140	A02, B00, B08, D07	28.00	21.60
60	7620110	Khoa học cây trồng, *2 chuyên ngành:* ***- Khoa học cây trồng;*** ***- Nông nghiệp công nghệ cao.***	160	A02, B00, B08, D07	22.25	15.00
61	7620109	**Nông học**	100	B00, B08, D07	24.00	15.25
62	7620112	**Bảo vệ thực vật**	160	B00, B08, D07	25.50	16.00
63	7440301	**Khoa học môi trường**	100	A00, A02, B00, D07	22.50	20.00
64	7850101	**Quản lý tài nguyên và môi trường**	120	A00, A01, B00, D07	25.75	17.50
65	7520320	**Kỹ thuật môi trường**	100	A00, A01, B00, D07	22.00	20.75
66	7850103	**Quản lý đất đai**	120	A00, A01, B00, D07	26.25	16.25
67	7620113	**Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan**	80	A00, B00, B08, D07	19.50	15.25
68	7620103	**Khoa học đất (***Quản lý đất và công nghệ phân bón***)**	80	A00, B00, B08, D07	19.50	15.50
69	7620301	**Nuôi trồng thủy sản**	260	A00, B00, B08, D07	25.00	16.00
70	7620302	**Bệnh học thủy sản**	100	A00, B00, B08, D07	22.75	15.50
71	7620305	**Quản lý thủy sản**	100	A00, B00, B08, D07	24.00	16.00
KHOA HỌC SỰ SỐNG - KHOA HỌC TỰ NHIÊN - HÓA DƯỢC - THỐNG KÊ *(Xét các phương thức 1, 2, 3 và 6)*						
72	7460201	**Thống kê**	100	A00, A01, A02, B00	19.50	21.00
73	7460112	**Toán ứng dụng**	80	A00, A01, A02, B00	25.50	22.75
74	7520401	**Vật lý kỹ thuật**	60	A00, A01, A02, C01	21.00	23.50
75	7440112	**Hóa học**	80	A00, B00, C02, D07	26.50	22.50
76	7720203	**Hóa dược**	90	A00, B00, C02, D07	28.75	24.90
77	7420101	**Sinh học**	80	A02, B00, B03, B08	22.00	22.75
78	7420203	**Sinh học ứng dụng**	80	A00, A01, B00, B08	22.00	23.00
79	7420201	**Công nghệ sinh học**	160	A00, B00, B08, D07	28.00	23.50
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA NƯỚC NGOÀI - XÃ HỘI NHÂN VĂN - DU LỊCH *(Xét các phương thức 1, 2, 3 và 6)*						
80	7229030	**Văn học**	100	C00, D01, D14, D15	26.75	25.00
81	7310630	**Việt Nam học (***Hướng dẫn viên du lịch***)**	100	C00, D01, D14, D15	27.75	26.00
82	7310630**H**	**Việt nam học (***Hướng dẫn viên du lịch***)** - *Khu Hòa An (*)*	60	C00, D01, D14, D15	25.00	25.00
83	7220201	Ngôn ngữ Anh, *2 chuyên ngành:* ***- Ngôn ngữ Anh;*** ***- Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh.***	120	D01, D14, D15	28.25	26.00
84	7220201**H**	**Ngôn ngữ Anh** - *Khu Hòa An (*)*	60	D01, D14, D15	25.50	24.75
85	7220203	**Ngôn ngữ Pháp**	80	D01, D03, D14, D64	24.50	23.00
86	7320201	**Thông tin - thư viện**	80	A01, D01, D03, D29	22.00	20.00
87	7229001	**Triết học**	60	C00, C19, D14, D15	25.00	25.50
88	7310201	**Chính trị học**	60	C00, C19, D14, D15	25.00	25.75
89	7310301	**Xã hội học**	100	A01, C00, C19, D01	26.50	25.75

Ghi chú:

- Đối với các mã ngành tuyển sinh học tại khu Hòa An (*):
  + Khu Hòa An là một cơ sở đào tạo của Trường ĐHCT, tọa lạc tại số 554, Quốc lộ 61, ấp Hòa Đức, xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (cách TP. Cần Thơ 45 km)
  + Sinh viên học tại Khu Hòa An là sinh viên đại học chính quy của Trường ĐHCT (do Khoa Phát triển Nông thôn quản lý). Chương trình đào tạo, giảng viên, điều kiện học tập, học phí, chế độ chính sách và bằng cấp hoàn toàn giống như sinh viên học tại Cần Thơ. Khi trúng tuyển, những sinh viên này sẽ học năm thứ nhất và năm thứ tư tại Cần Thơ, các năm còn lại học tại Khu Hòa An.
  + Ký túc xá tại khu Hòa An: 450 chỗ.

Thông tin liên hệ: PHÒNG ĐÀO TẠO - TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
Địa chỉ: Đường 3/2, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0292. 3872 728 - **Email:** tuyensinh@ctu.edu.vn - **Mobile/Zalo/Viber:** 0886889922
Kênh tư vấn: https://www.facebook.com/ctu.tvts

Trích Nguồn: https://tuyensinh.ctu.edu.vn/dai-hoc-chinh-quy/thong-tin-tuyen-sinh.html

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Mã Trường: KCC

Vùng tuyển sinh: Thành phố Cần Thơ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.
Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT trong năm 2023 và các năm trở về trước.
1. Tổng chỉ tiêu dự kiến xét tuyển: 1.620

TT	Mã ngành	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển
1	7480101	Khoa học máy tính	65	A00; A01; C01; D01
2	7460108	Khoa học dữ liệu	60	
3	7480104	Hệ thống thông tin	65	
4	7480201	Công nghệ thông tin	100	
5	7480103	Kỹ thuật phần mềm	80	
6	7520118	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	60	A00; C01; C02; D01
7	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	90	
8	7510601	Quản lý công nghiệp	65	
9	7580302	Quản lý xây dựng	65	
10	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	70	A00; A02; C01; D01
11	7510403	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	60	A00; A01; A02; C01
12	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	90	
13	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	65	
14	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	65	
15	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	50	A00; B00; C02; A11
16	7540101	Công nghệ thực phẩm	100	A00; B00; C02; D01
17	7420201	Công nghệ sinh học	60	A00; B00; C02; D01
18	7340201	Tài chính - Ngân hàng	80	A00; C01; C02; D01
19	7340301	Kế toán	80	
20	7340101	Quản trị kinh doanh	100	
21	7380101	Luật	80	C00; D01; D14; D15
22	7220201	Ngôn ngữ Anh	70	D01; D14; D15; D66

2. Phương thức xét tuyển (gồm 04 phương thức)

2.1. Phương thức 1: Xét tuyển kết quả học bạ 05 học kỳ (Mã phương thức: HB1)
- Ngưỡng đầu vào (mức điểm nhận hồ sơ): Tổng điểm trung bình ba môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 18 điểm trở lên.
- Cách tính điểm xét tuyển: Tổng điểm trung bình ba môn trong tổ hợp xét tuyển của học kỳ I, II lớp 10, lớp 11 và học kì I lớp 12 (làm tròn đến số thập phân thứ 2) cộng điểm ưu tiên đối tượng và ưu tiên khu vực (nếu có).

2.2. Phương thức 2: Xét kết quả học bạ lớp 12 (Mã phương thức: HB2)
- Ngưỡng đầu vào (mức điểm nhận hồ sơ): Tổng điểm trung bình ba môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 18 điểm trở lên.
- Cách tính điểm xét tuyển: Tổng điểm trung bình ba môn trong tổ hợp xét tuyển của cả ba năm lớp 12 (làm tròn đến số thập phân thứ 2) cộng điểm ưu tiên đối tượng và ưu tiên khu vực (nếu có).

2.3. Phương thức 3: Xét kết quả kỳ thi THPT năm 2023 (Mã phương thức: 100)
- Ngưỡng đầu vào: Trường sẽ công bố sau khi có kết quả thi THPT quốc gia năm 2023.
- Cách tính điểm xét tuyển: Tổng điểm ba môn thi tốt nghiệp THPT trong tổ hợp xét tuyển cộng điểm ưu tiên đối tượng và ưu tiên khu vực (nếu có).

2.4. Phương thức 4: Sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2023 do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức (Mã phương thức: 402)
- Ngưỡng đầu vào: Điểm thi đạt từ 600 điểm trở lên.
- Cách tính điểm xét tuyển: Điểm thi đánh giá năng lực, cộng điểm ưu tiên đối tượng và ưu tiên khu vực (nếu có).

Thông tin liên hệ: PHÒNG ĐÀO TẠO, TRƯỜNG ĐẠO HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ
Địa chỉ: Số 256 đường Nguyễn Văn Cừ, P. An Hoà, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
Điện thoại: 0292.3.898.167 - **Phòng Đào tạo**: 02923. 898 167 - **Website:** www.ctuet.edu.vn - tuyensinh.ctuet.edu.vn

Trích Nguồn: https://tuyensinh.ctuet.edu.vn/tuyen-sinh-dai-hoc-2023/thong-tin-tuyen-sinh-2023-189.html

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ

Mã Trường: DTD

1. Phương thức xét tuyển

- **Xét dựa vào kết quả học bạ THPT**
  + Cách thức xét tuyển: có 03 cách xét tuyển học bạ
    - Cách 01: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập của cả năm lớp 12
    - Cách 02: Xét dựa vào kết quả học tập cả năm lớp 10, cả năm lớp 11, học kỳ I lớp 12
    - Cách 03: Xét dựa vào kết quả học tập của cả năm học lớp 11 và học kỳ I lớp 12
  + Điều kiện xét tuyển
    - Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
    - Tổng điểm 3 môn thuộc nhóm môn xét tuyển đạt từ 16.5 điểm trở lên.
  + Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển: Bắt đầu nhận hồ sơ từ ngày 01/01/2023.
- **Xét dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia**
- **Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2023 của ĐHQG-HCM**

2. Ngành tuyển, tổ hợp các môn xét tuyển

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN
1	7720201	Dược học	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (D07) Toán - Hóa học - Ngữ văn (C02)
2	7720301	Điều dưỡng	Toán - Vật lý - Sinh học (A02) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Sinh học - Tiếng Anh (D08) Toán - Sinh học - Ngữ văn (B03)
3	7720401	Dinh dưỡng	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (D07) Toán - Sinh học - Tiếng Anh (D08)
4	7440112	Hóa học chuyên ngành hóa dược	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (D07)
5	7380107	Luật kinh tế	Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý (C00) Ngữ văn - Tiếng Anh - Lịch sử (D14) Toán - Tiếng Anh - GDCD (D84) Ngữ văn - Tiếng Anh - GDCD (D66)
6	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01) Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (D01) Toán - Vật lý - Ngữ văn (C01)
7	7340301	Kế toán	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01) Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (D01) Toán - Ngữ văn - Địa lý (C04)
8	7340201	Tài chính ngân hàng	
9	7340101	Quản trị kinh doanh	
10	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
11	7340115	Marketing	
12	7340120	Kinh doanh quốc tế	
13	7310630	Việt Nam học	Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý (C00) Ngữ văn - Tiếng Anh - Lịch sử (D14) Ngữ văn - Tiếng Anh - Địa lý (D15)
14	7810101	Du lịch	
15	7810201	Quản trị khách sạn	
16	7229030	Văn học	Toán - Ngữ văn - Địa lý (C04) Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý (C00) Ngữ văn - Tiếng Anh - Lịch sử (D14) Ngữ văn - Tiếng Anh - Địa lý (D15)
17	7229040	Văn hóa học	
18	7220201	Ngôn ngữ Anh	Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Tiếng Anh - Lịch sử (D14) Ngữ văn - Tiếng Anh - Địa lý (D15) Ngữ văn - Tiếng Anh - GDCD (D66)
19	7620301	Nuôi trồng thủy sản	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (D07)
20	7850103	Quản lý đất đai	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (D01)
21	7540101	Công nghệ thực phẩm	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Vật lý - Sinh học (A02) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01) Toán - Vật lý - Ngữ văn (C01)
22	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình XD	
23	7480201	Công nghệ thông tin	
24	7510301	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	
25	7640101	Thú y	Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Địa lý (A06)

			Toán - Sinh học - Địa lý (B02) Toán - Hóa học - Ngữ văn (C02)
26	7320104	Truyền thông đa phương tiện	Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01) Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý (C00) Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Tiếng anh - Địa lý (D15)
27	7210403	Thiết kế đồ họa	Toán - Ngữ văn - Địa lý (C04) Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (D01) Toán - Tiếng Anh - Địa lý (D10) Ngữ văn - Tiếng Anh - Địa lý (D15)
28	7850101	Quản lý Tài Nguyên và Môi trường	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (D01)
29	7620105	Chăn nuôi	Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Địa lý (A06) Toán - Sinh học - Địa lý (B02) Toán - Hóa học - Ngữ văn (C02)

Thông tin liên hệ: Phòng Tuyển sinh và Truyền thông Trường Đại học Tây Đô
Địa chỉ: Số 68 Trần Chiên, P. Lê Bình, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
Hotline: 0939 028 579 - 0939 440 579 - **Zalo:** 0939 028 579
Email: bantuvan@tdu.edu.vn - **Facebook**: Trường Đại học Tây Đô

Trích Nguồn: http://ts.tdu.edu.vn/trinh-do-dai-hoc/thong-bao-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2023-3

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

Mã trường: TKG
Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên toàn quốc và quốc tế
I. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

1. Đối tượng

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định,
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.
- Đối với các thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, Trường đại học Kiên Giang sẽ tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh

II. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH: Trường đại học Kiên Giang xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023 theo tỉ lệ 85% xét từ kết quả học tập THPT (học bạ) và 15% xét tuyển theo phương thức còn lại.

STT	Tên ngành	Mã ngành	Đại học	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Ngôn ngữ Anh	7220201	120	D01, D09, D14, D15
2	Kế toán	7340301	140	A00, A01, D01, D07
3	Luật	7380101	120	A00, C00, D01, D14
4	Quản trị kinh doanh	7340101	200	A00, A01, D01, D07
5	Công nghệ thông tin	7480101	200	A00, A01, D01, D07
6	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	7510103	80	A00, A01, D01, D07
7	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	20	A07, A09, C04, C14
8	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	40	A09, B04, C20, D15
9	Công nghệ thực phẩm	7540101	50	A00, A01, B00, D07
10	Nuôi trồng thủy sản	7620301	40	A00, B00, B02, C08
11	Khoa học nuôi trồng	7620110	20	A00, A02, B04, C13
12	Công nghệ sinh học	7420201	30	A01, B02, B04, C13
13	Sư phạm toán học	7140209	30	A00, A01, D01, D07
14	Chăn nuôi	7620105	20	A00, B00, B02, C08
15	Tài chính - Ngân hàng	7340201	120	A00, A01, C01, D01
16	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	7220101	20	C00, D01, D14, D15
17	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	20	A00, A01, C01, D01
18	Du lịch	7810101	80	C02, D01, D14, D15
19	Giáo dục tiểu học	7140202	45	A00, D01, C02, C20
20	Công nghệ kỹ thuật ôtô	7510205	130	A00, A01, C01, D01
21	Kinh doanh quốc tế (*)	7340120	80	A00, A01, D01, D07
22	Bảo vệ thực vật (*)	7620112	30	A00, B00, C02, D08
Tổng chỉ tiêu			1675	

Ghi chú: Ngành (*) là dự kiến mở trong năm 2023

III. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Stt	Tên Phương thức	Mã Phương thức	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Xét theo kết quả học tập THPT (PT1)	200	85%	Sử dụng tất cả các phương thức áp dụng cho tất cả các ngành đào tạo của Nhà trường
2	Xét theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023 (PT2)	100	15% (bao gồm 5 chỉ tiêu tuyển sinh cấp học bổng nước ngoài: Campuchia, Lào và Indonesia chỉ áp dụng cho các ngành thuộc lĩnh vực nông nghiệp, môi trường và ngành Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam)	
3	Xét theo kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023 (PT3)	402		
4	Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Đề án (PT4)	303		
Tổng			**100%**	

Thông tin lên hệ: PHÒNG ĐÀO TẠO - TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG
Địa chỉ: Số 320A Quốc lộ 61, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang
Điện thoại: 02973 69888 - **Website tuyển sinh:** tuyensinh.vnkgu.edu.vn - **Email:** qldt@vnkgu.edu.vn

Trích nguồn: https://tuyensinh.vnkgu.edu.vn/bai-viet/thong-bao-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-dot-1-nam-2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

Mã Trường: DBL

1. Phương thức tuyển sinh:

- **Phương thức 1:** Xét tuyển theo kết quả thi TN THPT năm 2023.
- **Phương thức 2:** Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (Học bạ). Căn cứ vào tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển: Đại học từ 18 điểm trở lên.
  - Cách thức 1: Các môn xét tuyển lấy trung bình 03 học kỳ: học kỳ 1, 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12.
  - Cách thức 2: Các môn xét tuyển lấy trung bình 02 học kỳ lớp 12.
- **Phương thức 3:** Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2023.

2. Thời gian thực hiện:

- Phương thức 1: Thí sinh đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ GD-ĐT.
- Phương thức 2: Từ 01/5 đến 14/7/2023.
- Phương thức 3: Từ 01/5 đến 14/7/2023.

3. Các ngành tuyển sinh hệ đại học:

TT	NGÀNH ĐÀO TẠO	MÃ NGÀNH QUY ƯỚC	PHƯƠNG THỨC/ TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN			CHỈ TIÊU
			TỪ HỌC BẠ THPT 50%	TỪ KẾT QUẢ THI THPT 2023 45%	TỪ KẾT QUẢ ĐGNL ĐHQG-HCM NĂM 2023 5%	
1	**Công nghệ thông tin:** - Công nghệ phần mềm - Công nghệ thông tin - Công nghệ số	7480201	A00, A01, D07	A00, A01, D07, D90	Điểm thi	100
2	**Quản trị kinh doanh:** - Quản trị kinh doanh - Quản trị du lịch và lữ hành	7340101	A00, A01, D01	A00, A01, D01, D90	Điểm thi	60
3	**Kế toán**	7340301	A00, A01, D01	A00, A01, D01, D90	Điểm thi	100
4	**Tài chính - Ngân hàng**	7340201	A00, A01, D01	A00, A01, D01, D90	Điểm thi	60
5	**Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam:** - Văn hóa du lịch - Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam	7220101	C00, C03, D01	C00, C03, D01, D78	Điểm thi	80
6	**Ngôn ngữ Anh:** - Ngôn ngữ Anh - Tiếng Anh du lịch	7220201	D01, D09, D14	D01, D09, D14, D78	Điểm thi	80
7	**Nuôi trồng thủy sản:** - Nuôi tôm công nghệ cao - Nuôi trồng thủy sản	7620301	A00, B00, D07	A00, B00, D07, D90	Điểm thi	100
8	**Chăn nuôi:** - Chăn nuôi - Chăn nuôi - Thú y	7620105	A00, B00, D07	A00, B00, D07, D90	Điểm thi	50
9	**Bảo vệ thực vật**	7620112	A00, B00, D07	A00, B00, D07, D90	Điểm thi	50
10	**Khoa học môi trường:** - Khoa học môi trường - Bảo vệ môi trường thủy sản	7440301	A00, B00, D07	A00, B00, D07, D90	Điểm thi	50

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU
Địa chỉ: Số 178, Võ Thị Sáu, phường 8, Tp. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Địa chỉ trang thông tin tuyển sinh: tuyensinh.blu.edu.vn - **Email:** tuyensinh@blu.edu.vn - **Website:** blu.edu.vn - tuyensinh.blu.edu.vn
Số điện thoại hỗ trợ giải đáp thắc mắc: 02913 821 107

Trích Nguồn: https://tuyensinh.blu.edu.vn/danh-muc-nganh-va-chi-tieu-ts-2023

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & TƯ VẤN GIÁO DỤC QUỐC TẾ

ĐẠI DƯƠNG

Tư Vấn Du Học Đại Dương

SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY

- Thành lập vào năm 2008.
- Giấy phép ĐKKD số 0306327732 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư cấp năm 2008.
- Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ tư vấn du học số 539/QĐ-GDĐT-TC do Sở Giáo dục và Đào tạo cấp ngày 14/04/2015.

DỊCH VỤ CỦA CÔNG TY

- Tư vấn du học các nước: Canada, Mỹ, Úc, New Zealand, Anh, Đức, Thụy Sỹ, Hà Lan, Phần Lan, Ireland, Singapore, Philippines.
- Chuyên giải quyết hồ sơ khó.
- Cập nhật thông tin học bổng mới nhất.
- Dịch thuật giấy tờ hồ sơ.
- Hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của Sứ quán.
- Thư mời nhập học.
- Sắp xếp nhà ở cho học sinh.
- Đặt vé máy bay.
- Hướng dẫn và đồng hành khi các em sang nước ngoài học tập: ý nghĩa visa, thời hạn visa, các giấy tờ nhập cảnh, giấy tờ cần mang lên trường học,...
- Hỗ trợ phụ huynh và học sinh/sinh viên tất cả dịch vụ liên quan khi ở nước ngoài: cập nhật kết quả học tập cho phụ huynh, chuyển lớp/bậc học, xin visa thăm người thân,...

Trung Tâm Anh Ngữ Quốc Tế Đại Dương

- Trung tâm Anh Ngữ Đại Dương được thành lập năm 2021 trực thuộc Công ty Đại Dương.
- Giấy chứng nhận hoạt động giáo dục ngoại ngữ Quốc Tế số 388/QĐ-GDĐT-TC do Sở Giáo dục và Đào tạo cấp .

DỊCH VỤ CỦA TRUNG TÂM

- Trung tâm Anh ngữ Đại Dương là một trong những đối tác với các tổ chức thi IELTS chính thức tại Việt Nam: luyện thi IELTS, TOEIC, nâng band điểm IELTS và TOEIC đáp ứng nhu cầu cần thiết cho mọi học viên như: Du học các nước, lấy Chứng chỉ ra trường chuẩn đầu ra từ TOEIC 450, IELTS 6.5 trở lên.
- Lớp ít không quá 5 học viên giúp đảm bảo chất lượng học tốt nhất.
- Lớp học được thiết kế theo yêu cầu từng học viên *
- Cam kết đạt điểm đầu ra.
- Bài test chuẩn 4 kỹ năng của kì thi ONLINE quốc tế, (chuẩn BC và IDP).
- Tư vấn các chương trình học bổng, chương trình du học cho học viên miễn phí.
- Miễn phí làm hồ sơ visa du học cho học viên của Trung tâm
- MIỄN PHÍ kiểm tra đầu vào và tư vấn.
- Lộ trình đào tạo được thiết kế chuyên biệt cho từng học viên.
- Hỗ trợ học viên tối đa 24/7 đa nền tảng (Zalo, Fanpage, Messenger).

**Chỉ áp dụng cho lớp học 1-1*

TƯ VẤN GIÁO DỤC QUỐC TẾ ĐẠI DƯƠNG

www.duhocdaiduong.com | 028.3833 3971

https://www.facebook.com/trungtamngoainguquoctedaiduong | 035 280 6979

76 Nguyễn Chí Thanh, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

DU HỌC

IELTS

TÂM LÝ MÙA THI

Sự ổn định về tâm lý của mỗi con người đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống, đặc biệt là sự ổn định về tâm lý của các bạn học sinh trước khi bước vào kỳ thi tuyển sinh – một bước ngoặt lớn trong cuộc đời.

Sự ổn định về mặt tâm lý chính là chìa khóa để các bạn học sinh có thể đạt được kết quả thi như mong muốn.

Những phương pháp cơ bản nhằm ổn định tâm lý trong kỳ thi tuyển sinh:

1. Xây dựng thời khoá biểu một cách chi tiết và cụ thể

Bên cạnh thời khoá biểu học trên lớp thì các bạn cần phải xây dựng cho bản thân một lịch học cụ thể và chi tiết hơn. Buổi sáng học môn nào, thời lượng bao nhiêu, buổi chiều học như thế nào, đến buổi tối học vấn đề gì, nhưng các bạn cũng nên nhớ một điều rằng lồng ghép trong thời khoá biểu học phải có thời gian giải lao, nghỉ ngơi hợp lý.

2. Giữ sức khỏe ổn định

Các bạn học sinh cần nhớ rằng sức khoẻ là điều cực kỳ quan trọng trong việc thi cử, do đó phải giữ sức khoẻ ổn định trong quá trình ôn và luyện thi, phải ăn uống điều độ, không được thức quá khuya. Bởi không có sức khoẻ thì không thể suy nghĩ, giải quyết vấn đề một cách thấu đáo và thông suốt được và khi tinh thần mệt mỏi thường dẫn đến tình trạng làm sai những điều rất đơn giản.

3. Chủ động và nghiêm túc trong quá trình chuẩn bị cho kỳ thi



Các bạn học sinh phải chủ động, tự tin vào vốn kiến thức của bản thân đã tích lũy trong những năm học qua. Không nên học lệch, học tủ, không trông chờ ỷ lại vào người khác mà phải tạo tư thế chủ động, bình tĩnh và tự tin trong mọi tình huống. Cần phải tập trung ôn luyện cho thật tốt, không nên lo sợ, hoang mang và đặc biệt không nên tin vào những lời bói toán vì nó chỉ làm cho chúng ta chủ quan hay hoang mang hơn mà thôi.

4. Đặt mục tiêu phù hợp, vừa sức với bản thân

Một mục tiêu phù hợp với bản thân là rất quan trọng. Mục tiêu đó sẽ tạo động lực giúp các bạn học sinh cố gắng phấn đấu. Một mục tiêu đúng đắn là phải phù hợp với sở thích của bản thân, phù hợp với học lực của mỗi bạn.

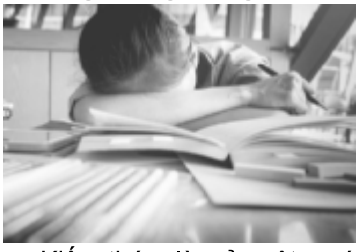
Không nên đặt mục tiêu quá cao, không thể thực hiện được điều đó khiến các bạn nhanh chán nản khi không thực hiện được. Các bạn học sinh cũng không nên đặt mục tiêu quá thấp hoặc đi thi với tâm lý thi cho biết, thi cho bằng bạn bằng bè, suy nghĩ "học tài thi phận", điều này vô hình sẽ kéo tâm lý thi cử đi theo hướng tiêu cực. Hãy tin tưởng vào khả năng của bản thân và cố gắng hết sức mình.

5. Bỏ qua những suy nghĩ, nỗi lo lắng không cần thiết

Những lo lắng như: chưa nhận được giấy báo dự thi, đánh nhầm, ghi nhầm một số chi tiết, nội dung trong hồ sơ dự thi, sai sót trên giấy báo thi…. Các bạn học sinh không nên suy nghĩ quá nhiều về các vấn đề kể trên,

bởi chúng sẽ được giải quyết một cách đơn giản trong ngày làm thủ tục dự thi (trước ngày dự thi một ngày). Hãy gác bỏ những thắc mắc, bận tâm về những sự cố nho nhỏ này để đầu tư ôn luyện bài vở thật chu đáo.

6. Không nên học dồn, nhồi nhét kiến thức trong một khoảng thời gian ngắn



Kiến thức là cả một quá trình dài ôn luyện, đã được tích lũy trong suốt quá trình học tập và thời gian chuẩn bị thi tốt nghiệp. Nếu các bạn đã chuẩn bị thật tốt thì không cần phải quá lo lắng. Việc học một cách ôm đồm, không khoa học sẽ khiến các bạn bị loãng kiến thức, hoảng loạn khi chỉ nhớ lẫn quẩn những kiến thức mới học mà quên mất những phần trước đó. Nếu đến ngày thi mà trong đầu bạn vẫn còn "trống rỗng" thì chỉ còn cách học kỹ những kiến thức cơ bản, vừa sức.

Tâm lý bạn nào cũng muốn nhồi nhét, cố nhớ thật nhiều kiến thức trước khi bước vào kỳ thi nhưng thật ra học như vậy không đem lại hiệu quả như mong muốn, ngược lại làm cho đầu óc bạn trở nên căng thẳng và hiệu quả ôn tập cũng không có chất lượng. Để tránh tình trạng này, các bạn hãy biết loại bỏ những phần kiến thức không cần thiết, không nên ôn tập hỗn độn một lúc nhiều môn thi mà cần phải bố trí lịch ôn tập một cách hợp lý, không bị phân tâm khi đang ôn tập môn này lại sang môn khác. Và điều quan trọng là các bạn cần phải ôn tập những phần mình chưa chắc, kiến thức còn bị khuyết để kịp thời bổ sung vốn kiến thức cho bản thân trước kỳ thi.

7. Phụ huynh không nên đặt quá nhiều kỳ vọng vào kỳ thi của con em mình

Phụ huynh đóng một vai trò rất quan trọng với việc thi cử của con. Cuộc sống hiện đại, mỗi gia đình chỉ có 1 hoặc 2 con nên nhiều khi phụ huynh đã kỳ vọng vào con tất cả những việc mà mình đã không làm được trong quá khứ. Đấy là tâm lý chung. Nhưng các bậc phụ huynh cũng phải hiểu, mỗi con em mình có một điều kiện, hoàn cảnh và khả năng nhất định, vì vậy phải biết bằng lòng với những điều mà con cái mình có. Bố mẹ phải bớt kỳ vọng và tăng kỳ công bởi nếu quá kỳ vọng vào con cái mà sau đó con thất bại thì sẽ thành bi kịch với chúng. Còn kỳ công là phải bỏ nhiều công sức hơn để hỗ trợ con chứ không phải làm giúp con (về cả tâm lý, trí tuệ, chăm sóc chứ không chỉ là tiền bạc).

Không can thiệp sâu, áp đặt hay ép buộc con cái phải làm theo ý mình, nhất là định hướng chọn nghề nghiệp.

8. Học cách làm chủ bản thân khi bước vào phòng thi

Trước khi thi mỗi thí sinh cần tập quen dần với môi trường thi thông qua các kỳ thi khi đang còn ngồi trên ghế nhà trường, tìm hiểu việc di chuyển, đi lại địa điểm tổ chức thi để có thể đến địa điểm thi đúng giờ tránh những sự cố đáng tiếc ngoài ý muốn sẽ tạo tâm lý căng thẳng trước khi bước vào phòng thi.

Khi bước vào phòng thi nên tập phớt lờ những áp lực, nhẩm một câu châm ngôn hoặc một bài thơ yêu thích, ngồi đúng vị trí, số báo danh, tận dụng vài phút để thư giãn. Trong quá trình làm bài nên quan tâm đến việc đọc kỹ đề bài yêu cầu, không vội vàng, nôn nóng làm ngay lập tức hoặc làm một cách say sưa, nên phân bố thời gian hợp lý cho từng nội dung, không nên quá sa đà vào một vấn đề mà làm mất nhiều thời gian không cần thiết.

Chuyên gia tư vấn tâm lý



SỨC KHỎE MÙA THI



Các bạn thường nghe nhắc đến câu ngạn ngữ Pháp: "Một tâm hồn minh mẫn trong một thân thể tráng kiện", điều này càng được chú trọng nhiều hơn nữa vào mùa thi.

Để giúp các bạn giữ gìn sức khỏe khi bước vào mùa thi, chúng tôi xin góp ý về chế độ ăn uống và nghỉ ngơi của các bạn.

Trong suốt thời gian ôn tập cho đến lúc đi thi, các bạn nên chú ý đến việc đảm bảo dinh dưỡng trong bữa ăn hàng ngày. Các bạn nên ăn thực phẩm có chất đạm, béo, bột, vitamin muối khoáng. Những chất này có trong các món ăn như trứng, tôm, cua, các loại đậu, dầu thực vật, mỡ, bơ, mè, rau xanh, trái cây chín. Những loại thức ăn này tăng cường dưỡng chất cho cơ thể nói chung và cho não bộ nói riêng. Chúng tạo chất dẫn truyền thần kinh góp phần tăng trí nhớ, giúp dễ tiếp thu bài, làm giảm sự mệt mỏi trí óc:

- Lòng đỏ trứng (gà, vịt, chim cút,...): Chứa hàm lượng cao chất lécithine, vừa giúp gan hoạt động tốt vừa giúp tạo lập acetyl-choline (chất dẫn truyền luồng thần kinh quan trọng nhất). Vì vậy, trứng giúp bổ não, tăng trí nhớ.

- Đậu nành: Chứa nhiều glucid, protid và lipid, các vitamin, các men hỗ trợ sự tiêu hóa và lécithine. Để bữa ăn trở nên đa dạng, phong phú, có thể sử dụng các chế phẩm khác nhau như giá, bơ, sữa đậu nành, đậu phụ,…



- Bí đỏ: Chứa nhiều beta-caroten, khi vào cơ thể sẽ chuyển thành vitamin A, có lợi cho mắt. Trong bí đỏ còn có một chất cần thiết cho hoạt động của não bộ, đó là acid glutamic tự nhiên (khoảng 1%), giúp thải các chất thải do hoạt động của não bộ tiết ra. Nó cũng chứa nhiều phosphor (một chất cần thiết cho hoạt động của não).

- Cà chua, cà rốt: Giàu beta-caroten.



- Các loại rau, trái cây giàu vitamin C như cam quýt, chanh, bưởi, rau dền,... có tác dụng giảm mệt mỏi.



- Về đồ uống: Mỗi ngày, các bạn nên uống từ 1,5 đến 2 lít nước. Các bạn nên uống nhiều nước ép trái cây; hạn chế uống nước có gas và các chất kích thích như rượu, bia. Không nên dùng chất kích thích như trà đặc, cà phê, thuốc lá hoặc thuốc gây hưng phấn. Những thứ này có thể giúp ích nhất thời trong một thời gian ngắn như có thể thức suốt đêm để học bài nhưng sau đó sẽ rơi vào trạng thái uể oải, mỏi mệt, chưa kể nếu dùng kéo dài có thể gây nghiện. Nếu hàng ngày các bạn có thói quen uống sữa tươi, các bạn hãy tiếp tục uống từ 1 – 2 ly sữa mỗi ngày (hoặc ăn sữa chua). Tuy nhiên, nếu không quen uống sữa tươi hoặc cố gắng uống thêm nhiều sữa trong ngày là không thực sự tốt.



Một điều không kém phần quan trọng là dù bận rộn nhưng đừng quên bữa ăn sáng, tất nhiên không cần phải ăn quá no buổi sáng. Các bạn có thể "nạp năng lượng" bằng bữa ăn sáng nhẹ

với bánh mì, khoai lang hay một gói xôi... sẽ cung cấp năng lượng giúp hoạt động của não tốt. Đặc biệt, các bạn nữ đừng vì giảm cân, sợ mập mà kiêng cữ hoàn toàn chất béo, mùa thi cũng nên bổ sung các loại chất béo có trong dầu mè, đậu nành,... chỉ nên hạn chế những loại chất béo có trong mỡ heo, mỡ bò vì đó mới là những chất béo có hại cho sức khỏe... Không phải cứ ăn nhiều là tốt, mà quan trọng là cần ăn uống đủ chất và điều độ.

Bên cạnh chế độ ăn uống, các bạn cần sắp xếp thời gian học tập, nghỉ ngơi hợp lý. Mặc dù trong quá trình ôn thi, thời gian rất quý nhưng các bạn cần phải cố gắng đảm bảo cho giấc ngủ tối thiểu đủ 6 tiếng/ngày.



Chúng ta cũng nên ngủ trưa trong vòng 30 phút để giúp các bộ phận của cơ thể, cũng như tế bào não được nghỉ ngơi, phục hồi chức năng.

Các bạn chỉ nên học đến 24 giờ, không nên học quá khuya. Nếu thấy đói, nên ăn nhẹ. Buổi sáng, không nên dậy trước 5 giờ sáng. Cứ sau 45 phút ôn bài, các bạn nên tạm dừng, đứng lên, ra ngoài tập nhẹ để mắt được nghỉ và chân, tay,… đỡ mỏi. Nếu thấy quá căng thẳng, nên uống một ly sữa nóng, hoặc trà thảo dược ấm, nghỉ khoảng 15 phút rồi tiếp tục ngồi vào bàn. Nếu thấy căng thẳng quá, các bạn có thể thư giãn tại chỗ bằng cách ngừng đọc, nghĩ đến điều gì đó giúp mình vui vẻ: Thích nghe nhạc thì mở một ca khúc, đam mê hát thì cất lên một câu nào đó, hay nhớ lại một câu chuyện vui đã từng gặp…



Khi gặp khó khăn, áp lực, các bạn nên thẳng thắn tâm sự với cha mẹ, người thân để được chia sẻ, cùng tìm cách giải quyết tốt nhất.

Hàng ngày, buổi sáng các bạn đến trường để nạp vào não bộ một khối lượng kiến thức nhất định, buổi chiều theo các lớp học thêm, buổi tối phải chuẩn bị bài cho ngày mai và ôn bài, làm bài tập nâng cao. Với một khối lượng kiến thức khổng lồ như vậy, rất khó để có thể thu nạp và tiêu hoá hết trong một quỹ thời gian eo hẹp ban ngày, các bạn đành phải dành ban đêm để chuẩn bị bài cho ngày mai, vừa duyệt lại và hấp thụ vào đầu những gì cần nhớ.



Nhưng thật sự, sau một ngày làm việc căng thẳng, đến tối gần như bạn không thể nhớ được nhiều những gì mà bạn đã được học, bởi não bộ đã quá mệt mỏi sau một ngày làm việc căng thẳng, khả năng tập trung để nhớ lại những gì được học giảm đi rõ rệt, đó là nguyên nhân khiến bộ nhớ của các bạn không thể "lưu lại" được tất cả các dữ liệu. Vì não bộ của con người không giống như "ổ cứng" vô tận nên không nhồi nhét tất cả các dữ liệu mà bạn học được vào đầu, mà các bạn cần phải cẩn thận ghi chép, sắp xếp những phần chính của các bài giảng và ghi nhớ những điều cần thiết một cách hệ thống mà thôi.

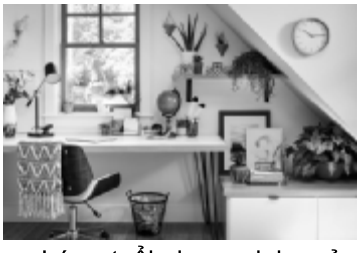
TRƯỚC KHI HỌC			TRONG QUÁ TRÌNH HỌC		SAU KHI HỌC
NHẬN THỨC	KIỂM SOÁT BẢN THÂN	LÊN KẾ HOẠCH	LỰA CHỌN	THỰC HIỆN	TỔNG KẾT

Yếu tố môi trường bên ngoài tác động rất lớn đến tâm lý học tập của các học sinh, chỉ có tâm trạng thanh thản, an vui thì hiệu quả ôn tập mới cao:

+ Không khí gia đình cần được duy trì sự ấm cúng, vui vẻ, hòa thuận. Các bạn không nên quá chú tâm đến lời hứa cho phần thưởng xứng đáng nếu thi đậu, cũng như không nên quá lo lắng đến viễn cảnh nếu thi rớt. Điều này chỉ làm chi phối, không mang lợi ích cho các bạn. Không khí đầm ấm của gia đình giúp sức các bạn để đạt kết quả trong kỳ thi.



+ Tạo một không gian yên tĩnh trong lúc ôn tập là điều không thể thiếu. Không gây ồn ào, không làm mất trật tự, không mở ti vi, ra-đi-ô, không nói to tiếng… Bàn học lộn xộn không ngăn nắp có nguy cơ làm các bạn không tìm thấy tài liệu, viết, thước kẻ, compa... ngoài ra, còn khiến các bạn cảm thấy bực bội, khó tập trung tinh thần để học tập. Các bạn hãy mạnh dạn vứt bỏ những vật dụng không dùng đến hoặc bỏ gọn lại, sắp xếp tài liệu vào hộp giấy. Bày trí những vật trang sức nhỏ đẹp như hộp nến, cây xanh.



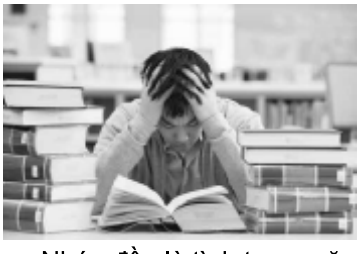
Lứa tuổi học sinh của chúng ta có một trí nhớ tốt, nhạy bén, thông minh là do một quá trình rèn luyện chăm chỉ, căn bản, lâu dài, không phải chỉ một sớm một chiều mà có được. Trong giai đoạn này, các "sĩ tử" cần được chăm sóc tốt, giữ gìn sức khoẻ, tinh thần thoải mái, ôn tập chặt chẽ để có thể tự tin bước vào phòng thi và đạt hiệu quả cao nhất.

Hôm trước ngày thi rất quan trọng. Các bạn nên nghỉ ngơi thoải mái, không uống các chất kích thích như rượu, bia, cà phê. Nên đi ngủ sớm, ngủ đủ giấc (nên đi ngủ vào lúc 21 - 22 giờ). Nếu muốn ôn bài, thì chỉ nên xem lướt qua. Buổi sáng hôm thi, các bạn nên ăn sáng bằng đồ tươi, sạch, tránh ăn quá no, tốt nhất là ăn ở nhà để đảm bảo vệ sinh.



Bước vào mùa thi, các bạn thường có hai trạng thái tâm lý trái ngược nhau, hoặc là quá lo lắng cho thi cử dẫn đến cuống cuồng học ngày học đêm, hoặc là cảm thấy chán nản, buông xuôi vì cho rằng không học kịp hết các kiến thức cần thiết cho kỳ thi, không đủ thời gian để ôn tập. Cả hai trạng thái tâm lý trên đều ảnh hưởng xấu đến khả năng làm bài thi của các bạn. Bên cạnh đó, các bạn cũng dễ gặp phải những vấn đề rắc rối về sức khỏe như sau:

1. Nhức đầu:



Nhức đầu là tình trạng gặp rất thường xuyên khi học bài thi. Bên cạnh việc tìm nguyên nhân để trị căn nguyên, thì khi bị nhức đầu hoặc đau nhức cơ thể, người ta hay lạm dụng thuốc để làm giảm bớt các triệu chứng đau nhức. Nhưng cần lưu ý rằng, có nhiều loại thuốc phải dùng lúc bụng no, và hết sức thận trọng đối với các em bị loét dạ dày tá tràng tiến triển hoặc thường bị rong kinh hay đa kỳ kinh, bị xuất huyết tiêu hóa. Riêng các bạn nữ bị đau bụng kinh nên tham khảo ý kiến bác sĩ để dùng các thuốc chuyên biệt trị đau bụng kinh phòng trước những ngày đi thi lại rơi vào chu kỳ kinh nguyệt. Kể cả những loại thuốc giảm đau thông dụng cũng không được dùng tùy tiện, bởi có thể xảy ra phản ứng phụ, hoặc gây ảnh hưởng đến thận và gan... Trong mùa thi, cần tăng thể lực bằng chế độ dinh dưỡng hợp lý, ăn đầy đủ chất, không được bỏ bữa.

2. Mệt mỏi, suy nhược: Mùa thi, các bạn thường hay phải thức khuya, dậy sớm để học bài nên cơ thể dễ bị mệt mỏi, thậm chí suy nhược. Do vậy, trong mùa thi cần tăng thể lực bằng chế độ dinh dưỡng hợp lý, ăn đầy đủ chất, không được bỏ bữa. Để chống tình trạng mệt mỏi, trong khẩu phần ăn hằng ngày cần dùng đầy đủ các chất, bột, đường (glucid), đạm (protid), chất béo (lipid), sinh tố, chất khoáng và khoáng vi lượng thiên nhiên cung cấp từ rau quả tươi và uống đầy đủ nước, nhất là nước từ trái cây tươi. Cần thay đổi đa dạng các bữa ăn, dùng các thực phẩm như: lòng đỏ trứng, cà rốt, cà chua, bí đỏ, gấc, quả có màu vàng cam và rau có màu xanh lục đậm.



3. Suy giảm trí nhớ: Trí nhớ rất cần thiết khi ôn thi, nhưng tình trạng "học tuy nhiều nhưng nhớ chẳng bao nhiêu" vẫn thường xuyên xảy ra ở các "sĩ tử". Việc học dễ nhớ lâu quên, yếu tố đầu tiên cần nghĩ đến là phương pháp học, có lúc học nhưng cũng cần có lúc dành ít thời gian để thư giãn, để trí óc khỏi bị

bão hòa. Bên cạnh đó, cũng cần bổ sung thêm thực phẩm giúp tăng cường trí nhớ. Chọn những thực phẩm, thức ăn giải độc cho não, giúp tạo lập chất dẫn truyền luồng thần kinh sẽ góp phần tăng trí nhớ như: lòng đỏ trứng (gà, vịt, chim cút...) chứa hàm lượng

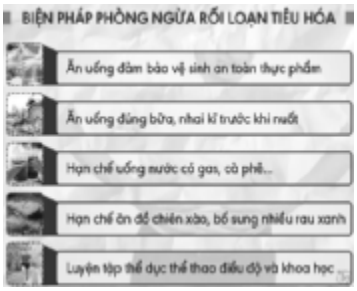


cao lécithine vừa giúp giải độc gan vừa giúp tạo lập acétyl-choline là chất dẫn truyền luồng thần kinh quan trọng nhất. Vì vậy, cần xen kẽ trứng vào bữa ăn trong thời kỳ ôn thi, sẽ giúp tăng cường trí nhớ. Ngoài ra, một số thực phẩm khác cũng giúp ích cho trí nhớ như: giá đậu, bơ đậu nành, đậu hũ,... Bên cạnh đó, cần vận động cơ thể để giúp cho não giảm bớt bị bão hòa, từ đó sẽ dễ dàng "nạp dữ liệu" khi học thi....



4. Mất ngủ: Do tập trung học bài, ôn tập cùng với tâm lý lo lắng cho kỳ thi, các bạn rất dễ mất ngủ gây ra mệt mỏi, uể oải. Giấc ngủ không đạt chất lượng thì việc ôn tập càng khó nhớ bài. Khi bị mất ngủ thì không nên ngủ trễ (ngủ quá giấc), tránh sử dụng chất kích thích. Không nên dùng thuốc an thần vì làm mất đi nhịp sinh lý tự nhiên của giấc ngủ. Tránh mệt mắt: môi trường học cần yên tĩnh và sáng sủa. Ánh sáng vừa đủ (60W). Chữ nhỏ hoặc biểu đồ cần nguồn sáng mạnh hơn.

5. Rối loạn tiêu hóa do quá lo lắng: Một số bạn vì quá lo lắng làm ảnh hưởng đến hoạt động của hệ tiêu hóa: ăn khó tiêu, chướng hơi, thậm chí bị "tào tháo rượt"... Để tránh tình trạng này, các bạn nên chọn ăn những thức ăn, đồ uống quen thuộc với mình, ăn uống tại nhà. Các bạn có thể tự trấn an mình bằng hành động ôn bài, thư giãn.



Chúng tôi hy vọng những góp trên đây sẽ giúp cho các bạn có thể bước vào kỳ thi với *"Một tâm hồn minh mẫn trong một thân thể tráng kiện"* để đạt được kết quả cao nhất. Chúc các bạn làm bài thi thật tốt và đạt kết quả thật mĩ mãn.

Chuyên gia tư vấn sức khỏe.



DANH BẠ CÁC HỌC VIỆN, TRƯỜNG ĐẠI HỌC, TRƯỜNG CAO ĐẲNG TỪ ĐÀ NẴNG ĐẾN CÀ MAU

TT	Tên, Địa chỉ, Điện thoại, Website
Danh sách các trường ĐH, CĐ Tại TP Đà Nẵng	
ĐẠI HỌC	
	ĐH Đà Nẵng Và Các Trường Thành Viên Địa chỉ: 41 Lê Duẩn, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3822041; Fax: (0236) 3823683 Email: webmaster@ac.udn.vn, Website: udn.vn
1.	**Trường Đại Học Bách Khoa - ĐH Đà Nẵng** Địa chỉ: 54 Nguyễn Lương Bằng, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3842308 - (0236) 3842308 Email: tchc.dhbk@dut.udn.vn, Website: dut.udn.vn
2.	**Trường Đại Học Kinh Tế - ĐH Đà Nẵng** Địa chỉ: 71 Ngũ Hành Sơn, Bắc Mỹ Phú, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3836 169 Email: kinhtedanang@due.edu.vn Website:due.udn.vn
3.	**Trường Đại Học Sư Phạm - ĐH Đà Nẵng** Địa chỉ:Số 459 Tôn Đức Thắng,P. Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3841 323, Fax: (0236) 3842 953 Email: ued@ued.udn.vn, Website: ued.udn.vn
4.	**Trường Đại Học Ngoại Ngữ - ĐH Đà Nẵng** Địa chỉ: 131 Lương Nhữ Hộc, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng Điện thoại: 0236. 3699324 Fax: 0236 3699338 Email: dhnn@ufl.udn.vn, Website: ufl.udn.vn
5.	**Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật - ĐH Đà Nẵng** Địa chỉ:48 Cao Thắng, Hải Châu, TP. Đà Nẵng. Điện Thoại: (0236) 3822 571 Email: dhspktdn@ute.udn.vn, Website: ute.udn.vn
6.	**Trường Đại Học Công Nghệ Thông Tin và Truyền Thông Việt – Hàn - ĐH Đà Nẵng** Địa chỉ: Khu Đô Thị Đại học Đà Nẵng,470 Đường Trần Đại Nghĩa, P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236).3667117 – (0236) 6552688 Email: info@vku.udn.vn, Website: vku.udn.vn
7.	**Khoa Y Dược – ĐH Đà Nẵng** Địa chỉ: Khu Đô Thị Đại học Đà Nẵng, P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 7109.357- 1900.234557 Email: smp@ac.udn.vn, Website: smp.udn.vn
8.	**Khoa Giáo Dục Thể Chất Trung Tâm Thể Thao – ĐH Đà Nẵng** Địa chỉ: 62 Ngô Sĩ Liên, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3841325, Email: fpe.udn@gmail.com, Website: fpe.udn.vn
9.	**Viện Công Nghệ Quốc Tế DNIIT – ĐH Đà Nẵng** Địa chỉ: Phòng 602 - 604, Toà nhà B, Đại học Đà Nẵng, 41 Lê Duẩn, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3812 173 Email: contact@dniit.udn.vn, Website: dniit.udn.vn
10.	**Viện Nghiên Cứu Và Đào Tạo Việt Anh – ĐH Đà Nẵng** Địa chỉ: 158A Lê Lợi, P. Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3738399 Email: admission@vnuk.edu.vn, Website: vnuk.udn.vn
11.	**Trường Đại Học Thể Dục Thể Thao Đà Nẵng** Địa chỉ: 44 Dũng sỹ, P.Thanh Khê, Q.Thanh khê, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3707188 - Fax : (0236) 3759409 Email: tdttdn@upes3.edu.vn, Website: dsu.edu.vn
12.	**Trường Đại Học Kỹ Thuật Y - Dược Đà Nẵng** Địa chỉ: 99 Hùng Vương - Quận Hải Châu - TP. Đà Nẵng Điện thoại: 0236.3835380 Email: dhkt@dhktyduocdn.edu.vn, Website: dhktyduocdn.edu.vn
13.	**Trường Đại Học Duy Tân** Địa chỉ: 254 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3650403 – (0236) 3827111 Email: tuyensinh@dtu.edu.vn, Website: duytan.edu.vn
14.	**Trường Đại Học Đông Á** Địa chỉ: 33 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng Điện Thoại: (0236) 3519.929 – (0236) 3519.991 Email: phongtuyensinh@donga.edu.vn Website: donga.edu.vn
15.	**Trường Đại Học Kiến Trúc Đà Nẵng** Địa chỉ: 566 Núi Thành, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: 0944 850 888 Email: info@dau.edu.vn, Website: dau.edu.vn
16.	**Trường Đại Học Mỹ Tại Việt Nam** Địa chỉ: 299 Trần Đại Nghĩa, P. Hoà Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng Điện Thoại: 0236.3967 585 – 0236.3967 595 Email: admission@auv.edu.vn, Website: auv.edu.vn
17.	**Trường Đại Học FPT** Địa chỉ: Khu Đô Thị FPT Đà Nẵng, P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng Điện Thoại: (0236) 730 0999 Email: dnuni@fe.edu.vn, Website: dnuni.fpt.edu.vn
CAO ĐẲNG	
1.	**Trường Cao Đẳng Văn Hóa Nghệ Thuật Đà Nẵng** Địa chỉ: 130 Lê Quang Đạo, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 2248132 – (0236) 2248135 Email: tvhnt@danang.gov.vn, Website: vhntdng.vn
2.	**Trường Cao đẳng Kinh Tế - Kế Hoạch Đà Nẵng** Địa chỉ: 143 Nguyễn Lương Bằng, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3842062. Email: phongdaotaocep@yahoo.com, Website: cep.edu.vn
3.	**Trường Cao Đẳng Lương Thực - Thực Phẩm** Địa chỉ: 101B Lê Hữu Trác, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3831228 Email: vanthu@cfi.edu.vn, Website: cfi.edu.vn
4.	**Trường Cao Đẳng Giao Thông Vận Tải Trung Ương V** Địa chỉ: 28 Ngô Xuân Thu, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: 02363842266 - 0236.3842086 Email: cdgtvttw5@caodanggtvttw5.edu.vn, Website: caodanggtvttw5.edu.vn
5.	**Trường Cao Đẳng Thương Mại** Địa chỉ: 45 Dũng Sĩ Thanh Khê, P. Thanh Khê Tây, TP. Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3780 525 – 3759580 Email: tuyensinhcoc247@gmail.com, Website:cdtm.edu.vn
6.	**Trường Cao Đẳng Bách Khoa Đà Nẵng** Địa chỉ: 271 Tố Hữu, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3640666 - 3640676 - 3621511 website: bachkhoadanang.edu.vn Email: cdbk@bachkhoadanang.edu.vn
7.	**Trường Cao Đẳng Lạc Việt** Địa chỉ: 42 - 46 Phan Châu Trinh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng; Điện thoại: (0236) 3553.444 Email: caodanglacviet@gmail.com, Website: caodanglacviet.edu.vn
8.	**Trường Cao Đẳng Đại Việt Đà Nẵng** Địa chỉ: 65 Nguyễn Lộ Trạch, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3644999 Email: tuyensinh@daivietdanang.edu.vn Website: daivietdanang.edu.vn

9.	**Trường Cao Đẳng Phương Đông - Đà Nẵng** Địa chỉ: 30- 32 Phan Đăng Lưu, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3794999 - 3642712, Email: cdpd.edu@gmail.com, Website: cdpd.edu.vn
10.	**Trường Cao Đẳng Nghề Đà Nẵng** Địa chỉ: 99 Tô Hiến Thành, P. Phước Mỹ, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3942.790 – (0236) 3940.946, Email: tuyensinh@danavtc.edu.vn Website: danavtc.edu.vn
11.	**Trường Cao Đẳng Nguyễn Văn Trỗi** Địa chỉ: Số 69 Đoàn Hữu Trưng, P. Hòa An, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3605677 Email: tvccollege@gmail.com Website:nguyenvantroicollege.edu.vn
12.	**Trường Cao Đẳng Hoa Sen** Địa chỉ: K62/39 Hà Huy Tập, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng Điện thoại: 0236.366.1818– (0236) 366 1919 Email: tuyensinh@hsc.edu.vn, Website: hsc.edu.vn,
13.	**Trường Cao Đẳng Du Lịch Đà Nẵng** Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa,Tổ 69, P.Hòa Hải, Q.Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3 957 957, Fax: (0236) 3957 956, Email: info@dvtc.edu.vn, Website: dvtc.edu.vn
14.	**Trường Cao Đẳng Nghề Việt - Úc** Địa chỉ: K476/8 Điện Biên Phủ, Thanh Khê,TP. Đà Nẵng Điện thoại: 0935052727, Fax: (0236) 3814500 Email:cdnvietuc@gmail.com, Website: vavc.edu.vn
15.	**TRƯỜNG CAO ĐẲNG QUỐC TẾ PEGASUS** Địa chỉ: Vùng Trung 3, Khu đô thị mới Phú Mỹ An, P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 7301 555 Email: study@pegasus.edu.vn Website: pegasus.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Quảng Nam	
ĐẠI HỌC	
1.	**Trường Đại Học Quảng Nam** Địa chỉ: 102 Đại lộ Hùng Vương, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam Điện thoại: (0235) 3812834 – 02353.812.931 Email: htduong@qnamuni.edu.vn Website: qnamuni.edu.vn
2.	**Trường Đại Học Phan Châu Trinh** Địa chỉ: 09 Nguyễn Gia Thiều, P. Điện Ngọc, TX. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam Điện thoại: (0235) 3 757 959, Email: info@pctu.edu.vn, Website: pctu.edu.vn
3.	**Phân Hiệu Trường Đại Học Nội Vụ Hà Nội Tại Tỉnh Quảng Nam** Địa chỉ: Số 749 đường Trần Hưng Đạo, P. Điện Ngọc, TX Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam Điện thoại: (0235) 6263230 – (0235) 6571399 Email: dhnvmt@edu.vn, Website: truongnoivu-csmt.edu.vn
CAO ĐẲNG	
1.	**Trường Cao Đẳng Y Tế Quảng Nam** Địa chỉ: 49 Nguyễn Du, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam. Điện thoại: (0235) 3851705, Email: info@cdytqn.edu.vn, Website: cdytqn.edu.vn
2.	**Trường Cao Đẳng Điện Lực Miền Trung** Địa chỉ: 04 Nguyễn Tất Thành, Hội An, Tỉnh Quảng Nam Điện thoại: (0235) 2212.201, Email: cdmt@cdmt.edu.vn, Website: cdmt.vn
3.	**Trường Cao Đẳng Phương Đông - Quảng Nam** Địa chỉ: 03 Hùng Vương, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam Điện thoại: 0968.433.633 - 0913.247.365 Email: tuyensinh@cpd.edu.vn, Website: cpd.edu.vn
4.	**Trường Cao Đẳng Quảng Nam** Địa chỉ: 431 Hùng Vương - TP. Tam Kỳ - Quảng Nam Điện thoại: 0235.3851442 - 0235.3858001 Email: cdqn@quangnam.gov.vn Website: cdqn.edu.vn
5.	**Trường Cao Đẳng THACO** Địa chỉ: KCN Tam Hiệp, Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam Điện thoại: (0235) 3 567 112 Email: rep-thacocollege@thaco.com.vn Website: thacocollege.edu.vn
6.	**Trường Cao Đẳng Công Nghệ Kinh Tế Và Thủy Lợi Miền Trung** Địa chỉ: 14 Nguyễn Tất Thành, TP.Hội An, Tỉnh Quảng Nam. Điện thoại: (0235) 3861282 - 863366 Email: tuyensinhckt@gmail.com, Website: ckt.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Quảng Ngãi	
ĐẠI HỌC	
1.	**Trường Đại Học Phạm Văn Đồng** Địa chỉ: 509 Phan Đình Phùng, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi Điện thoại: (0255) 3824041, Fax: (0255) 3824925 Email: tuyensinh@pdu.edu.vn, Website: pdu.edu.vn
2.	**Trường Đại Học Tài Chính - Kế Toán** Địa chỉ: 02 Lê Qúy Đôn, Thị Trấn La Hà, Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi Điện thoại: 0255.3845578 Email: info@tckt.edu.vn, Website: tckt.edu.vn
3.	**Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM - Phân hiệu Quảng Ngãi** Địa chỉ: 938 Quang Trung, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi Điện thoại: (0255) 6250 075, (0255) 2222 135 Email: phqngai@iuh.edu.vn, Website: qn.iuh.edu.vn
CAO ĐẲNG	
1.	**Trường Cao Đẳng Quảng Ngãi** Địa chỉ: KM 1051+400 QL 1A, P.Trương Quang Trọng, TP.Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi Điện thoại: (0255) 2217077, Email: tuyensinh@qnc.edu.vn, Website: qnc.edu.vn
2.	**Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm** Địa chỉ: Số 17 Nguyễn Chánh, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi Điện thoại: (0255) 3822904 – (0255) 3725658 Email: cdytdtt@gmail.com, Website: dtt.edu.vn
3.	**Trường CĐ Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi** Địa chỉ: 236 Hoàng Hoa Thám, P. Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi Điện thoại: (0255) 3718143 Email: info@vkqnc.edu.vn, Website: vkqnc.edu.vn
4.	**Trường Cao Đẳng Cơ Giới** Địa chỉ: Nghĩa Kỳ, Huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi Điện thoại: (0255) 3825451, Email: cd.cogioi@gmail.com Website: caodangcogioi.edu.vn
5.	**Trường Cao Đẳng Kỹ Nghệ Dung Quất - Quảng Ngãi** Địa chỉ: Đô thị Vạn Tường, Xã Bình Hải, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi. Điện thoại: (0255) 6253.889, 6515.820 Email: cdkn@dungquat.edu.vn Website: dungquat.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Bình Định	
ĐẠI HỌC	
1.	**Trường Đại Học Quy Nhơn** Địa chỉ: 170 An Dương Vương, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định Điện thoại: (0256) 3846156; Email: dhqn@qnu.edu.vn - tuvantuyensinh@qnu.edu.vn Website:qnu.edu.vn
2.	**Trường Đại Học Quang Trung** Địa chỉ: 327 Đào Tấn,TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định Điện thoại: (0256) 2241 037 - (0256) 3648 389 Email: phongttts@qtu.edu.vn, Website: qtu.edu.vn
3.	**Trường Đại Học FPT** Địa chỉ: Khu đô thị An Phú Thịnh, Phường Nhơn Bình & Phường Đống Đa, TP. Quy Nhơn, Bình Định Điện Thoại: 0256 7300 999 Email: Qnuni@fe.edu.vn Website: daihoc.fpt.edu.vn

CAO ĐẲNG	
1.	**Trường Cao Đẳng Y Tế Bình Định** Địa chỉ: Số 130 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. Điện thoại: 02563.829.618, Email: cdytbd@gmail.com Website: caodangytebinhdinh.edu.vn
2.	**Trường Cao Đẳng Cơ Điện - Xây Dựng Và Nông Lâm Trung Bộ** Địa chỉ: Khu vực 8, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định Điện thoại: (0256) 35 10 669 Email: cdtb@cdtb.edu.vn Website: cdntrungbo.edu.vn
3.	**Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Công Nghệ Quy Nhơn** Địa chỉ: 172 An Dương Vương, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định Điện thoại: (0256) 6274393 – (0256) 6251.541 Email: tuyensinh@cdktcnqn.edu.vn - qcet@cdktcnqn.edu.vn Website: cdktcnqn.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum	
1.	**Phân Hiệu Trường Đại Học Nông Lâm TP. HCM Tại Gia Lai** Địa chỉ: Trần Nhật Duật, Thôn 01, Xã Diên Phú, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai Điện thoại: (0269) 3877.035 Email: phgl@hcmuaf.edu.vn Website: phgl.hcmuaf.edu.vn
2.	**Trường Cao Đẳng Sư Phạm Gia Lai** Địa chỉ: 126 Lê Thánh Tôn, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai Điện thoại: (0269) 3877.244, Fax: (0269) 3877312 Email: cdspgialai@cdspgialai.edu.vn; Website: cdspgialai.edu.vn
3.	**Trường Cao Đẳng Gia Lai** Địa chỉ: Thôn 6, Xã Diên Phú, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai Điện thoại: (0269) 3825001, Fax: (0269) 3867739, Email: info@cdngl.edu.vn, Website: cdngl.edu.vn
4.	**Trường Cao Đẳng Y Dược Hà Nội Cơ Sở Đào Tạo Tại Tây Nguyên** Địa chỉ: Trường Trung cấp nghề số 15 Binh Đoàn 15 – BQP Số 252 Đường Trường Sơn, Phường Yên Thế, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai. Điện thoại: 0979 248 907 - 0981 483 777 Website: caodangyduoctaynguyen.com
Danh sách các trường CĐ tại tỉnh Kon Tum	
1.	**Phân Hiệu Đại Học Đà Nẵng Tại Kon Tum** Địa chỉ: 704 Phan Đình Phùng, TP. Kon Tum Điện thoại: (0260) 3913 029, Fax: (0260) 3913 029, Email: udck@kontum.udn.vn, Website: kontum.udn.vn
2.	**Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Kon Tum** Địa chỉ: 14 Ngụy Như Kon Tum,Tổ 3, Phường Ngô Mây, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum Điện thoại: (0260) 3.864.929, Fax: (0260) 3.856.829, Email: banbientap@ktcc.edu.vn, Website: ktcc.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Đắk Lắk	
1.	**Trường Đại Học Tây Nguyên** Địa chỉ: 567 Lê Duẩn, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: 0262. 3825185, Fax: (0262) 3825184 Email: dhtn@ttn.edu.vn, Website: ttn.edu.vn
2.	**Trường Đại Học Buôn Ma Thuột** Địa chỉ: 298 Hà Huy Tập, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: (0262) 3986688 Email: daihocbmt@bmtu.edu.vn, Website: bmtu.edu.vn
3.	**Trường Cao Đẳng Sư Phạm Đắk Lắk** Địa chỉ: 349 Lê Duẩn, P. Ea Tam, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: (0262) 3852 678, Website: dlc.edu.vn
4.	**Trường Cao Đẳng Văn Hóa Nghệ Thuật Đắk Lắk** Địa chỉ: 05 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: (0262) 3952636; Fax: (0262) 3958213 Email: phongcntt.cvl@moet.edu.vn; Website: vhntdaklak.edu.vn
5.	**Trường Cao Đẳng Công Nghệ Tây Nguyên** Địa chỉ: 594 Lê Duẩn, P. Ea Tam, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: (0262) 3825238 – (0262) 3825 911. Email: thachnn@cdntaynguyen.edu.vn Website: cdcntaynguyen.edu.vn
6.	**Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Đắk Lắk** Địa chỉ: 30 Y Ngông, P. Tân Tiến, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: (0262) 3860140, Fax: (0262) 3860140 Email: vusonhai@cdktdaklak.edu.vn Website: cdndaklak.edu.vn
7.	**Trường Cao Đẳng Y Tế Đắk Lắk** Địa chỉ: 32 Y Ngông – P. Tân Tiến - TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: 0262 3 845 678 Email: caodangytedaklak@gmail.com Website: dmc.edu.vn
8.	**Trường Cao Đẳng Bách Khoa Tây Nguyên** Đại chỉ: 300 Hà Huy Tập, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: (0262) 8551 558 – (0262) 2466 879 Email: tuyensinh@tnpc.edu.vn Website: tnpc.edu.vn
Danh sách các Học viện, trường ĐH, CĐ tại tỉnh Phú Yên	
ĐẠI HỌC, HỌC VIỆN	
1.	**Trường Đại Học Phú Yên** Địa chỉ: 01 Nguyễn Văn Huyên - Phường 9 - Thành phố Tuy Hòa - Tỉnh Phú Yên Điện thoại: (0257) 3843025 Email: daihocphuyen@pyu.edu.vn, Website: pyu.edu.vn
2.	**Trường Đại Học Xây Dựng Miền Trung** Địa chỉ: 24 Nguyễn Du, P.7, TP. Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên Điện thoại: (0257) 3823 371 Email: dhxdmt@muce.edu.vn, Website: muce.edu.vn
3.	**Học Viện Ngân Hàng (phân Viện Phú Yên)** Địa chỉ: 441 Nguyễn Huệ, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên Điện thoại: (0257) 3810311 - (0257) 3824744 Email: pvphuyen@hvnh.edu.vn, Website: bap.edu.vn
CAO ĐẲNG	
1.	**Trường Cao Đẳng Công Thương Miền Trung** Địa chỉ: 261 Nguyễn Tất Thành, P. 8, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên. Điện thoại: (0257) 38.28.248 Email: Support@Mitc.Edu.vn, Website: mitc.edu.v
2.	**Trường Cao Đẳng Nghề Phú Yên** Địa chỉ: 276 Trường Chinh, P.7, TP. Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên Điện thoại: (0257) 3842328, Email: caodangnghephuyen@cdnpy.edu.vn Website: cdnpy.edu.vn
3.	**Trường Cao Đẳng Y Tế Phú Yên** Địa chỉ: 270 Trần Hưng Đạo, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên Điện thoại: (0257) 3.823547 Email: truongytepy@gmail.com, Website: ypy.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Khánh Hòa	
1.	**Trường Đại Học Nha Trang** Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu, P. Vĩnh Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: (0258) 3 831 149 Email: tuyensinh@ntu.edu.vn, Website: ntu.edu.vn
2.	**Trường Đại Học Thái Bình Dương** Địa chỉ: 79 Mai Thị Dõng, P. Vĩnh Ngọc, Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: (0258) 3 727 181 Email: tbd@moet.edu.vn, Website: tbd.edu.vn
3.	**Trường Đại Học Khánh Hòa** Địa chỉ: 01 Nguyễn Chánh, P. Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: (0258) 3 523 420 Email: pttvhtqt@ukh.edu.vn Website: ukh.edu.vn

4.	**TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC TRUNG ƯƠNG NHA TRANG** Địa chỉ: 46 Nguyễn Thiện Thuật, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa. Điện thoại: (0258) 3526617 - (0258) 3522508 Email: tchc.dbdhnt10@gmail.com, Website: dbdhnhatrang.edu.vn
5.	**Trường Cao Đẳng Sư Phạm TW Nha Trang** Địa chỉ: Đồng Đế, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: (0258) 3831166 - Fax: (0258) 3832736 Email: cm2@sptwnt.edu.vn, Website: sptwnt.edu.vn
6.	**Trường Cao Đẳng Y Tế Khánh Hoà** Địa chỉ: 84 Quang Trung, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: (0258) 3.521171 Email: cdyt@khanhhoa.gov.vn, Website: cyk.edu.vn
7.	**Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Công Nghệ Nha Trang** Địa chỉ: Đường N1, Khu trường học đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông, xã Phước Đồng, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: (0258) 3881139 Email: cdktcn@khanhhoa.gov.vn, Website: cdktcnnt.edu.vn
8.	**Trường Cao Đẳng Du Lịch Nha Trang** Địa chỉ: 02, Đường Điện Biên Phủ, P.Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: (0258) 3 551 777 - 0359 130 130 Email: cddlnt@ntc.edu.vn, Website: ntc.edu.vn
9.	**Trường Cao Đẳng Y Dược Sài Gòn – CS Nha Trang** Địa chỉ: Số 08 đường Pasteur, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà. Điện thoại: (0258) 3822 279 Email: Cdyduocsaigon@gmail.com, Website: caodangyduocnhatrang.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Ninh Thuận	
1.	**Trường Đại Học Nông Lâm – Phân hiệu Ninh Thuận** Địa chỉ: Số 8 đường Yên Ninh, Thị trấn Khánh Hải, Huyện Ninh Hải, Tỉnh Ninh Thuận Điện thoại: (0259) 472252 (BP.Đào tạo) Email: phnt@hcmuaf.edu.vn Website:phnt.hcmuaf.edu.vn
2.	**Trường Cao Đẳng Nghề Ninh Thuận** Địa chỉ: Đường 16/4, TP. Phan Rang, Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận Điện thoại: (0259) 3511540 Email: p.tchc.ntn@gmail.com, Website: cnn.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Lâm Đồng	
1.	**Trường Đại Học Đà Lạt** Địa chỉ: 01 Phù Đổng Thiên Vương, P. 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: (0263) 3822246; Fax: 02630 3823380 Email: info@dlu.edu.vn; Website: dlu.edu.vn
2.	**Trường Đại Học Yersin Đà Lạt** Địa chỉ: Số 27 Tôn Thất Tùng, P. 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng Điện thoại: (0263) 3552111, Fax: (0263) 3554966 Email: daihocyersin@yersin.edu.vn Website:yersin.edu.vn
3.	**Trường Cao Đẳng Y Tế Lâm Đồng** Địa chỉ: 16 Ngô Quyền, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng Điện thoại: (0263) 3822153, Fax: (0263) 3615000 Email: cdytld@caodangytelamdong.edu.vn, Website: cdytld.edu.vn
4.	**Trường Cao đẳng Đà Lạt** Địa chỉ: 109 Yersin, P. 10, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng Điện thoại: 0263.3836654, Email: tchc@cdndalat.edu.vn Website: cddl.edu.vn
5.	**Trường CĐ Công Nghệ Và Kinh Tế Bảo Lộc** Địa chỉ: 454 Trần Phú, P. 2, TP. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng Điện thoại: 0979 11 07 07, Email: itvanmai@gmail.com, Website: blc.edu.vn
6.	**Trường Cao Đẳng Du Lịch Đà Lạt** Địa chỉ: Km số 5, Đường Cam Ly, Phường 7, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng Điện thoại: 02633.554.913 Email: daotaodtc@gmail.com, Website: dtc.edu.vn

Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Bình Thuận	
1.	**Trường Đại Học Phan Thiết** Địa chỉ: 225 Nguyễn Thông, P. Phú Hài, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận. Điện thoại: 076 253 8686 - (0252) 628 3838, Email: tuyensinhdhpt@upt.edu.vn, Website: upt.edu.vn
2.	**TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH THUẬN** Địa chỉ: 05 Đường Tôn Thất Bách, P. Phú Tài, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận Điện thoại: (0252) 3835084 - 3835086, Email: cdbt@binhthuan.gov.vn, Website: tcdbt.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Đồng Nai	
ĐẠI HỌC	
1.	**Trường Đại Học Đồng Nai** Địa chỉ: Số 9, Lê Quý Đôn, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3824 684 Email: lienhe@dnpu.edu.vn, Website: dnpu.edu.vn
2.	**Trường Đại Học Công Nghệ Đồng Nai** Đường Nguyễn Khuyến, KP5, P.Trảng Dài, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: 098 639 77 33 Email: tuyensinh@dntu.edu.vn Website: dntu.edu.vn
3.	**Trường Đại Học Lạc Hồng** Địa chỉ: 10, Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3952778, Fax: (0251) 3952534 Email: lachong@lhu.edu.vn, Website: lhu.edu.vn
4.	**Trường Đại Học Lâm Nghiệp – Phân Hiệu Đồng Nai** Địa chỉ: Thị trấn Trảng Bom, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3866.242, Email: tuyensinh@vnuf2.edu.vn, Website: vfu2.edu.vn
5.	**Trường Đại học Công Nghệ Miền Đông** Địa chỉ: Quốc lộ 1A, KP Trần Hưng Đạo, Thị Trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3772.668 - 0981.767.568 Email: tuyensinh@mit.vn, Website: mit.vn
CAO ĐẲNG	
1.	**Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Trang Trí Đồng Nai** Địa chỉ: 7 (368 cũ) Đường 30/4, P. Trung Dũng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3816 820 – (0251) 3822 042 Email: cdmtttdn@dncda.edu.vn, Website: dncda.edu.v
2.	**Trường Cao Đẳng Thống Kê II** Địa chỉ: KP5, P.Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3891 947 Email: cdtk.cos2@gmail.com, Website: thongke2.edu.vn
3.	**Trường Cao Đẳng Y Tế Đồng Nai** Địa chỉ: Khu phố 9, P. Tân Biên, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3 881.390 - (0251) 2211 154. Email: info@cyd.edu.vn, Website: cyd.edu.vn
4.	**Trường Cao Đẳng Công Nghệ & Quản Trị SONADEZI** Địa chỉ: Số 01, đường 6A, KCN Biên Hòa II, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3994.011, Email: info@sonadezi.edu.vn, Website: sonadezi.edu.vn
5.	**Trường Cao đẳng Lê Quý Đôn** Địa chỉ: 538 Quốc lộ 51, KP3, P. Long Bình Tân, TP.Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: 097 368 54 39 Email: info@lqd.edu.vn, Website: lqd.edu.vn
6.	**Trường Cao Đẳng Công Nghệ Quốc Tế LiLama 2** Địa chỉ: Km 32 QL 51, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3558700 - Fax: (0251) 3558711 Email: Headoffice@lilama2.edu.vn Website: lilama2.edu.vn

7.	**Trường Cao Đẳng Cơ Giới Và Thủy Lợi** Địa chỉ: KM44, QL1A, Xã Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: 096 824 11 16 Email: vcmi.dn@gmail.com, Website: vcmi.edu.vn
8.	**Trường Cao Đẳng Công Nghệ Cao Đồng Nai** Địa chỉ: 47 Tôn Đức Thắng, Khu Phước Hải, Thị trấn Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: (0251) 384.4237 Email: vothetandni@gmail.com Website: dcoht.edu.vn
9.	**Trường Cao Đẳng Hòa Bình Xuân Lộc** Địa chỉ: Giáo xứ Lai Ổn, Ấp Lộ Đức, Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3980 789 Email: caodanghoabinhxuanloc@gmail.com, Website: caodanghoabinhxuanloc.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Bình Dương	
ĐẠI HỌC	
1.	**Trường Đại Học Thủ Dầu Một** Địa chỉ: Số 06 Trần Văn Ơn, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Điện thoại: 0274.383.4512 – 0274.384.4226 Email: thongtindientu@tdmu.edu.vn Website: tdmu.edu.vn
2.	**Trường Đại Học Quốc Tế Miền Đông** Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Hoà Phú, TP. Mới Bình Dương, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: (0274) 222 0372. Email: info@eiu.edu.vn, Website: eiu.edu.vn
3.	**Trường Đại Học Việt - Đức** Địa chỉ: Đường Lê Lai, P. Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: (0274) 222 0990 – 0988 54 52 54. Email: study@vgu.edu.vn; Website: vgu.edu.vn
4.	**Trường Đại Học Bình Dương** Địa chỉ: Số 504 Đại lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: (0274) 3822 058 - 3820 833. Email: info@bdu.edu.vn; Website: bdu.edu.vn
5.	**Đại Học Kinh Tế - Kỹ Thuật Bình Dương** Địa chỉ: 333 Đường Thuận Giao 16, P.Thuận Giao, TP.Thuận An, T.Bình Dương Điện thoại 0977.61.55.61 - 0888.61.66.61. Email: tuyensinh@ktkt.edu.vn, ktktbd@ktkt.edu.vn; Website: ktkt.edu.vn
CAO ĐẲNG	
1.	**Trường Cao Đẳng Y Tế Bình Dương** Địa chỉ: 529 Lê Hồng Phong, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Điện thoại: (0274) 3822 727 - 3832867. Email: tuyensinhcby@gmail.com Website: cdytbinhduong.edu.vn
2.	**Trường Cao Đẳng Nghề Việt Nam – Singapore** Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương. Điện thoại: (0274) 3831 413 – 3824 269 - 3820 655. Email: caodangnghe_vs@vsvc.edu.vn Website: vsvc.edu.vn
3.	**Trường Cao đẳng Công Nghệ Cao Đồng An** Địa chỉ: 90 đường 30/4, P. Bình Thắng, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: (0274) 3774 647 – Fax: (0274)3774573 Email: tuyensinh@dongan.edu.vn, Website: dongan.edu.vn
4.	**Trường CĐ Công Nghệ Và Nông Lâm Nam Bộ** Địa chỉ: Số 456 QL1k, KP. Nội Hóa 1, P. Bình An, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: 0274 3751 531 Email: ts.truongnghenambo@gmail.com, Website: cnnlnb.edu.vn
5.	**Trường Cao Đẳng Đường Sắt - Phân Hiệu Phía Nam** Địa chỉ: Số 07 đường Lý Thường Kiệt, P. Dĩ An, Tx. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. Điện thoại: (0274) 3752 033 Email: phpn@truongduongsat.edu.vn Website: caodangduongsat-cs2.edu.vn
6.	**Trường Cao Đẳng Việt Nam – Hàn Quốc Bình Dương** Địa chỉ: 06 Đường Đồng Cây Viết, KP. 1, P. Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: (0274) 3822.460 – 3825.665. Email: phonghanhchinhviethan@gmail.com Website: viethanbd.edu.vn
7.	**Trường Cao Đẳng Nghề Số 22 – BQP** Địa chỉ: Số 76, đường số 10, KP. Thống Nhất 2, P. Dĩ An, TX. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: 0967342.888 – 0984 181501. Email: nguyendangduong.tcnso22@gmail.com
Danh sách các trường CĐ tại tỉnh Bình Phước	
1.	**Trường Cao Đẳng Công Nghiệp Cao Su** Địa chỉ: 1428 Phú Riềng Đỏ, TP. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước Điện thoại: (0271) 3879 787 – 3880 689. Email: caodangcaosu@ric.edu.vn, Website: ric.edu.vn
2.	**Trường Cao Đẳng Bình Phước** Địa chỉ: Số 899, Quốc lộ 14, P. Tân Bình, TP. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước Điện thoại: 02713 881 093 Email: info@cdbp.edu.vn, Website: bpcc.edu.vn
Danh sách các trường CĐ tại tỉnh Tây Ninh	
1.	**Trường Cao Đẳng Sư Phạm Tây Ninh** Địa chỉ: KP. Ninh Trung, P. Ninh Sơn, TP. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh. Điện thoại: (0276) 382 6478, Email: cdsp.tayninh@moet.edu.vn, Website: cdsptayninh.edu.vn
2.	**Trường Cao Đẳng Nghề Tây Ninh** Địa chỉ: 19 Võ Thị Sáu, KP.3, P.3, TP. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh Điện thoại: (0276) 3814 393 – 3815 480. Email: caodangnghe.tn@gmail.com, Website: cdnghetayninh.edu.vn
Danh sách các trường CĐ tại tỉnh Đắk Nông	
1.	**Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Đắk Nông** Địa chỉ: Đường Hùng Vương, Tổ dân phố 6, phường Nghĩa Trung, Thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông Điện thoại: (0261) 3.577.699 - 3.500.299. Email: caodangcongdong@daknong.gov.vn Website: dncc.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu	
1.	**Trường Đại Học Dầu Khí Việt Nam** Địa chỉ: Cách Mạng Tháng Tám, P. Long Toàn, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Điện thoại: (0254) 3738879 - (0254) 3738877 Email: tuyensinh@pvu.edu.vn Website: pvu.edu.vn
2.	**Trường Đại Học Bà Rịa - Vũng Tàu** Địa chỉ: 80 Trương Công Định, P. 3, TP. Vũng Tàu Điện thoại: (0254) 730 5456 - Fax: (0254) 353 22 33 Email: dhbrvt@bvu.edu.vn, Website: bvu.edu.vn
3.	**Trường Đại học Mỏ - Địa chất Cơ Sở Đào Tạo Bà Rịa Vũng Tàu** Địa chỉ: 139, đường Phan Chu Trinh, phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Điện thoại: 0254.3852178 Email: vungtau@humg.edu.vn
4.	**Trường Cao Đẳng Sư Phạm Bà Rịa - Vũng Tàu** Địa chỉ: 689 Cách Mạng Tháng Tám, P. Long Toàn, TP. Bà Rịa Điện thoại: (0254) 3826644 – 3825275, Email: cdspbrvt@gmail.com, Website: cdspbrvt.edu.vn
5.	**Trường Cao Đẳng Dầu khí** Địa chỉ : 120 Đường Trần Phú, Phường 5, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Điện thoại: (0254) 3838446 - 3838157 Email: info@pvcollege.edu.vn, Website: pvcollege.edu.vn
6.	**Trường Cao Đẳng Du Lịch Vũng Tàu** Địa chỉ: 459 Trương Công Định - TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Điện thoại: (0254) 385 9964 - 385 3334, Email: truongdulich@vtvc.edu.vn, Website: vtvc.edu.vn

7.	**Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Công Nghệ Bà Rịa - Vũng Tàu** Địa chỉ: Khu phố Thanh Tân, Thị trấn Đất Đỏ, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Điện thoại: (0254) 3866 420 Email: info@bctech.edu.vn, Website: bctech.edu.vn
8.	**Trường Cao Đẳng Quốc Tế Tuệ Đức VABIS** Địa chỉ: Đường Trường Chinh, KP Vạn Hạnh, P. Phú Mỹ, Tx. Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Điện thoại: (0254) 3923 194 - 0855.007.008 Email: tuyensinh.cd@truongxanh.edu.vn Website: caodangtueduc.edu.vn
9.	**Trường CĐ Khách Sạn Du Lịch Quốc Tế IMPERRIAL** Địa chỉ: 159 - 163 Thùy Vân, TP. Vũng Tàu Điện thoại: 089 916 68 88 Email: info@imperialhotelschool.edu.vn Website: imperial.edu.vn
Danh sách các Đại Học, Học viện, trường ĐH, CĐ tại Thành phố Hồ Chí Minh	
ĐẠI HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC, HỌC VIỆN	
	Đại Học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh Và Các Trường Thành Viên Địa chỉ: P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM. Điện thoại: (028) 37242181 – 37242 160, Email: info@vnuhcm.edu.vn, Website: vnuhcm.edu.vn
1.	**Trường ĐH Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn – ĐHQG TP.HCM** Địa chỉ : 10 - 12 Đinh Tiên Hoàng, P. Bến Nghé, Q. 1, TP.HCM Điện thoại: (028) 3829 3828, Email: nhanvan@hcmussh.edu.vn Website: hcmussh.edu.vn
2.	**Trường ĐH Khoa Học Tự Nhiên – ĐHQG-HCM** Địa chỉ: 227 Nguyễn Văn Cừ, P. 4, Q. 5, TP. HCM Điện thoại: (028) 6288 4499; Email: info@hcmus.edu.vn, Website: hcmus.edu.vn
3.	**Trường ĐH Bách Khoa – ĐHQG-HCM** Địa chỉ: 268 Lý Thường Kiệt, P. 14, Q. 10, TP.HCM Điện thoại: 028 3864 7256 - 5282 Email: info@hcmut.edu.vn Website: hcmut.edu.vn
4.	**Trường ĐH Kinh Tế - Luật - ĐHQG-HCM** Địa chỉ: Số 669 Đường Quốc lộ 1, KP. 3, P. Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 3724 4555, Email: tuvantuyensinh@uel.edu.vn; Website: uel.edu.vn
5.	**Trường ĐH Quốc Tế - ĐHQG-HCM** Địa chỉ : Khu phố 6, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 37244270 - (028) 37244271 Email: info@hcmiu.edu.vn, Website: hcmiu.edu.vn
6.	**Trường ĐH Công Nghệ Thông Tin – ĐHQG-HCM** Địa chỉ: Khu phố 6, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện Thoại: (028) 3725.2002 Email: info@uit.edu.vn, Website: uit.edu.vn
7.	**Khoa Y – ĐHQG-HCM** Địa chỉ: Nhà Điều hành ĐHQG TP. HCM, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM. Điện thoại: (028) 37242160 Website: medvnu.edu.vn, Email: tttt@medvnu.edu.vn
8.	**Trường ĐH Y Dược TP.HCM** Địa chỉ : 217 Hồng Bàng, P. 11, Q.5, TP.HCM Điện thoại: (028) 38558411 Email: daihocyduoc@ump.edu.vn; Website:ump.edu.vn
9.	**Trường ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch** Địa chỉ: 2 Dương Quang Trung, P.12, Q.10, TP.HCM Điện thoại: (028) 38.652.435 Email: info@pnt.edu.vn, Website: pnt.edu.vn
10.	**Trường ĐH Ngoại Thương Cơ sở II – TP. HCM** Địa chỉ: Số 15, đường D5, Khu Văn Thánh Bắc, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM Điện thoại: (028)35127254 - (028)35127255 Website: cs2.ftu.edu.vn
11.	**Trường ĐH Sân Khấu, Điện Ảnh TP.HCM** Địa chỉ: 125 Cống Quỳnh, Q.1, TP. HCM Điện thoại: (028) 38393658, Website: skdahcm.edu.vn
12.	**Trường ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật TP.HCM** Địa chỉ: Số 1 Võ Văn Ngân, P. Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, TP.HCM Điện thoại: (028) 38968641 - 37222764 Email: ptchc@hcmute.edu.vn; Website: hcmute.edu.vn
13.	**Trường ĐH Sài Gòn** Địa chỉ: 273 An Dương Vương, P. 3, Q.5, TP.HCM Điện thoại: (028) 38.354409 - 38.352309 Email: daihocsaigon@sgu.edu.vn Website: sgu.edu.vn
14.	**Trường ĐH Tài Nguyên - Môi Trường TP.HCM** Địa chỉ: 236B Lê Văn Sỹ, P. 1, Q. Tân Bình, TP. HCM Điện thoại: (028) 3844 3006, Email: tuyensinh@hcmunre.edu.vn Website: hcmunre.edu.vn
15.	**Trường ĐH Tôn Đức Thắng** Địa chỉ: 19 Nguyễn Hữu Thọ, P. Tân Phong, Q. 7, TP. HCM Điện thoại: (028) 37 755 035; Fax: (028) 37 755 055 Email: tonducthanguniversity@tdtu.edu.vn; Website: tdtu.edu.vn
16.	**Trường ĐH Công Nghiệp TP.HCM** Địa chỉ: 12 Nguyễn Văn Bảo, P. 4, Q.Gò Vấp, TP.HCM Điện thoại: (028) 3 8940 390, Email: dhcn@iuh.edu.vn, Website: iuh.edu.vn
17.	**Trường ĐH Giao Thông Vận tải TP. HCM** Địa chỉ: 02, đường Võ Oanh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM Điện thoại: (028) 3899 1373 Email: ut-hcmc@ut.edu.vn; Website: ut.edu.vn
18.	**Trường ĐH Kiến Trúc TP.HCM** Địa chỉ: 196 Pasteur, P. 6, Q. 3, TP. HCM Điện thoại: (028) 38.222.748 Email: tuyensinh@uah.edu.vn, Website: uah.edu.vn
19.	**Trường ĐH Lao Động - Xã Hội (cơ sở 2)** Địa chỉ: Số 1018 Tô Ký, P. Tân Chánh Hiệp, Q. 12, TP.HCM Điện thoại: (028) 3883 7814, Email: websiteldxh@gmail.com; Website: ldxh.edu.vn
20.	**Trường ĐH Luật TP.HCM** Địa chỉ: 02 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. HCM Điện thoại: 1900 5555 14 Email: tuyensinh@hcmulaw.edu.vn ; Website: hcmulaw.edu.vn
21.	**Trường ĐH Mở TP.HCM** Địa chỉ: 35 – 37 Hồ Hảo Hớn, P. Cô Giang, Q. 1, TP. HCM Điện thoại: 028-38364748 Email: ou@ou.edu.vn; Website: ou.edu.vn
22.	**Trường ĐH Mỹ Thuật TP.HCM** Địa chỉ: 5 Phan Đăng Lưu, P.3, Q.Bình Thạnh, TP.HCM Điện thoại: (028) 3841 6010 Email: daotao@hcmufa.edu.vn, Website: hcmufa.edu.vn
23.	**Phân Hiệu Trường ĐH GTVT Tại TP. HCM** Địa chỉ: 450 - 451 Lê Văn Việt, P. Tăng Nhơn Phú A, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 3896.6798 - (028) 7300.1155 Email: banbientap@utc2.edu.vn, Website: utc2.edu.vn
24.	**Trường ĐH Công Nghiệp Thực Phẩm TP.HCM** Địa chỉ: 140 Lê Trọng Tấn, P.Tây Thạnh, Q. Tân phú, TP. HCM Điện thoại: 0283 8163 318, Email: info@hufi.edu.vn; Website: cntp.edu.vn
25.	**Trường ĐH Ngân Hàng TP.HCM** Địa chỉ: 36 Tôn Thất Đạm, Q. 1, TP. HCM Điện thoại: (028) 3821 2430 – 38 291901; Email: dhnhtphcm@buh.edu.vn; Website: buh.edu.vn
26.	**Trường ĐH Nông Lâm TP.HCM** Địa chỉ: P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP.HCM Điện thoại: (028) 3896.6780 Email: vphanhchinh@hcmuaf.edu.vn; Website: hcmuaf.edu.vn

27.	**Trường ĐH Tài Chính - Marketing** Địa chỉ: Số 778 Nguyễn Kiệm, P. 4, Q. Phú Nhuận, TP. HCM Điện thoại: (028) 38726789 Email: contact@ufm.edu.vn, Website: ufm.edu.vn
28.	**Trường ĐH Văn Hóa TP.HCM** Địa chỉ: 51 Quốc Hương, P.Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. HCM. Điện thoại: (028) 38992901 Email: dhvh@hcmuc.edu.vn, Website: hcmuc.edu.vn
29.	**Trường ĐH Kinh tế - Tài Chính TP.HCM** Địa chỉ: 141 - 145 Điện Biên Phủ, P. 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM Điện thoại: (028) 5422 5555 - 5422 6666. Email: tuyensinh@uef.edu.vn Website: uef.edu.vn
30.	**Trường ĐH Kinh Tế TP.HCM** Địa chỉ : 59C Nguyễn Đình Chiểu, P.6, Q. 3, TP. HCM Điện thoại: (0283) 8295 299. Email: info@ueh.edu.vn, Website: ueh.edu.vn
31.	**Trường ĐH Sư Phạm Thể Dục Thể Thao TP.HCM** Địa chỉ: 639 Nguyễn Trãi, P. 11, Q. 5, TP. HCM Điện thoại: 028 3855 5432 Email: upes.hcmc@gmail.com Website: upes.edu.vn
32.	**Trường ĐH Sư Phạm TP.HCM** Địa chỉ: 280 An Dương Vương, P. 4, Q. 5, TP. HCM Điện thoại: (028) 3835 2020 Email: tuyensinh@hcmue.edu.vn Website: hcmue.edu.vn
33.	**Trường ĐH Thể Dục Thể Thao TP. HCM** Địa chỉ: Khu phố 6, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 3896 0322 Email: tuyensinhush@gmail.com, Website: ush.edu.vn
34.	**Phân Hiệu Trường ĐH Thủy Lợi - TP.HCM** Địa chỉ: 02 Trường Sa, P.17, Q. Bình Thạnh, TP. HCM Điện thoại: (028) 3840 0532 Email: phanhieu@tlu.edu.vn, Website: tlus.edu.vn
35.	**Trường ĐH Hoa Sen** Địa chỉ: 08 Nguyễn Văn Tráng, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM Điện thoại: (028) 7300 7272 - 0908 275 276 Email: tuyensinh@hoasen.edu.vn Website: hoasen.edu.vn
36.	**Trường ĐH Hùng Vương TP.HCM** Địa chỉ: 736 Nguyễn Trãi, P. 11. Q. 5, TP.HCM Điện thoại: (028) 3855 3675 Email: info@hvuh.edu.vn, Website: hvuh.edu.vn
37.	**Trường ĐH Ngoại Ngữ - Tin Học TP.HCM** Địa chỉ: 828 Sư Vạn Hạnh, P.13, Q.10, TP.HCM Điện thoại: (028) 38 632 052 – 38 629 232. Email: contact@huflit.edu.vn, Website: huflit.edu.vn
38.	**Trường ĐH Công Nghệ TP.HCM** Địa chỉ : 475A Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM Điện thoại: (028) 5445 7777 Email: hutech@hutech.edu.vn, Website: hutech.edu.vn
39.	**Trường ĐH Nguyễn Tất Thành** Địa chỉ: 300A Nguyễn Tất Thành, P.13, Q. 4,TP.HCM Điện thoại: 1900 2039 Email: tuyensinh@ntt.edu.vn - ntt@ntt.edu.vn Website: ntt.edu.vn
40.	**Trường ĐH Quốc Tế Hồng Bàng** Địa chỉ: 215 Điện Biên Phủ, P. 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM Điện thoại: (028) 73083.456 - 0938.69.2015, Email: hiu@hiu.vn, Website: hbu.edu.vn
41.	**Trường ĐH Công Nghệ Sài Gòn** Địa chỉ: 180 Cao Lỗ, P. 4, Q.8, TP.HCM Điện thoại: (028) 3850 5520, Email: contact@stu.edu.vn, Website: stu.edu.vn
42.	**Trường ĐH Văn Hiến** Địa chỉ: 665 - 667 - 669 Điện Biên Phủ, P.1. Q. 3, TP.HCM Điện thoại: (028) 3832 0333, Email: info@vhu.edu.vn, Website: vhu.edu.vn
43.	**Trường ĐH Gia Định** Địa chỉ: 185 -187 Hoàng Văn Thụ, P.8, Q. Phú Nhuận, TP. HCM Điện thoại: (028)7301.3456 – 096 1121 018 Email: tuyensinh@giadinh.edu.vn; Website: giadinh.edu.vn
44.	**Trường ĐH Văn Lang** Địa chỉ: Cơ sở chính: 68/69 Đặng Thùy Trâm, P.13, Quận Bình Thạnh, TP.HCM Cơ sở 1: 45 Nguyễn Khắc Nhu, P. Cô Giang, Quận 1, TP.HCM Cơ sở 2: 233 Phan Văn Trị, P11, Quận Bình Thạnh, TP.HCM Điện thoại: (028) 7105 9999, Email: info@vlu.edu.vn Website: www.vlu.edu.vn
45.	**Phân Hiệu Trường ĐH Nội Vụ Hà Nội Tại TP. HCM** Địa chỉ: Số 181 Lê Đức Thọ, P. 17, Gò Vấp, TP. HCM Điện thoại: (028) 3894.3717- (028)3895.2372 Email: daihocnoivuhanoicosomiennam@gmail.com Website: truongnoivu-csmn.edu.vn
46.	**Trường ĐH FPT** Địa chỉ: Lô E2a-7, Đường D1 Khu Công nghệ cao, P. Long Thạnh Mỹ, Q. 9, TP. HCM. Điện thoại: (028) 7300 1866 Email: daihoc.hcm@fpt.edu.vn Website: daihoc.fpt.edu.vn
47.	**Trường ĐH Quốc Tế Sài Gòn** Địa chỉ: 08C, 16 & 18 Tống Hữu Định, P.Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP.HCM Điện thoại: (028) 36203932 – (028) 54093929 Email: admission@siu.edu.vn; Website: siu.edu.vn
48.	**Trường ĐH Quốc Tế RMIT Việt Nam** Địa chỉ: 702 Nguyễn Văn Linh,P. Tân Hưng, Q. 7, TP.HCM Điện thoại: (028) 3776 1369 Email: enquiries@rmit.edu.vn, Website: rmit.edu.vn
49.	**Học Viện Hàng Không Việt Nam** Địa chỉ: 104 Nguyễn Văn Trỗi, P. 8, Q. Phú Nhuận, TP.HCM Điện thoại: 0911 959 505 – (028) 38422199 Email: info@vaa.edu.vn, Website: vaa.edu.vn
50.	**Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông Cơ sở TP. HCM** Địa chỉ: 11 Nguyễn Đình Chiểu, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM Điện thoại: (028) 38.295.258 Email: hvbcvthcm@ptithcm.edu.vn, Website: ptithcm.edu.vn
51.	**Học Viện Cán Bộ Thành Phố Hồ Chí Minh** Địa chỉ: 324 Chu Văn An, P. 12, Q. Bình Thạnh, TP.HCM Điện thoại: (028)22437830, Email: hocviencanbo@tphcm.gov.vn Website: hocviencanbo.hochiminhcity.gov.vn
52.	**Nhạc Viện Thành phố Hồ Chí Minh** Địa chỉ: 112 Nguyễn Du,Q. 1, TP. HCM Điện thoại: (028) 38 225 841 Website: hcmcons.vn
53.	**Trường Đại Học Fulbright Việt Nam** Địa chỉ: Tầng 2, 105 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM Điện thoại: (028) 7303 2255 - 7303 7788. Email: info@fulbright.edu.vn, Website: fulbright.edu.vn
54.	**Trường Đại Học Quản Lý Và Công Nghệ TP.HCM** Địa chỉ: Đường 60CL, Khu đô thị Cát Lái, Phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP.HCM Điện thoại: +84 28 3636 9119 Email: info@umt.edu.vn, Website: umt.edu.vn
CAO ĐẲNG	
1.	**Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM** Địa chỉ: 33 Vĩnh viễn, P. 2, Q. 10, TP.HCM Điện thoại: 028. 38330731 - 38322825 Email: hce@kthcm.edu.vn, Website: kthcm.edu.vn

2.	**Trường Cao Đẳng Công Nghệ Thủ Đức** Địa chỉ: 53 Võ Văn Ngân, P. Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 38970023 - 38966825, Email: tdc@mail.tdc.edu.vn - tdc@tdc.edu.vn Website: tdc.edu.vn
3.	**Trường Cao Đẳng Kinh Tế Đối Ngoại** Địa chỉ: 287 Phan Đình Phùng, P.15, Q. Phú Nhuận, TP. HCM Điện thoại: (0283) 8446 320 – 8459 971. Email: cofer@cofer.edu.vn, Website: cofer.edu.vn
4.	**Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Cao Thắng** Địa chỉ: 65 Huỳnh Thúc Kháng, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM. Điện thoại: (0283) 8212 868, Email: ktcaothang@caothang.edu.vn, Website: caothang.edu.vn
5.	**Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM** Địa chỉ: 20 Tăng Nhơn Phú, P. Phước Long B, Thủ Đức, TP.HCM Điện thoại: (028) 3731 2370 - 091 5533 130 Email: daotao@hitu.edu.vn, Website: hitu.edu.vn
6.	**Trường Cao Đẳng Giao Thông Vận Tải Trung Ương VI** Địa chỉ: 189 Kinh Dương Vương, P. 12, Q.6, TP.HCM Điện thoại: (0283) 8750 592 - 0868 245 755. Email: hcmct31976@gmail.com, Website: hcmct3.edu.vn
7.	**Trường Cao Đẳng Xây Dựng TP. Hồ Chí Minh** Địa chỉ: 190 Võ Văn Ngân, P. Bình Thọ, TP. Thủ Đức, TP.HCM. Điện thoại: 028 3896 2938. Email: tuyensinh.hcc2@gmail.com Website: hcc2.edu.vn
8.	**Trường Cao Đẳng Sư Phạm Trung Ương TP. HCM** Địa chỉ: 182 Nguyễn Chí Thanh, P. 3, Q.10, TP. HCM Điện thoại: (028) 38359959 Email: tchc@ncehcm.edu.vn, Website: cdsptw-tphcm.vn
9.	**Trường Cao Đẳng Điện Lực TP.HCM** Địa chỉ: 554 Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, TP.HCM Điện thoại: (028) 22155661 - 028.38919462; Email: hepc@hepc.edu.vn, Website: hepc.edu.vn
10.	**Trường Cao Đẳng Giao Thông Vận Tải TP.HCM** Địa chỉ: Số 252 Lý Chính Thắng, P. 9, Q. 3, TP.HCM Điện thoại: (0283) 8439 775 Email: info@hcmct.edu.vn, Website: hcmct.edu.vn
11.	**Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Lý Tự Trọng** Địa chỉ: 390 đường Hoàng Văn Thụ, P. 4, Q.Tân Bình, TP. HCM. Điện thoại: (0283) 8110 521, Email: tuyensinh@LTTC.edu.vn Website: lttc.edu.vn
12.	**Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật TP.HCM** Địa chỉ: 215 Nguyễn Văn Luông, P. 11, Q. 6, TP.HCM Điện thoại: (0283) 8753 773 Email: tuyensinh@hotec.edu.vn, Website: ktkthcm.edu.vn
13.	**Trường Cao Đẳng Văn Hóa Nghệ Thuật TP.HCM** Địa chỉ: Số 5 Nam Quốc Cang, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. HCM Điên thoại: (0283) 9250 992 - 0968 052 700 Email: dt.vhnthcm.svhtt@tphcm.gov.vn Website: vhnthcm.edu.vn
14.	**Trường Cao Đẳng Viễn Đông** Địa chỉ: Lô 2, Công viên Phần Mềm Quang Trung ,P. Tân Chánh Hiệp, Q. 12, TP. HCM Điện thoại: (0283) 89 11 111. Email: contact@viendong.edu.vn, Website: viendong.edu.vn
15.	**Trường Cao Đẳng Văn Hóa Nghệ Thuật Và Du Lịch Sài Gòn** Địa chỉ: 70 Đường Tân Thới Nhất 8, Khu Phố 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. HCM Điên thoại: (0283) 8831 793 - 8831 796. Email: info@daihocdulich.edu.vn Website: daihocdulich.edu.vn
16.	**Trường Cao Đẳng Phát Thanh Truyền Hình II** Địa chỉ: 75 Trần Nhân Tôn, P.9, Q. 5, TP. HCM Điện thoại: 028.37150306 - 028.37150307 Email: vovedu@vov.edu.vn, Website: vov.edu.vn
17.	**Trường Cao Đẳng NoVa** Địa chỉ: 194 Lê Đức Thọ, P. 6, Q. Gò Vấp, TP.HCM Điện thoại: 0934160770. Website: novacollege.edu.vn
18.	**Trường CĐ Công Nghệ Thông Tin TP.HCM** Địa chỉ: 12 Trịnh Đình Thảo, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM. Điện thoại: (028) 39734983 - 3860 5003. Email: tuyensinh@itc.edu.vn, Website: itc.edu.vn
19.	**Trường CĐ Bình Minh Sài Gòn** Địa chỉ: 15k (số mới 424) Phan Văn Trị, P. 7, Q. Gò Vấp, TP.HCM Điện thoại: (0283) 5888 831 – 5888 832 Email: binhminhsaigon@aurora.edu.vn, Website: aurora.edu.vn
20.	**Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Công Nghệ TP.HCM** Địa chỉ: 138 Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, TP. HCM Điện thoại: (0286) 2933 744 Email: tuyensinh@hiast.edu.vn, Website: hiast.edu.vn
21.	**Trường Cao Đẳng Miền Nam** Địa chỉ: 416 Đường số 10, P. 9, Q. Gò Vấp, TP.HCM Điện thoại: (0283) 989 3967 Email: cdmiennam@cdmiennam.edu.vn Website: cdmiennam.edu.vn
22.	**Trường Cao Đẳng Đại Việt Sài Gòn** Địa chỉ: 193 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh. TP.HCM Điện thoại: (0282) 2122 599 - Fax: (028) 38475333 Email: daivietsaigon@daivietsaigon.edu.vn Website: daivietsaigon.edu.vn
23.	**Trường CĐ BC Công Nghệ Và Quản Trị Doanh Nghiệp** Địa chỉ: 15 Trần Văn Trà, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM Điện thoại: (028) 5 4135 008 - (028) 5 4135 026 Email: daotao@ctim.edu.vn, Website: ctim.edu.vn
24.	**Trường CĐ Y Dược Hồng Đức** Địa chỉ: 05 Quang Trung, P. 11, Q. Gò Vấp, TP. HCM Điện thoại: (0286) 255 6688. Email: info@hongduccollege.edu.vn Website: hongduccollege.edu.vn
25.	**Trường Cao Đẳng Nghề Thành phố Hồ Chí Minh** Địa chỉ: 235 đường Hoàng Sa, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM Điện thoại: (028) 38 483 265 - 0924116266 Email: cdntphcm@vnn.vn, Website: caodangnghehcm.edu.vn
26.	**Trường Cao Đẳng Hàng Hải II** Địa Chỉ: Số 232 Nguyễn Văn Hưởng, P.Thảo Điền, Thủ Đức, TP.HCM Điện thoại: (0286) 2818 696, Email: cdhanghai.edu.vn@gmail.com Website: cdhanghai.edu.vn
27.	**Trường Cao Đẳng Sài Gòn Gia Định** Địa chỉ: 514 Lê Quang Định, P. 1, Q. Gò Vấp, TP.HCM Điện thoại: 0971 327 840 – 0971 327 841; Email: tuyensinhsaigongiadinh@gmail.com, Website: sgc.edu.vn
28.	**Trường Cao Đẳng Quốc Tế TP. HCM** Địa chỉ: 460 D Kinh Dương Vương, P.An Lạc A, Q. Bình Tân, TP.HCM Điện thoại: (0285) 4047 799 - 0902 345 092. Email: xettuyen@gmail.com, Website: ich.edu.vn
29.	**Trường Cao Đẳng Kỹ Nghệ II** Địa chỉ: 502 Đỗ Xuân Hợp, P. Phước Bình, Thủ Đức,TP.HCM Điện thoại: 0283 7310 667 - 0395 113 839 Email: phongtuyensinh@hvct.edu.vn Website: hvct.edu.vn
30.	**Trường CĐ Giao Thông Vận Tải Trung Ương III** Địa chỉ: 73 Văn Cao, P. Phú Thọ Hòa, Q.Tân Phú, TP.HCM. Điện thoại: (0283) 8605 088, Email: cdgtvttw3@gmail.com; Website: cvct3.edu.vn

31.	**Trường Cao Đẳng Giao Thông Vận Tải Đường Thủy II** Địa chỉ: 33 Đường Đào Trí, P. Phú Mỹ, Q.7, TP. HCM Điện thoai: (0283) 7850 278. Email: cdn.dt2@gmail.com, Website: duongthuy.edu.vn
32.	**Trường Cao Đẳng Sài Gòn** Địa chỉ: Công viên Phần mềm Quang Trung, Toà nhà SaigonTech, Quận 12, Tp. HCM Điện thoại: (028) 37 155 033 - 0968 253 307. Email: admissions@saigontech.edu.vn; Website: caodangsaigon.edu.vn
33.	**Trường Cao Đẳng Nghề Du Lịch Sài Gòn** Địa chỉ: 347A Nguyễn Thượng Hiền, P.11, Q.10, TP.HCM Điện thoại: (0283) 834 4856 - 6297 3210. Email: tuvantuyensinh.dlsg@gmail.com, Website: dulichsaigon.edu.vn
34.	**Trường Cao Đẳng Việt Mỹ** Địa chỉ : 5-7-9-11 đường số 4, Khu dân cư Trung Sơn, TP.HCM Điện thoại: (028) 5433 6888 - 0938 90 5050; Email: info@caodangvietmy.edu.vn ; Website: caodangvietmy.edu.vn
35.	**Trường Cao Đẳng An Ninh Mạng ISPACE** Địa chỉ: 240 Võ Văn Ngân, P. Bình Thọ, TP. Thủ Đức, TP.HCM Điện thoại: (028) 62 678 999 Email: lienhe@ispace.edu.vn Website: ispace.edu.vn
36.	**Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ** Địa chỉ: 02 Mai Thị Lựu, P. Đa Kao, Q. 1, TP.HCM Điện thoại: (0283) 8223758 - 8299 317. Email: tuyensinh@nguyentruongto.edu.vn, Website: nguyentruongto.edu.vn
37.	**Trường Cao Đẳng Thủ Thiêm – TP. HCM** Địa chỉ: 145 Lê Văn Thịnh, P. Bình Trưng Đông, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (0283) 7437 537 - 7437 037. Website: caodangthuthiem-hcm.edu.vn
38.	**Trường Cao Đẳng Nghề Số 7 - Bộ Quốc Phòng** Địa chỉ: 51/2 Thành Thái, P. 14, Q.10. TP.HCM Điện thoại: (0283) 866 5146, Website: caodang7.edu.vn
39.	**Trường CĐ Công Nghệ Thành Phố Hồ Chí Minh** Địa chỉ: 586 Kha Vạn Cân, P. Linh Đông,TP. Thủ Đức. TP.HCM Điện thoại: (028) 38966927. Email: vanphongvetc@gmail.com, Website: vetc.edu.vn
40.	**Trường Cao Đẳng Bách Khoa Nam Sài Gòn** Địa chỉ: 47 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, TP. HCM Điện thoại: (0283) 8503 120 - 8504 637 Email: namsaigon@namsaigon.edu.vn Website: namsaigon.edu.vn
41.	**Trường Cao Đẳng Công Nghệ Sài Gòn** Địa chỉ: 4/9 Hoàng Dư Khương, P. 12, Q. 10, TP. HCM Điện thoại: (0283) 5088 482 - 5088 483. Website: saigoncollege.edu.vn
42.	**Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Thủ Đức** Địa chỉ: Số 17, Đường 8, P. Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (0283) 6029 585. Email: tuyensinh@ctd.edu.vn Website: ctd.edu.vn
43.	**Trường Cao Đẳng Dược Sài Gòn** Địa chỉ: Số 215 Nơ Trang Long- P. 12 Q. Bình Thạnh, TP. HCM Điện thoại: 0968 81 6981. Email: truongcaodangduocsaigon@gmail.com Website: truongcaodangduocsaigon.edu.vn
44.	**Trường Cao Đẳng FPT – POLYTECHNIC – CS TP. HCM** Địa chỉ: 778/B1 Nguyễn Kiệm, P.4, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh Điện thoại: (028) 62523434. Email:caodang@fpt.edu.vn, Website:caodang.fpt.edu.vn
45.	**Trường Cao Đẳng Y Dược Sài Gòn** Địa chỉ: PTT - Đường số 3- Lô số 07, CV phần mềm Quang Trung, P. Tân Chánh Hiệp, Q. 12, TP.HCM Điện thoại: (028) 71060.222 - 096.152.9898. Email: Cdyduocsaigon@gmail.com Website: caodangyduocsaigon.vn
46.	**Trường Cao Đẳng Kiến Trúc – Xây Dựng TP.HCM** Địa chỉ: 337 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. HCM Điện thoại: (028) 35533 189 - (028) 35533 923 Website: ktxd.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Long An	
1.	**Trường Đại Học Tân Tạo** Địa chỉ: Đại lộ Đại học Tân Tạo, E.City Tân Đức, Đức Hoà, Tỉnh Long An Điện thoại: (0272) 3769 216. Email: info@ttu.edu.vn, Website: ttu.edu.vn
2.	**Trường Đại Học Kinh Tế - Công Nghiệp Long An** Địa chỉ: 938, Quốc lộ 1A, P.Khánh Hậu, TP. Tân An, Tỉnh Long An. Điện thoại: (0272) 3512 826. Email: info@daihoclongan.edu.vn; Website: daihoclongan.edu.vn
3.	**Trường Cao Đẳng Sư Phạm Long An** Địa chỉ: 934 Quốc lộ 1, Khu phố Tường Khánh, P. Khánh Hậu, TP. Tân An, Tỉnh Long An. Điện thoại: (0272) 3.511.329 Email: hieutruong.c49@moet.edu.vn Website: caodangsuphamlongan.edu.vn
4.	**Trường Cao Đẳng Công Nghệ và Du Lịch** Địa chỉ: 201 Nguyễn Văn Rành, P.7, TP.Tân An, Tỉnh Long An Điện thoại: 0982626111. Email: caodangcongnghedulich2005@gmail.com Website: caodangcongnghedulich.edu.vn
5.	**Trường Cao Đẳng Nghề Long An** Địa chỉ: 60 Quốc lộ 1A, P. 5, TP.Tân An, Tỉnh Long An Điện thoại: (0272) 3827 694. Email: tcdnla@longan.gov.vn, Website: caodangnghelongan.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Vĩnh Long	
1.	**Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Vĩnh Long** Địa chỉ: 73 Nguyễn Huệ, P. 2, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long Điện thoại: (0270) 3822 141 Email: spktvl@vlute.edu.vn; Website: vlute.edu.vn
2.	**Trường Đại Học Xây Dựng Miền Tây** Địa chỉ: 20B Phó Cơ Điều, P.3, Tp. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long Điện thoại: (0270) 3 823 657 - Fax: (0270) 3827457 Email: mtu@mtu.edu.vn Website: mtu.edu.vn
3.	**Trường Đại Học Cửu Long** Địa chỉ: QL 1A, Phú Quới, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long. Điện thoại: (0270) 3821 155 – 02703832538. Email: cuulonguniversity@mku.edu.vn, Website: mku.edu.vn
4.	**Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại Vĩnh Long** Địa chỉ: 1B Nguyễn Trung Trực, P. 8, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long Điện thoại: (0270) 3823359 – 3823443 Email: phvl@ueh.edu.vn, Website: ueh.edu.vn
5.	**Trường Cao Đẳng Nghề Vĩnh Long** Địa chỉ: QL1A, Xã Phú Quới, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long Điện thoại: (0270) 3.960.566 Email bbt@vlvc.edu.vn, Website: vlvc.edu.vn
6.	**Trường Cao Đẳng Nghề Số 9** Địa chỉ: 09 Đường Phạm Hùng, P. 9, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long. Điện thoại: (0270) 3502 555 – 3824 564. Website: caodangngheso9.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Tiền Giang	
1.	**Trường Đại Học Tiền Giang** Địa chỉ: 119 Ấp Bắc, P. 5, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang Điện thoại: (0273) 3872 624 – 6250 200 Email: daihoctg@tgu.edu.vn; Website: tgu.edu.vn

2.	**Trường Cao Đẳng Y Tế Tiền Giang** Địa chỉ: 83 Thái Sanh Hạnh, P. 9, TP.Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang Điện thoại: (0273) 3951464 – 3872 970. Website: caodangytetg.edu.vn Email: caodangytetg@tiengiang.gov.vn
3.	**Trường Cao Đẳng Nông Nghiệp Nam Bộ** Địa chỉ: Ấp Phong Thuận, Xã Tân Mỹ Chánh, TP.Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang. Điện thoại: (0273) 3850 136 Email: info@nbac.edu.vn, Website: nbac.edu.vn
4.	**Trường Cao Đẳng Tiền Giang** Địa chỉ: 11B/17 Học Lạc , P. 8, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang Điện thoại: (0273) 3958 684. Email: caodangtiengiang@gmail.com, Website: tgc.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Đồng Tháp	
1.	**Trường Đại Học Đồng Tháp** Địa chỉ: 783 Phạm Hữu Lầu, P. 6, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp Điện thoại: (0277) 3881 518 Email: dhdt@dthu.edu.vn; Website: dthu.edu.vn
2.	**Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Đồng Tháp** Địa chỉ: 259 Thiên Hộ Dương, P. Hòa Thuận, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp Điện thoại: (0277) 3851 523 Email: cdcddt@dtcc.edu.vn, Website: dtcc.edu.vn
3.	**Trường Cao Đẳng Y Tế Đồng Tháp** Địa chỉ: 312 Nguyễn Thái Học, P. 4, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp Điện thoại: (0277) 3854 133 – 3853 750 Email: cya@cdytdt.edu.vn, Website: cdytdt.edu.vn
Danh sách các trường CĐ tại tỉnh Bến Tre	
1.	**Trường Cao Đẳng Bến Tre** Địa chỉ: 1H, Ấp 1, xã Sơn Đông, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre Điện thoại: (0275) 3822 294. Email: tuyensinhbtr@yahoo.com.vn, Website: cdbt.edu.vn
2.	**Trường Cao Đẳng Đồng Khởi** Địa chỉ: 17A4 Quốc lộ 60, P. Phú Tân, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre Điện thoại: (0275) 3822 194 Email: tuyensinhcddk@gmail.com, Website: cdndongkhoi.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Trà Vinh	
1.	**Trường Đại Học Trà Vinh** Địa chỉ: Số 126 Nguyễn Thiện Thành - Khóm 4, P. 5, TP.Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh Điện thoại: (0294) 3855 246 Email: daihoctravinh_ad@tvu.edu.vn Website: tvu.edu.vn
2.	**Trường Cao Đẳng Y Tế Trà Vinh** Địa chỉ: Số 7 Nguyễn Thiện Thành, Khóm 4, Phường 5, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh Điện thoại: (0294) 3853 815. Website: tvmc.edu.vn
Danh sách các trường CĐ tại Sóc Trăng	
1.	**Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Sóc Trăng** Địa chỉ: Số 139, Tỉnh lộ 934, ẤP Hòa Mỹ, TT. Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng Điện thoại: (0299) 3827028; Email: cdcdst@vnn.vn, Website: stcc.edu.vn
2.	**Trường Cao Đẳng Nghề Sóc Trăng** Địa chỉ: 176 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Khóm 4, P. 7, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Điện thoại: (0299) 3614 946 – 3829 896. Website: svc.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại TP. Cần Thơ	
ĐẠI HỌC	
1.	**Đại Học Cần Thơ** Địa chỉ: Khu II, đường 3/2, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Điện thoại: (0292) 3832 663 Email: dhct@ctu.edu.vn; Website: ctu.edu.vn
2.	**Trường Đại Học Kỹ Thuật - Công Nghệ Cần Thơ** Địa chỉ: 256 Nguyễn Văn Cừ, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3898 167 - 3890 765. Email: phonghanhchinh@ctuet.edu.vn; Website: ctuet.edu.vn
3.	**Trường Đại Học Nam Cần Thơ** Địa chỉ: 168 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), P. An Bình, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ Điện thoại : (0292) 3798222 - 3 798 668. Email: dnc@moet.edu.vn, Website: nctu.edu.vn
4.	**Trường Đại Học Tây Đô** Địa chỉ: 68 Lộ Hậu Thạnh Mỹ (Trần Chiên), P. Lê Bình, Q. Cái Răng, TP.Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3840 666 – 3840222 – 3740 768. Email: admin@tdu.edu.vn; website: tdu.edu.vn
5.	**Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ** Địa chỉ: 179 Nguyễn Văn Cừ, P. An Khánh,Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Điện thoại: (0292) 3739 730 Email: ctump@ctump.edu.vn, Website: ctump.edu.vn
CAO ĐẲNG	
1.	**Trường Cao Đẳng Cần Thơ** Địa chỉ: số 413 đường 30/4, P. Hưng Lợi, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3838306 Email:caodangct@cdct.edu.vn, Website: sv1.cdct.edu.vn
2.	**Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Cần Thơ** Địa chỉ: 09 Cách Mạng Tháng Tám, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, TP.Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3826072 Email: ktktct@ctec.edu.vn, Website: ctec.edu.vn
3.	**Trường Cao Đẳng Y Tế Cần Thơ** Địa chỉ: 340 Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3 890550, Email: info@edu.com Website: cmc.edu.vn
4.	**Trường Cao Đẳng Nghề Cần Thơ** Địa chỉ: 57 Cách Mạng Tháng Tám, P. An Thới,Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3821327 Email: caodangnghecantho@cantho.gov.vn, Website: ctvc.edu.vn
5.	**Trường Cao Đẳng Du Lịch Cần Thơ** Địa chỉ: 47 Đường số 1, Khu vực 3 Sông Hậu, Cồn Khương, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ Điện thoại: 0292 3815 252. Email: tcdlct@gmail.com, Website: ctc.edu.vn
6.	**Trường CĐ Cơ Điện Và Nông Nghiệp Nam Bộ** Địa chỉ: Số 184 - Tỉnh lộ 923 (Lộ Vòng Cung), P. Phước Thới, Q. Ô Môn, Tp. Cần Thơ Điện thoại: 02923.661804 - 0907.084566 Email: tuyensinh@cea.edu.vn, Website: cea.edu.vn
7.	**Trường Cao đẳng văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ** Địa chỉ: 188/35A Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3890.027 – (0292) 3899.028 Email: truongcdvhnt@cantho.gov.vn Website: vhntcantho.edu.vn
8.	**Trường Cao Đẳng Kinh Tế Đối Ngoại - CS Cần Thơ** Địa chỉ: Số 8 Lê Hồng Phong, phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ Điện thoại: (0292) 2212.440 Email: cosocantho@cofer.edu.vn Website: cosocantho.cofer.edu.vn
9.	**Trường cao đẳng FPT Polytechnic Cần Thơ** Địa chỉ: Toà nhà FPT Polytechnic, đường số 22, phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, TP Cần Thơ Điện thoại: 098 388 11 00 Email: caodang@fpt.edu.vn Website: caodang.fpt.edu.vn

Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Hậu Giang	
1.	**Trường ĐH Võ Trường Toản** Địa chỉ: Quốc Lộ 1A,Tân Phú Thạnh, Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang. Điện thoại: (0293) 3953 222 - 3953 666 Email: info@vttu.edu.vn, Website: vttu.edu.vn
2.	**Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Hậu Giang** Địa chỉ: Đường 19/8, Xã Vị Tân, TP. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang. Điện thoại: (029) 3.3581.212 – 3870 190 Email: hgcc@hgcc.edu.vn, Website: hgcc.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh An Giang	
1.	**Trường Đại Học An Giang** Địa chỉ: 18 Ung Văn Khiêm, P. Đông Xuyên, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang Điện thoại: (0296) 6256 565 Email: webmaster@agu.edu.vn Website: agu.edu.vn
2.	**Trường Cao Đẳng Nghề An Giang.** Địa chỉ: 841 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên - Tỉnh An Giang Điện thoại**:** (0296) 3.953.739**,** Website: agvc.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Kiên Giang	
1.	**Trường Đại Học Kiên Giang** Địa chỉ: 320A Quốc lộ 61, TT. Minh Lương, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang Điện thoại: (0297) 3926 714. Email: qldt@vnkgu.edu.vn, Website: vnkgu.edu.vn
2.	**Trường Cao Đẳng Kiên Giang** Địa chỉ: 425 Mạc Cửu, P.Vĩnh Thanh, TP.Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang Điện thoại: (0297) 3863 530 - 3872 086 Email: kgc@kgc.edu.vn, Website: kgc.edu.vn
3.	**Trường Cao Đẳng Sư Phạm Kiên Giang** Địa chỉ: 449 Nguyễn Chí Thanh, Khu Phố 6, P. Rạch Sỏi, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang. Điện thoại: (0297) 3911071 – 3865 498. Email: phongdaotao@cdspkg.edu.vn Website: cdspkg.edu.vn
4.	**Trường Cao Đẳng Y Tế Kiên Giang** Địa chỉ: 14 Phạm Ngọc Thạch, Vĩnh Thanh, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang Điện thoại: 0773.86.34.31, Email: cdytkg@kgmc.edu.vn, Website: kgmc.edu.vn
5.	**Trường Cao Đẳng Nghề Kiên Giang** Địa chỉ: 1022 Nguyễn Trung Trực,P. An Hòa, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang Điện thoại: (0297) 3814 946 – 3814 947 Website: caodangnghekg.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Bạc Liêu	
1.	**Trường Đại Học Bạc Liêu** Địa chỉ: 178 Võ Thị Sáu, P.8, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Điện thoại: 02913822653. Email: mail@blu.edu.vn, Website: blu.edu.vn
2.	**Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Bạc Liêu** Địa chỉ: 10 Tôn Đức Thắng, khóm 10, P.1, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu Điện thoại : (0291) 3822 589 - 825 619 Website: ktktbl.edu.vn
3.	**Trường Cao Đẳng Y Tế Bạc Liêu** Địa chỉ: 01 Đoàn Thị Điểm, P. 3, TP. Bạc Liêu, Bạc Liêu Điên thoại: (0291) 3826 265 – 3822 222 Email: truong@cdytbaclieu.edu.vn, Website: cdytbaclieu.edu.vn
4.	**Trường Cao Đẳng Nghề Bạc Liêu** Địa chỉ: 68 Tôn Đức Thắng, Khóm 7, P. 1, TP.Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu Điện thoại: (0291) 3822 358. Email: caodangnghe.bl@gmail.com, Website: cdnbl.edu.vn

Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Cà Mau	
1.	**Trường ĐH Bình Dương – Phân Hiệu Cà Mau** Địa chỉ: Số 03 Lê Thị Riêng, P. 5,TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Điện thoại: (0290) 3997 777 – 3552 177. Email: tuyensinh.cm@bdu.edu.vn Website: camau.bdu.edu.vn
2.	**Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Cà Mau** Địa chỉ: 126 Đường 3/2, P. 6, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Điện thoại: (0290) 3 825 262 – 828 234. Email: cdcd.d61@moet.edu.vn; Website: caodangcongdong.camau.gov.vn
3.	**Trường Cao Đẳng Y Tế Cà Mau** Địa chỉ: 01 Nguyễn Đình Chiểu, P.8, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Điện thoại: (0290) 3828 575. Email: caodangytecamau@gmail.com; Website: caodangyte.camau.gov.vn
4.	**Trường CĐN Việt Nam - Hàn Quốc Cà Mau** Địa chỉ: Số 8 Đường Mậu Thân, P. 9, TP.Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Điện thoại: (0290) 3592 101– 3832 835. Email: camau.vkc@gmail.com Website: daotao.camauvkc.edu.vn
Các Học viện, Trường ĐH, CĐ Quân đội và Công an	
TRƯỜNG QUÂN ĐỘI	
1.	**Học Viện Quân Y** Địa chỉ: 160 Phùng Hưng, P. Phúc La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội Điện thoại: 069.698910, Fax: 0436883994 Email: hvqy@vmmu.edu.vn, Website: hocvienquany.vn
2.	**Học Viện Kỹ Thuật Quân Sự** Địa chỉ: 236 Hoàng Quốc Việt, Bắc Từ Liêm , TP.Hà Nội Điện thoại 069.515200, Email: info@mta.edu.vn, Website: mta.edu.vn
3.	**Học Viện Kỹ Thuật Quân Sự Cơ Sở TP. HCM** Địa chỉ: Số 71 Cộng Hoà, P. 4, Q. Tân Bình, TP.HCM Điện thoại: 098 222 94 66 Website: mta.edu.vn
4.	**Học Viện Kỹ Thuật Mật Mã** Địa chỉ: 141 đường Chiến Thắng, Tân Triều, Thanh Trì, TP.Hà Nội. Điện thoại: (024) 38544244 – 0986 622 772. Email: contact@actvn.edu.vn, Website: actvn.edu.vn
5.	**Phân Hiệu Học Viện Kỹ Thuật Mật Mã Tại TP.HCM** Địa chỉ: 17A Cộng Hòa, P. 4, Q.Tân Bình, TP.HCM Điện thoại: 0903.458.774 Email: admin@actvn.edu.vn, Website: hcmact.edu.vn
6.	**Học Viện Khoa Học Quân Sự** Địa chỉ: 322e Lê Trọng Tấn - Định Công - Hoàng Mai - Hà Nội Điện thoại: (024) 35659449 Email: hvkhqs.edu.vn@gmail.com, Website: hvkhqs.edu.vn
7.	**Học Viện Phòng Không - Không Quân** Địa chỉ: Xã Kim Sơn, Sơn Tây, TP. Hà Nội Điện thoại: 069592892 Email: tuyensinhquansu@hocvienpkkq.com, Website: Hocvienpkkq.com
8.	**Học Viện Hải Quân** Điện thoại: Số 30 Trần Phú, Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà Điện thoại: (0258) 3881102 Email: hocvienhaiquan@hocvienhaiquan.edu.vn, Website: hocvienhaiquan.edu.vn
9.	**Học Viện Biên Phòng** Địa chỉ: Thanh vị - Sơn lộc - Sơn Tây - Hà NộiĐiện thoại: 0693. 596004. Email: bbt@hvbp.edu.vn, Website: hvbp.edu.vn
10.	**Học Viện Hậu Cần** Địa chỉ: Ngọc Thụy, Q. Long Biên, TP. Hà Nội Điện thoại: 069.577.681 - 0376.293.783 Website: hocvienhaucan.edu.vn
11.	**Trường ĐH Chính Trị (Trường Sĩ Quan Chính Trị)** Địa chỉ: Thạch Hoà, Thạch Thất, Hà Nội Điện thoại: (069).597.654 Email: banbtxb@gmail.com Website: daihocchinhtri.edu.vn

12.	**Trường ĐH Trần Quốc Tuấn (Sĩ quan Lục quân 1)** Địa chỉ: Xã Cổ Đông, Thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội Điện thoại: (024) 33686102, Email: daihoctranquoctuan@gmail.com, Website: sqlq1.edu.vn
13.	**Trường ĐH Nguyễn Huệ (Sĩ Quan Lục Quân 2)** Địa chỉ: Xã Tam Phước, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 352 9100. Website: daihocnguyenhue.edu.vn Email: tuyensinhlq2@gmail.com
14.	**Trường Sĩ Quan Pháo binh** Địa chỉ: Thanh Mỹ, Sơn Tây, TP. Hà Nội Điện thoại: (024) 33930.194 - 069.595.831 Email: tsqpbvn@gmail.com, Website: tsqpb.edu.vn
15.	**Trường Sĩ Quan Tăng - Thiết Giáp** Địa chỉ: Xã Kim Long, Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc Điện thoại: (0211) 353 9021 - 0974.177.246. Email: info@tsqttg@gmail.com - tuyensinhtsqttg@gmail.com Website: siquantangthietgiap.vn
16.	**Trường Sĩ Quan Đặc Công** Địa chỉ: Thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ, TP. Hà Nội Điện thoại: (024) 3384 0625 Email: tsqdc.edu.vn@gmail.com, Website: tsqdc.edu.vn
17.	**Trường Sĩ Quan Phòng Hóa** Địa chỉ: Sơn Đông, Sơn Tây, TP. Hà Nội Điện thoại: 0693. 591115 Email: info@siquanphonghoa.edu.vn Website: siquanphonghoa.edu.vn
18.	**Trường Đại Học Ngô Quyền (Sĩ quan Công binh)** Địa chỉ: 229B Bạch Đằng, P. Phú Cường, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: (0274) 3-859632, 3-829434 Email: khcn.tsqcb@gmail.com, Website: tsqcb.edu.vn
19.	**Trường Sĩ Quan Thông Tin** Địa chỉ: 101 Mai Xuân Thưởng, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: 02583-832-055 Email: info@mitechcenter.vn, Website: tcu.edu.vn
20.	**Trường Sĩ Quan Không Quân** Địa chỉ: Cổng 3 đường Biệt Thự, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: 069 751 351 Website: tsqkq.edu.vn
21.	**Trường ĐH Văn hóa - Nghệ Thuật Quân Đội CS1** Địa chỉ: 101 Nguyễn Chí Thanh, P.Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội Điện thoại: (024) 62663068 - 069522450, Email: vnq.edu@gmail.com, Website: vnq.edu.vn
22.	**Trường ĐH Văn hóa - Nghệ Thuật Quân Đội CS2** Địa chỉ: 140 Đường Cộng Hòa - Phường 4, Quận Tân Bình - TP Hồ Chí Minh Điện thoại: 069.667350 Email: nhahatquandoiphianam@gmail.com Website: nhahatquandoiphianam.vnq.edu.vn
23.	**Trường Đại Học Trần Đại Nghĩa** **(Sĩ quan Kỹ Thuật QS Vinhempich)** Địa chỉ: 189 Đường Nguyễn Oanh, P. 10, Q. Gò Vấp, TP. HCM Điện thoại: (028) 3894 0535 Email: lienhe@tdnu.edu.vn, Website: tdnu.edu.vn
24.	**Trường Cao Đẳng Công Nghiệp Quốc Phòng** Địa chỉ: Phường Thanh Vinh, Thị Xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ Cơ sở 2: Số 22/103 đường Lý Sơn, Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội Điện thoại: 024. 38 27 32 64, Website: cdcnqp.edu.vn
25.	**Trường Cao Đẳng Công Nghệ Và Kỹ Thuật Ôtô** Địa chỉ: Phường Xuân Khanh TX. Sơn Tây, TP. Hà Nội Điện thoại: 0463258761 Website: caodangoto.edu.vn
TRƯỜNG CÔNG AN	
1.	**Học Viện Chính Trị Công An Nhân Dân** Địa chỉ: Xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội Điện thoại: 0243. 2052086 Email: webmaster@hvctcand.edu.vn Website: hvctcand.edu.vn
2.	**Học Viện Cảnh Sát Nhân Dân** Địa chỉ: Phường Cổ Nhuế 2, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội. Điện thoại: 069 3836 2811 – 069 2346002 Email: cttdt@hvcsnd.edu.vn. Website: hvcsnd.edu.vn
3.	**Học Viện An Ninh Nhân Dân** Địa chỉ: 125 Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, TP. Hà Nội Điện thoại: 069 2345 898, Email: congttdt.c500@gmail.com Website: hvannd.edu.vn
4.	**Trường Đại Học An Ninh Nhân Dân** Địa chỉ: Km18 Xa Lộ, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP.HCM Điện thoại: 0283.896.3883 - Fax: 0283.896.3883 Email: info@dhan.edu.vn, Website: dhannd.edu.vn
5.	**Trường Đại Học Cảnh Sát Nhân Dân** Địa chỉ: 36 Nguyễn Hữu Thọ, P.Tân Phong, Q.7,TP.HCM Địa điểm đào tạo số 2: 179A Kha Vạn Cân - Phường Linh Tây - Quận Thủ Đức Địa điểm đào tạo số 3: phường An Thới - quận Bình Thủy - TP Cần Thơ Điện thoại: (028) 6686 0550, Website: pup.edu.vn
6.	**Trường Đại Học Phòng Cháy Chữa Cháy** Địa chỉ: 243 Khuất Duy Tiến, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội Cơ sở 2: Xã Hoà Sơn - Lương Sơn - Hoà Bình Cơ sở 3: Xã An Phước - Long Thành - Đồng Nai Điện thoại: (0243) 553 3006 Website: daihocpccc.edu.vn - websitedaihocpccc@gmail.com Email: daihocpccc@gmail.com
7.	**Trường ĐH Kỹ Thuật - Hậu Cần Công An Nhân Dân** Địa chỉ: Ngõ 4 Đông Côi, Thị trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh. Điện thoại: 069.2324.285, Email: admin@dhkthc.edu.vn Website: dhkthc.bocongan.gov.vn
8.	**Trường Cao Đẳng An Ninh Nhân Dân I** Địa chỉ: Xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội Điện thoại: (024) 38850517
9.	**Trường Cao Đẳng An Ninh Nhân Dân II** Địa chỉ: Xã Tam Phước, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3511642
10.	**Trường Cao Đẳng Cảnh Sát Nhân Dân I** Địa chỉ: Xã Thủy Xuân Tiên, Huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội, Email: cdcsnd@gmail.com, Website: cdcsnd1.edu.vn
11.	**Trường Cao Đẳng Cảnh Sát Nhân Dân II** Địa chỉ: 247 Đặng Văn Bi, P. Trường Thọ, TP.Thủ Đức, TP.HCM Điện thoại: (028) 3896 6665, Website: caodangcsnd2.edu.vn

Danh bạ ĐH, CĐ mang tính tham khảo, để biết thêm chi tiết về trường các bạn vào Website của các trường để có thông tin (cập nhật tháng 3/2023)

Sổ tay hướng nghiệp, những thông tin cần biết về tuyển sinh Đại học, Cao đẳng 2023 - Sổ tay tặng học sinh lớp 12

Công ty cổ phần Kết nối Văn hóa Việt (VHV)
Trung tâm Hỗ trợ học sinh, sinh viên Thành Phố Hồ Chí Minh (SAC)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trụ sở:
Phòng 501, Nhà Điều hành ĐHQG-HCM, P. Linh Trung, TP Thủ Đức, TP.HCM.
ĐT: 028 62726361
E-mail: vnuhp@vnuhcm.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung
TS ĐỖ VĂN BIÊN

Biên tập
LÊ THỊ THU THẢO

Sửa bản in
PHAN KHÔI

Trình bày bìa
CÔNG TY CP KẾT NỐI VĂN HOÁ VIỆT

Đối tác liên kết
CÔNG TY CP KẾT NỐI VĂN HOÁ VIỆT

Xuất bản lần thứ 1. Số lượng in: 50.000 cuốn, khổ 16 x 24cm. Số XNĐKXB: 1027-2023/CXBIPH/4-14/ĐHQGTPHCM. QĐXB số: 42/QĐ-NXB cấp ngày 10/4/2022.
In tại: Công ty TNHH Một thành viên Lê Quang Lộc. Địa chỉ: 161 Lý Chính Thắng, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP. HCM. Nộp lưu chiểu: Năm 2023. ISBN: **978-604-73-9786-0.**

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ bởi Luật Xuất bản và Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam. Nghiêm cấm mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phát tán nội dung khi chưa có sự đồng ý của tác giả và Nhà xuất bản.

ĐỂ CÓ SÁCH HAY, CẦN CHUNG TAY BẢO VỆ TÁC QUYỀN!

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
Thành Nhân trước thành Danh

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2023

PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

01 **Xét tuyển theo kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2023**

02 **Xét tuyển theo kết quả học bạ THPT**

Hình thức 1: Tổng điểm trung bình của 3 môn xét tuyển trong 5 học kỳ (2 học kỳ lớp 10, 2 học kỳ lớp 11 và học kỳ 1 của lớp 12) đạt từ 18.0 điểm.

Hình thức 2: Tổng điểm trung bình của 3 môn xét tuyển trong 3 học kỳ (2 học kỳ lớp 11 và học kỳ 1 của lớp 12) đạt từ 18.0 điểm.

Hình thức 3: Tổng điểm trung bình của 3 môn xét tuyển trong 2 học kỳ (lớp 12) đạt từ 18.0 điểm.

Hình thức 4: Tổng điểm trung bình chung cả năm lớp 12 đạt từ 6.0 điểm trở lên.

Đối với ngành Thanh nhạc và Piano xét tuyển môn Văn đạt từ 5.0 điểm cho hình thức 1, 2, 3 và tham dự kỳ thi riêng do Trường tổ chức gồm môn cơ sở và chuyên ngành.

(Điểm xét tuyển là tổng điểm của tổ hợp 3 môn xét tuyển, không nhân hệ số và áp dụng cho diện HSPT-KV3)

03 **Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Văn Hiến**

04 **Xét tuyển theo kết quả bài thi đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia TP.HCM tổ chức**

05 **Xét tuyển kết hợp thi tuyển đối với ngành Piano và Thanh nhạc**

Điểm xét tuyển: Môn Ngữ văn từ 5.0 điểm

Thi môn năng khiếu: Thanh nhạc hoặc Piano

10 khoa & 31 NGÀNH HỌC



Khoa Kỹ thuật - Công nghệ
Kỹ thuật điện tử - Viễn thông; Công nghệ sinh học; Công nghệ thực phẩm

Khoa Kế toán - Tài chính
Tài chính ngân hàng; Kế toán; Luật

Khoa Du lịch
Du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn

Khoa Ngoại ngữ
Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Pháp

Khoa Xã hội - Truyền thông
Xã hội học; Tâm lý học; Văn học; Quan hệ công chúng; Truyền thông đa phương tiện; Văn hóa học

Khoa Nghệ thuật
Piano; Thanh nhạc

Khoa Công nghệ thông tin
Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính

Khoa Y - Dược
Điều dưỡng*

Khoa Kinh tế - Quản trị
Quản trị kinh doanh; Kinh tế; Thương mại điện tử; Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng; Marketing

Khoa Đông phương
Đông phương học; Ngôn ngữ Nhật; Việt Nam học

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Trường Đại học Văn Hiến.
- Bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời hoặc bằng tốt nghiệp THPT.
- Bản sao học bạ THPT.
- Bản sao Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

Mã trường **DVH**

HOTLINE **18001568**

TRỤ SỞ CHÍNH:
613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP.HCM

CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO:
Harmony Campus: 624 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. HCM
HungHau Campus: Khu chức năng 13E- Nguyễn Văn Linh, Phong Phú, Nam Thành phố, TP. HCM
Heart Campus: 736 - 738 - 740 Điện Biên Phủ, Phường 10, Quận 10, TP. HCM
myU Campus: 665 - 667 - 669 Điện Biên Phủ, Phường 10, Quận 10, TP. HCM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MÃ TRƯỜNG **MBS**

5.000 CHỈ TIÊU DỰ KIẾN

Học bổng 30 TỶ ĐỒNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI TRÀ

NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XT	NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XT
• Kinh tế	7310101	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, Hóa, Anh	• Công nghệ sinh học	7420201	Toán, Lý, Sinh Toán, Hóa, Anh Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh
• Quản trị kinh doanh	7340101				
• Marketing	7340115				
• Kinh doanh quốc tế	7340120		• Công nghệ thực phẩm	7540101	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Anh Toán, Hóa, Sinh Toán, Lý, Anh
• Tài chính – Ngân hàng	7340201				
• Kế toán	7340301				
• Kiểm toán	7340302		• Luật (2) • Luật kinh tế (2)	7380101 7380107	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Văn, Sử, Địa Toán, Văn, Ngoại ngữ (3)
• Quản lý công	7340403				
• Hệ thống thông tin quản lý	7340405				
• Khoa học máy tính (1)	7480101		• Đông Nam Á học • Xã hội học • Công tác xã hội • Tâm lý học (Mới)	7310620 7310301 7760101 7310401	Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Ngoại ngữ (5) Văn, Sử, Địa Văn, KHXH, Ngoại ngữ (5)
• Công nghệ thông tin (1)	7480201				
• CNKT công trình xây dựng (1)	7510102				
• Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605				
• Quản lý xây dựng (1)	7580302		• Ngôn ngữ Anh (4)	7220201	Toán, Lý, Anh; Toán, Văn, Anh Văn, Sử, Anh; Văn, KHXH, Anh
• Khoa học dữ liệu (1) (Mới)	7460108				
• Quản trị nhân lực	7340404	Toán, Lý, Hóa ; Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh; Toán, Sử, Văn	• Ngôn ngữ Trung Quốc (4) • Ngôn ngữ Nhật (4) • Ngôn ngữ Hàn Quốc (4)	7220204 7220209 7220210	Văn, Toán, Ngoại ngữ (5) Văn, KHXH, Ngoại ngữ (5)
• Du lịch	7810101				

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XT	NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XT
• Luật kinh tế	7380107C	Toán, Hóa, Anh; Toán, Lý, Anh Văn, Sử, Anh; Toán, Văn, Anh	• Quản trị kinh doanh • Quản trị nhân lực (Mới) • Tài chính – Ngân hàng • Kế toán • Kinh tế • Kinh doanh quốc tế (Mới)	7340101C 7340404C 7340201C 7340301C 7310101C 7340120C	Toán, Hóa, Anh Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, KHXH, Anh
• Ngôn ngữ Anh (4)	7220201C	Toán, Lý, Anh; Toán, Văn, Anh Văn, Sử, Anh; Văn, KHXH, Anh			
• Ngôn ngữ Trung Quốc (4) • Ngôn ngữ Nhật (4)	7220204C 7220209C	Văn, Toán, Ngoại ngữ (5) Văn, KHXH, Ngoại ngữ (5)			
• CNKT công trình xây dựng (1) • Khoa học máy tính (1)	7510102C 7480101C	Toán, Lý, Anh; Toán, Hóa, Anh Toán, Văn, Anh; Toán, Lý, Hóa	• Công nghệ sinh học	7420201C	Toán, Sinh, Anh Toán, Hóa, Anh Toán, Lý, Anh Toán, Hóa, Sinh

CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT QUỐC TẾ

NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XT
Chương trình liên kết quốc tế do Đại học Flinders - Úc cấp bằng		
• Kinh doanh quốc tế (1.5+2) • Quản trị nguồn nhân lực (1.5+2) • Quản trị và đổi mới (1.5+2) • Marketing (1.5+2) • Quản trị kinh doanh (1.5+2)	7340120FL 7340404FL 7340410FL 7340115FL 7340101FL	Toán, Hóa, Anh Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, KHXH, Anh
• Tài chính (1.5+2) • Kế toán (1.5+2) • Kinh tế kinh doanh (1.5+2)	7340201FL 7340301FL 7310109FL	Toán, Hóa, Anh Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, KHXH, Anh
• Ngôn ngữ Anh (2+1)	7220201FL	Toán, Lý, Anh; Toán, Văn, Anh Văn, Sử, Anh; Văn, KHXH, Anh

NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XT
Chương trình liên kết quốc tế do Đại học Bond – Úc cấp bằng		
• Quản trị kinh doanh (1.5+1) • Quản trị du lịch (1.5+1.5)	7340101BD 7810103BD	Toán, Hóa, Anh; Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh; Toán, KHXH, Anh
• Big data (1.5+1.5)	7480103BD	Toán, Hóa, Anh; Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh; Toán, KHXH, Anh
Chương trình liên kết quốc tế do Đại học Rouen – Pháp cấp bằng		
Ngành Thương mại quốc tế (Kinh doanh quốc tế)	7340120RO	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, Hóa, Anh

(1): Môn Toán hệ số 2 (2): Điểm trúng tuyển Văn, Sử, Địa cao hơn các tổ hợp còn lại 1.5 điểm (3): Ngoại ngữ: Anh, Pháp, Đức, Nhật (4): Ngoại ngữ hệ số 2 (5) Ngoại ngữ: Anh, Nga, Pháp, Đức, Nhật, Trung và Hàn Quốc

Các ngành tuyển sinh Chất lượng cao môn Ngoại ngữ nhân hệ số 2 trừ CNKT công trình xây dựng, Công nghệ sinh học và Khoa học máy tính

Phương thức xét tuyển

Nhóm các phương thức xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.

1. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế TS của Trường và Bộ GD&ĐT.
2. Xét tuyển theo Kết quả thi tốt nghiệp THPT.

Nhóm các phương thức theo kế hoạch xét tuyển riêng của Trường, được ưu tiên theo thứ tự như sau.

1. Ưu tiên xét tuyển bằng tú tài quốc tế (IB), chứng chỉ A-Level và chứng chỉ SAT.
2. Ưu tiên xét tuyển HSG THPT có chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế.
3. Ưu tiên xét tuyển HSG THPT.
4. Ưu tiên xét tuyển kết quả học bạ THPT có chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế.
5. Xét tuyển học bạ THPT.

Đăng ký trực tuyến

https://tuyensinh.ou.edu.vn

dự kiến tháng 04/2023

(Không có lệ phí xét tuyển)

1800 5858 84

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP

MÃ TRƯỜNG MBS
Chỉ tiêu (dự kiến) 5.000

Trường ĐH Mở Thành phố Hồ Chí Minh là trường đại học Công lập, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT). Trường được thành lập từ năm 1990 đến nay và trải qua 33 năm phát triển bền vững, lâu dài cả về quy mô đến chất lượng đào tạo. Với triết lý giáo dục Nhân bản, Rộng mở, Thực tiễn, Hội nhập - Đi cùng giá trị cốt lõi mà nhà trường xây dựng nhằm hướng đến tính phục vụ cộng đồng, gắn kết thực tiễn, nâng cao tri thức và năng lực nghề nghiệp, chuyên nghiệp, sáng tạo và hiệu quả, đào tạo với định hướng ứng dụng, đáp ứng nhu cầu được tiếp cận kiến thức ĐH và Sau ĐH cho người học; cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đào tạo có chất lượng, có khả năng thích ứng nhu cầu cao của xã hội, chú trọng nhu cầu học tập suốt đời và cung cấp các chương trình theo nhu cầu người học.

Trường ĐH Mở Thành phố Hồ Chí Minh chú trọng chất lượng đào tạo, đa dạng về loại hình đào tạo và phương thức xét tuyển.

Chất lượng đào tạo - Một số thành tích nổi bật:

- **Năm 2021** - Top 8 các trường đại học trực thuộc Bộ GD&ĐT được khen thưởng có nhiều bài báo quốc tế (ISI, SCI, SCIE).
- **Năm 2021** - Xếp thứ hạng 13/179 trường đại học ở Việt Nam và hạng 121/3.828 trường đại học ở Đông Nam Á (theo Webometrics).
- **Năm 2020** - Trường đại học duy nhất ở Việt Nam được bình chọn trong hạng mục chiến lược dạy và học của năm theo tạp chí THE (Times Higher Education).
- **Top 10 sinh viên (SV) nghiên cứu khoa học toàn quốc**, nghiên cứu khoa học – Eureka nhiều năm liền.
- **Nhiều đóng góp thiết thực trong công tác phục vụ cộng đồng về lĩnh vực giáo dục và đồng tham gia tổ chức các hội thảo**, góp ý các chính sách có ảnh hưởng đến xã hội, đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của đời sống KT-XH, thiết lập cầu nối giữa các nhà hoạch định chính sách với giới học thuật và doanh nghiệp.
- **Chất lượng đào tạo luôn được chú trọng, quan tâm:** Thể hiện cụ thể ở hơn 93% SV tốt nghiệp có việc làm trong năm 2023.
- **Là trường Công lập,** học phí không cao, không tăng vượt khung quy định của Bộ GD&ĐT.

Đến tháng 12/2022, đã có 16 Ngành đạt Kiểm định chất lượng giáo dục

- **9 ngành theo TC MOET**: Luật kinh tế, Xã hội học, Hệ thống thông tin quản lý, Luật, Đông Nam Á học, Công tác Xã hội, Công nghệ Sinh học, CNKT CT Xây dựng, Ngôn ngữ Trung Quốc.
- **3 ngành theo TC FIBAA:** Kiểm toán, Kinh tế, Quản trị kinh doanh.
- **4 ngành theo TC AUN-QA:** Kế toán, Ngôn ngữ Anh, Khoa học máy tính, Tài chính – Ngân hàng.

NGÀNH ĐÀO TẠO VÀ PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN NĂM 2023

Năm 2023 Trường xét tuyển 42 ngành (29 ngành đại trà, 13 ngành chất lượng cao) với nhiều phương thức xét tuyển linh hoạt

- Nhóm các phương thức xét tuyển theo Kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT:

1. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển của Bộ GD&ĐT.

2. Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023.

- Nhóm các Phương thức xét tuyển theo đề án của Trường:

1. Ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh có:

- Bằng tú tài quốc tế (IB) điểm từ 26.
- Chứng chỉ quốc tế A-level của TT Khảo thí ĐH Cambridge (Anh) theo điểm 3 môn thi trở lên đảm bảo mức điểm mỗi môn thi đạt từ C trở lên.
- Kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT đạt điểm từ 1100/1600.

2. Ưu tiên xét tuyển Học sinh giỏi THPT có chứng chỉ Ngoại ngữ Quốc tế theo quy định.

3. Ưu tiên xét tuyển Học sinh giỏi THPT.

4. Ưu tiên xét tuyển Kết quả học bạ THPT có chứng chỉ Ngoại ngữ Quốc tế.

5. Xét tuyển học bạ THPT.

- Các phương thức Ưu tiên xét tuyển/ Xét tuyển sử dụng học bạ THPT cả năm lớp 10, 11 và HK1 lớp 12.
- Ngưỡng điểm nhận hồ sơ các phương thức tham khảo các thông báo trên trang tuyensinh.ou.edu.vn.
- ***Thời gian xét tuyển (dự kiến):*** Tháng 4/2023.
- ***Xét tuyển Điểm thi TN THPT 2023:*** Theo khung thời gian quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thí sinh xem thông tin chi tiết tại website **https://tuyensinh.ou.edu.vn**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
97 Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 03, TP. HCM
1800585884 tuyensinh@ou.edu.vn Tuyensinh.ou.edu.vn
Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh – Tư vấn tuyển sinh

MÃ TRƯỜNG: QSX

PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023 CỦA TRƯỜNG ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM (DỰ KIẾN)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN	MÔN CHÍNH
7140101	GIÁO DỤC HỌC	B00, C00, C01, D01	
7140114	QUẢN LÝ GIÁO DỤC	A01, C00, D01, D14	
7220201	NGÔN NGỮ ANH	D01	Tiếng Anh nhân hệ số 2
7220202	NGÔN NGỮ NGA	D01, D02	Tiếng Anh, Tiếng Nga nhân hệ số 2
7220203	NGÔN NGỮ PHÁP	D01, D03	Tiếng Anh, Tiếng Pháp nhân hệ số 2
7220204	NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC	D01, D04	Tiếng Anh, Tiếng Trung nhân hệ số 2
7220205	NGÔN NGỮ ĐỨC	D01, D05	Tiếng Anh, Tiếng Đức nhân hệ số 2
7220206	NGÔN NGỮ TÂY BAN NHA	D01, D03, D05	Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Đức nhân hệ số 2
7220208	NGÔN NGỮ ITALIA	D01, D03, D05	Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Đức nhân hệ số 2
7229001	TRIẾT HỌC	A01, C00, D01, D14	
7229009	TÔN GIÁO HỌC	C00, D01, D14	
7229010	LỊCH SỬ	C00, D01, D14, D15	Lịch sử nhân hệ số 2
7229020	NGÔN NGỮ HỌC	C00, D01, D14	Ngữ văn nhân hệ số 2
7229030	VĂN HỌC	C00, D01, D14	Ngữ văn nhân hệ số 2
7229040	VĂN HOÁ HỌC	C00, D01, D14, D15	
7310206	QUAN HỆ QUỐC TẾ	D01, D14	
7310301	XÃ HỘI HỌC	A00, C00, D01, D14	
7310302	NHÂN HỌC	C00, D01, D14, D15	
7310401	TÂM LÝ HỌC	B00, C00, D01, D14	
7310403	TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC	B00, B08, D01, D14	
7310501	ĐỊA LÝ HỌC	A01, C00, D01, D15	Địa lý nhân hệ số 2
7310608	ĐÔNG PHƯƠNG HỌC	D01, D04, D14	
7310613	NHẬT BẢN HỌC	D01, D06, D14, D63	Tiếng Nhật nhân hệ số 2
7310614	HÀN QUỐC HỌC	D01, D14, DD2, DH5	Tiếng Hàn nhân hệ số 2
7310630	VIỆT NAM HỌC	C00, D01, D14, D15	
7320101	BÁO CHÍ	C00, D01, D14	
7320104	TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN	D01, D14, D15	
7320201	THÔNG TIN - THƯ VIỆN	A01, C00, D01, D14	
7320205	QUẢN LÝ THÔNG TIN	A01, C00, D01, D14	
7320303	LƯU TRỮ HỌC	C00, D01, D14, D15	
7340406	QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG	C00, D01, D14	
7580112	ĐÔ THỊ HỌC	A01, C00, D01, D14	
7760101	CÔNG TÁC XÃ HỘI	C00, D01, D14, D15	
7810103	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	C00, D01, D14, D15	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN KẾT 2+2

QUỐC GIA	CHƯƠNG TRÌNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN	GHI CHÚ
HOA KỲ	NGÔN NGỮ ANH TRƯỜNG ĐẠI HỌC MINNESOTA CROOKSTON	D01, D14, D15	Áp dụng điều kiện ngoại ngữ đầu vào cho từng chương trình
TRUNG QUỐC	NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC ĐẠI HỌC SƯ PHẠM QUẢNG TÂY	D01, D04, D14, D15, D83, D95	
ÚC	TRUYỀN THÔNG ĐẠI HỌC DEAKIN	A01, D01, D14, D15	
ÚC	QUAN HỆ QUỐC TẾ ĐẠI HỌC DEAKIN	D01, D14	

PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH (dự kiến)

- **Phương thức 1:** Ưu tiên xét tuyển, tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo(Mã 301); Ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh giỏi nhất trường THPT năm 2023 (theo quy định của ĐHQG-HCM) (Mã 303);
- **Phương thức 2:** Ưu tiên xét tuyển theo Quy định của ĐHQG-HCM (Mã 302);
- **Phương thức 3:** Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT năm 2023 (mã 100);
- **Phương thức 4:** Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2023 (Mã 401);
- **Phương thức 5:** Phương thức khác (Mã 500), bao gồm:

  - Ưu tiên xét tuyển học sinh là thành viên đội tuyển của tỉnh, thành phố tham dự kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia hoặc đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố;
  - Xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT kết hợp chứng chỉ IELTS, TOEFL iBT hoặc năng lực tiếng Việt đối với thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài;
  - Xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT đối với thí sinh có thành tích xuất sắc, đặc biệt nổi bậc trong hoạt động xã hội, văn nghệ, thể thao.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN QUỐC TẾ

MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN	MÔN CHÍNH
7220201_CLC	NGÔN NGỮ ANH	D01	Tiếng Anh nhân hệ số 2
7220204_CLC	NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC	D01, D04	Tiếng Anh, Tiếng Trung nhân hệ số 2
7220204_CLC	NGÔN NGỮ ĐỨC	D01, D05	Tiếng Trung nhân hệ số 2
7310206_CLC	QUAN HỆ QUỐC TẾ	D01, D14	
7310613_CLC	NHẬT BẢN HỌC	D01, D06, D14, D63	Tiếng Nhật nhân hệ số 2
7320101_CLC	BÁO CHÍ	C00, D01, D14	
7810103_CLC	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	C00, D01, D14, D15	

THÔNG TIN TUYỂN SINH:

Website: hcmussh.edu.vn | Fanpage: ussh.vnuhcm | Hotline: 19003033



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

TRÍ TUỆ - SÁNG TẠO - HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

Với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung, Trường Đại học Nam Cần Thơ (DNC) đã không ngừng đầu tư về cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ giảng viên, đổi mới chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập, tăng cường nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

Trên cơ sở đáp ứng các điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, DNC đã được **chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục** theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời, Trường đã đạt được chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho nhiều chương trình đào tạo của các ngành gồm: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, hệ đại học gồm các ngành: Quản trị kinh doanh, Dược học, Luật kinh tế, Kỹ thuật xây dựng, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Công nghệ thông tin, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành... Đến nay đã có hơn 19.000 sinh viên, học viên đang theo học tại Trường.

Với sự phát triển mạnh mẽ, DNC đã trở thành ngôi trường được đông đảo quý phụ huynh và thí sinh quan tâm và lựa chọn.

BẬC ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

NHÓM NGÀNH SỨC KHỎE

1. Y khoa *(Bác sĩ đa khoa)*
2. Dược học
3. Kỹ thuật xét nghiệm Y học
4. Kỹ thuật hình ảnh Y học
5. Quản lý bệnh viện
6. Kỹ thuật y sinh
   Khoa học và Kỹ thuật y khoa
7. Y học cổ truyền *(dự kiến)*
8. Y học dự phòng *(dự kiến)*
9. Điều dưỡng *(dự kiến)*
10. Răng - Hàm - Mặt *(dự kiến)*

NHÓM NGÀNH KINH TẾ - QUẢN TRỊ

16. Quản trị kinh doanh
    Quản lý và Kinh doanh thể thao
17. Tài chính - Ngân hàng
18. Kế toán
19. Marketing
20. Bất động sản
21. Kinh doanh quốc tế
22. Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
23. Kinh tế số
24. Thương mại điện tử
25. Quản lý công nghiệp

NHÓM NGÀNH DU LỊCH, NHÀ HÀNG VÀ KHÁCH SẠN

31. Quản trị khách sạn
32. QT Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống
33. Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành

NHÓM NGÀNH KỸ THUẬT- CÔNG NGHỆ

34. Công nghệ kỹ thuật ô tô
35. Kỹ thuật cơ khí động lực
36. Công nghệ thông tin
37. Kỹ thuật phần mềm
38. Khoa học máy tính
39. Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu
40. Công nghệ thực phẩm
41. Công nghệ kỹ thuật hóa học

NHÓM NGÀNH XÂY DỰNG KỸ THUẬT - MÔI TRƯỜNG

11. Kiến trúc
12. Kỹ thuật xây dựng
13. Quản lý tài nguyên và Môi trường
14. Kỹ thuật môi trường
15. Quản lý đất đai

NHÓM NGÀNH XÃ HỘI & NHÂN VĂN

26. Quan hệ công chúng *(PR)*
27. Truyền thông đa phương tiện
28. Luật
29. Luật kinh tế
30. Ngôn ngữ Anh

PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN BẬC ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. **Xét tuyển theo kết quả học bạ THPT**
2. **Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT**
3. **Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực do các trường Đại học tổ chức**

BẬC TIẾN SĨ

1. Quản trị kinh doanh

BẬC THẠC SĨ

CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Quản trị kinh doanh
2. QT DV du lịch và Lữ hành
3. Luật kinh tế
4. Dược lý và Dược lâm sàng
5. Công nghệ thông tin
6. Kỹ thuật ô tô

CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT QUỐC TẾ

DNC liên kết với Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Malaysia đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh.

Chương trình được giảng dạy bằng Tiếng Anh gắn với thực tế. Sau khi tốt nghiệp SV có thể làm việc tại Malaysia và học lên Thạc sĩ.


Khu thực hành đa chức năng (Khu E)


Bệnh viện Đại học Nam Cần Thơ


Showroom ô tô Nam Cần Thơ DNC


Trung tâm phát triển và ứng dụng phần mềm DNC


Viện nghiên cứu - Đào tạo khoa học sức khỏe DNC

Địa chỉ: 168 Nguyễn Văn Cừ nối dài, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Website: www.nctu.edu.vn
Điện thoại: (0292) 3798 168 - 3798 222 **Hotline/Zalo:** 0939 257 838
Facebook: Nam Can Tho University

HUTECH
Đại học Công nghệ Tp.HCM

"CHỌN HUTECH, CHỌN THÀNH CÔNG"



Mã trường **DKC**

TUYỂN SINH 2023
04 PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

1. Kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023
2. Kết quả thi ĐGNL của ĐH Quốc gia TP.HCM
3. Xét học bạ lớp 12, tổng điểm 3 môn ≥ 18
4. Xét học bạ tổng điểm 3 học kỳ (lớp 11, HK1 lớp 12) ≥ 18

Nhận hồ sơ học bạ (phương thức 3 & 4):
Đợt 1: 03/1 - 31/3; Đợt 2: 01/4 - 31/5

59 NGÀNH đào tạo

- Công nghệ thông tin
- An toàn thông tin
- Khoa học dữ liệu (Data Science)
- Hệ thống thông tin quản lý
- Robot và trí tuệ nhân tạo
- Công nghệ kỹ thuật ô tô
- Công nghệ ô tô điện
- Kỹ thuật cơ khí
- Kỹ thuật cơ điện tử
- Kỹ thuật điện
- Kỹ thuật điện tử - viễn thông
- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
- Kỹ thuật xây dựng
- Quản lý xây dựng
- Công nghệ dệt, may
- Tài chính - Ngân hàng
- Tài chính quốc tế
- Kế toán
- Quản trị kinh doanh
- Digital Marketing
- Marketing
- Kinh doanh thương mại
- Kinh doanh quốc tế
- Kinh tế quốc tế
- Thương mại điện tử
- Bất động sản
- Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- Tâm lý học
- Quan hệ công chúng
- Quan hệ quốc tế
- Quản trị nhân lực
- Quản trị khách sạn
- Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống
- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Quản trị sự kiện
- Quản lý thể dục thể thao
- Luật thương mại quốc tế
- Luật kinh tế
- Luật
- Kiến trúc
- Thiết kế nội thất
- Thiết kế thời trang
- Thiết kế đồ họa
- Digital Art (Nghệ thuật số)
- Công nghệ điện ảnh, truyền hình
- Thanh nhạc
- Truyền thông đa phương tiện
- Đông phương học
- Ngôn ngữ Hàn Quốc
- Ngôn ngữ Trung Quốc
- Ngôn ngữ Anh
- Ngôn ngữ Nhật
- Dược học
- Điều dưỡng
- Kỹ thuật xét nghiệm y học
- Thú y
- Công nghệ thực phẩm
- Quản lý tài nguyên và môi trường
- Công nghệ sinh học

5 LÝ DO CHỌN ĐẠI HỌC HUTECH

- Môi trường năng động ngay trung tâm TP.HCM
- Đào tạo thực tế theo nhu cầu doanh nghiệp
- Chú trọng tiếng Anh và kỹ năng mềm
- Trải nghiệm Học kỳ Doanh nghiệp từ năm 2
- Thực tập, làm việc tại doanh nghiệp uy tín

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TP.HCM - HUTECH

(028) 5445.2222 | 475A Điện Biên Phủ, P.25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM | www.hutech.edu.vn

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

MÃ TRƯỜNG DMS

CHỈ TIÊU 4.600

TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2023

- MARKETING
- KINH DOANH QUỐC TẾ
- TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
- CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH
- BẤT ĐỘNG SẢN
- QUẢN TRỊ KINH DOANH
- LUẬT KINH TẾ
- TOÁN KINH TẾ
- HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ
- KẾ TOÁN
- NGÔN NGỮ ANH
- KINH TẾ
- QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH
- QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG
- QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN
CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO
CHƯƠNG TRÌNH TÀI NĂNG
CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO TIẾNG ANH TOÀN PHẦN
CHƯƠNG TRÌNH ĐẶC THÙ
CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT QUỐC TẾ

PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

1. XÉT TUYỂN KẾT QUẢ HỌC TẬP THPT CỦA HỌC SINH CÓ THÀNH TÍCH TỐT
2. XÉT KẾT QUẢ HỌC TẬP THPT TỪ 18 ĐIỂM THEO TỔ HỢP XÉT TUYỂN
3. XÉT KẾT QUẢ KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA ĐẠI HỌC QG TP.HCM
4. XÉT KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023

TỔ HỢP XÉT TUYỂN

A00, A01, D01, D72, D78, D96

TƯ VẤN TRỰC TUYẾN TRUYỀN HÌNH ONLINE

19:00 - 20:30
Thứ 5 hàng tuần

LIVE STREAM

Chương trình
ĐÀO TẠO LIÊN KẾT QUỐC TẾ

- MARKETING
- TÀI CHÍNH
- KẾ TOÁN
- KINH DOANH QUỐC TẾ
- QUẢN TRỊ KINH DOANH
- DU LỊCH

XÉT TUYỂN HỌC BẠ THPT!

HOTLINE 0983.373.450

UCSI University
HELP University
CONCORDIA
THOMPSON RIVERS UNIVERSITY
UWE Bristol
NAU NORTHERN ARIZONA UNIVERSITY



tuyensinhufm
daihoctaichinhmarketingufm

https://tuyensinh.ufm.edu.vn
Hotline: 0283.772.0404 | 0283.772.0406 | 0283.772.0407

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN CÁN BỘ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Cơ sở chính: 324 Chu Văn An, Phường 12, quận Bình Thạnh, TP. HCM

TỔNG CHỈ TIÊU TUYỂN SINH: 602 chỉ tiêu

Mã trường **HVC**



- **Xét tuyển sớm:** Thời gian xét tuyển bắt đầu từ tháng 3 năm 2023, sử dụng kết quả học tập THPT (học bạ) của 05 học kỳ đối với phương thức 1, 2, 3.
- **Sử dụng 04 phương thức xét tuyển như sau:**
  + **Phương thức 1:** Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
  + **Phương thức 2:** Ưu tiên xét tuyển thẳng
    - Xét tuyển dựa trên thành tích đoạt giải các kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia hoặc kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố.
    - Xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đạt từ chuẩn tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trở lên.
    - Xét tuyển dựa trên kết quả xếp loại giỏi tại các trường chuyên.
  + **Phương thức 3:** Xét tuyển theo kết quả học tập
    - 05 học kỳ (trừ học kỳ 2 lớp 12) dành cho thí sinh hoàn tất chương trình lớp 12 và tốt nghiệp THPT trong năm 2023.
    - 06 học kỳ dành cho thí sinh hoàn tất chương trình lớp 12 và tốt nghiệp THPT các năm trở về trước.
  + **Phương thức 4:** Xét điểm thi THPT 2023

Cơ cấu chỉ tiêu

TT	Ngành học	Tổng CT XT 2023	Tuyển thẳng +UTXT	Học bạ THPT	Điểm thi THPT 2023
1.	Luật	151	08	83	60
2.	Quản lý Nhà nước	151	08	83	60
3.	XDĐ & CQNN	100	05	55	40
4.	Chính trị học	100	05	55	40
5.	Công tác xã hội	100	05	55	40

Tổ hợp môn xét tuyển

TT	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn ĐKXT
1.	Quản lý Nhà nước	7310205	- Toán, Lý, Hoá (A00) - Toán, Lý, Anh (A01) - Văn, Sử, Địa lý (C00) - Văn, Toán, Anh (D01)
2.	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	7310202	- Văn, Sử, Địa lý (C00) - Văn, Toán, Sử (C03) - Văn, Toán, Địa lý (C04) - Văn, Toán, GDCD (C14)
3.	Chính trị học	7310201	- Văn, Sử, Địa lý (C00) - Văn, Toán, Sử (C03) - Văn, Toán, Địa lý (C04) - Văn, Toán, GDCD (C14)
4.	Luật	7380101	- Toán, Lý, Hoá (A00) - Toán, Lý, Anh (A01) - Văn, Sử, Địa lý (C00) - Văn, Toán, Anh (D01)
5.	Công tác xã hội	7760101	- Văn, Sử, Địa lý (C00) - Văn, Toán, GDCD (C14) - Văn, Toán, Anh (D01) - Văn, Sử, Anh (D14)

http://tuyensinh.hcmca.edu.vn/

SUNNY

TRUNG TÂM DU HỌC SUNNY

Người bạn đồng hành đáng tin cậy nhất!

- **DU HỌC HÀN QUỐC**
- **DU HỌC NHẬT BẢN**

Đại sứ Sunny
TIKTOKER:
RINAVASEOUL



TỶ LỆ VISA 99%

CHI PHÍ RẺ- MINH BẠCH

TƯ VẤN MIỄN PHÍ

LIÊN KẾT CÁC TRƯỜNG TOP ĐẦU

ĐÀO TẠO TIẾNG & KTX

GV NGƯỜI HÀN LUYỆN PV 1:1

MIỄN PHÍ 100% PHÍ XLHS

Đăng ký tư vấn!

CN Bưởi: Số 32 ngách 376/12 đường Bưởi, Q. Ba Đình, HN
CN Đội Cấn: Nhà L10, số 445 Đội Cấn, P. Đội Cấn, Q. Ba Đình, HN
CN Đà Nẵng: tầng 2, 63 Phan Đăng Lưu, Hòa Cường Bắc, Hải Châu, ĐN
CN HCM: số 14 đường số 11 KDC Cityland Parkhills, P.10, Q. Gò Vấp, HCM

duhocsunny.edu.vn

@duhocsunny / @duhocnhatbansunny

Hotline: 024.7777.1990

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT NỐI VĂN HÓA VIỆT
HÌNH ẢNH MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TIÊU BIỂU













CHƯƠNG TRÌNH TƯ VẤN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG













CHƯƠNG TRÌNH TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP

THỰC HIỆN TƯ VẤN TRỰC TUYẾN CHO CÁC TRƯỜNG ĐH, CĐ VÀ CÁC SỞ GIÁO DỤC











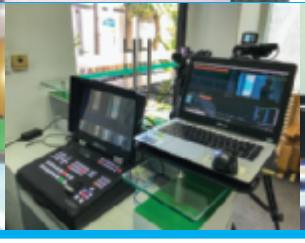














NHẬN TỔ CHỨC SỰ KIỆN GIÁO DỤC

- Tổ chức lễ kỷ niệm, lễ hội, kỷ yếu, video,....
- Tổ chức sự kiện trực tuyến
- Tổ chức trực tuyến tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp
- Đội ngũ kỹ thuật chuyên nghiệp, trang thiết bị hiện đại

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT NỐI VĂN HÓA VIỆT

Trụ sở: Tầng 8, Tòa nhà Loyal, 151 Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM
VP1: Phòng 16, Số 3 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM
VP2: 144 Nam Hòa, Phường Phước Long A, TP. Thủ Đức, TP.HCM

Hotline hỗ trợ tư vấn trực tuyến: 0907 676 317



SWINBURNE UNIVERSITY OF TECHNOLOGY

Alliance with FPT Education



Swinburne Vietnam
Tuyển sinh 2023

- **Công Nghệ Thông Tin**
- **Kinh Doanh**
- **Truyền Thông Đa Phương Tiện**

*Điều kiện tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT
và Điểm Học Bạ lớp 12 >= 7.0
(*): Không tính điểm GDCD, DGQP, Thể Dục

swin.edu.vn

A35 Bạch Đằng, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
0387 148 555

THÀNH ĐOÀN TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM HỖ TRỢ HỌC SINH, SINH VIÊN TP.HCM

Student Assistance Center

SCAN MÃ QR ĐỂ TRUY CẬP CÁC THÔNG TIN HỖ TRỢ HỌC SINH, SINH VIÊN

SCAN ME

WEBSITE
HỖ TRỢ HSSV
sac.vn

SCAN ME

FANPAGE
HỖ TRỢ SINH VIÊN
fb.com/hotrohssv

SCAN ME

FANPAGE
TIẾP SỨC MÙA THI
fb.com/tsmt.tphcm

SCAN ME

HỌC BỔNG
IELTS
weset.hotrosinhvien.vn

SCAN ME

RIOLISH
TRỢ LÝ ANH NGỮ
riolish.sac.vn

SCAN ME

APP SV360
HỖ TRỢ SINH VIÊN
dangky.sac.vn/sv360

TOUR TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ

"MỘT NGÀY LÀM SINH VIÊN"

CHƯƠNG TRÌNH ĐƯỢC TỔ CHỨC THƯỜNG XUYÊN HÀNG NĂM

Mục đích: Chương trình là dịp để các em có cơ hội đến trực tiếp tại các trường Đại học, Cao đẳng để trải nghiệm các chương trình đào tạo, học tập, sinh hoạt và cuộc sống tại trường, giao lưu với các anh chị sinh viên. Đồng thời chương trình cũng kết hợp tham quan những địa điểm nổi tiếng và hấp dẫn tại TP.HCM. Chương trình giúp các em học sinh tự tin hơn trước khi chọn ngành và chọn trường.

Nội dung chương trình:

Thời gian	Hoạt động ngày 1
5:00	Đi Thành phố Hồ Chí Minh
8:30	Đến ĐHQG TP.HCM tham quan, tìm hiểu các chương trình đào tạo Đại học và tham gia giao lưu với sinh viên.
11:45 – 12:30	Cơm trưa sinh viên
12:30 – 14:30	Tham quan khu công nghệ cao, nhà máy....
15:00 – 17:30	Trải nghiệm các lớp học một giờ làm Sinh Viên tại các trường Đại học
17:30 - 19:30	Di chuyển về điểm nghỉ ngơi
19:40 - 21:40	Chương trình Talkshow giao lưu cùng các chuyên gia tư vấn hàng đầu trong công tác hướng nghiệp tại TP.HCM, gặp gỡ Doanh nhân..., Giao lưu văn nghệ.
22:00	Nghỉ ngơi
Thời gian	**Hoạt động ngày 2**
7:00 - 11:30	Đến các Trường Đại học tham quan và tham gia các chương trình đào tạo Đại học, giao lưu cùng sinh viên của trường.
11:45 – 12:30	Cơm trưa sinh viên
13:00 – 17:00	Tham quan Thành phố Hồ Chí Minh - Những địa điểm nổi tiếng và hấp dẫn. Chụp ảnh lưu niệm, kết thúc chương trình.
Ghi chú: Kế hoạch chương trình mang tính tham khảo. Đơn vị tổ chức sẽ có kế hoạch chi tiết theo yêu cầu của từng trường	





CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT NỐI VĂN HÓA VIỆT

Trụ sở: Tầng 8, Tòa nhà Loyal, 151 Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM
VP1: Phòng 16, Số 3 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM
VP2: 144 Nam Hòa, Phường Phước Long A, TP. Thủ Đức, TP.HCM
0907 474 317 huongnghiep.tuyensinh@gmail.com

ISBN 978-604-73-9786-0
Sách không bán